VÕ NGUYÊN GIÁP

Georges Boudarel

Cuốn sách này được Công ty Cổ phần Sách Thái Hà và Nhà xuất bản Thế Giới hoàn thành với sự giúp đỡ nhiệt tình của nhiều cá nhân và tổ chức.

Trước hết chúng tôi xin chân thành cảm ơn dịch giả Nguyễn Văn Sự - người đã giúp chúng tôi liên hệ để có được bản quyền tiếng Pháp của cuốn sách và đã chuyển ngữ cuốn sách sang tiếng Việt. Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn đặc biệt tới gia đình và Văn phòng Đại tướng Võ Nguyên Giáp: ông Võ Điện Biên, ông Võ Hồng Nam, Đại tá Trịnh Nguyên Huân đã giúp hiệu đính nội dung cuốn sách. Chúng tôi xin được gửi lời cảm ơn tới hai nhà sử học: ông Alain Ruscio (Pháp) và ông Dương Trung Quốc đã viết lời giới thiệu cho cuốn sách trong lần xuất bản tiếng Việt đầu tiên.

Chúng tôi mong nhận được những ý kiến đóng góp của quý độc giả để cuốn sách được hoàn chỉnh hơn trong những lần in sau.

Lời giới thiệu

Đến nay, đã có nhiều cuốn sách của người nước ngoài viết về Đại tướng Võ Nguyên Giáp, một trong những nhân vật nổi bật hàng đầu của lịch sử hiện đại Việt Nam mà tên tuổi gắn liền với cuộc cách mạng giành độc lập dân tộc, hai cuộc kháng chiến chống lại hai đế quốc lớn bảo vệ nền độc lập dân tộc và thống nhất quốc gia cũng như các cuộc chiến tranh bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc. Đó cũng là tên tuổi gắn liền với Chủ tịch Hồ Chí Minh và Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng. Nhưng tác giả của cuốn sách này lại là một người đặc biệt.

Georges Boudarel là một người đặc biệt, ông là một người Pháp nhưng lại đứng trong hàng ngũ của những người chiến đấu chống lại nước Pháp thực dân, cụ thể hơn là đứng trong quân ngũ của đạo quân do Tướng Giáp làm Tổng tư lệnh. Ông đến Việt Nam với tư cách là một cử nhân triết học để dạy môn lịch sử trong một trường trung học ở Sài Gòn. Có lẽ chính từ những tri thức lịch sử và triết lý mà nước Pháp của ông đã đề xướng "Tự do - Bình đẳng - Bác ái", ông đã lựa chọn như nhiều người Pháp tiến bộ sinh sống ở Việt Nam mong muốn gìn giữ sự hòa hiếu giữa hai quốc gia sau khi nước Việt Nam đã tuyên bố độc lập và thoát khỏi chế độ thuộc địa Pháp giống như nước Pháp của họ thoát khỏi ách chiếm đóng của chủ nghĩa phát-xít Đức.

Vì thế, khi cuộc chiến tranh Việt - Pháp bùng nổ (tháng 12 năm 1946), G. Boudarel, một thành viên đã tham gia nhóm Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác, đã lựa chọn con đường vào chiến khu của những người Việt Nam kháng chiến để chống lại những tàn dư của chủ nghĩa thực dân. Ông tham gia cuộc kháng chiến không bằng vũ khí sát thương mà bằng sự thức tỉnh đạo quân viễn chinh hãy chấm dứt cuộc chiến tranh phi nghĩa mà họ đang tham dự. Ông tham gia vào công tác binh vận bằng ngòi bút và những kiến thức về triết học và lịch sử của mình.

Sau khi thực dân Pháp đã thảm bại ở Điện Biên Phủ, phải chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược cũng là rút lui khỏi vũ đài lịch sử ở Việt Nam, G. Boudarel vẫn ở lại Việt Nam làm việc trong lĩnh vực văn hóa đối ngoại tại Đài Phát thành rồi Nhà xuất bản Ngoại văn và trực tiếp cộng tác với các nhà nghiên cứu Việt Nam làm tập san Etudes Vietnamiennes.

Nếu như G. Boudarel đã có nhiều đóng góp tích cực giúp Việt Nam đánh thắng chủ nghĩa thực dân thì ông lại không thành đạt khi ở lại Việt Nam tham gia vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vì thế, cũng đến lúc ông phải chia tay với Việt Nam, nơi ông đã dành trọn tuổi thành xuân cho một cuộc đấu tranh chính nghĩa không chỉ cho nhân dân Việt Nam mà cho chính cả nước Pháp Tổ quốc của ông.

Tuy rời xa mảnh đất Việt Nam, nhưng G. Boudarel vẫn dành tất cả sự nhiệt tâm cho việc nghiên cứu và ủng hộ Việt Nam. Con người ấy vẫn giữ được phẩm chất một nhà giáo, được các đồng nghiệp Việt Nam yêu quý biến tấu tên gọi tiếng Pháp thành tiếng Việt là "Bựt" (Boudha = Phật). Rồi cũng vì toàn tâm gắn bó với Việt Nam mà ông đã từng bị một số phần tử cực đoan tạo nên một vụ án bôi nhọ danh dự và vu khống rằng ông đã phản bội nước Pháp khi cộng tác với Việt Minh. Chính những người Pháp chân chính đã cùng ông đấu tranh vượt qua những thử thách ấy và Boudarel vẫn trọn vẹn trung thành với tình yêu Việt Nam và công lý của mình.

Tình yêu ấy được thể hiện bằng những việc làm không biết mệt mỏi thể hiện trong những bài khảo cứu hay những cuốn sách viết về Việt Nam của ông mà cuốn Giáp các bạn đang có trên tay bản dịch tiếng Việt là một thành tựu. Tên cuốn sách là một cách gọi thân mật nhưng vẫn giữ được sự trân trọng của một người nước ngoài song lại không xa lạ đối với "người anh Cả" của Quân đội nhân dân Việt Nam mà Boudarel đã từng tham gia.

Đó không chỉ là một cuốn tiểu sử, đó là một pho sử mà tên tuổi "Giáp" đã gắn bó, cống hiến và để lại những dấu ấn rất đậm nét xuyên suốt toàn bộ lịch sử hiện đại Việt Nam, lịch sử Giải phóng dân tộc chống chủ nghĩa thực dân trong cương vị của vị Tổng tư lệnh - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng gắn với huyền thoại từ Điện Biên Phủ (1954) cho đến "Điện Biên Phủ trên không" (1972) rồi Chiến dịch mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh (1975).

Cần nói thêm rằng, trước cuốn này, ngay từ năm 1970, giữa lúc cuộc Kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam còn đang diễn ra ác liệt, tác phẩm Giương cao ngọn cờ chiến tranh nhân dân và đường lối quân sự của Đảng của Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã được Nhà xuất bản Preagers của Mỹ xuất bản và G. Boudarel đã viết lời giới thiệu với nhan đề "Chiến tranh Đông Dương lần thứ hai - Quan sát và dự báo".

Bằng niềm tin từ những trải nghiệm của cuộc Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất, tức là cuộc Kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp mà G. Boudarel từng tham gia, ông đã phân tích và khẳng định cuộc Kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam sẽ đi đến kết cục như trước là Mỹ không thể nào thắng được. Ông cũng tập trung phân tích vai trò và đường lối quân sự của Đại tướng Võ Nguyên Giáp vẫn ở cương vị Tổng tư lệnh lực lượng vũ trang như cuộc chiến tranh lần trước sẽ làm cho các tướng lĩnh Mỹ phải thất bại bởi sức mạnh của một dân tộc có truyền thống chống ngoại xâm lại có một vị tướng tài và từng trải.

Trong quan niệm của G. Boudarel, Võ Nguyên Giáp là sự kế thừa có chọn lựa những tư tưởng quân sự của các nhà cách mạng hiện đại như Lênin và Mao Trạch Đông cũng như các nhà chiến lược quân sự kinh điển như Clausewitz và Tôn Tử mặc dù khi trai trẻ, nhà giáo dạy lịch sử trẻ tuổi lại rất say mê Napoléon. Nhưng trên hết, Võ Nguyên Giáp là sự vận dụng trung thành với tư tưởng của Hồ Chí Minh cũng là của Đảng về Chiến tranh nhân dân Việt Nam mà cuộc Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất là một thành công. Vì thế, sự quan sát, phân tích và dự báo của G. Boudarel trở nên sắc sảo và thuyết phục...

Do đó, khi G. Boudarel viết cuốn GIÁP như tiểu sử của một nhà quân sự lớn, bên cạnh những phân tích khoa học, tác giả còn gửi gắm vào đó nhiều tâm đắc đối với lịch sử Việt Nam hiện đại mà Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một trong những hiện thân tiêu biểu, cái lịch sử mà chính tác giả cuốn sách từng là "người trong cuộc".

Tôi đã có cơ hội gặp Georges Boudarel trong những năm tháng cuối cùng khi ông sống độc thân trong một ngôi nhà nhỏ ở Paris khiêm nhường nhưng chất chứa đầy sách và những tư liệu quý giá về lịch sử và văn hóaViệt Nam. Tôi và các bạn đồng nghiệp Việt Nam đã từng lên tiếng động viên, ủng hộ khi ông bị những kẻ cực đoan bôi nhọ. Vì thế, một thập niên sau ngày tác giả qua đời (2003), được giới thiệu cuốn sách viết về Đại tướng Võ Nguyên Giáp, vị Chủ tịch Danh dự của Hội Sử học Việt Nam của người đồng nghiệp đáng kính, Giáo sư sử học Georges Boudarel, đối với tôi là một vinh dự.

Xin trân trọng giới thiệu với quý bạn đọc!

Nhà sử học Dương Trung Quốc

Hà Nội, tháng 11 năm 2012
Chia sẽ ebook : http://downloadsachmienphi.com/
Tham gia cộng đồng chia sẽ sách : Fanpage : https://www.facebook.com/downloadsachfree
Cộng đồng Google :http://bit.ly/downloadsach

GIÁP của Georges Boudarel: Một cuốn sách nên đọc

Năm 1975, chiến tranh kết thúc ở Việt Nam. Đó là cuộc chiến tranh dài nhất, làm thiệt mạng nhiều người nhất trong thế kỷ XX, được biết đến trên mọi châu lục, bên cạnh những cuộc chiến tranh khác. Chủ nghĩa thực dân Pháp, rồi chủ nghĩa đế quốc Mỹ lần lượt mưu toan ngăn chặn làn sóng cách mạng Việt Nam nhưng không thành công. Về phía Pháp, 9 tướng lĩnh cao cấp, trong đó có những vị có nhiều kinh nghiệm nhất (từ tướng Leclerc đến tướng Salan, không kể trước đó có d'Argenlieu, De Lattre...) lần lượt nắm quyền chỉ huy đội quân viễn chinh Pháp. Trong giai đoạn chiến tranh Mỹ xâm lược Việt Nam, 4 tướng lĩnh, cũng là những người dày dạn kinh nghiệm đã lần lượt thay nhau, trong đó có tướng Westmoreland và Abrams. Tất cả đều xuất thân từ những trường quân sự nổi tiếng nhất phương Tây, như Saint Cyr, West Point...

Đối mặt với họ, một người Việt Nam chưa từng ngồi trên ghế các trường quân sự lớn, nhưng đã tự học chiến lược, chiến thuật trên thực địa, đó là VÕ NGUYÊN GIÁP. Chính ông đã kể cho tôi trong những điều kiện nào ông đã tiếp cận nghệ thuật chiến tranh: Chúng tôi không qua một trường lớp quân sự nào. Khi còn ở Hà Nội năm 1940, các đồng chí của chúng tôi truyền đạt nghị quyết của Đảng về chuẩn bị đấu tranh vũ trang, tôi vào Thư viện Quốc gia tìm trong cuốn Đại từ điển Larousse những mục từ về kỹ thuật quân sự. Tôi nhớ đã đọc mục từ "lựu đạn". Tôi cố gắng tìm hiểu nhưng khó quá, "lựu đạn tấn công", "lựu đạn phòng ngự", "hạt nổ". Lúc đó tôi không hiểu thế nào là "bộ phận nổ"[1].

[1] Alain Ruscio, Vo Nguyên Giap, une vie, Ed Les Indes Suivantes, 2010. Xem thêm Võ Nguyên Giáp, Một cuộc đời, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 50-51.

Một mình chống lại khoảng 15 sĩ quan cao cấp được đào tạo bài bản tại các trường quân sự phương Tây! Cuộc đấu tranh xem ra không cân sức...

Đúng vậy, nhưng Võ Nguyên Giáp đâu phải chỉ có một mình! Ông có nhân dân Việt Nam cùng kề vai sát cánh. Người Việt Nam giàu truyền thống đấu tranh chống xâm lược nước ngoài, nhiều thế kỷ chống kẻ thù phương Bắc, chống lại người Pháp trong thời kỳ chinh phục thuộc địa, sau đó từ năm 1945, tiến hành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, hiện thân trong hình ảnh cao cả của Hồ Chí Minh. Với Bác Hồ, với Giáp và các bạn chiến đấu của mình, cụm từ "chiến tranh nhân dân" không ngừng trở thành khẩu hiệu động viên toàn thể dân tộc, được đem ra thực hiện hàng ngày. Ít nhà quan sát người Pháp trước năm 1946, và còn ít hơn nữa các nhà quan sát người Mỹ trước những năm 1960 có thể hiểu được điều này.

Làm sao "một dân tộc nhỏ bé" của những người nông dân mà họ gọi một cách coi thường là "những người nhà quê" lại có thể đương đầu với vũ khí hiện đại? Làm sao những người du kích quần áo rách rưới đi dép cao su lại có thể đua tranh với các "ông lớn" da trắng mặc quân phục dã chiến, đi ủng cao và được trang bị đến tận răng?

Một người bạn chiến đấu khác của Bác Hồ, Thủ tướng Phạm Văn Đồng, cách đây không lâu đã kể cho

tôi một giai thoại sau. Năm 1946 khi ông dẫn đầu Phái đoàn của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đến dự Hội nghị Fontainebleau, Max André, người dẫn đầu Phái đoàn Pháp, đã phát biểu với giọng trịch thượng: "Các ông hãy tỏ ra biết điều, hãy nhường Nam Kỳ cho chúng tôi. Các ông không muốn chiến tranh đấy chứ? Nếu chẳng may chiến tranh xảy ra, quân lính của các ông chỉ cầm cự được dăm tháng là cùng!". Tôi còn nhớ khi Thủ tướng Phạm Văn Đồng kể lại cho tôi câu chuyện đó, ông phá lên cười, một cái cười rất tự nhiên, cứ như ai nói đến chuyện đó cũng phải cười như thế!

Thế mà thực dân Pháp đã bại trận. Nước Mỹ được trang bị vũ khí tối tân nhất thế giới cũng bại trận. Đương nhiên nhân dân Việt Nam phải trả giá bằng bao nỗi đau thương, mất mát! Nhưng thực tế còn kia: chiến thắng năm 1975 đang và sẽ còn là một thời điểm quan trọng nhất của thế kỷ XX.

Cuốn sách GIÁP bằng tiếng Pháp của Boudarel ra mắt độc giả từ năm 1977, nghĩa là hai năm sau chiến thắng vĩ đại mùa Xuân 1975 của Việt Nam. Có lẽ đây là điều trách cứ duy nhất chúng tôi có thể dành cho nhà sử học này. Bởi với kinh nghiệm, hiểu biết sâu sắc về con người, đất nước Việt Nam, "tổ quốc thứ hai" của ông, thông thạo tiếng Việt, đáng lẽ Boudarel phải viết sớm hơn thế, ngay từ trong chiến tranh mới phải. Bởi nếu thế, có lẽ ông sẽ giúp chúng ta hiểu được nguyên nhân nào đã khiến nhân dân Việt Nam giành được thắng lợi.

Thực vậy, cuốn sách này có lợi thế lớn hơn nhiều so các cuốn sách khác đã viết về GIÁP sau đó: Không còn bám vào câu hỏi "Giáp và nhân dân Việt Nam đã giành được thắng lợi như thế nào?", nhưng Boudarel đã giải thích "Tại sao" họ lại chiến thắng. Và muốn giải đáp được câu hỏi trên, phải tìm hiểu lịch sử đất nước này từ rất lâu trước thế kỷ XX, điều đó Boudarel đã nắm được và chuyển tải sang cuốn sách của ông.

Tại Pháp, cuốn sách này đã không được hoan nghênh như đáng lẽ phải có. Tình hình biến chuyển nhanh và năm 1977, âm vang của chiến thắng 1975 của Việt Nam đã bị những sự kiện quốc tế khác che phủ. Báo chí không nói nhiều đến công trình nghiên cứu mang tính đổi mới này. Hơn nữa, từ năm 1978, bằng chiến dịch xấu xa vu cáo Việt Nam: với những "thuyền nhân", rồi những khó khăn của đất nước ở biên giới Tây Nam (Khmers Đỏ đánh phá) và phía Bắc (Trung Quốc khiêu khích), phương Tây tưởng đã đến lúc phục thù. Chiến dịch vu cáo này đạt tới đỉnh điểm khi Việt Nam giúp giải phóng Campuchia, rồi tiếp đó là cuộc chiến tranh biên giới ở phía Bắc. Rất nhiều người Pháp chúng tôi trước sau kiên trì ủng hộ Việt Nam: đó là những người cộng sản, những lực lượng tiến bộ, cả những người Công giáo cánh tả, những hội viên Hội Hữu nghị Pháp-Việt. Georges Boudarel lúc đó tuy có cái nhìn phê phán "tổ quốc thứ hai" của ông nhưng vẫn đứng bên cạnh chúng tôi.

Sau này người ta biết rằng bản thân Boudarel cũng là đối tượng của một chiến dịch khá mạnh gây thù hằn của những kẻ thua trận trong lịch sử, "những người cũ ở Đông Dương" và một phần cánh hữu của Pháp. Tôi thuộc về những người đã bênh vực Boudarel lúc đó. Tôi còn nhớ tôi đã gặp Boudarel trong ngôi nhà ông nghỉ hưu vào những năm cuối đời. Lúc đó sức khỏe ông đã sa sút lắm nhưng vẫn minh mẫn, luôn đọc rất nhiều, hay hỏi thăm tin tức về Việt Nam...

Giờ đây cuốn sách được dịch sang tiếng Việt, quả là một việc làm đáng hoan nghênh. Bạn đọc Việt Nam ngày nay có thể tìm hiểu qua những trang sách hết sức phong phú nhưng cô đọng, cung cấp nhiều thông tin quý giá và bổ ích về cuộc đời của một trong những nhân vật vĩ đại của thời đại này, Đại tướng Tổng tư lệnh VÕ NGUYÊN GIÁP.

Đây đồng thời cũng là một sự trân trọng của Việt Nam ngày nay dành cho một trong những người bạn trung thành sáng suốt nhưng có khi bị chỉ trích - Georges Boudarel.

Alain Ruscio, nhà sử học Pháp

Paris, tháng 11 năm 2012

VÕ NGUYÊN GIÁP

Một người tên là Văn

Ngày 24 tháng 12 năm 1944, chiều muộn. Một nhóm 32 người men theo con đường trong một góc khuất vùng rừng núi tỉnh Cao Bằng, phía cực bắc của Việt Nam, ngay gần biên giới Việt - Trung. Đi cuối nhóm đầu tiên là trưởng nhóm, một người tên là Văn. Hoạt động ở vùng này từ ba năm nay, chưa bao giờ Văn có nhiều người dưới quyền đến thế, chưa bao giờ anh dám đi giữa ban ngày ban mặt với một nhóm người trên đường như thế. Khi quay lại để nhìn cả đội, cảnh hàng người chạy dọc theo những khúc quanh của con đường núi khiến anh ấm lòng. Đầu đội nón bọc vải, mình mặc quần áo chàm, chân quấn xà cạp, có thể khiến anh vui vui khi thấy mình trông thật buồn cười. Cả đội ăn mặc giống lính dõng.

Mục tiêu của họ là gì? Đó là Phai Khắt, một đồn nhỏ. Từ hơn một năm nay, đồn có khoảng 10 lính dõng, do một viên thiếu tá người Pháp làm chỉ huy, có11 vài ngôi nhà tranh bên bờ suối, đối diện với một nương lúa nằm sát trong núi. Đây là một bản Việt Minh "hoàn toàn": toàn bộ người dân, kể cả chức dịch đều "hoàn toàn" theo Việt Minh. Không có gì đáng lo. Người dân đã cung cấp mọi thông tin.

17 giờ ngày 25 tháng 12, đội chìa "Giấy đi tuần" cho tên lính gác rồi đi thẳng vào đồn, theo sau Thu Sơn mặc bộ kaki đóng giả đội sếp.

- Chúng tao đang đi tuần, quan đồn có nhà không? Thu Sơn hỏi tên lính gác, giọng hách dịch rồi đàng hoàng tiến vào đồn. Người của anh nhanh chóng tiếp cận nơi để súng, trong khi hai nhóm khác bao vây nhà bọn lính ở. Lúc đó, lính địch đứa đang ăn cơm trong nhà, đứa thu dọn quần áo, đứa quét dọn, sửa hàng rào. Thu Sơn hô lớn: "Rassemblement! Rassemblement général! Le chef de poste revient du district!" (Tập hợp! Tập hợp! Đồn trưởng về!). Một lát sau, khi toàn bộ lính đã tập hợp trước mặt, Thu Sơn đổi giọng:

- Chúng tôi là quân cách mạng, anh em đầu hàng sẽ không giết ai hết, giơ tay lên!

Bị bất ngờ, không kịp trở tay, toàn bộ lính địch buộc phải đầu hàng. Giữa lúc đó, người của tổ canh gác cách đồn 3 kilômét phóng ngựa tới báo tin tên đồn trưởng đang đi ngựa trở về, theo sau hắn có 10 tên lính không mang súng. Đội quyết định bắt tên đồn trưởng. Những tên lính bị bắt được đưa ra phía sau đồn, chiến lợi phẩm được thu dọn, rồi ai nấy vào vị trí. Văn, Thu Sơn và Hoàng Sâm nấp dưới mái hiên. Văn nói nhỏ: "Khi nó vào, tôi sẽ hô "Giơ tay lên", nếu nó giơ tay các đồng chí lập tức xông ra bắt sống. Có lệnh mới được nổ súng". Nhưng khi Văn vừa hô "Giơ tay lên" thì nhiều tiếng súng vang lên, cả người và ngựa đều bị tiêu diệt. Do quá căm thù, không kìm được nên một số đồng chí đã nổ súng ngay.

Việc thu dọn chiến trường được tổ chức ngay với sự giúp đỡ của nhân dân. Tất cả những gì có thể sử dụng trong cuộc sống hàng ngày đều được để lại cho dân làng. Những vũ khí thu được được trang bị ngay cho đội, súng kíp giao lại cho du kích địa phương. Số súng này đủ trang bị cho nửa trung đội, nhưng thu được rất ít đạn.

Nửa đêm hôm ấy, đội dừng chân ở một bản cách đó 15 kilômét để kiểm điểm rút kinh nghiệm trận đánh vừa qua. Tới 3 giờ sáng ngày 26 tháng 12, cả đội tiếp tục hành quân đến Nà Ngần, một ngôi nhà được biến thành đồn lính, có 22 lính khố đỏ, do hai sĩ quan người Pháp chỉ huy, nằm cách đồn Phai Khắt 25 kilômét. Đội hy vọng sẽ thu được đạn dược ở đây. Sáng sớm, đội dừng lại. Cả đội thay quần áo, cải trang bằng những bộ quần áo lính dõng, lính tập mới thu được ở Phai Khắt, giả làm một toán lính dõng, lính khố đỏ đang dẫn giải "ba cộng sản" bị trói. Kịch

bản có thay đổi. Khi đến cổng, Thu Sơn lại chìa giấy cho lính gác xem, trong khi một đồng chí khác đi sau rút thuốc lá ra mời và châm lửa cho bọn gác. Tò mò, lính gác trên chòi canh liếc nhìn:

- Lại bắt được cộng sản người Mán à?

Trong khi cuộc chuyện trò diễn ra với nhóm thứ hai, thì Thu Sơn đi thẳng vào trong đồn. Lúc này đồn do một tên đội người Việt, nổi tiếng phản động, chỉ huy thay cho hai sĩ quan lên tỉnh. Cũng như ở Phai Khắt, bọn lính đang làm nhiều việc khác nhau, một số thu dọn chăn màn, một số đi rửa mặt. Tên đội ngồi ở bàn làm việc; vũ khí vẫn còn trên giá để súng, trong đó bốn khẩu đã bị Việt Minh lấy ngay ở lối vào. Thu Sơn chĩa khẩu tiểu liên vào tên đội. Bất ngờ tên đội định đặt tay vào khẩu súng của hắn đặt trên bàn, nhưng trước khi hắn có thời gian làm việc đó thì đã bị hạ. Nhóm đang nói chuyện ở lối vào vô hiệu lính gác, bọn lính trong đồn rất hoảng hốt. Mọi việc diễn ra rất nhanh. Ba tên lính liều chết chống cự đều bị tiêu diệt. Ba du kích người Tày được cử đến giải thích. Tù binh rất ngạc nhiên khi thấy các nữ chiến sĩ vai mang súng, lưng đeo đạn, nói năng lưu loát, giải thích cho họ hiểu chủ trương chính sách của Việt Minh. Đa phần tù binh xin được trở về quê, họ được trả lại quân trang.

Hai mươi phút sau, đội lại ra đi sau một cuộc giải thích nhanh cho dân làng mà họ phải ngăn không cho đi theo đội.

Đến tối, toàn đội vượt qua quốc lộ 3A (Cao Bằng - Nguyên Bình) và đi vào vùng rừng núi đá vôi Gia Bằng. Cả ngày, anh em chỉ ăn một bữa cơm, nhưng vẫn cố gắng đi liên tục không nghỉ. Một đội viên đã tổng kết thành một câu hài hước: "Quân cách mạng chúng tôi ăn thì mỗi ngày một bữa, đánh thì mỗi ngày hai trận". Đội đi cả đêm trong rừng, đến tận Lũng Dẻ, một bản của đồng bào Mông, giữa khu du kích Thiện Thuật (tên của một chí sĩ kháng Pháp ở đồng bằng sông Hồng khi Pháp chiếm Bắc Kỳ trong những năm 1880). Khu du kích nằm trong một lòng chảo khá rộng, bao quanh là những vách đá tai mèo hiểm trở, một thành trì tự nhiên thực sự. Trong mười ngày tại Lũng Dẻ, cả đội nghỉ ngơi, chấn chỉnh, củng cố lực lượng và huấn luyện thêm. Khi xuất phát, đội được phát triển thành đại đội. Một bộ phận nhỏ do Hoàng Văn Thái chỉ huy, phụ trách công tác tham mưu - tình báo, đi xuống phía nam hoạt động tuyên truyền, mở rộng cơ sở. Đại bộ phận, do Văn chỉ huy, đi lên phía bắc, hướng về đồn Đồng Mu, phải đi qua Trung Quốc, gần Bảo Lạc, cách đường ở phía bắc Cao Bằng 100 kilômét, trong đó 60 kilômét là đường mòn hẹp và hiểm trở. Hoạt động của Việt Minh còn yếu trong vùng địa hình hiểm trở lởm chởm đá tai mèo, rừng núi lô nhô, giống như một vịnh Hạ Long trên cạn với đỉnh núi Pia Oắc cao 1931 mét ở phía nam. Không thể đi theo đường dễ, cũng không đi được vào ban ngày, cả đội đi liên tục, theo nhiều điểm, có khi lại phải đi xuống thung lũng và im lặng vượt qua những điểm gác của địch, trong tiếng trống của lính gác đêm. Đồn Đồng Mu được xây dựng rất kiên cố trên một ngọn đồi cao vì phải thường xuyên đối phó với bọn phỉ từ phía Trung Quốc. Quân lính trong đồn có hơn 40 lính khố đỏ, do ba tên sĩ quan Pháp chỉ huy. Đồn có nhiều lô cốt, tường dày có lỗ châu mai, giao thông hào và dây thép gai bao bọc xung quanh. Không thể sử dụng cách cải trang đột nhập đồn, chỉ còn cách vượt tường đột nhập và kêu gọi quân bên trong đầu hàng. Đội chia thành bốn tổ, xuất phát trong đêm,

leo lên đồi và vượt hàng rào dây thép gai. Đội đang đột nhập thì bị địch hỏi:

- Ai?

Tình huống này nằm ngoài dự kiến.

- Chúng tôi là Việt Minh đến lấy súng của Tây, không đánh các anh em.

Một quả lựu đạn và một loạt đạn nổ vang. Từ 23 giờ đến 2 giờ sáng, bên trong đồn, hai đội đã vào được và bắn nhau với địch dữ dội. Việt Minh vừa bắn vừa hát để động viên khí thế chiến đấu và báo hiệu cho các chiến sĩ liên lạc. Tuy nhiên, họ lại làm lộ vị trí chiến đấu, khiến quân địch tập trung hỏa lực bắn tới. Đến rạng sáng, ban chỉ huy hạ lệnh rút khỏi đồn. Đội mất một tiểu đội trưởng, thu năm súng trường mousqueton và một số đạn, bắt bốn tù binh. Các tù binh này khai đồn đã trong tình trạng báo động.

Một cuộc hành quân mới lại bắt đầu, mọi người vừa đi vừa nghỉ dọc đường và ăn cơm nắm. Sau khi nghỉ ngơi, đội cẩn thận xóa mọi dấu vết nhỏ nhất, từ những chiếc lá gói thức ăn đến hạt cơm rơi xuống đất vì chúng có thể để lộ dấu vết. Rồi cả đội lại lên đường. Đến vùng an toàn hơn, các chiến sĩ tản ra thành những đội nhỏ đi vào bản để tuyên truyền. Tại Nà Ngần, họ có được thành quả đầu tiên: thu 16 súng trường và nhiều tù binh. Nhưng bây giờ, việc cần ưu tiên là tuyên truyền. Hồ Chí Minh đã nhắc đi nhắc lại điều này: “Chính trị trọng hơn quân sự, vũ trang tuyên truyền trọng hơn tác chiến”.

“Một chiến thắng chỉ được 100 người biết sẽ chỉ tác động đến 100 người; nhưng nếu ta cho 1000 người biết, thì cũng như ta đã mang về 10 chiến thắng khác hoặc một chiến thắng lớn hơn 10 lần”. Người sau này viết lên những dòng này chính là Văn, mà Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân của ông vừa có những trận tấn công đầu tiên. Sáu tháng sau, ông được cả thế giới biết đến với tên thật Võ Nguyên Giáp.

Chàng sinh viên, thầy giáo dạy sử và người chiến sĩ cách mạng

Sinh ở An Xá, tỉnh Quảng Bình vào năm 1910[1], Giáp lúc nhỏ sống ở một vùng đồng bằng nhỏ hẹp ven biển miền Trung phía bắc vĩ tuyến 17. Nơi đây từ thế kỷ XI là bàn đạp của cuộc nam tiến không gì ngăn nổi của dân tộc Việt Nam. Ông đã lớn lên ở một vùng đất hẹp vào bậc nhất của Việt Nam, có những cánh đồng lúa nước kẹp giữa một bên là những cồn cát trắng xóa mênh mông chạy dọc bờ biển và bên kia là những mỏm núi xanh trơ trụi trong dãy Hoành Sơn uốn lượn giữa những cánh rừng rậm, nơi đây vào mùa hè những cơn gió tây khô rát gọi là gió Lào từ lục địa Nam Á nóng bỏng thổi ra biển.

[1] Theo xác nhận của gia đình, Đại tướng Võ Nguyên Giáp sinh ngày 25/8/1911. (Ghi chú của Văn phòng Đại tướng Võ Nguyên Giáp - VPĐT).

Cụ bà thân sinh, những hôm không bận việc đồng áng thì cặm cụi bên khung cửi. Còn cụ ông là một nông dân có học thức tự cày cấy ruộng nhà, và truyền lại cho cậu bé Giáp chữ nghĩa, vốn tri thức và tình yêu quê hương đất nước. Đối với những ai hiểu biết thì mỗi tấc đất ở đây đều mang một chứng tích lịch sử. Phía bắc tỉnh là động Phong Nha sâu hút, thu hút nhiều khách hành hương đến cầu nguyện trước một bàn thờ còn sót lại của người Chăm, bên cạnh những nhũ đá lung linh dưới ánh sáng khi mờ khi tỏ từ cửa động rọi vào. Trên bờ biển, Đèo Ngang hùng vĩ nằm án ngữ biển, nơi đây Bà Huyện Thanh Quan, nữ thi sĩ của thế kỷ XVIII từng ca ngợi vào một buổi chiều tà: "Nhớ nước đau lòng con cuốc cuốc". Cậu bé Giáp tuy ở tuổi ấu thơ cũng đã hiểu rằng nữ tác giả khi nói đến con cuốc cuốc là nói đến non sông đất nước vì tiếng con chim cuốc theo âm Hán Việt đồng âm với tiếng quốc có nghĩa là đất nước quê hương.

Cách làng An Xá một quãng ngắn, còn sót lại di tích của thành lũy do nhà quân sự kiêm thầy giáo dạy chữ Nho, Đào Duy Từ, tác giả cuốn Hổ trướng khu cơ (Bí quyết phép dùng binh) - một cuốn sách giáo khoa dạy nghệ thuật quân sự cho các tướng lĩnh thời bấy giờ - xây dựng vào cuối thế kỷ XVII được người dân vùng này truyền tụng là lũy Thầy. 25 năm trước khi cậu bé Giáp ra đời, toàn bộ vùng đất Quảng Bình này từng là địa bàn hoạt động của nghĩa quân Cần Vương, hưởng ứng lời kêu gọi chống Pháp của vua Hàm Nghi. Ở phía bắc, trong tỉnh kế bên cũng có một văn thân là cụ Phan Đình Phùng đã xây dựng căn cứ kháng chiến trên núi Vụ Quang trong mười năm và đến năm 1910, một toán nghĩa quân còn về đồng bằng quyên góp lương thực và gây quỹ ủng hộ kháng chiến chống Tây. Nhưng sau năm 1919, dường như quá khứ vẻ vang ấy đã vĩnh viễn hết thời, không có gì cưỡng lại được. Người ta bước vào một thời đại mới, bút lông mềm mại đã nhường chỗ cho bút sắt vừa viết vừa phát ra tiếng cót két của hãng Sergent-Major từ phương Tây đem tới.

Năm 1923, cậu bé Giáp tạm biệt cha mẹ già vào Huế, cố đô của triều đình nhà Nguyễn xưa, cách nhà 150 kilômét, để học ở trường Quốc học. Vào thời đó, các trường học từ bậc trung học trở lên đều đặt ở các thành phố, thị xã và đô thị lớn, và được "chính trị hóa" một cách khác thường. Học sinh không ồn ào, hiếu động mà rất chăm chỉ đèn sách. Ở lớp, các cô cậu im lặng, ngồi nghiêm chỉnh nghe lời thầy giảng hay ghi ghi chép chép, chỉ còn nghe được tiếng ruồi bay qua bay lại. Một số cố học để sau này ra làm quan. Nhiều người khác cốt sao sau này nên người, để "cứu nước, đánh giặc ngoại xâm", "canh

tân đất nước". Những ý nghĩ tốt đẹp này ám ảnh tâm trí những con người trẻ tuổi. Đi đâu cũng thấy những nhóm nhỏ ra đời mà trong buổi lễ gia nhập, các cậu "thề đấu tranh, hy sinh đến cùng cho sự nghiệp".

Người ta xì xào, bàn tán về con người có sức hấp dẫn kỳ lạ mang tên Nguyễn Ái Quốc (sau này đổi tên là Hồ Chí Minh), tác giả áng văn đả kích nổi tiếng có tựa đề: Bản án chế độ thực dân Pháp, cùng với những người cùng chí hướng đang hoạt động tại nước Nga Xô viết. Người ta đưa cho Giáp một bản và anh đã đọc say sưa. Báo chí thực dân đã dành toàn bộ phương tiện tuyên truyền tốt nhất để vu cáo những người Bôn-sê-vích, thậm chí có những người có xu hướng ôn hòa, chỉ đưa ra những đề nghị cải cách xã hội khiêm tốn nhất cũng bị chúng gán cho cái tên Bôn-sê-vích.

Anh học trò trung học Võ Nguyên Giáp đặc biệt say mê các môn lịch sử, địa lý và vật lý. Anh chỉ rời sách vở khi bận đến dự những cuộc thảo luận sôi nổi về các đề tài liên quan đến lịch sử nước nhà. Khi 14, 15 tuổi đời anh đã có những bước ngoặt có tính quyết định cả cuộc đời anh sau này.

Năm 1924, Toàn quyền Đông Dương Merlin tích cực phá hủy những gì mà những người tiền nhiệm của ông là Albert Sarraut và Maurice Long đã bước đầu xây dựng cho cái gọi là tự do, bác ái ở Đông Dương. Merlin chủ trương thanh niên Đông Dương chỉ nên học đến bậc trung học rồi đi làm, không nên học lên đại học, nhất là sang Pháp du học vì ông ta cho rằng họ sang chính quốc sẽ bị ảnh hưởng chủ nghĩa nhân quyền tự do của nước Pháp, sẽ trở thành những phần tử chống Pháp. Tuy nhiên, vào năm 1925, khoảng 400 thanh niên Việt đi lén trên các tàu biển đã tới Marseille (Pháp).

Không ý thức được các mối hiểm nguy đó, Phủ Toàn quyền Đông Dương lợi dụng lúc vua Khải Định băng hà đã buộc Hội đồng Phụ Chính thông qua trong phiên họp ngày 6 tháng 11 năm 1925 một đạo dụ thu hẹp quyền hành của nhà vua nay chỉ giới hạn trong những chức trách thuần túy lễ nghi, ban sắc cho các thần thành hoàng làng. Ngay cả việc tuyển dụng và bổ nhiệm quan chức giúp việc cho nhà vua cũng thuộc quyền của Khâm sứ Pháp. Chính quyền thuộc địa đã nhanh chóng cắt gọn cái cành cây mỏng manh, vốn vẫn là chỗ dựa để cai trị dân bản xứ, như vậy sự sụp đổ của chế độ thực dân chẳng còn bao xa.

Trong những điều kiện ấy, có gì đáng ngạc nhiên khi người ta ngày càng hướng về "những người ở Pháp về" như Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh, những nhà luận chiến nảy lửa ở Sài Gòn bắt đầu truyền bá những tư tưởng lật đổ do những cây bút già dặn viết trên các tờ báo bằng tiếng Pháp. Năm 1925, một nhà văn có tên là Malraux đã phản ánh tình trạng này trên tạp chí Indochine (Đông Dương): "Một tin đồn lan truyền khắp nơi trong xứ An Nam về mối lo ngại rằng mọi sự căm giận, oán thù tản mát lâu nay đã được tập hợp lại để có thể trở thành một sự bùng nổ, nếu các ngài không đề phòng, khác nào cánh đồng vào vụ gặt."

Thực vậy, một hành động mạnh mẽ vừa xuất hiện lại. Ngày 24 tháng 6 năm 1924, vào 8 giờ 30 phút tối tại tô giới Anh - Pháp ở Quảng Châu, người ta tổ chức ở khách sạn Victoria tiệc mừng Toàn quyền Merlin vừa kết thúc chuyến đi thăm các nước Đông Á về thì một người Việt Nam trẻ tuổi liệng qua cửa sổ phòng tiệc một trái lựu đạn được ngụy trang trong một chiếc máy ảnh. Lựu đạn nổ làm năm người thiệt mạng, trong đó ba người chết ngay tại chỗ, nhưng Merlin thoát chết. Vụ mưu sát này đã gây tiếng vang lớn trong toàn Đông Dương làm thức tỉnh "hồn nước", nhất là trong đám thanh niên học sinh. Tại Quảng Châu, nhà đương cục Trung Hoa Quốc dân Đảng đã dựng bia lưu danh Phạm Hồng Thái, người chủ mưu trong vụ này, đối diện với đài tưởng niệm các anh hùng của cách mạng Trung

Hoa. Trong những năm tiếp theo, bia liệt sỹ Phạm Hồng Thái trở thành nơi hành hương chính trị của những người Việt Nam lưu vong.

Một năm sau sự kiện chấn động này, một cuộc truy lùng của cảnh sát, về kỹ thuật thì khá thành công nhưng về chính trị thì lại là một chủ trương rất dở, đã gây nên sự phản đối khắp nơi. Tháng 6 năm 1925, ở ngay lối ra của nhà ga Thượng Hải, cảnh sát Pháp bắt cóc nhà yêu nước Phan Bội Châu đang lưu vong tại Trung Quốc và sắp đi gặp Nguyễn Ái Quốc mới đến Quảng Châu, cùng với Borodine từ Matxcơva.

Việc kết án tử hình nhà yêu nước kỳ cựu được tất cả mọi người kính trọng đã gây nên một phong trào rộng lớn đòi ân xá cho Phan Bội Châu. Cuối năm 1925, Phan Bội Châu được Toàn quyền Varenne ân xá nhưng quản thúc tại nhà ở Huế. Ông sống những ngày cuối đời tại ngôi nhà đơn sơ bên bờ sông Hương. Trên một tờ báo địa phương, nhà nho Huỳnh Thúc Kháng, vừa mãn hạn tù 13 năm (từ 1908 đến 1921) tại Côn Đảo, đã nói đến những tình cảm của các tầng lớp nhân dân đối với nhà yêu nước họ Phan.

Giáp tích cực tham gia các phong trào này với thanh niên các trường. Tháng 3 năm 1926, Phan Chu Trinh tạ thế. Cụ là người đã chịu án tù đày ở nhà tù Côn Đảo chỉ vì đòi thực hiện những biện pháp canh tân, cấp tiến từ đầu thế kỷ. Cái chết của Phan Chu Trinh khiến phong trào bất mãn với chính sách thuộc địa lại bùng lên. Tại tất cả các thành phố, từ Sài Gòn đến Hà Nội, thanh niên học sinh bãi khóa, mặc đồ tang, tổ chức lễ truy điệu Phan Chu Trinh. Chính quyền thuộc địa hiểu rõ ý nghĩa của phong trào tôn vinh nhà yêu nước Phan Chu Trinh, đã đuổi học những "người cầm đầu phong trào". Tại Huế, Giáp đã bị theo dõi từ lâu và cũng nằm trong số này[2].

[2] Võ Nguyên Giáp bị đuổi học vì tổ chức biểu tình bãi khóa phản đối Ban giám hiệu nhà trường đuổi anh Nguyễn Chí Diểu (VPĐT).

Dường như kể từ thời gian này, Giáp đã gia nhập Đảng Tân Việt[3], một chính đảng hoạt động bí mật chủ trương bạo động và chịu ảnh hưởng sâu sắc của những người mác-xít. Giáp quay về An Xá, trong bụng đã nghĩ đến việc xuất dương sang Trung Quốc để gia nhập Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội do Nguyễn Ái Quốc thành lập ở Quảng Châu. Ý định này không thành, Giáp quay lại Huế không phải để đi học mà để hoạt động như một chiến sĩ cách mạng và có quan hệ mật thiết với những người thân cận của Huỳnh Thúc Kháng.

[3] Năm 1928, Võ Nguyên giáp được kết nạp vào Đảng Tân Việt (BT).

Tình hình tiếp tục căng thẳng, Việt Nam Quốc dân Đảng, một nhóm có khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa trên một nền tảng mờ nhạt theo chủ nghĩa Tam dân của Tôn Dật Tiên, chủ trương tiến hành khởi nghĩa. Từ năm 1927, nhóm này có ảnh hưởng trong giới trí thức và bắt đầu gây cơ sở trong hàng ngũ binh lính của quân đội thuộc địa để tổ chức nội gián.

Trong năm 1929, tất cả các chi bộ của Thanh niên [viết tắt của Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội] và Tân Việt bỗng nhiên ngả sang chủ nghĩa cộng sản và "đi vô sản hóa" (tức là xin vào làm trong nhà máy, xưởng thợ để gần gũi công nhân, tự cải tạo mình và tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản). Những vụ đình công, xô xát và cả mưu sát ngày càng gia tăng và tháng 2 năm 1930, nổ ra vụ binh biến của lính khố đỏ đóng ở Yên Bái theo chủ trương do Việt Nam Quốc dân Đảng đề xuất, đồng thời một

loạt các vụ bạo động địa phương cũng xảy ra ở ngoài rìa miền châu thổ sông Hồng cho đến gần Hải Phòng. Phong trào bị đàn áp, nhưng ngay sau đó một cuộc đình công nổ ra ở Vinh ngày 1 tháng 5. Quay về làng, những công nhân đã khuyến khích nông dân tổ chức biểu tình, người đi đầu cầm cờ đỏ, tiến vào các thị xã, huyện, tỉnh lỵ.

Bắt đầu nhen nhóm từ hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, các Xô viết địa phương đã được thành lập nằm ngoài tầm kiểm soát của chính quyền thuộc địa, phong trào lan rộng ra các nơi như vết dầu loang. Toàn bộ nông thôn Nam Kỳ cũng như Quảng Ngãi, phía nam Huế, cả Thái Bình phía nam châu thổ sông Hồng ở Bắc Kỳ rục rịch khởi nghĩa. Chính quyền thuộc địa phái lính lê dương về hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh để tiến hành chiến dịch "bình định" các làng khởi nghĩa. Các nơi khác trong diện tình nghi cũng bị trấn áp. Tại Huế, Giáp tham gia các phong trào ủng hộ và quyên góp giúp những người bị bắt giam trong các nhà tù. Trong một vụ ẩu đả với một người Pháp, Giáp bị bắt, bị kết án ba năm tù giam tại nhà tù Lao Bảo thuộc tỉnh Quảng Trị[4], giáp biên giới Lào. Ở nhà tù này nhiều phạm nhân không chịu nổi chế độ tra tấn của bọn cai ngục lại thêm khí hậu khắc nghiệt nên chết rất nhiều. Tháng 9 năm 1915, 35 tù chính trị nổi dậy đốt nhà giam và bỏ trốn. Không lâu trước khi phạm nhân trẻ Võ Nguyên Giáp bị giải đến Lao Bảo, tại đây đã xảy ra một vụ binh biến, trong đó Nguyễn Sĩ Sách, một trong những lãnh đạo Đảng Cộng sản đã bị đánh chết.

[4] Võ Nguyên Giáp bị giam ở nhà lao Thừa Phủ, Huế, chứ không phải ở Lao Bảo (VPĐT).

Một sự can thiệp đúng lúc của quan cai trị Marty đã đưa Giáp ra khỏi trại giam Lao Bảo trước khi mãn hạn tù. Là một chuyên gia và khá lọc lõi kinh nghiệm trong ngành an ninh, lại có đầu óc sáng suốt đáng gờm, hẳn ông ta cho rằng không nên để Giáp bị giam lâu trong tù, nơi đây chàng thanh niên sôi sục ý chí cách mạng này chắc chắn sẽ trưởng thành thêm do được tiếp xúc với các chính trị phạm khác, sau này có thể trở thành một kẻ thù không đội trời chung của chính quyền thực dân, cho nên tốt hơn là tạo điều kiện cho anh ta học thành tài và anh ta sẽ khôn ngoan, dễ bảo hơn. Có thể đây không phải là trường hợp duy nhất để thu phục. Sau đó, từ thân phận tù khổ sai, Giáp trở thành học sinh Trường Trung học Albert Sarraut, một trường học tốt nhất ở thuộc địa, thực tế là dành riêng cho con em người Pháp và số ít quan lại hay công chức cao cấp người Việt được ưu đãi đặc biệt. Marty đã mắc sai lầm lớn nhất trong cuộc đời hành nghề mật thám của mình.

Sau khi đỗ tú tài triết học năm 1934, Giáp ghi tên vào học trường luật. Vừa đi học đại học, chàng sinh viên Giáp vừa xin làm giáo viên Trường tư thục Thăng Long để kiếm sống. Trường Thăng Long[5] trở thành vườn ươm thực thụ những hạt giống cách mạng của Việt Nam, có những học sinh sau này là những nhà cách mạng xuất sắc như Lê Đức Thọ[6], nhà thương thuyết về hòa bình tại Hội nghị Paris về Việt Nam, Nguyễn Thành Lê, người phát ngôn tại Hội nghị Paris, tướng Lê Quang Đạo, nhà quân sự lỗi lạc trở thành Chủ tịch Quốc hội, Nguyễn Lam, Phó thủ tướng, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch nhà nước.

[5] Trường tư thục Thăng Long là tiền thân của trường Trung học Cơ sở Thăng Long ngày nay. Năm 1934, Hoàng Minh Giám cùng với một số nhà trí thức đương thời như Phan Thanh, Đặng Thai Mai, Đặng Vũ Xích, Phạm Hữu Ninh, Nguyễn Cao Luyện, Nguyễn Dương... thành lập "Hội mở mang nền tư thục", một năm sau lập lên Trường tư thục Thăng Long với mục đích truyền bá kiến thức cho cộng đồng và tuyên truyền lòng yêu nước, thương dân và căm thù thực dân Pháp xâm lược. Năm 1945, thực dân Pháp đã buộc trường phải đóng cửa do những ảnh hưởng của trường đến phong trào yêu nước ngày càng mạnh (BT).

[6] Lê Đức Thọ không học ở trường Thăng Long (VPĐT).

Tại trường luật, Giáp học xuất sắc tất cả các môn, nhưng môn học anh thích nhất là kinh tế chính trị. Năm 1937, anh bị trượt trong kỳ thi vấn đáp, tuy bài viết của anh đạt kết quả xuất sắc, anh đã to tiếng với thầy giám khảo. Giáo sư Pirou mới ở Paris sang nhận thấy Giáp là một trong những sinh viên có triển vọng, có thể tiếp thu tốt bất cứ môn học nào, nên muốn gửi anh sang Pháp học, tách khỏi môi trường thuộc địa. Ông ngỏ ý xin một suất học bổng đi du học cho anh. Sau một thời gian suy nghĩ, anh đã khước từ đề nghị này. Anh trả lời: anh không muốn ích kỷ, được một mình hưởng may mắn và ân huệ, bỏ lại bạn bè ở nhà[7].

[7] Câu trả lời là: "ma confiction est faite" (tôi đã lựa chọn con đường của mình) (VPĐT).

Thực ra, Giáp có những hoạt động khác, có lẽ đã lôi cuốn anh hơn là sang Pháp du học. Lúc này, Giáp hoạt động trong Chi bộ Pháp của Quốc tế công nhân[8]. Từ khi Mặt trận bình dân lên cầm quyền ở Pháp, tình hình ở Đông Dương cũng có phần dễ thở hơn. Nhiều báo chí tiến bộ xuất bản công khai. Đảng Cộng sản Đông Dương cũng có những tờ báo in tiếng Pháp, ra công khai. Đó là tờ Le Travail (Lao động), Notre Voix (Tiếng nói của chúng ta) trong đó đăng những bài của Nguyễn Ái Quốc từ nước ngoài gửi về, ký tên P. C. Lin. Lúc này, Nguyễn Ái Quốc vừa về Diên An, Trung Quốc sau một thời gian dài lưu trú tại Matxcơva.

[8] Sau này là Đảng Xã hội Pháp (1969) (BT).

Cùng với Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp viết cuốn sách tiếng Việt nhan đề Vấn đề dân cày, xuất bản năm 1937. Giáp viết: "Vấn đề dân cày đáng được chúng tôi quan tâm... Đối với bọn tư bản, dân cày chỉ là những người nhà quê u mê, đần độn không đáng để người ta coi trọng. Tuy nhiên, khi không thể chịu đựng được nữa, những người nhà quê ấy đã thức tỉnh, nhìn thẳng vào sự vật trước mắt, để cơn tức giận bùng lên. Bước lên vũ đài, họ dám đương đầu với bọn bóc lột. Lê Lợi ở thế kỷ XIV đã trông cậy vào họ để giải phóng dân tộc. Quang Trung cũng làm như thế khi phải đánh nhau với quân Thanh năm 1789". Cùng với Phạm Văn Đồng vừa từ Côn Đảo trở về sau tám năm tù đày, Trần Đăng Ninh, thợ in - sau này phụ trách hậu cần trong chiến dịch Điện Biên Phủ - và nhiều người khác là nhóm ở miền Bắc thúc đẩy cuộc vận động triệu tập Đại hội Đảng Cộng sản Đông Dương. Đại hội cho phép Đảng Cộng sản hoạt động bán hợp pháp, tổ chức nhiều phong trào song song dưới nhiều khẩu hiệu khác nhau nhưng vẫn che giấu được vai trò lãnh đạo của Đảng. Vào thời gian này, Ban chấp hành Trung ương Đảng đang ở miền Nam, không xa Sài Gòn, do Lê Hồng Phong làm Tổng bí thư (sau này hy sinh tại nhà tù, sau khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940). Từ Nam ra Bắc, những cuộc tiếp xúc diễn ra thường xuyên bất chấp khó khăn. Hoạt động vừa thống nhất vừa song song với nhau. Hai nữ chiến sĩ đóng vai trò then chốt là hai chị em Nguyễn Thị Minh Khai và Nguyễn Thị Quang Thái. Minh Khai đã tham gia đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương tại Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản họp ở Matxcơva, là bạn đời của Lê Hồng Phong và cũng như chồng, Minh Khai đã bị xử bắn tại Sài Gòn năm 1940 sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ bất thành. Giáp đã quen biết Quang Thái từ khi còn cùng đi học tại trường Quốc học Huế[9], sau đó hai người yêu nhau và nên vợ nên chồng. Hoạt động cách mạng khiến họ luôn phải xa nhau nhưng cũng làm họ thêm gắn bó. Họ đã cùng nhau đem cả thể xác và tâm hồn hiến dâng cho lý tưởng. Đứa con đầu lòng của họ là một bé gái, được đặt tên là Hồng Anh.

[9] Nguyễn Thị Quang Thái học ở trường Đồng Khánh, Huế (VPĐT).

Đã học được nhiều trong công tác, Đảng Cộng sản tận dụng hết các khả năng hoạt động hợp pháp nhưng vẫn giữ kín mạng lưới bí mật của mình. Năm 1937, Đảng tổ chức nhiều cuộc bãi công trong Nam ngoài Bắc.

Toàn bộ cán bộ chủ chốt của Đảng sẵn sàng chuyển vào bí mật khi khả năng hoạt động hợp pháp không còn. Tháng 9 năm 1939, sau khi ký hiệp ước Đức-Xô và Pháp lâm vào vòng chiến, Đảng rút vào bí mật. Hai tháng sau, Đảng thành lập Mặt trận phản đế Đông Dương và đặt vấn đề giải phóng dân tộc vào chương trình nghị sự của Đảng. Cuộc tiếp xúc trực tiếp được nối lại với Nguyễn Ái Quốc, lúc này đang ở tỉnh Quảng Tây, miền Nam Trung Quốc. Tháng 4 năm 1940, Ban chấp hành Trung ương Đảng quyết định Võ Nguyên Giáp và Phạm Văn Đồng bí mật vượt biên giới sang Trung Quốc. Giáp viết: "Tình hình đối với chúng tôi không dễ dàng chút nào. Trong thời gian hoạt động ra báo hợp pháp, chúng đã bố trí đường dây theo dõi sát chúng tôi. Tuy nhiên chỉ trong vài ngày, chúng tôi đã chuẩn bị xong mọi thứ đồng thời được biết Hoàng Văn Thụ sẽ gặp tôi một lần nữa trước ngày lên đường".

Khi Giáp đến chỗ hẹn, Thụ nói với Giáp lúc này ta phải nghĩ đến việc phát động phong trào du kích.

Một buổi chiều thứ Sáu, thầy giáo dạy lịch sử Võ Nguyên Giáp rời khỏi căn nhà trọ sau khi để lại cho ông Hiệu trưởng Trường Thăng Long Hoàng Minh Giám (sau này là Bộ trưởng Ngoại giao trong Chính phủ Hồ Chí Minh) một bức thư xin lỗi vắng mặt trong buổi dạy sắp tới do tình hình sức khỏe không được tốt sau chuyến về quê thăm nhà vừa qua. Thư sẽ được gửi từ bưu điện tại Quảng Bình. Lúc đó đã 17 giờ 30 phút, chỉ còn bốn mươi tám tiếng đồng hồ nữa là được tháo cũi xổ lồng. Giáp đưa mắt nhìn lần cuối phong cảnh xung quanh. Từ giờ cho đến khi anh trở lại có biết bao dòng nước đã chảy qua chiếc cầu bắc qua sông Hồng? Anh đi về phía hồ Tây, đầu đường Cổ Ngư, hoa phượng kết thành một vòm đỏ chói dưới ánh chiều tà. Dưới gốc cây bên cạnh một ngôi chùa, Thái bế con chưa đầy năm, đứng đợi. Giáp dặn vợ cố tìm người gửi con để đi "hoạt động bí mật", đây cũng là điều tự đáy lòng Thái mong muốn từ lâu. Nhưng trước giờ phút chia tay đau xé lòng, chị quay đầu nhìn ra phía hồ giấu đôi mắt nhòa lệ. Chẳng mấy chốc, người liên lạc đã giục đến lúc phải xuất phát rồi. Giáp được đưa đến một nhà trọ và một lát sau Đồng cũng đến. Họ nghỉ đêm ở đây để sáng sớm hôm sau ra ga đầu cầu đáp tàu hỏa đi Lào Cai. Cái ga xép này ít bị cảnh sát để mắt đến hơn. Cả ba người lên toa ngồi không đem theo hành lý gì, mỗi người một góc riêng để tránh sự chú ý của mọi người. Giáp đeo kính đen để nhỡ học trò có gặp cũng không nhận ra. Đến trước Lào Cai một ga, ba người xuống tàu, đi bộ đến bờ sông rồi thuê thuyền qua sông ở một chỗ vắng.

Tại Côn Minh, đã có người đợi ở cửa ga để đưa họ đến chỗ ở của Phùng Chí Kiên, chiến sĩ cách mạng ở Trung Quốc từ năm 1924 và học trường quân sự Hoàng Phố. Kiên lúc này là phụ trách cơ sở Đảng ở Côn Minh báo cho Giáp và Đồng biết họ sẽ được gặp Nguyễn Ái Quốc, lúc này được gọi là đồng chí Vương, ông già họ Trần, Hồ Quang... hoạt động khắp miền Nam Trung Quốc từ cuối năm ngoái để gây cơ sở, chắp nối liên lạc với Đảng ở trong nước.

Hoạt động du kích tại chiến khu Việt Bắc 1940 - 1945

Năm 1940, tình hình của những người cộng sản Việt Nam tại miền Nam Trung Quốc rất bấp bênh. Việt Nam Quốc dân Đảng đã mất hầu hết cơ sở ở trong nước, chạy sang đây nhưng luôn luôn bị mật thám Pháp theo dõi, rình mò và những đảng viên của họ cũng đang ra sức tranh thủ quần chúng đưa họ ra khỏi ảnh hưởng của những người cộng sản. Về mặt chính thức, Mao Trạch Đông và Tưởng Giới Thạch đang hợp tác với nhau chống Nhật và Chu Ân Lai hiện có mặt tại Trùng Khánh nhưng sự hợp tác đó không che đậy được những mâu thuẫn ngấm ngầm. Ở miền Nam, bọn tướng lĩnh quân phiệt Trung Hoa Quốc dân Đảng nắm những địa vị chủ chốt trong bộ máy chính quyền. Để dễ dàng tiếp xúc với chúng, Đảng Cộng sản Đông Dương và Việt kiều ở Vân Nam thành lập Hội ủng hộ Trung Quốc chống Nhật (Trung Quốc kháng Nhật hậu viên hội) để tiện đi lại. Sau khi gửi Giáp và Đồng đi học tại Diên An và dặn thêm Giáp nếu có thể hãy theo một khóa huấn luyện về quân sự, Nguyễn Ái Quốc đi thăm những cơ sở của Đảng trong số Việt kiều thường tập trung dọc tuyến xe lửa Vân Nam.

Đi nhờ xe tải của Hội chữ thập đỏ của Quốc dân Đảng do một đảng viên cộng sản lái, Giáp và Đồng lên đường đi Quý Dương, thủ phủ tỉnh Quý Châu. Ngồi thu mình giữa những kiện hàng che vải bạt xếp chật cứng trên thùng xe, trời nóng như thiêu như đốt, xe lắc lư lượn trên con đường toàn đèo, dốc, hai người đến phòng Biện Sự xứ của Bát lộ quân - tên của lực lượng vũ trang của Hồng quân tham gia kháng Nhật dưới sự chỉ huy của Thống chế Tưởng Giới Thạch. Họ ở lại chờ xe đi tiếp đến Diên An. Đến giữa tháng 6, họ được tin Paris thất thủ. Tình hình thay đổi tất cả. Ít hôm sau Phùng Chí Kiên từ Côn Minh tới. Xét tình hình đang ở bước ngoặt, bây giờ phải nghĩ đến tìm đường về Việt Nam phát động phong trào cách mạng. Đáng lẽ đi tiếp lên miền Bắc theo kế hoạch cũ, nhưng cả nhóm quay về xuống Quế Lâm thuộc tỉnh Quảng Tây. Họ tránh không nghỉ lại trụ sở

Biện Sự xứ của Bát lộ quân ở đây mà ra ngoại ô trú tại trụ sở địa phương của Việt Nam giải phóng đồng minh và bắt đầu công tác vận động nhà đương cục Quốc dân Đảng kết hợp với sự ủng hộ kín đáo của các đảng viên Trung Quốc.

Lúc này là cuối tháng 9 năm 1940 khi chính quyền Decoux ở Đông Dương cho phép quân Nhật vào Bắc Kỳ. Quân Nhật vượt qua biên giới đánh chiếm Lạng Sơn, tàn sát lính Pháp đồn trú ở đây. Giữa lúc đó Nguyễn Ái Quốc gặp lại nhóm và cho biết tại Trung Quốc quan hệ giữa Quốc dân Đảng và Đảng Cộng sản đang căng thẳng. Tưởng Giới Thạch chủ trương độc chiếm toàn bộ các vùng nằm ở phía nam sông Dương Tử. Ông ra lệnh tiêu hủy hết tài liệu có thể tiết lộ xu hướng chính trị và nhắc nhở hơn lúc nào hết phải tuyệt đối giữ bí mật không cho nhà cầm quyền Quốc dân Đảng biết mình là cộng sản. Nhờ một số sĩ quan Quốc dân Đảng có cảm tình với cộng sản, nhóm đã đặt được quan hệ với tướng Trương Phát Khuê, Tư lệnh tại chiến khu. Trương Phát Khuê tỏ ra có thiện cảm với nhóm người Việt hoạt động tích cực và có hiệu quả, khác hẳn với các nhóm người Việt khác chỉ lăng xăng, đấu đá nhau và bất tài vô dụng, khiến ông ta bực mình.

Nếu tình hình ở Trung Quốc đang u ám thì ngược lại ở trong nước tình hình ngày càng thuận lợi cho cách mạng Đông Dương. Hai lần nhân dân vùng dậy khởi nghĩa và binh lính cũng đứng lên làm binh

biến. Cuối tháng 11 nghe báo chí Trung Quốc đưa tin về khởi nghĩa Nam Kỳ, Nguyễn Ái Quốc đã gửi thư cho Đảng bộ Nam Kỳ, nhưng thư đó không đến được tới nơi. Chỉ trong mấy ngày, cuộc khởi nghĩa bị dìm trong biển máu. Có triển vọng hơn cả là cuộc khởi nghĩa của nhân dân Bắc Sơn ở Lạng Sơn nổ ra vào cuối tháng 9 sau khi quân Nhật tràn vào Lạng Sơn, quân đồn trú của Pháp rút lui. Những phần tử thân Nhật tưởng thời cơ thuận lợi đến với họ và tin rằng được sự ủng hộ của Tokyo nên đã chuyển sang hành động lật đổ chính quyền thực dân Pháp. Nhưng Nhật đã bắt tay với Pháp để mặc cho Pháp đàn áp. Họ phải rút sang Trung Quốc để tránh khủng bố. Ngược lại, những chiến sĩ cộng sản ở huyện Bắc Sơn lợi dụng lúc lính Pháp rút chạy đã nổi dậy cướp súng thành lập căn cứ kháng chiến quanh Bắc Sơn.

Trong hoàn cảnh mới đó, Trung Hoa Quốc dân Đảng dự định thành lập các khu du kích ở Đông Dương để chuẩn bị đón quân Đồng minh tiến vào đánh Nhật. Một người Việt Nam đi lính cho Trung Hoa Quốc dân Đảng tên là Trương Bội Công đã được chính thức giao nhiệm vụ đó. Tên này đã đến Tĩnh Tây gần biên giới. Từ cuối tháng 11, Giáp và Đồng cũng đã đến Tĩnh Tây đặt trụ sở trưng biển Mặt trận giải phóng Việt Nam và hợp tác với Trương Bội Công. Giáp và Đồng cũng liên hệ được với nhóm hơn40 thanh niên vừa ở Cao Bằng sang, trong đó có Lê Quảng Ba và Hoàng Sâm. Đến tháng 12, Phùng Chí Kiên và Nguyễn Ái Quốc cũng đến đây. Nguyễn Ái Quốc vừa thay đổi bí danh và mang trong người ông hai tấm danh thiếp, một giấy thông hành đều mang tên Hồ Chí Minh[1].

[1] Ở đây Georges Boudarel đã có sự nhầm lẫn. Thực ra tháng 8/1942 Nguyễn Ái Quốc mới lấy tên là Hồ Chí Minh, sang Trung Quốc để tìm sự liên minh quốc tế (BT).

Cũng trong thời gian này, dưới con mắt thiện cảm của Trung Hoa Quốc dân Đảng, một ủy ban giải phóng Việt Nam mang tên Việt Nam độc lập đồng minh gọi tắt là Việt Minh đã được thành lập, gồm những người theo chủ nghĩa quốc gia sống nhờ số tiền trợ cấp của các nhà đương cục Trung Hoa nhưng không hòa hợp vì ganh đua đố kỵ và bất đồng về vấn đề ý đồ của chính phủ Trùng Khánh. Rất nhiều người từ nhóm Đại Việt có xu hướng phát triển thân Nhật, căm thù Trung Quốc nhưng chỉ vì Tokyo bỏ rơi mà phải sang ẩn náu tại Quảng Tây. Dưới những bí danh khác nhau, Giáp và Đồng đã tham gia ủy ban này, trong đó có nhiều người đứng đầu, chẳng bao lâu tản mát đi nhiều nơi ở Hoa Nam vì những lý do hoàn toàn cá nhân, không hề có quan hệ chính trị gì và biến mất một thời gian.

Ngược lại với những phần tử quốc gia ít chú ý đến những gì đang xảy ra trong nước, Hồ Chí Minh luôn luôn hướng về Việt Nam. Cuối năm 1940, khi chọn Cao Bằng làm căn cứ địa cách mạng, Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Căn cứ địa Cao Bằng sẽ mở ra triển vọng lớn cho cách mạng nước ta. Cao Bằng có phong trào tốt từ trước, lại kề sát biên giới, lấy đó làm cơ sở liên lạc quốc tế rất thuận lợi. Nhưng từ Cao Bằng còn phải phát triển về Thái Nguyên và thông xuống nữa mới có thể tiếp xúc với toàn quốc được. Có nối phong trào được với Thái Nguyên thì khi phát động đấu tranh vũ trang, lúc thuận lợi có thể công, lúc khó khăn có thể thủ”.

Trong một năm Giáp hoạt động trên lãnh thổ Trung Quốc nhiều hơn ở Việt Nam. Sau đó đến năm 1942[2], ông về hoạt động hẳn ở Việt Nam, trở thành thành phần chủ chốt trong việc thực hiện kế hoạch quân sự và chính trị do Hồ Chí Minh đề ra. Tuy nhiên, hoạt động của ông không tách rời khỏi toàn bộ hoạt động của Đảng trong cùng thời gian này đang rất sôi nổi ở nhiều vùng khác nữa, đặc biệt là vùng Bắc Sơn, miền đồng bằng sông Hồng và ngay ở Hà Nội, còn ở các tỉnh miền Trung và miền Nam phong trào tạm thời gặp trở ngại vì bị đàn áp nhưng vẫn vững vàng.

[2] Năm 1941, Võ Nguyên Giáp đã về hoạt động ở Việt Nam (VPĐT).

Lúc này, dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, Giáp đi cùng với Đồng và Kiên tổ chức các lớp huấn luyện đào tạo cán bộ ở một địa phương có người Nùng sinh sống cách Tĩnh Tây 50 kilômét. Những người dân sống ở đây còn nhớ mãi kỷ niệm rất tốt đẹp về lớp học. Hồ Chí Minh đã đổi bộ âu phục đem từ Côn Minh lấy bộ quần áo Nùng. Đến ngày giáp Tết, cũng như nhiều người trong làng, ông đi lễ chùa và Giáp ngạc nhiên thấy ông đi lại rất tự nhiên trong thế giới của người dân tộc thiểu số vốn hoàn toàn mới mẻ đối với ông cũng như các đồng chí của ông. Thâm nhập sâu vào lối sống, thích nghi tối đa với hoàn cảnh sống của họ để giúp người dân phát triển, đó là bài học đầu tiên đối với Giáp. Hồ Chí Minh theo dõi sát việc tổ chức tập thể học viên. Ông chủ trương mọi việc đều rõ ràng, phù hợp với trình độ của người tham gia và trước hết phải cụ thể hóa, gắn với hành động. Trong mỗi lĩnh vực (tuyên truyền, tổ chức, hoạt động vũ trang...) các thảo luận phải nêu bật vấn đề thực tiễn. Học xong quay về làng thì làm gì? Làm như thế nào? Qua những bước công tác kế tiếp nhau như thế nào?

Kết thúc thời gian huấn luyện, Lê Quảng Ba (sau này là thiếu tướng của Quân đội nhân dân Việt Nam) dẫn đầu nhóm tiên phong về Cao Bằng tìm địa điểm thuận lợi cho việc đặt cơ sở ban đầu vào đầu năm 1941. Ít lâu sau Hồ Chí Minh đã gặp lại họ. Ông đặt nơi làm việc tại hang Pắc Bó trong tỉnh Cao Bằng chỉ cách biên giới một quãng ngắn.

Đối với Giáp, trở lại Trung Quốc hoạt động cùng với Phạm Văn Đồng và Hoàng Văn Hoan, công tác lúc này nặng về ngoại giao hơn là nghệ thuật quân sự. Bây giờ không còn vấn đề gửi cán bộ đi đào tạo quân sự tại Diên An nữa vì quá xa. Người ta sẽ cố gắng tận dụng các khả năng tại chỗ mà Trung Hoa Quốc dân Đảng có thể đem lại. Những người vững vàng về chính trị sẽ có thể đi học kỹ thuật mà không để bị ảnh hưởng bởi tuyên truyền. Tháng 6 năm 1941, Giáp còn làm việc với giới quân sự của Tưởng Giới Thạch ở Quế Lâm, phía bắc tỉnh Quảng Tây. Tại đây ông được chấp nhận gửi đến một trung tâm huấn luyện một số đồng chí, trong đó có Hoàng Văn Thái sau này cũng là chỉ huy cấp tướng, Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam. Một lớp huấn luyện đấu tranh cũng được tổ chức cho cán bộ Việt Minh ở Tĩnh Tây. Trong suốt năm 1941, Giáp đi lại như con thoi giữa Việt Nam và Trung Quốc, cứ 15 ngày Đồng và Giáp lại thay nhau về nước báo cáo.

Tháng 5 năm 1941, Giáp trở lại Pắc Bó dự Hội nghị lần thứ tám của Đảng Cộng sản Đông Dương họp tại một địa điểm gần hang đặt nơi làm việc của Hồ Chí Minh. Được Hoàng Văn Thái dẫn đường, Trường Chinh và Hoàng Quốc Việt từ dưới xuôi lên qua những đường mòn trong rừng. Hội nghị Trung ương quyết định chính thức thành lập Mặt trận Việt Minh tập hợp tất cả những người Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống phát-xít Nhật và đế quốc Pháp để khôi phục nền độc lập của Việt Nam. Công việc chuẩn bị khởi nghĩa được đưa vào chương trình nghị sự và Hội nghị quyết định củng cố khu du kích Bắc Sơn để biến nơi đây thành căn cứ địa thứ hai. Hội nghị đã bầu Trường Chinh làm Tổng bí thư Đảng thay thế cựu Tổng bí thư Nguyễn Văn Cừ bị bắt từ tháng 6 năm 1940 (ông bị xử bắn ngày 24 tháng 5 năm 1941 gần Sài Gòn). Các đại biểu dự hội nghị sau khi họp xong lại trở về xuôi theo những con đường mòn. Phùng Chí Kiên, người giỏi nhất về quân sự lúc bấy giờ, đã dừng lại ở Bắc Sơn và hy sinh trong một trận phục kích của địch cuối tháng 7. Giáp, Đồng và Hoan quay lại Trung Quốc và tiếp tục đi đi về về giữa Tĩnh Tây và Pắc Bó. Hồ Chí Minh ở lại căn cứ Cao Bằng do ông trực tiếp phụ trách.

Về quân sự, Hồ Chí Minh đưa ra một định hướng mang tính quyết định trong việc đào tạo các nhà cách mạng Việt Nam: đặt chính trị vào vị trí ưu tiên hàng đầu. Tại Trung Quốc năm 1927, những người cộng

sản đã không được chuẩn bị cho một lĩnh vực đặc thù là đấu tranh vũ trang. Rất nhiều cán bộ của họ đã được đào tạo tại trường quân sự Hoàng Phố của Trung Hoa Quốc dân Đảng do Liên Xô giúp đỡ xây dựng từ năm 1924. Trong suốt mùa hè năm 1927, một số sĩ quan của quân đội Tưởng Giới Thạch được đào tạo tại trường Hoàng Phố đã dẫn cả đơn vị chạy sang hàng ngũ cộng sản. Từ đầu cuộc nội chiến, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã có công cụ quân sự riêng của mình, tuy lực lượng còn nhỏ bé, nhưng thiện chiến và không thể xem thường. Ở Việt Nam, tình hình lại khác hẳn. Đảng Cộng sản Đông Dương có ở trong nước một mạng lưới cán bộ chính trị khá vững chắc và cơ sở chính trị rộng rãi, biết mở rộng ảnh hưởng trong thời kỳ tạm lắng do Mặt trận bình dân lên cầm quyền ở Pháp nhưng về quân sự thì Đảng còn phải học rất nhiều. Ngoài Phùng Chí Kiên, không một cán bộ cộng sản nào có kinh nghiệm thực tiễn về chiến đấu.

Hơn là những văn bản, chính qua thái độ, những lời đối đáp, những quyết định đúng đắn và nhận thức sắc bén về thời cơ mà Hồ Chí Minh đã góp phần đào tạo một đội ngũ cán bộ quân sự, trong đó vị trí hàng đầu thuộc về Giáp. Chính bản thân Giáp, suốt một thời gian dài sẽ là một nhà chiến lược và chiến thuật trong hành động thực tiễn trước khi đảm nhiệm công tác lý luận. Theo cung cách Gandhi - một Gandhi đỏ - Hồ Chí Minh dạy trước hết và trên hết qua công việc hàng ngày. Không ai xa lạ với chủ nghĩa giáo điều bằng ông, một ẩn sĩ cách mạng mà sự hóm hỉnh vượt mọi thử thách khiến ông khác xa với ngay cả những con người huyền thoại khác.

Thông thường, một khóa huấn luyện cán bộ được tổ chức ngay trong khu vực. Tất cả học viên đi vào rừng khoảng tám ngày, ở sâu trong dãy núi đá vôi. Chẳng bao lâu những người tham dự khóa đào tạo được chia về địa phương để xây dựng những khóa huấn luyện khác. Phong trào phát triển nhanh như vết dầu loang. Nhưng trên hết là phải thấm sâu như nước suối chảy sâu vào núi đá vôi lượn quanh các tảng đá làm xói mòn, mài giũa chúng trước khi xuất hiện trở lại ở cửa hang và đi xa hơn nữa giữa thanh thiên bạch nhật. Ưu tiên thành lập các hội cứu quốc cho mỗi tầng lớp xã hội thích hợp như hội nông dân cứu quốc, phụ nữ cứu quốc, thanh niên và nhi đồng cứu quốc. Sau khi được thành lập, những hạt nhân cơ sở sẽ tìm cách xây dựng các đội tự vệ và thuyết phục nhà cầm quyền địa phương bằng lý lẽ, nếu không sẽ dùng vũ lực. Những kẻ chỉ điểm tố cáo với trương tuần, lính dõng sẽ bị trừng trị. Tuy nhiên ưu tiên giác ngộ quần chúng bằng lý lẽ và làm gương đồng thời thực hiện "đoàn kết, đại đoàn kết". Đặc biệt phải coi trọng những nét đặc thù ở địa phương. Ở một nơi có nhiều dân tộc chung sống như Việt Bắc, thành công của Hồ Chí Minh là một điều kỳ diệu. Các dân tộc ít người thường không hiểu nhau, họ sống khép kín, ít chan hòa với nhau, nên những hiện tượng thành kiến, chia rẽ giữa các thành phần dân tộc khá phổ biến. Ở vùng thấp, người Kinh (tức người Việt sống ở đồng bằng) đã định cư bền vững chung quanh thị xã Cao Bằng từ nhiều thế kỷ. Bên cạnh họ là người Thái, người Tày, lúc đó người ta gọi bằng cái tên có nghĩa xấu là người Thổ, còn có người Nùng cũng nói phương ngữ Thái, rồi người Dao (còn gọi là người Mán cũng là tên gọi với nghĩa xấu) và cuối cùng trên đỉnh núi là người H'mong (hay còn gọi là người Mèo). Ngay bên trong mỗi dân tộc cũng có khác biệt về phương ngữ, phong tục và trang phục tạo ra những khoảng cách nhiều khi rất rõ nét (như Mán trắng, Mán tiền). Từ một thế kỷ nay, chính quyền thuộc địa đã cai trị vùng này, lợi dụng triệt để sự khác biệt về chủng tộc, đôi khi các quan lại địa phương còn thổi phồng những sự khác biệt đó, tạo nên sự đối kháng giả tạo. Trên một địa bàn có nhiều thành phần dân cư như thế, việc thống nhất tư tưởng trên tinh thần tôn trọng tính đa dạng là một vấn đề then chốt.

Cán bộ được phân công về địa phương làm công tác dân vận, phối hợp. Tờ báo đầu tiên của nước Việt Nam tự do có tên là Việt Nam độc lập gọi tắt là Việt lập vừa mới ra đời. Lúc đầu Giáp thấy nội dung

tờ báo sơ sài quá; ông muốn làm cho phong phú hơn, chữ in phải thu nhỏ hơn để đăng được nhiều bài trong mỗi kỳ ra báo. Nguyễn Ái Quốc đã nói rõ quan điểm của mình: tờ báo để cho nông dân đọc, họ chưa được học nhiều, nên bài viết phải đơn giản, khổ chữ phải to để họ có thể đọc được dưới ánh đuốc khi thức đêm.

Nguyễn Ái Quốc chủ trương mở rộng phong trào ở các thung lũng, bằng cách bắt liên lạc với các chi bộ đảng đã được tổ chức ở đây từ những năm 30. Trên các vùng núi cao, phải mở đường lên các bản người Mèo theo hướng Vân Nam và Côn Minh, hướng về phía tây, từ đây có thể chuyển vũ khí từ bên kia biên giới về. Hai mươi năm trước khi chiến thuật focos được MacGovern và Che Guevara áp dụng ở Cuba, tại miền thượng du Bắc Kỳ, Giáp đã áp dụng chiến thuật "nhảy cóc"[3].

[3] Có nghĩa là không nhất thiết phải gây cơ sở ở làng này rồi tiếp sang các làng bên cạnh mà có thể bắt mối gây cơ sở những làng xa hơn để khi có điều kiện mới quay lại gây cơ sở ở làng bên cạnh để nối vào (ND).

Tháng 12 năm 1941, khi sang công tác ở Thiên Bảo, Giáp nghe thấy tiếng pháo nổ lẫn với tiếng reo hò ngoài phố. Hỏi ra mới biết Nhật vừa tấn công Mỹ. Đó là trận Trân Châu Cảng. Chuyến công tác cuối cùng của Giáp với Trung Hoa Quốc dân Đảng không suôn sẻ. Nguyễn Hải Thần đã dò được lý lịch của Giáp và của Phạm Văn Đồng nên đã tố cáo với chính quyền Trung Quốc. Giáp trở về Việt Nam và gặp lại Hồ Chí Minh tại nơi đặt cơ quan lãnh đạo mới ở Sóc Giang (huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng). Ít lâu sau, Phạm Văn Đồng cũng được lệnh trở về hoạt động trong nước. Riêng Hoàng Văn Hoan ở lại Tĩnh Tây thêm một thời gian để giữ liên lạc thường trực. Sau cuộc càn quét lớn của địch, Phùng Chí Kiên hy sinh trong một trận phục kích và căn cứ địa Bắc Sơn bị thu hẹp, lui vào nằm sâu trong rừng.

Vào thời gian này ở Cao Bằng, theo chỉ thị của Hồ Chí Minh, đội du kích đầu tiên được thành lập do Lê Quảng Ba làm đội trưởng, Hoàng Sâm làm đội phó. Để có thể có những đội du kích mới cần lập các cơ sở mới. Giáp là một trong những người được giao nhiệm vụ này. Trong một hang đá thuộc huyện Hòa An, Giáp mở một lớp huấn luyện mới có khoảng mười thanh niên tham gia. Nhân dân vùng chung quanh địa điểm đặt lớp học nô nức gia nhập Việt Minh, kể cả một số lãnh binh. Sau đó, Giáp mở một lớp huấn luyện mới ở gần trung tâm nuôi ngựa giống Nước Hai, gần ngay huyện lỵ. Giáp lên cơn sốt, sau nhờ có một ông lang ở địa phương đi kiếm thuốc sắc cho uống mới đỡ. Tiếp đó, Giáp đi châu Nguyên Bình gây cơ sở mới vì tại đây Việt Minh chỉ còn một nhóm hoạt động cũ từ trước, trong mỏ Tĩnh Túc. Sau đó Giáp đi gây cơ sở tiếp tại vùng núi, địa bàn sinh sống của người Mán trắng.

Năm 1942, ở Cao Bằng đã có nhiều huyện do Việt Minh kiểm soát. Giáp kể: Đồng bào Tày, Nùng hăng hái tham gia các hội cứu quốc, kể cả phụ nữ. Thanh niên đi đầu mở đường, các em thiếu nhi giữ vai trò liên lạc và canh gác. Một kiểu chính quyền "hai mặt" xuất hiện ở nông thôn. Tại các làng hoàn toàn thuộc về mình, ủy ban Việt Minh giải quyết mọi công việc thường ngày, từ hộ tịch đến các vụ tranh chấp đất đai.

Tháng 11, Việt Minh triệu tập ở quy mô cấp tỉnh bầu ra Ban chấp hành. Vấn đề đào tạo cán bộ quân sự được đưa vào chương trình nghị sự để thảo luận. Các khóa đào tạo cán bộ kéo dài một tháng được tổ chức. Mỗi khóa có khoảng 50 học viên. Mọi việc đều phải học từ đầu, từ đi đều bước. Giáp dịch cuốn Chiến tranh du kích kháng Nhật của Tổng tư lệnh Hồng quân Trung Quốc Chu Đức, Phạm Văn Đồng soạn cuốn Người chính trị viên. Học viên đến lớp phải tự sắm vũ khí, dao găm, dao phạt, súng kíp hay súng kim hỏa.

Rời châu Nguyên Bình, Giáp sang tổng Kim Mã gây cơ sở, cũng bắt đầu từ các thung lũng, lần này là gần đường. Nhưng cơ sở sẽ thế nào khi bị càn quét, nếu việc kiểm soát không mở rộng lên vùng núi cao? Vùng cao Kim Mã có người Mán tiền (gọi như thế vì chị em phụ nữ thường lấy những đồng tiền bằng bạc gắn vào nẹp váy áo để trang trí) sinh sống. Từ Kim Mã có thể phát triển theo hai hướng: sang Bắc Cạn ở phía nam, Lạng Sơn ở phía đông. Đầu tiên tiếp xúc với một người Mán, sau đó là thành vết dầu loang rất nhanh.

Phong trào cứu quốc lên mạnh như nước vỡ bờ. Liên tỉnh ủy Cao-Bắc-Lạng (Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn) được thành lập để phối hợp các hành động của địa phương. Để hoạt động thuận lợi và nhất là để mở một đường liên lạc thông suốt với miền xuôi, điều quan trọng trước hết là mở các tuyến đường đảm bảo an toàn để đưa đón được nhiều người hơn, chứ không chỉ một hai liên lạc viên như trước.

Đồng chí Trường Chinh và nhóm của mình tiếp tục mở rộng các cơ sở, thành lập an toàn khu ở đồng bằng tuy không liên lạc trực tiếp với trung tâm cách mạng vùng rừng núi. Hai căn cứ này nhất định phải nối liền giao thông liên lạc với nhau. Vì vậy, chủ trương lập các đội Nam tiến đã được thông qua và Hồ Chí Minh giao cho Giáp thực hiện. Thế là từ lúc này có vẻ như Giáp đã bắt đầu cuộc đời binh nghiệp của mình.

Ba đội xuất phát từ ba cơ sở khác nhau lên đường làm nhiệm vụ. Hoan đi xuống các vùng xung quanh Lạng Sơn. Chu Văn Tấn, người sinh tại Bắc Sơn, kế tục Phùng Chí Kiên, chỉ huy một bộ phận cứu quốc quân, tiến về phía tây từ khu căn cứ địa này, còn Giáp phụ trách hướng quan trọng nhất sẽ mở đường từ Cao Bằng. Ban xung phong Nam tiến đã tổ chức được 19 đội xung phong, dùng hình thức vũ trang tuyên truyền. Bản thân Giáp có hai quả lựu đạn thì một quả bị xịt nhưng ông vẫn thường xuyên gài ở thắt lưng. Ông nói: "Trong những vùng phong trào còn chưa phát động, quần chúng vốn sợ vũ khí, thì bất cứ thứ gì dù là một khẩu súng, một quả lựu đạn cũng góp phần nâng cao tinh thần cho đồng bào". Người phó của ông là Lê Thiết Hùng có một khẩu súng lục thì bắn hai phát đã có một phát kẹt nòng. Trong mỗi đội Nam tiến có bốn đảng viên làm nòng cốt. Trước khi lên đường làm nhiệm vụ, Hồ Chí Minh căn dặn họ: Chú Văn phải chú trọng thêm quân sự, còn chú Hùng phải chú trọng thêm chính trị. Phương châm hoạt động là vũ trang tuyên truyền nhưng chỉ tác chiến khi thật cần thiết.

Khi đi qua tổng Kim Mã, lần đầu tiên Giáp phải rút vào rừng để tránh khủng bố. Cả tổng bị địch bao vây chuẩn bị cho một trận càn mới. Trời mưa như trút nước, Giáp và mấy anh em trong đội phải đi bộ hàng giờ để tiến sâu vào rừng. Bị bao vây tứ phía, mệt mỏi và đói, cả đội bước đi chân không vững chẳng khác gì ma đói. Mấy hôm sau, trận càn kết thúc, bọn lính của quan châu rút về, cả đội đi về phía nam dãy Phia Booc.

Trong chuyến Nam tiến lần này, Giáp nhận được tin khẩn cấp của Thường vụ Trung ương. Chỉ trong vài ngày phải vượt qua một vùng đặc biệt hiểm trở, dài đến 200 kilômét mới về đến căn cứ. Tin sét đánh là ngày 29 tháng 8 năm 1942, Hồ Chí Minh trên đường công tác sang Trùng Khánh để tiếp xúc với Đồng minh và Đảng Cộng sản Trung Quốc bị bọn Trung Hoa Quốc dân Đảng bắt và đã mất trong tù. Khi đi Người mang thẻ nhà báo và giấy thông hành nhưng đến Tĩnh Tây bị bắt với lý do giấy tờ tùy thân quá hạn. Một đồng chí ở Quảng Tây đã nghe tin Người mất. Một ngày u ám...

Mấy tháng sau, Hồ Chí Minh qua một bài thơ chữ Hán viết bên lề một tờ báo Trung Quốc báo tin Người vẫn còn sống. Giữa lúc đó, vào tháng 9 năm 1943, hai đội Nam tiến của Giáp và Tấn đã gặp nhau ở Nghĩa Tá, nơi sau này trong kháng chiến chống Pháp từ năm 1947 sẽ là an toàn khu của chính

phủ và các cơ quan trung ương. Xã Nghĩa Tá được đổi tên thành xã Thắng Lợi.

Hạ tầng cơ sở của một khu du kích và kháng chiến đã được xây dựng, vắt ngang trên sáu huyện của tỉnh Cao Bằng và Bắc Cạn. Theo đà tiến quân bằng phương pháp "nhảy cóc", du kích quân từng bước thành lập chính quyền mới từ thôn xóm đến làng, rồi đến tổng và cuối cùng là các huyện mới, mang tên các vị anh hùng dân tộc như Lê Lợi, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Trần Hưng Đạo. Trên con đường "Tây tiến" về hướng Vân Nam, từ đây có thể mua và chở vũ khí về, trong các triền núi cao dọc trục đường Cao Bằng - Sóc Giang ngày 25 tháng 9 năm 1943 đã thành lập một khu "hoàn toàn" có nghĩa là toàn dân trai gái, già trẻ đều vào hội cứu quốc được đặt tên là khu Thiện Thuật. Đầu tháng 11, sau lễ kỷ niệm Cách mạng tháng Mười Nga, Giáp chủ trì việc thành lập một khu "hoàn toàn" nữa trên các triền núi dọc theo con đường Cao Bằng - Bắc Cạn, đặt tên là khu Quang Trung. Việc thành lập các căn cứ dựa vào địa thế tự nhiên như thế nhằm ba mục đích: đưa các thành phần dân tộc đang sinh sống trong vùng vào các tổ chức cứu quốc để tăng cường đoàn kết giữa họ với nhau, chuẩn bị một khu an toàn để đồng bào ở thung lũng có nơi ẩn náu khi địch khủng bố, làm bàn đạp để mở rộng phong trào sang các vùng khác.

Về phía đông, nơi đã có phong trào du kích Bắc Sơn từ năm 1941, số hội viên Việt Minh tham gia tự vệ lên tới 1.004 người và vươn ra đến tận biên giới Trung Quốc tại vùng Thất Khê. Ở đây phong trào phát triển rất cao về mọi mặt. Mười lớp xóa nạn mù chữ được mở ra. Đến mùa thu hoạch, đồng bào đưa thóc vào các kho tích trữ trong rừng để đề phòng địch khủng bố, cán bộ và dân chạy vào đây sẽ có cái ăn.

Quay lên hướng Bắc, Giáp chuẩn bị chủ trì một cuộc mít tinh tại một bản thì biết tin đồng chí cán bộ được phân công đến đón trên đường đi đã bị lính dõng đang tụ tập ở đây vây bắt và chặt đầu ngay tại chỗ rồi bêu ra giữa chợ. Giáp phải quay về ngay cơ quan liên tỉnh ủy bằng một đường khác. Địch tăng cường thêm lính khố đỏ và lính khố xanh khủng bố dân làng. Ở sâu phía trong, địch lập thêm 10 đồn bốt để kiểm soát chặt chẽ việc đi lại của đồng bào, trong đó có hai đồn Phai Khắt và Nà Ngần. Địch phái người mới về lập lại chính quyền ở thôn, xã, lập hàng rào ba lớp tre bao quanh làng. Nhà nào có con em tình nghi đi làm cán bộ thoát ly đều bị theo dõi, bị đốt phá và buộc gia đình đó phải rời đi nơi khác.

Đối với Giáp, mùa đông năm 1943 - 1944 là quãng thời gian gay go nhất. "Địch tăng cường đàn áp. Chúng tôi nhận thấy cán bộ cốt cán của phong trào chạy lên rừng ngày một đông. Tiếp tế cho số người này quả là một vấn đề nan giải, ngày càng khó giải quyết. Bọn lý dịch cấm đồng bào đưa lúa hay ngũ cốc ra khỏi làng. Đây đó, đúng giữa mùa gặt, những bông lúa trĩu hạt, đồng bào cố ý để thóc rụng. Chúng tôi đành phải tổ chức đi mót, rồi giã ngay tại đồng, khi đem nấu hạt cơm rắn như gạo rang. Từ hôm bọn lính dõng đánh đập ngay giữa đường một cụ bà có gạo trong mũ và một phụ nữ có một ít thóc ẩm đem ra đồng để gieo hạt, nhiều chị em rất sợ... Trong nhiều tháng, chúng tôi chỉ ăn ngô qua ngày, thậm chí có thời gian chỉ ăn thân cây chuối rừng.

Một buổi tối, chúng tôi ngồi họp bàn công tác trong một bầu không khí nặng nề - nhiều người lặng thinh không nói gì - một đồng chí nói với chúng tôi:

- Các đồng chí hãy ở lại với chúng tôi một thời gian nữa, đừng quay về xóm vội. Tôi đã về mấy lần rồi đành phải quay lại. Bà con trong làng lánh mặt chúng tôi.

Tôi đáp:

- Hơn bao giờ hết, đây chính là lúc chúng ta phải bám vào dân. Nếu chúng ta để kẻ địch tha hồ làm mưa làm gió với đồng bào thì cơ sở của chúng ta mất bao nhiêu công sức mới gây dựng được dần dần sẽ tan vỡ hết.

Sau những cuộc họp như thế, chúng tôi lại chia nhau thành những tốp nhỏ để lần về làng. Mỗi người đem theo một ít lương khô, một ống tre đổ đầy muối rồi phục sẵn bên đường mòn gần nương rẫy của đồng bào, ở trong rừng hay bên các con đường đi chợ để gặp những người có cảm tình với Việt Minh. Cơ quan phải liên tục di chuyển.

Khủng bố gắt gao của địch đã làm giảm đáng kể các cơ sở cách mạng nhưng nơi nào trụ được thì trưởng thành lên trông thấy. Sau một thời gian, đồng bào lại đến với chúng tôi, mỗi nơi một ít, hội viên cứu quốc nối lại liên lạc với chúng tôi, đôi khi đi dự các khóa huấn luyện. Chúng tôi lại mở những khóa đào tạo mới trong rừng và rất nhiều học viên đến học. Trong châu Hà Quảng, chúng tôi tính đã có đến 5.000 hội viên cứu quốc trước khi địch khủng bố, trong đó trên 1.000 tự vệ, thế mà sau đợt khủng bố tạm lắng xuống, hơn 4.000 hội viên cứu quốc lại tham gia sinh hoạt và gần 1.000 tự vệ trở lại hoạt động".

Các căn nhà tranh, nơi đặt cơ quan, ẩn sâu trong các cánh rừng đại ngàn rất khó vào. Chúng tôi thường lội suối để đến, tránh đi trên đường cái sợ để lại vết chân, địch sẽ phát hiện được." Giáp kể, cứ mỗi lần ở ngoài về quần áo ướt sũng, việc dùng gậy chống hay giày dép cũng bị cấm hẳn để địch không lần ra dấu vết.

Khắp nơi, chỗ nào có điều kiện là du kích tập luyện ngày đêm. Có các lớp cho cán bộ châu, cán bộ huyện. Các tổ xung kích hoạt động trở lại. Những tên ra đầu thú làm tay sai cho địch đều bị trừng trị, tổ chức phục kích trên đường tuần tra của chúng. Phạm vi hoạt động của các tổ xung kích thường ở chỗ vắng vẻ xa thôn bản để địch không khủng bố trả thù đồng bào.

Con đường Nam tiến bị cắt thành nhiều đoạn, nên đến đầu năm 1944 phân đội trung tâm phải mở lại theo một hướng khác. Đến giữa mùa đông, tình hình tiến triển tốt hơn với những con đường nhỏ. Người ta đi dưới lòng suối để không để lại dấu vết và cũng tránh không làm nát lớp rêu đá. Cứ như thế, vào mùa đông năm 1943 - 1944 Việt Minh vẫn giữ vững căn cứ, đẩy lùi phạm vi khủng bố của địch và mở rộng thêm nhiều địa bàn. Một đại đội du kích Mèo được thành lập, đồng bào dân tộc Sán Chỉ gần Bảo Lạc cũng đi theo Việt Minh khá đông. Từ tháng 7 năm 1944, liên tỉnh ủy Cao-Bắc-Lạng nhận định phong trào khá mạnh để có thể phát động khởi nghĩa. Tháng 8, liên tỉnh ủy triệu tập cuộc họp toàn thể. Hội nghị họp trong một cái hang rộng, bên ngoài có cổng chào bằng tre nứa kết lá, có cột cờ, có nơi ăn nghỉ cho các đại biểu. Không khí buổi họp không còn bí mật tuyệt đối như xưa. Đại biểu ngồi họp quanh những chiếc bàn tre. Bên ngoài có các tiểu đội tự vệ canh gác. Giáp và Đồng đều có mặt tại cuộc họp. Báo cáo chủ trương phát động khởi nghĩa là đáp ứng nguyện vọng nóng bỏng của đại biểu dự hội nghị. Ai nấy đều nhận thấy tình hình địa phương đã thay đổi. Tuy nhiên để tránh hiểu lầm, hội nghị quyết định dùng mấy từ "phát động chiến tranh du kích" thay cho "khởi nghĩa" và dự kiến thời gian chuẩn bị để hai tháng sau sẽ chuyển sang hành động.

Công việc chuẩn bị đang được tiến hành khẩn trương thì Hồ Chí Minh bất ngờ từ Trung Quốc trở về. Sau khi bị bắt ngày 29 tháng 8 năm 1942[4], Người bị bọn Trung Hoa Quốc dân Đảng dẫn giải khắp

Quảng Tây, chuyển từ nhà tù này sang nhà tù khác trong hơn một năm trời. Hồ Chí Minh có đem về một tập thơ chữ Hán, trong đó Người tả một cách hóm hỉnh 18 nhà giam đã lần lượt "đón tiếp" Người: gông đeo cổ, xích quàng chân suốt ngày đêm. Ngày 10 tháng 9 năm 1943, chúng mới trả tự do cho Người. Nguyên do là từ tháng 9 năm 1942, các tướng Trương Phát Khuê và Tiêu Văn đã thất bại trong việc lôi kéo đám "quốc dân" đang lưu vong ở Trung Quốc làm việc cho chúng trong kế hoạch "Hoa quân nhập Việt" của chúng. Tháng 10 năm 1942, tổ chức Đồng minh hội vốn không ưa cộng sản và Việt Minh nay theo lệnh chúng tổ chức hội nghị tại Liễu Châu. Ban chấp hành mới có 17 người trong đó có Nguyễn Hải Thần và Vũ Hồng Khanh, những chuyện lục hặc ghen ghét giữa Đại Việt lúc đầu thân Nhật và Việt Nam Quốc dân Đảng không vì thế mà giảm bớt. Bọn quan thầy Trung Hoa Quốc dân Đảng thấy không tiện cử bọn tướng lĩnh của chúng đứng đầu ban chấp hành để giải quyết các tranh chấp. Nguyễn Hải Thần sau khi đút túi một khoản tài trợ lớn đã cao chạy xa bay. Còn Vũ Hồng Khanh thì quay về Côn Minh nhưng bị anh em Việt Minh đã gây được cơ sở vững chắc trong cộng đồng người Việt di cư tại đây tẩy chay không hợp tác. Sau này trong hồi ký của mình, tướng Trương Phát Khuê đã than thở: "Nhóm này chống lại phe kia, bọn họ chỉ mất thì giờ vào việc công kích lẫn nhau mà không chịu làm bất cứ việc gì. Và một số người không hề có chút phẩm chất nào của những người hoạt động cách mạng".

[4] Theo tư liệu của Khu Di tích Phủ Chủ Tịch, Hồ Chí Minh bị Trung Hoa Quốc dân Đảng bắt ngày 27/8/1942 tại Túc Vinh, Thiên Bảo, Quảng Tây (BT).

Mệt mỏi vì những chuyện cãi cọ xích mích và biển thủ tiền quỹ, cuối cùng viên tướng Tàu phải nhờ đến Hồ Chí Minh, theo lời khuyên của tướng Tiêu Văn vốn có cảm tình với Đảng Cộng sản. Hắn đánh giá lãnh tụ Việt Minh là một con người cương nghị, làm việc miệt mài, nói được tiếng Trung Quốc, tiếng Anh và cả tiếng Pháp và thông thạo nhất các vấn đề quốc tế trong số người Việt lưu vong. Hồ Chí Minh không về Việt Nam và đến tháng 3 năm 1944 cùng với Phạm Văn Đồng tham dự hội nghị cải tổ Đồng minh hội, có Việt Minh tham gia. Trung Hoa Quốc dân Đảng đang ráo riết chuẩn bị kế hoạch "Hoa quân nhập Việt" nên phải cần có sự hỗ trợ của một phong trào có cơ sở ở trong nước. Hồ Chí Minh lúc này tìm cách biến các nhóm cơ sở của Đồng minh hội thành chi nhánh của tổ chức Việt Minh. Ở Trung Quốc, Hồ là người duy nhất có khả năng làm một công việc cụ thể. Mặc dù tại Quảng Tây, ông là người duy nhất đề cập đến nền độc lập hoàn toàn của Việt Nam, tướng Trương Phát Khuê đã cho rằng sẽ có lợi hơn khi để Hồ Chí Minh cùng với 18 thanh niên Việt Nam vừa kết thúc khóa huấn luyện tại Đệ tứ chiến khu được quay về Việt Nam.

Sau khi nghe báo cáo về công việc chuẩn bị khởi nghĩa của liên tỉnh ủy Cao-Bắc-Lạng, Hồ Chí Minh nhận xét ngay là chủ trương đó chỉ do chủ nghĩa lạc quan mà ra. Cuộc khủng bố năm 1942 đã chẳng phải một phần do bộc lộ lực lượng quá sớm đó sao? Vậy lần này tình hình sẽ ra sao khi địch còn có thể khủng bố gắt gao hơn nữa, nếu chiến tranh du kích nổ ra. Đánh trả như thế nào? Làm sao bảo vệ được dân làng trốn khủng bố kéo lên rừng? Lực lượng đâu để can thiệp về mặt quân sự khi các đơn vị vũ trang hiện có còn phân tán khắp nơi? Bây giờ, Người nói, là lúc phải chuyển từ đấu tranh chính trị sang đấu tranh vũ trang nhưng đấu tranh chính trị phải đi trước một bước.

Chính trong điều kiện đó, Người quyết định thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân gồm những học sinh quân đã theo các khóa huấn luyện ở Quảng Tây, trong đó có Hoàng Văn Thái và các phần tử tích cực nhất của các lực lượng tự vệ địa phương. Thế là khoảng tháng 11, 12 năm 1944 đã thành lập một đội được trang bị hãy còn khiêm tốn: 19 khẩu súng musqueton và 14 khẩu súng kíp do

đồng bào miền núi chế tạo. Ngày 22 tháng 12, đứng trước Giáp đội mũ dạ đen, 34 con người ăn mặc mỗi người một kiểu làm lễ tuyên thệ trong một khu rừng. Từ năm sau trở đi, ngày này được coi là ngày thành lập quân đội. Ba mươi tám giờ sau, như người ta đã biết, họ bất ngờ đánh chiếm hai đồn của Pháp là Phai Khắt và Nà Ngần.

Ngày 9 tháng 3 năm 1945, Nhật đảo chính Pháp. Cuộc chính biến này đã đẩy nhanh tiến độ biến chuyển của các sự kiện. Chỉ trong một đêm huyền thoại về sự "có mặt" của người Pháp do Toàn quyền Decoux đề xướng đã sụp đổ tan tành. Quân đội Pháp bị tấn công bất ngờ, chỉ trong chốc lát đã bị quét sạch. Tại Lạng Sơn tất cả lính Pháp đồn trú bị tàn sát. Chỉ có một cánh quân mấy nghìn người chạy thoát được sang Trung Quốc qua ngả Tây Bắc. Ngay đêm đó, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp tại Bắc Giang và ra chỉ thị mới: "Kẻ thù duy nhất của nhân dân Đông Dương lúc này là phát-xít Nhật. Đảng phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào đó". Một lời kêu gọi tất cả những người Pháp hãy cùng nhau liên minh với người Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống Nhật được tung ra. Bị cô lập ở thượng du, nơi đang truy đuổi Việt Minh, chỉ huy lính khố xanh ở Bắc Cạn là Pontich đã tìm cách tiếp xúc với những người hôm trước còn là địch thủ của mình khi được tin Nhật đảo chính. Từ tháng 8 năm 1944 trong vùng này, Giáp đã ra lời kêu gọi những người Pháp "tự do" đề nghị cùng nhau hợp tác chống Nhật. Ngày 23 tháng 3, một cuộc gặp chính thức giữa hai bên đã diễn ra. Giáp thân hành đến chỗ họp với 40 chiến sĩ du kích.

Để đổi lấy 165 khẩu súng trường Remington và khoảng 40 khẩu musqueton không còn tốt nữa, Giáp cam kết cung cấp người dẫn đường và tin tức tình báo. Người Pháp và Việt Minh cùng thi hành bản án xử bắn một tên quan cộng tác với Nhật. Nhưng sau 48 tiếng đồng hồ thảo luận, kết quả đạt được chỉ dừng lại ở đó. Để đàm phán một thỏa thuận thật sự về mặt quân sự, Giáp đề nghị được tiếp xúc với đại tá Seguin chỉ huy cánh quân sông Lô đang rút chạy khỏi Tuyên Quang. Nhưng đề nghị của Giáp không có hồi âm. Tuy nhiên ở phía bắc, tại Cao Bằng ngày 28 tháng 3, một thỏa thuận được ký kết giữa đại diện Việt Minh và đại tá Reul chỉ huy quân khu 3 tại Bắc Kỳ trên cơ sở sau đây: gác lại quá khứ nhìn về tương lai, liên minh hoàn toàn trong cuộc đấu tranh chống Nhật. Những cánh quân của Reul là sự tập hợp vội vã các đơn vị ở nhiều đồn lẻ trong tỉnh nên có thể coi là lực lượng duy nhất của quân đội Pháp ở Đông Dương còn bám trụ ở Đông Dương và không có sự giúp đỡ nào từ phía Pháp. Tình hình địa phương xấu đi do những người cách mạng Việt Nam yêu cầu được cấp vũ khí đánh Nhật mà đại tá Reul không thể thỏa mãn, rồi những vụ va chạm xảy ra, cộng với nhiều vụ đào ngũ phần lớn ở nơi khác, cuối cùng đại tá Reul vượt biên sang Trung Quốc, sau khi có được một "thành tích" là đánh du kích chống Nhật trong ba tháng ở Cao Bằng. Bất chấp những cố gắng của Giáp, mà những thư từ trao đổi giữa hai bên còn để lại chứng tỏ ông có sự mềm dẻo rất lớn trong ngoại giao, những khả năng sang trang mới của lịch sử và tiến tới một kiểu hợp tác mới Pháp-Việt đã bị bỏ qua. Như vậy, cho đến giữa tháng 3 năm 1945, Việt Minh là lực lượng quân sự duy nhất ở Việt Nam chống Nhật. Những cuộc đào ngũ ồ ạt của lính khố đỏ, khố xanh, lính dõng đã cung cấp cho Việt Minh một lượng vũ khí nhiều nhất từ trước tới nay. Thậm chí nhiều nơi tù chính trị còn vượt ngục. Những người cộng sản bị giam ở Sơn La đã xây dựng được một cơ sở vững chắc ở trung lưu sông Hồng và vùng rừng núi gần Yên Bái, trước khi họ "nhảy cóc" sang Tuyên Quang. Ở miền Nam và miền Trung, những mạng lưới hoạt động bí mật được tăng cường. Gần trại tập trung Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, tù nhân chính trị lập khu du kích với sự giúp đỡ của những người dân miền núi. Tại Huế, Nguyễn Chí Thanh (sau này là Đại tướng) và nhà thơ Tố Hữu (vượt ngục từ năm 1942) cũng rục rịch chuẩn bị cướp chính quyền. Tại vùng Sài Gòn, Việt Minh bí mật nắm các tổ chức quần chúng đặc biệt là thanh niên tập hợp chung quanh bác sĩ Phạm Ngọc Thạch.

Từ ngày 15 đến 20 tháng 4, Ủy ban quân sự của Trung ương Đảng họp tại Bắc Giang. Không dùng ngựa, Giáp đi bộ, mặc áo the, quần trắng, đầu đội khăn xếp bằng nhiễu đen. Sau 5 năm xa đồng bằng, ông lại thấy những cánh đồng lúa ngập nước thẳng tắp đến tận chân trời, chỉ có những lũy tre ken dày bao quanh các làng xóm nay không còn trở ngại nữa mà đã thành những nơi ẩn náu chắc chắn cho những người hoạt động cách mạng. Trường Chinh, Chu Văn Tấn, Trần Đăng Ninh, Lê Thanh Nghị, Văn Tiến Dũng đã đến đây đông đủ. Một tin dữ đang chờ ông.

Giáp kể: "Từ ngày lên đường đi họp tôi hy vọng về đây gặp các anh sẽ được biết tin nhà. Mấy năm qua, không được tin tức gì về gia đình, tôi có đôi lần gửi thư về nhà nhưng không rõ có đến nơi hay không. Tôi cảm thấy ngày chúng tôi gặp lại nhau không còn xa nữa. Buổi chiều gặp lại anh Trường Chinh và các anh khác sau bao năm xa cách, thật là vui mừng khôn xiết. Tôi sang ngồi nghe các anh kể chuyện địch khủng bố gắt gao dưới xuôi, cơ quan luôn phải di chuyển địa điểm thì anh Trường Chinh nói:

- Chị Thái chỉ vì gửi cháu chưa được, chưa kịp đi bí mật thì bị địch bắt, cũng không ngờ chị đã mất trong tù rồi.

Tôi lặng người đi. Lát sau tôi hỏi:

- Anh nói sao? Thái mất rồi ư?

Anh Trường Chinh có vẻ ngạc nhiên hỏi lại:

- Anh chưa biết tin gì sao?

Khi ở Cao Bằng, các anh cũng đã có lần nghe tin Thái bị bắt nhưng vẫn giấu chưa muốn cho tôi biết. Tôi bàng hoàng, đi sang buồng bên chưa tin hẳn điều các anh nói là sự thật".

Nhưng lúc này, chuyện tình cảm phải gạt sang một bên. Trong năm ngày họp, Ủy ban quân sự quyết định các biện pháp nhằm tăng cường phong trào du kích và thống nhất việc chỉ đạo hoạt động quân sự. Từ mùng 1 tháng 5, Giáp trở lại căn cứ và đợi Hồ Chí Minh đi công tác tại Trung Quốc sắp về.

Vẻ mệt mỏi còn chưa tan hết trên gương mặt sau một hành trình dài, Hồ Chí Minh cưỡi ngựa từ mạn trên xuống. Người để râu cằm, cặp mắt tinh anh ngời sáng trên khuôn mặt hốc hác. Giáp gặp lại Hồ Chí Minh tại một địa điểm trên đường Bắc Cạn đi Cao Bằng.

Người đứng đầu Việt Minh lại một lần nữa chứng tỏ sức dẻo dai và tài ngoại giao của mình. Cuối năm 1944, một phi công Mỹ tên là Shaw lâm nạn đã nhảy dù xuống vùng Việt Minh kiểm soát, được cán bộ và nhân dân cứu thoát. Được những người mang vũ khí trong người đi hộ vệ, Hồ Chí Minh đưa Shaw đến một thị trấn thuộc tỉnh Vân Nam. Tại đây, Shaw được các nhà đương cục Trung Hoa Quốc dân Đảng đưa lên máy bay nhưng không cho Hồ Chí Minh đi theo. Nhưng Hồ Chí Minh không nản chí, ông đi bằng phương tiện của mình đến tận Côn Minh. Khi tới đây, Shaw đã về Mỹ nhưng ông được tướng Claire Chennault và O.S.S (Office Strategic Service - Cơ quan tình báo chiến lược) tiếp và cảm ơn vì đã cứu sống Shaw. Họ đã cùng nhau thảo luận về việc một phái đoàn Mỹ sẽ đến Đông Dương. Trở về Bách Sắc, một thị trấn gần biên giới Trung-Việt, ông được biết Đồng minh hội đã tan rã vì không giải quyết được mâu thuẫn nội bộ. Một lần nữa, Hồ Chí Minh lại tham gia củng cố tổ chức này. Lần này với

người của mình, ông đã biến tổ chức của địch thành tổ chức của ta. Ông lại trở về Việt Nam với một lực lượng gọi là Lữ đoàn hành động gồm 150 người được trang bị khá đầy đủ.

Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp đi gấp về Tân Trào, nơi đây sẽ là thủ đô lâm thời của khu giải phóng trong vùng rừng núi Thái Nguyên. Một Ủy ban chỉ huy lâm thời khu giải phóng được thành lập. Việc triệu tập Quốc dân đại hội được xúc tiến gấp. Tin vui đến dồn dập.

Tại miền Bắc, các cơ sở của Việt Minh mọc lên như nấm sau trận mưa rào. Nông dân nhiều nơi nổi lên phá kho thóc để cứu đói. Toàn bộ vùng rừng núi từ giữa sông Lô đến biên giới Trung Quốc đều do Việt Minh làm chủ, trừ các thị trấn. Ngày 10 tháng 4, đồn Đình Cả ở tỉnh Thái Nguyên có 80 lính canh giữ bị quân cách mạng bao vây, địch bỏ đồn rút chạy nhưng toàn bộ lực lượng bị tiêu diệt trong một trận phục kích. Giữa tháng 5, quân Nhật mở cuộc càn quét lớn có lính khố xanh tham gia, tấn công vào khu giải phóng nhưng thất bại. Cánh quân chính tiến vào Tân Trào bị chặn đánh trong một loạt trận phục kích trên những đoạn đường hiểm trở những núi cùng khe phải rút lui sau khi chịu nhiều thiệt hại, mà không lập được thêm một đồn bốt nào. Trong lúc đó, Văn Tiến Dũng cũng lập được một chiến khu trong dãy núi đá vôi thuộc tỉnh Ninh Bình. Ngày 8 tháng 6, một chiến khu khác được thành lập ở vùng than Đông Triều. Quân Nhật hai lần tấn công vào chiến khu đều phải rút lui không thu được kết quả nào. Sau thắng lợi này, du kích quân mở rộng khu du kích trong vùng đồng bằng Bắc Bộ. Ngày 1 tháng 7, Uông Bí được giải phóng và 10 ngày sau, 500 lính khố xanh đóng ở Quảng Yên rất gần cảng Hải Phòng chạy sang hàng ngũ cách mạng. Cuối tháng 6, một toán sĩ quan Mỹ nhảy dù xuống khu giải phóng đem theo một ít vũ khí. Nhiều toán vũ trang được thành lập tại Bến Tre và Mỹ Tho ở miền Nam.

Mùa hè năm 1945, Việt Nam như một thùng thuốc súng sẵn sàng nổ tung.

Giữa lúc Hội nghị Đảng toàn quốc đang họp thì nhận được tin Nhật đầu hàng không điều kiện. Ngày 16 tháng 8, Hội nghị ra lời kêu gọi tổng khởi nghĩa. Hội nghị thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam - Chính phủ lâm thời do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Đại hội giải tán ngay trong đêm. Rạng sáng ngày hôm sau, đơn vị chủ lực đầu tiên của quân giải phóng lên đường tiến về Thái Nguyên.

Hồ Chí Minh không thể có mặt trong lễ xuất quân. Sau chuyến đi công tác từ Cao Bằng về, Người bị sốt rét. Trong tháng 7, Người đã phải nằm liệt giường nhiều ngày, chỉ uống vài viên aspirin. Chiều nào Giáp cũng đến thăm và báo cáo công việc với Người. Đến ngày thứ bảy, khi Hồ Chí Minh muốn Giáp về, Giáp bảo không có việc gì gấp cần làm và ở lại chăm sóc. Hồ Chí Minh thấy mình rất yếu nên đồng ý. Ban đêm mỗi khi tỉnh giấc, Người lại dặn dò hết việc này đến việc khác. Giáp có cảm tưởng đó là những lời trăng trối cuối cùng. Giáp vội vào làng tìm người giúp.

Người ta chỉ cho Giáp một thầy lang có tiếng trong vùng. Ngày hôm sau, thầy lang đến bắt mạch rồi đi vào rừng và trở lại với một củ rễ sao lên rồi tán nhỏ, đem hòa với cháo nóng cho người bệnh uống. Uống được hai bát thì người bệnh thấy đỡ hẳn. Mấy ngày sau, Hồ Chí Minh đã gượng dậy được.

Trong lúc bên giường bệnh của người lãnh đạo Việt Minh, Giáp đang lo các đội quân của mình tấn công thất bại đồn quân Nhật đóng ở Thái Nguyên thì nhiều sự kiện có tính quyết định đang diễn ra trên một mặt trận khác. Tại miền xuôi và trong thành phố, các cơ sở bí mật của cách mạng không ngừng phát triển. Ngày 10 tháng 3, trước khi nhận được chỉ thị mới của Thường vụ Trung ương Đảng, Đảng bộ địa phương đã chuyển sang hành động. Tại Hà Nội lúc này do Chính phủ thân Nhật của Trần Trọng Kim kiểm soát từ tháng 3, các hội viên tuyên truyền xung kích của Việt Minh được những người có vũ

khí bảo vệ đã tổ chức diễn thuyết chớp nhoáng ở các chợ, rạp chiếu bóng cho đến tận phòng thông tin của thành phố. Tại các cửa ô, các làng đông dân quanh Cầu Giấy, nơi thế kỷ trước Francis Garnier và Henri Rivière tử trận, đã là căn cứ của Việt Minh. Tại đây Vương Thừa Vũ - người chỉ huy Trung đoàn Thủ đô năm 1946 và nhiều cuộc hành quân chống càn ở đồng bằng Bắc Bắc Bộ từ năm 1951 - mở lớp huấn luyện quân sự đầu tiên cho tự vệ Hà Nội. Chính ông năm trước đã dẫn đầu một nhóm tù chính trị, đánh lừa bọn lính gác để trốn thoát trong lúc bị giải từ nhà tù Sơn La đi Côn Đảo. Trong các khóa huấn luyện, học viên trước hết học lý thuyết và rèn luyện tinh thần chiến đấu. Còn về quân sự chỉ mới học mấy động tác sơ đẳng với súng gỗ. Ngay sau khi có tin Nhật đầu hàng Đồng minh, một đại biểu của Việt Minh đã đến tiếp xúc với Phan Kế Toại, Khâm sai của Hoàng đế Bảo Đại ở Bắc Bộ[5]. Lúc đầu các quan điểm còn khác nhau nhưng sau vài ngày tiếp xúc hai bên đã gần nhau hơn, trong lúc Tổng hội viên chức dự định triệu tập mít tinh vào ngày 17 tháng 8 để ủng hộ chính phủ. Cuộc mít tinh sẽ được tổ chức trước thềm cửa Nhà hát Lớn của thành phố Hà Nội (được xây dựng khoảng năm 1900 phỏng theo nhà hát nhạc kịch Opera ở Paris). Ngày hôm đó, khi các diễn giả thân Nhật lên diễn đàn sắp phát biểu thì cán bộ Việt Minh, súng trong tay, chiếm diễn đàn, lấy micro, giật cờ của nhà vua xuống và thay bằng cờ đỏ sao vàng của Việt Minh. Một thanh niên và hai phụ nữ cầm micro hô hào đám đông hô khẩu hiệu ủng hộ Việt Minh. Lính bảo an cũng hòa vào dòng người biểu tình, súng vẫn đeo trên vai nhưng nòng chĩa xuống đất.

[5] Thực ra Phan Kế Toại là Khâm sai Bắc Bộ của Chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim (BT).

Ngày hôm sau, 18 tháng 8, Thành ủy Hà Nội, lâu nay vẫn làm việc bí mật ở ngoại thành, chuyển vào nội thành, đặt trụ sở trong một biệt thự của một viên quan lại thân Pháp nhưng bỏ không. Trong ngôi biệt thự đó, giữa các đồ đạc được trang trí theo kiểu phương Đông, giữa những tấm tranh sơn mài vẽ rồng phượng đỏ chói, Thành ủy Hà Nội quyết định bỏ khẩu hiệu "đánh đuổi giặc Nhật". Trong các doanh trại, quân đội Nhật mặc dù bại trận vẫn tỏ thái độ chống lại những người khởi nghĩa. Cuối cùng các bên thương lượng và người Nhật hứa sẽ giữ trung lập.

Ngày 19 tháng 8, từ sáng sớm, toàn dân Hà Nội đổ ra đường và một đám đông được các đội tự vệ vũ trang đủ kiểu từ musqueton đến súng săn, kiếm, cuốc, gậy gộc... bảo vệ tràn vào trung tâm thành phố. Cuộc mít tinh biến thành biểu tình vũ trang. Dòng người chia thành nhiều đoàn, tỏa ra chiếm Tòa Đốc lý, trại bảo an binh, Sở cảnh sát, nhà tù và Phủ Khâm sai Bắc Bộ.

Hai đại đội bảo an binh bảo vệ phủ Khâm sai ngay gần nhà hát thành phố nhìn thấy cảnh các phố tràn ngập đoàn người từ sáng sớm. Chỉ huy của họ hoang mang không biết xử trí ra sao, còn Khâm sai Phan Kế Toại vẫn đang thảo luận với những người khởi nghĩa. Khi đám đông trèo qua hàng rào, lính khố xanh không phản ứng, súng để dưới chân. Một lúc sau, họ đầu hàng, giao hai trăm khẩu súng musqueton cho những người khởi nghĩa. Những người này từ thuở bé chưa bao giờ cầm súng, lóng ngóng nhận lấy những khẩu súng và lắng nghe những người lính giảng giải cách lắp và lên đạn, ngắm mục tiêu và rút chốt lựu đạn ra sao. Một toán lính Nhật mang theo xe lắp súng liên thanh tự động đến chuẩn bị can thiệp. Những người biểu tình đàm phán với viên chỉ huy. Bởi lẽ quân đội Nhật chỉ còn chờ hồi hương và những người cách mạng cam kết không tỏ thái độ thù nghịch với họ trong chừng mực quân đội Nhật không can thiệp vào công việc nội bộ của người Việt Nam. Đến 16 giờ quân Nhật quay về trại. Từ lúc đó, Việt Minh làm chủ thành phố.

Tại Huế ngày 23 tháng 8, 150.000 người dân xuống đường và Hoàng đế Bảo Đại tuyên bố thoái vị. "Thà làm dân một nước độc lập còn hơn làm vua một nước nô lệ". Ngày 25, tại Sài Gòn dân chúng tụ

tập còn đông hơn thế, chen chúc nhau ngoài phố. Họ đến từ các vùng ngoại thành rộng lớn có truyền thống cách mạng. Tất cả các đường phố đều đông nghẹt người, tay vác gậy tầm vông vót nhọn, thứ vũ khí thô sơ của những ngày đầu kháng chiến chống Pháp nay lại xuất hiện trở lại.

Nhưng không phải tất cả các tin đều là tin vui. Theo các điều khoản thỏa thuận ký giữa các nước Đồng minh, quân của Tưởng Giới Thạch sẽ vào miền Bắc để giải giáp quân Nhật. Còn ở miền Nam việc đó được giao cho người Anh. Nhưng trước khi quân Tưởng kéo vào thì tối ngày 22 tháng 8, một nhóm sĩ quan Pháp đã có mặt và người Nhật đưa họ về khách sạn Metropole. Quần chúng phẫn nộ đã vượt các dây chắn bảo vệ xông vào khách sạn la ó. Người Nhật không muốn làm tình hình thêm căng thẳng bèn đưa nhóm sĩ quan Pháp về Phủ Toàn quyền. Sự có mặt khác thường đó đã làm dân chúng lo ngại. Một đoàn đại biểu đến gặp thiếu tá Patti trưởng phái bộ Mỹ đã đến Hà Nội bằng máy bay. Patti không che giấu thiện cảm của mình với Việt Minh và nền độc lập của Việt Nam, trả lời cho đoàn đại biểu Việt Nam: Miền Bắc Việt Nam giao cho quân đội Trung Hoa quản lý.

Trong khi đó nhóm lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương về đặt cơ quan làm việc tại nhà riêng của một nhà tư sản giác ngộ cách mạng ở số nhà 48 phố Hàng Ngang, được chủ nhà giới thiệu với hàng xóm là bà con ở tỉnh lẻ về Hà Nội chơi. Trường Chinh cũng để râu cằm như một ông già nhà quê. Tất cả mọi người làm việc, ăn ngủ tại tầng 1 trong ngôi nhà của một nhà tư sản ở Hà Nội. Tầng hai được dành cho Hồ Chủ tịch, ông đặt chiếc máy chữ bất ly thân trên chiếc tủ đầu giường. Bác Hồ về Hà Nội sau mọi người. Khi đó những đơn vị đầu tiên của Tưởng Giới Thạch đã vào Hà Nội, quân phục rách rưới, bộ dạng lôi thôi, nhếch nhác. Một đội quân dường như được tuyển chọn vào phút chót, lê đôi chân phù thũng vì bệnh tê phù trên đường phố thủ đô xứ Bắc Kỳ đang đói kém mà tưởng lầm như một xứ béo bở.

Do đường về Hà Nội bị ngập ở nhiều đoạn nên quân giải phóng về chậm, khiến mọi người nóng lòng chờ đợi. Cuối cùng ngày 26 tháng 8, người ta mới báo tin hai đại đội giải phóng quân đã về đến Gia Lâm đang chờ người của chính phủ sang đón. Vương Thừa Vũ sang ngay Gia Lâm, gặp gỡ anh em và sau khi bàn cãi dài dòng với người Nhật mới tổ chức được việc đón tiếp quân giải phóng. Đi đầu là đoàn quân nhạc, đoàn quân giải phóng vượt qua cây cầu Paul Doumer[6] dài 1.400 mét rồi diễu qua đám đông tràn đầy phấn khởi đứng hai bên đường kéo dài đến quảng trường trước cửa Nhà Hát Lớn, tại đây đã diễn ra cuộc diễu binh đầu tiên.

[6] Tức cầu Long Biên (BT).

Từ hôm sau, các chiến sĩ du kích đã tiếp xúc với các thành viên của chính phủ lâm thời vừa được thành lập vào phút chót sau khi đưa thêm một số nhân sĩ tiến bộ vào Ủy ban dân tộc giải phóng thành lập ở Tân Trào. Chính phủ họp phiên đầu tiên tại phòng khách của tư dinh Thống sứ Bắc Kỳ, nay là Nhà khách Chính phủ. Cụ Nguyễn Văn Tố, thành viên của Viện Viễn Đông Bác cổ, được cử giữ chức Bộ trưởng cứu tế xã hội, đến dự họp ăn mặc âu phục trang trọng kiểu thành phố, đeo cà vạt. Phải một lúc cụ mới biết ông già người gầy gò bé nhỏ, mặc quần soóc màu nâu đã bạc màu, tay cầm ba toong, đầu đội chiếc mũ thuộc địa cũng phai màu, vành vểnh cao, lại chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chắc hẳn ông không khó khăn gì để kiếm một bộ trang phục khác. Nhưng ông không muốn. Ông muốn đóng một vai trò thỏa hiệp, một thói quen kỳ lạ khác? Có lẽ người ta cũng đã nói như thế về Gandhi. Nhưng đúng hơn cả là tính giản dị và trí thông minh chính trị cực kỳ sâu sắc.

Trong chính phủ mà sau này phải làm việc với những đối thủ hùng mạnh rất gay go để tự khẳng định

mình trên trường quốc tế, ông đảm nhiệm một bộ then chốt là Bộ Ngoại giao. Còn Võ Nguyên Giáp, giữ vị trí thứ hai ngay sau ông, đầy rẫy khó khăn là Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Ông Giáp cũng như Hồ Chí Minh sẽ phải đối phó với những đối thủ sừng sỏ.

Nhà chính khách 1945 - 1946

... Hàng ngày đi chợ không làm sao mà đuổi kịp giá gạo đang tăng lên vùn vụt. Dân đang đói, đói dữ lắm, đến mức nhà nào cũng có người chết đói, còn người sống thì chỉ còn đôi mắt nhớn nhác. Nhiều người đã phải bán hết mọi thứ để mua cái gì cho vào bụng. Trong làng nhiều nhà bỏ hoang và những con người hấp hối sắp trút hơi thở cuối cùng. Đói! Họ phải chuyển sang ăn cả vách đất. Phải dỡ cái mái nhà rầm bán ấy chứ? Nhưng đào đâu ra người mua. Đói. Mọi người nhặt nhạnh bòn mót những gì còn đáng đồng tiền trong nhà. Họ lê lết ra chợ để kiếm vài đồng bạc mua một nắm ngô nhai sống nuốt lấy nuốt để, uống vội một ngụm nước rồi khụy xuống đổ vật trên mặt đất.

Đó là câu chuyện của ngày hôm qua, dưới con mắt nhà văn Nguyên Hồng. Mùa đông năm 1944 quả là đói khủng khiếp, làm hai triệu sinh mạng phải từ giã cõi đời. Từng đoàn người ăn mặc rách rưới hướng về các thành phố. Vỉa hè ngang dọc xác người chết đói. Bây giờ là tháng 8 năm 1945, thành phố Hà Nội không còn là hòn đảo giữa miền châu thổ ngập nước. Con sông đến mùa lũ chở những lớp sóng đục ngầu bùn đất cao đến tận tầng một, tầng hai các nhà bên ngoài đê. Mức nước đã đến cốt 12,8 mét. Trên thượng lưu, hệ thống đê chắn lũ đã vỡ và mùa màng mất trắng ở chín tỉnh. Tháng 10 là tháng đỉnh điểm của khô hạn. Đó là nghịch lý muôn đời của miền châu thổ sông Hồng. Mùa hè nước quá nhiều, mùa đông nước không đủ. Tính sơ bộ cũng đã thấy năm nay thiếu khoảng 500.000 tấn lúa cho nhân dân miền Bắc.

Ngay hôm sau lễ Tuyên ngôn Độc lập trên quảng trường đông nghẹt, ngày 2 tháng 9, Chính phủ lâm thời họp tại Dinh Thống sứ cũ. Tất cả phải làm bắt đầu từ con số không.

Trong hai năm quyết định đó, Võ Nguyên Giáp lần lượt là nhà ngoại giao, nhà hùng biện và nhà chính khách. Sự khôn khéo cũng như sự cương quyết của ông và trên hết ý thức chính trị của ông đã cho phép ông làm lùi lại thời gian đối đầu, đồng thời tranh thủ tăng cường tiềm lực để đối phó.

Là Bộ trưởng Nội vụ, Thứ trưởng Quốc phòng và Tổng chỉ huy lực lượng vũ trang cho đến khi mở rộng chính phủ, ngày 2 tháng 3 năm 1946 ông nhường chức Bộ trưởng Nội vụ cho chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng để trở thành Chủ tịch Ủy ban kháng chiến do Quốc hội thành lập rồi Bộ trưởng Quốc phòng sau khi thay đổi thành phần chính phủ ngày 3 tháng 11. Như vậy, Võ Nguyên Giáp là chính khách nổi bật nhất sau Hồ Chí Minh.

Trong thời gian Người cùng Phạm Văn Đồng sang Pháp đàm phán, từ tháng 6 đến tháng 9, Võ Nguyên Giáp là nhân vật chủ chốt trong bộ máy chính phủ được Bộ Chính trị ngầm đứng sau tạo lực. Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố tự giải tán tháng 11 năm 1945 nhưng đó chỉ là một biện pháp chiến lược do tình thế đòi hỏi.

Trước hết phải có gì ăn đã. Và muốn thế phải phá vỡ cấu trúc cũ song không đi đến cách mạng triệt để có thể phá vỡ khối đoàn kết dân tộc. Trong khi xóa bỏ chế độ quan lại và hành chính, tư pháp ngày 12 tháng 9, vị Bộ trưởng Nội vụ Võ Nguyên Giáp gạch một nét ngang với quá khứ mà không ai muốn. Để bảo đảm sản xuất lương thực đủ ăn, sau khi nước rút, vấn đề đầu tiên là hàn gắn đê điều, trồng ngô khoai sắn cứu đói trên các vệ đường sắt, đường bộ, trong các công viên và quảng trường công cộng.

Người ta đào giếng, tát nước dưới ánh trăng. Những nhóm chính trị nghiêng về tả nhiều nhất nói đến cách mạng xã hội và chia ruộng đất cho tất cả những người chủ ruộng không phân biệt. Võ Nguyên Giáp đã lập lại trật tự. Một chương trình như thế chỉ đem lại tai họa! Ông nói: "Những người tự xưng là cách mạng đó không thấy rằng trước mắt khẩu hiệu của chúng ta là độc lập và chỉ có một cách thực hiện: đó là đoàn kết". Nhưng ông cũng quyết định người nào có khả năng đều được tự do khai hoang. Việc chia lại đất công làng xã được tiến hành trên nền tảng dân chủ nhất mà không xâm phạm chính sách "đại đoàn kết". Trong tháng 9, cùng với việc hủy bỏ các quy định quản lý rượu và muối, chế độ thuế thân đã bị bãi bỏ. Giảm tô thuế 25%.

Từ ngày 8 tháng 9, Võ Nguyên Giáp đã ban bố tổng tuyển cử bầu Quốc hội lập hiến. Nhưng những tay thân Trung Quốc đều giở thủ đoạn phá rối một cách có hệ thống. Để hoạt động tốt hơn, Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố tự giải tán ngày 11 tháng 11, chỉ còn lại một Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương do Trường Chinh làm chủ tịch. Thực tế các đảng viên vẫn tiếp tục hoạt động nửa bí mật ngay trong chế độ do họ lãnh đạo.

Sức ép của Trung Quốc ngày càng xiết chặt chung quanh Hồ Chí Minh, nhưng dư luận chung ủng hộ ông gây ấn tượng với Trung Hoa Quốc dân Đảng và những đồng minh người Việt của họ. Theo các thỏa thuận ký cuối tháng 12 năm 1945 giữa các bên, cuộc Tổng tuyển cử được hoãn đến ngày 6 tháng 1 năm 1946 đã dành 70 ghế tham gia Quốc hội không qua bầu cử cho phe đối lập. (50 ghế cho Việt Nam Quốc dân Đảng và 20 ghế cho Đồng minh hội[1]).

[1] Chính xác là Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội, gọi tắt là Việt Cách (BT).

Vấn đề gay gắt nhất là sự có mặt của quân đội nước ngoài. Chẳng mấy chốc miền Bắc Việt Nam sẽ bị mất máu vì những con đỉa Trung Hoa Quốc dân Đảng. Từ tháng 8, một đám quân ô hợp cũng được gọi là Trung Hoa Dân quốc ồ ạt kéo vào miền Bắc. Nói cho đúng mà cũng thật nực cười, đó là nông dân tháo chạy khỏi cái đói mà vào như đàn ong vỡ tổ theo những ngả đường Việt Nam. Khi được biết mình phải chiếm đóng Bắc Việt Nam, tướng Lư Hán vội vã tuyển mộ cho đủ quân số. Sau khi được trang bị tạp nham, ông ném họ vào miền Bắc Việt Nam. Sau này, trước khi phải ra đi, họ đã bán đủ các thứ, từ khung cửa, cửa sổ đến các thiết bị vệ sinh, ống nước tháo dỡ từ các biệt thự, tòa nhà mà các sĩ quan của họ đã chiếm đóng. Còn bây giờ nhóm Lư Hán ở lì lại đây, áp đặt tiền giấy bạc chẳng chút giá trị - tiền quan kim - với trị giá cao hơn ở Côn Minh bốn lần.

Ở miền Nam tình hình còn tệ hại hơn nữa. Ngày 21 tháng 9, trung đoàn bộ binh số 11 được quân Anh cấp vũ khí mới, tái chiếm các trụ sở chính quyền tại Sài Gòn. Ngày 5 tháng 10, tướng Leclerc đã có mặt trong thành phố và đoàn quân thiết giáp của Massu nhanh chóng tiến lên Mỹ Tho rồi lên tòa thánh Tây Ninh. Trong ba tháng tiếp theo, quân viễn chinh Pháp đã tái chiếm tất cả các tỉnh lỵ từ Cà Mau ở cực nam đến tận Ban Mê Thuột, tràn xuống đồng bằng duyên hải miền Trung. Cả một khu vực rộng lớn hình như đã bị chinh phục nhưng Leclerc không vội ảo tưởng. Các con đường vừa mới được mở thông đã bị du kích cắt đứt ngay sau khi đoàn xe đi khỏi. Việt Minh rút khỏi thành phố, tản vào các khu rừng rậm và vùng đầm lầy. Cuộc chiến vừa mới bắt đầu từ ngày 23 tháng 9 nhưng ai nấy đều biết là sẽ kéo dài và tốn kém. "Hãy điều đình, điều đình bằng mọi giá", đây là ý nghĩ của tướng Leclerc. Trong giới quân nhân Pháp, tiếc thay chỉ có một mình ông, hay gần như thế, phân tích tình hình như vậy. Đô đốc Thierry d'Argenlieu vừa đến nhận nhiệm vụ Cao ủy ngày 31 tháng 10 đã có ý kiến hoàn toàn trái ngược và ông chính là đệ tử trung thành của tướng De Gaulle.

Giữa hai điều tệ hại, tốt nhất là chọn điều ít tệ hại hơn. Trung Quốc ở gần và quá đông, nước Pháp thì ở xa và suy yếu sau chiến tranh. Vả lại Hà Nội không có sự lựa chọn nào khác. Nước Pháp đã hành động trước và từ mùa hè, họ cử người đi Trùng Khánh điều đình về việc trở lại chiếm đóng Bắc Kỳ. Một số đơn vị rút chạy sang Vân Nam sau ngày 9 tháng 3 năm 1945 đã quay về tái chiếm Lai Châu từ cuối năm. Từ đây họ tiến về Điện Biên Phủ và Sơn La. "Sớm muộn, Trùng Khánh cũng sẽ chấp nhận để Pháp trở lại miễn là nước Pháp nhượng cho họ một số quyền lợi quan trọng". Đó là nhận định của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương trong chỉ thị "Kháng chiến, kiến quốc" ngày 25 tháng 11 năm 1945.

Tuy nhiên, lúc này quân đội Việt Nam rõ ràng không đủ sức tự giải quyết các vấn đề.

Theo lời khuyên của Hồ Chí Minh, các cán bộ Việt Minh khai thác triệt để những mâu thuẫn trong nội bộ quân Tưởng. Tiêu Văn, Cục trưởng chính trị của Trương Phát Khuê thì gắn bó với các đơn vị quân trung ương của Chu Phúc Thành và chịu sự giám sát của viên tướng họ Chu hơn là chịu phục tùng tướng Lư Hán - tướng Lư Hán lúc này đang đối nghịch với chính quyền trung ương Quốc dân Đảng ở Trùng Khánh muốn thu hẹp sự độc lập của bọn quân phiệt Vân Nam. Võ Nguyên Giáp viết: "Trong đám quân Tưởng, có nhiều tên sĩ quan cấp thấp nhưng lại có quyền hành và thế lực. Có tên nhờ vợ đẹp, lịch thiệp lại biết tiêm thuốc phiện khéo nên được các tướng lĩnh vị nể; những lúc có việc phải nhờ cậy, những tên quan cấp thấp này có thể trở thành người giúp ta một cách đắc lực. Không hiểu sao Bác phát hiện được những viên quan nhỏ thuộc loại này. Bác chỉ thị cho các cán bộ đối ngoại phải có đối sách thích hợp với từng tên. Chính nhờ bọn này mới giải quyết được một số va chạm với quân Tưởng. Với Bác, chân lý cách mạng là cụ thể, vận dụng sách lược cũng là cụ thể. Mặc dù tất cả bọn sĩ quan của Tưởng đều phản động nhưng theo Bác, ta phải đối xử với từng tên theo một cách khác nhau... Người vận dụng một cách tinh tế những cách đối xử khác nhau đối với từng hạng người và ngay cả đối với từng người..."

Cuối năm 1945, Trung Hoa Quốc dân Đảng tăng áp lực để đưa vào chính phủ những người đồng minh Việt Nam Quốc dân Đảng và Đồng minh hội của họ.

Đầu tháng 1 năm 1946, công bố tin sẽ lập Chính phủ liên hiệp phần nào làm dịu các mối căng thẳng. Võ Nguyên Giáp đi thăm mặt trận miền Nam, nơi đang diễn ra những trận giao tranh đẫm máu quanh Nha Trang và trên cao nguyên. Ông được lệnh quay về Hà Nội ngay, vì tình hình ngày càng phức tạp.

Từ Tết năm 1946, Hà Nội đã phải phái nhiều đơn vị quân đội lên Tây Bắc, nơi đây, quân Pháp từ Vân Nam về đã chiếm Lai Châu. Các cuộc đàm phán Hoa - Pháp được tiến hành, và ngày 20 tháng 2[2], hiệp định giữa Paris và Bắc Kinh được công bố: quân viễn chinh Pháp sẽ thay thế quân Trung Hoa tại miền Bắc. Hãng Reuters nói rõ thêm: "Nước Pháp không do dự sử dụng vũ lực nếu Việt Nam bác bỏ thỏa hiệp". Tại Hà Nội, những thành phần xung kích của Việt Nam Quốc dân Đảng và Đồng minh hội nắm lấy cơ hội này để gây rối trên đường phố, hô các khẩu hiệu: "Bảo Đại lên cầm quyền!", "Đả đảo bọn Việt gian thân Pháp" nhưng công dân Vĩnh Thụy [tức Bảo Đại] giữ thái độ dè dặt và một cuộc phản biểu tình của quần chúng khiến bọn gây rối phải giải tán. Tuy nhiên, thời điểm lúc này rất gay go: Một bộ phận dư luận hoang mang, những phần tử "quốc gia" nắm lấy cơ hội này để tăng yêu sách: đòi giữ 7 trong 10 bộ của chính phủ, đồng thời lớn tiếng chỉ trích những người đang đàm phán với Pháp là phản bội, bán rẻ quyền lợi Tổ quốc, đồng thời ghi điểm bất kỳ ở nơi nào chúng có thể làm được. Trong khi quân Pháp lên đường ra Bắc, thì tại Hà Nội, quân Tưởng làm ra vẻ phản đối việc đổ bộ. Rồi đến phút chót khi quân Pháp đã vào đến vịnh Hạ Long, quân Tưởng đột ngột thay đổi ý kiến, bỏ

mặc những người đồng minh Việt Nam Quốc dân Đảng và Đồng minh hội bộc lộ sai lầm của họ.

[2] Thực ra Hiệp ước Hoa - Pháp được ký ngày 28 tháng 2 năm 1946, chứ không phải ngày 20 tháng 2 (BT).

Để tránh những mưu toan phá hoại của Việt Quốc, Việt Cách, ngày 2 tháng 3, Quốc hội được triệu tập mà bình thường ra, sẽ họp vào ngày hôm sau. Quốc hội cử ra một Chính phủ liên hiệp, trong đó Nguyễn Hải Thần làm Phó Chủ tịch nước, Nguyễn Tường Tam làm Bộ trưởng Ngoại giao, các bộ Kinh tế, Y tế và Nông nghiệp được trao cho những người đối lập khác. Một đảng viên Quốc dân Đảng nổi tiếng thân Trung Quốc, Vũ Hồng Khanh, làm phó cho Võ Nguyên Giáp, đứng đầu Ủy ban kháng chiến được các đại biểu thông qua. Chỉ trong một ngày, việc thay đổi ý kiến nhanh như thay áo của Trung Hoa Quốc dân Đảng đã biến thắng lợi của lũ tay sai thành một trái cây tẩm thuốc độc.

Sau khi đấu tranh để ít nhất bốn từ "quốc gia tự do" được đưa vào văn bản hiệp định, phía Pháp kiên quyết không chấp nhận từ "độc lập", Hồ Chí Minh ký với đại diện Pháp một bản hiệp định cho phép quân Pháp quay lại Bắc Kỳ, ngày 6 tháng 3 vào lúc 16 giờ trong lúc đó tại Hải Phòng, đội quân viễn chinh Pháp vấp phải sự chống đối quyết liệt của quân Tưởng. Hồ Chí Minh ký đầu tiên, sau đó Vũ Hồng Khanh ký tiếp trước khi đến lượt Sainteny. Chính sách đặt giá cao của Việt Nam Quốc dân Đảng đến lúc này đã quay lại chống chính họ. Những quan thầy của họ, đến phút cuối cùng đã đột ngột thay đổi ý kiến, khiến họ phải miễn cưỡng công nhận hiệp định.

Mặc dù ở vị thế rất tế nhị, Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp tỏ ra vô cùng thoải mái khi phải ngả lá bài trước mười vạn người dân Hà Nội, tập trung tại quảng trường Nhà Hát Lớn. Võ Nguyên Giáp nói: "Chỉ có hai con đường: một là tiến hành kháng chiến lâu dài, hai là phải hòa hoãn, chấm dứt xung đột. Trong hiệp định này có những điều khoản làm chúng ta hài lòng, nhưng cũng có những điều khoản làm chúng ta không vừa ý. Nước Pháp phải thừa nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do. Tự do không phải là tự trị, đó là hơn cả tự trị, nhưng cũng chưa phải là độc lập. Một khi đã đạt được tự do, chúng ta sẽ đi đến độc lập, độc lập hoàn toàn". Khi những tiếng hoan hô cuồng nhiệt đối với những từ vừa nói lắng xuống, Võ Nguyên Giáp nói thêm: "Có những lúc chúng ta phải tỏ ra cứng rắn, và có những lúc, chúng ta phải tỏ ra mềm mỏng." Sau bài diễn văn mà Philippe Devillers đánh giá là "một sự thành thật chưa từng có", bài phát biểu của Vũ Hồng Khanh tỏ ra nhạt nhẽo. Rồi Hồ Chí Minh xuất hiện, và tiếp đó là không khí cuồng nhiệt trong đám đông mà ông phải lấy hai tay vẫy để làm cho lắng dịu.

Bằng cách nắm sừng để giữ bò, trong ngày 7 tháng 3 đó, Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp đã vượt qua một đoạn đường nguy hiểm. Nhưng không phải vì thế mà họ không còn vất vả nữa. Ngày hôm sau Võ Nguyên Giáp đi ngay xuống Hải Phòng để gặp Leclerc. Ông đã có thể tính được sức mạnh của quân Pháp đang chuẩn bị đổ bộ. Người ta đã nói với ông sẽ có một đoàn hộ tống danh dự nhỏ gồm 220 xe ô tô gắn súng máy, xe tăng, xe xích, súng cối, xe jeep và xe vận tải chở người và quân trang, quân dụng sẽ lên đường về Hà Nội.

Một ủy ban được thành lập để kiểm soát việc thi hành các điều khoản của hiệp định và giải quyết các vụ rắc rối. Một bầu không khí tin cậy, thậm chí thân thiện đã hình thành giữa các sĩ quan của tướng Leclerc và những sĩ quan đồng cấp phía Việt Nam. Nhưng một vài người thì làm được gì? Quân đội Pháp được phép đóng quân tại Bắc Bộ xử sự như đang ở một nước đã bị họ chinh phục và các vụ xích mích tăng lên. Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp thấy ở tướng Leclerc một người đối thoại trung thực

được hai người đánh giá cao, nhưng chỉ huy sư đoàn thiết giáp số 2 không phải chỉ có một mình Leclerc và ông cũng không được quyết định mọi việc.

Huống hồ Paris từ chối giải quyết các vấn đề then chốt trong quan hệ Pháp - Việt, những vấn đề này chi phối các vấn đề khác. Tất cả đều bế tắc. Chiến tranh vẫn đang tiếp diễn ở miền Nam, trong cái gọi là xứ Nam Kỳ, lãnh thổ Việt Nam trở thành thuộc địa Pháp từ cách đây hơn một thế kỷ.

Ngày 19 tháng 4, Võ Nguyên Giáp đi dự Hội nghị trù bị Đà Lạt với Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Tường Tam. Trong chương trình nghị sự, vấn đề đình chiến ở miền Nam và các vấn đề là điều kiện của tự do ở Việt Nam: vấn đề quan thuế, vấn đề tiền tệ, sự tham gia của Pháp vào nền kinh tế của nước Việt Nam mới. Trong ba tuần, phái đoàn Pháp từ chối không chịu nhìn nhận những thay đổi đã diễn ra. Đại biểu miền Nam, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch đã đến tận nơi, nhờ sự giúp đỡ của một người bạn Pháp tên là Canac nhưng bị phía Pháp kiên quyết từ chối không cho dự Hội nghị. Giáp đã tuyên bố thẳng thừng:

"Nói rằng ở Nam Bộ không có xung đột là thách thức chân lý. Thực ra, các cuộc giao tranh vẫn diễn ra khắp nơi ở Nam Bộ. Chắc hẳn, người ta nói rằng các cuộc tấn công đó là do bọn bất lương gây ra và khó mà phân biệt được... Nếu nói theo cách đó, thì 50.000 quân của lực lượng trong nước trong cuộc kháng chiến cũng được gọi là lực lượng không chính qui hay sao? Chúng tôi muốn hòa bình, đúng thế, nhưng là một nền hòa bình trong tự do và công bằng, một nền hòa bình phù hợp với Hiệp định sơ bộ 6 tháng 3 chứ không phải hòa bình trong nhẫn nhục, mất danh dự và nô lệ." Phía Pháp từ chối một cách ngoan cố không chịu thừa nhận những thuộc tính của nước Việt Nam tự do và sự toàn vẹn lãnh thổ, ngày 10 tháng 5, phái đoàn Việt Nam rời hội nghị để không bao giờ trở lại nữa.

Chắc hẳn nếu diễn ra tại Pháp, các cuộc đàm phán sẽ có nhiều khả năng thành công hơn do ở xa các lợi ích thuộc địa. Cuối tháng 5, Phạm Văn Đồng dẫn đầu phái đoàn Việt Nam sang thảo luận tại Fontainebleau về việc áp dụng trong thực tiễn và kéo dài cụ thể các hiệp định ký ngày 6 tháng 3. Hồ Chí Minh luôn luôn theo dõi và chỉ đạo hoạt động của phái đoàn, nhưng không phải là thành viên và cũng không tham gia hội nghị. Cuộc đối thoại giữa những người điếc ở Đà Lạt được lặp lại. Phía Pháp không thừa nhận một thực tế là Nam Bộ (tức Nam Kỳ) là một bộ phận lãnh thổ quốc gia của Việt Nam; ngày 1 tháng 6, họ thành lập cái gọi là "Chính phủ Cộng hòa tự trị Nam Kỳ".

Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh và phái đoàn Việt Nam lên đường sang Pháp, Võ Nguyên Giáp làm phụ tá cho Phó Chủ tịch nước Huỳnh Thúc Kháng, thực tế đóng vai trò quyền chủ tịch chính phủ, tuy về danh nghĩa Huỳnh Thúc Kháng vẫn là quyền chủ tịch. Ông lại một lần nữa va chạm với phe hữu: Việt Nam Quốc dân Đảng và Đồng minh hội, hai tổ chức này tiến hành một cuộc chiến tranh thực sự chống lại chính quyền trung ương mà trong đó có đại biểu của họ tham gia.

Ngày 11 tháng 7 năm 1946, tình thế trở nên nguy kịch. Vào thời điểm này, Việt Nam Quốc dân Đảng làm mọi việc nhằm làm thất bại các cuộc thương lượng tại Fontainebleau, quyết định "phá hoại mọi chỉ thị vô lý của chính phủ hiện nay về vấn đề ngoại giao". Từ ngày 10 đến 17 tháng 7, Cơ quan đặc vụ Quốc dân Đảng sẽ "ám sát tất cả những quân nhân Pháp đóng ở bên ngoài thành Hà Nội" và "bắt cóc tất cả phụ nữ và trẻ em Pháp". Chính phủ Hà Nội còn chưa trả lời yêu cầu của quân đội Pháp xin phép tổ chức diễu binh ngày 14 tháng 7 - ngày Quốc khánh Pháp - khi cơ quan công an phát hiện được các ban ám sát của Quốc dân Đảng lợi dụng dịp này để nổ súng vào quân Pháp đang diễu binh trên một số điểm trong thành phố. Võ Nguyên Giáp từ chối không cho phép quân Pháp diễu binh ngày 14

tháng 7 vì lý do an ninh.

Sáng sớm ngày 12, công an tiến hành khám xét một số trụ sở của Việt Nam Quốc dân Đảng và Đồng minh hội. Tại ngôi nhà số 132 phố Minh Khai[3], lực lượng công an đã phát hiện một máy in và hàng chồng truyền đơn kêu gọi khởi nghĩa. Trong ba ngôi nhà khác trên bờ hồ, bọn lính gác Quốc dân Đảng còn chống lại công an bằng súng trung liên. Tại ngôi nhà số 7 phố Ôn Như Hầu (tức phố Bonifacy cũ), công an phát hiện một bản khắc in tiền giả, một phòng tra tấn và một hố chôn bảy xác chết trong vườn. Ngày 13, công an còn tiến hành khám xét nhiều trụ sở khác của Việt Nam Quốc dân Đảng, tịch thu được nhiều tài liệu chứng minh âm mưu gây rối ngày 14 tháng 7 và phát hiện nhiều thi thể. (Một trong những tài liệu này được quân Pháp tìm thấy tại Văn phòng của Thị trưởng Hà Nội, sau ngày 19 tháng 12 năm 1946).

[3] Boudarel bị nhầm, thực ra là số nhà 132 phố Duvigneau (nay là phố Bùi Thị Xuân) (BT).

Quân đội của Võ Nguyên Giáp hành động rất mạnh mẽ. Nhóm Đại Việt ở Bắc Ninh chia rẽ vì những ganh đua giữa hai tên đứng đầu ở địa phương, rút về Lạng Sơn, tại đây chúng dựa vào sự ủng hộ của các nhóm vũ trang Phục quốc thân Nhật. Từ tháng 7 đến tháng 11, sào huyệt của bọn Việt Nam Quốc dân Đảng ở lưu vực sông Hồng từ Vĩnh Yên đến Lào Cai dọc đường lên Vân Nam đã bị phá vỡ.

Trong lúc đó, quân đội của Võ Nguyên Giáp cũng trưởng thành hơn. Tháng 1 năm 1946, Đảng ủy Quân sự Trung ương đã được cải tổ lại. Vai trò cá nhân của Võ Nguyên Giáp hòa nhập trong tập thể mac-xit - lêninnít trong quân đội, nói rõ hơn, đó là sức mạnh của người phụ trách trực tiếp quân đội. Là "tướng chính trị", Võ Nguyên Giáp không bao giờ ngừng nhấn mạnh tầm quan trọng của cơ quan Đảng trong quân đội, ngay cả khi lãnh đạo cuộc chiến tranh sau này.

Việc ưu tiên thành lập các đội dân quân địa phương cũng được nhấn mạnh. Lực lượng dân quân sẽ đóng vai trò then chốt, có quan hệ chặt chẽ với việc thành lập chính quyền hành chính ở địa phương và các chi bộ Đảng cơ sở. Trên 1.200 xã ở Nam Bộ, 1.100 xã đã có tổ chức cơ sở Việt Minh, và khắp cả nước, người ta ước tính có một triệu du kích. Nhưng không phải vì thế mà coi nhẹ vai trò của bộ đội thường trực. Từ tháng 9 năm 1945, bộ đội thường trực được gọi là Vệ quốc đoàn để tránh những nghi ngờ của Trung Hoa Quốc dân Đảng. Đến ngày 22 tháng 5, bộ đội chính qui lấy lại tên Quân đội quốc gia. Quân số tăng từ 15.000 người vào tháng 9 năm 1945 lên 60.000 người cuối năm 1946. Các trường đào tạo cán bộ được mở và các trường đào tạo cán bộ binh chủng cũng xuất hiện: đơn vị pháo binh đầu tiên được thành lập ngày 29 tháng 6 năm 1946, và đơn vị thông tin đầu tiên, ngày 9 tháng 9 năm 1946. Tuy nhiên, trình độ của các đơn vị này còn rất yếu trên mọi phương diện. Toàn bộ lãnh thổ được chia thành 12 chiến khu (khu IV và V ở Trung Bộ, khu VII, VIII và IX ở Nam Bộ). Trong mỗi chiến khu, các ban chỉ huy địa phương có quyền chủ động rộng rãi về mặt tác chiến. Nếu vũ khí còn rất pha tạp bao gồm nhiều loại (chủ yếu) là bạch khí: gậy tầm vông vót nhọn, và hai chục loại súng trường và musqueton (đến từ nhiều nguồn), thì chiến lược và chiến thuật, ngược lại, được ấn định rõ ràng bằng những "chỉ thị về kháng chiến" ngày 25 tháng 9 năm 1945: "Cắt đường liên lạc giữa các thành phố bị địch kiểm soát, thực hiện bao vây kín và quấy rối địch về quân sự".

Trong suốt mùa hè năm 1946, tình hình liên tiếp xấu đi trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Tại Hội nghị Fontainebleau, các cuộc thương lượng dậm chân tại chỗ, và cuối cùng thất bại do thái độ thiếu thiện chí của phái đoàn Pháp, họ không muốn làm bất cứ việc gì để đất Nam Bộ có thể trở về với Việt Nam, mà Nam Bộ là một bộ phận. Một cuộc chiến tranh khi thì âm ỉ, khi thì công khai diễn ra ở Nam Bộ.

Ngày 18 tháng 7, Leclerc, thực tế là đã vỡ mộng, quyết định quay về Pháp, và được thay bằng tướng Valluy, người sau này sẽ thực hiện chính sách "việc đã rồi".

Trên đường Hà Nội - Lạng Sơn, quân Pháp không tính đến nghĩa vụ phải thực hiện các hiệp định đã ký kết, gây thêm nhiều vụ rắc rối khác. Ngày 1 và 3 tháng 8, nhiều vụ đụng độ đẫm máu xảy ra ở cầu sông Đuống, tại đây các đoàn xe Pháp đã không tôn trọng các thủ tục kiểm soát. Tại Bắc Ninh, quân Pháp đóng quân trái phép tại thị xã Bắc Ninh và cho máy bay bắn vào thành Bắc Ninh do người Việt Nam nắm giữ. Võ Nguyên Giáp đã trả lời cho đại tá Crépin, khi viên sĩ quan này đến phản đối các vụ rắc rối trên: "Nếu các ông muốn hòa bình, các ông sẽ có hòa bình, nếu các ông muốn chiến tranh, các ông sẽ có chiến tranh". Cánh quân của Crépin vừa ở Vân Nam về muốn tiến xuống châu thổ sông Hồng. Có tin đồn về việc Pháp âm mưu thành lập "những nước cộng hòa tự trị" tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Tướng Morlière, người thay thế tướng Valluy sẽ có nghĩa vụ theo đuổi chính sách lấn chiếm và tối hậu thư mà trong thâm tâm ông không tán thành.

Ngày 16 tháng 10, khi Hồ Chí Minh trở về Đông Dương trên tàu Dumont d'Urville, những đám mây đen đã tích tụ trên bầu trời Việt Nam. Bản Tạm ước được ký kết trong một không khí rất căng thẳng giữa Hồ Chí Minh và Marius Moutet ngày 14 tháng 9 năm 1946, cuối cùng dù có thực hiện cũng không thể cứu vãn được hòa bình ở Việt Nam, chỉ để lại trong bóng tối tất cả những điều khoản thực hiện những nguyên tắc đã được hai bên khẳng định.

Tại miền Nam, quân đội viễn chinh Pháp thực hiện "chiến thuật vết dầu loang", các cuộc giao tranh thực tế không bao giờ ngừng. Ngày 21 tháng 12, tướng Valluy thông báo cho Giáp biết ông ta đã ra lệnh cho quân Pháp ngừng bắn ở Nam Bộ nhưng ngay lúc đó, ông ta lại ra lệnh cho đại tá Dèbes đánh bật các lực lượng vũ trang của Việt Nam ra khỏi Hải Phòng. Một vụ rắc rối về thủ tục hải quan do hải quân Pháp gây ra trong ngày 21 đã biến thành những cuộc giao tranh đẫm máu. Trong khi hai bên tiến hành những cuộc thương lượng khá công phu để đi đến chấm dứt các cuộc xung đột tại Hải Phòng thì ngày 23, đại tá Dèbes ra lệnh cho các đơn vị bộ đội Việt Nam phải rời khỏi thành phố. Đây là lệnh phát thẳng từ Sài Gòn mà chính tướng Morlière, Ủy viên Cộng hòa, người chủ trương phải tôn trọng các hiệp định đã ký kết, cũng không được biết. Dèbes ra lệnh sử dụng tất cả những phương tiện sẵn có, kể cả pháo binh, để thực hiện lệnh của ông ta. Đô đốc Battet ước tính có 6.000 nạn nhân Việt Nam của các vụ bắn phá đó. Cùng lúc đó, các đơn vị Pháp đóng tại Lạng Sơn đã kiểm soát thành phố.

Một sự yên tĩnh tạm thời được thiết lập. Nhưng đó chỉ là giây phút tạm nghỉ trước khi hai bên tiến hành những cuộc giao tranh mới, kịch liệt hơn. Ngày 23 tháng 12 năm 1946, thực tế miền Bắc đã đi vào cuộc chiến. Giáp viết, trong các trận giao chiến ở Hải Phòng, Việt Minh đã tịch thu được một thông tư đề ngày 10 tháng 4 của Bộ chỉ huy Pháp gửi các cấp, dự kiến biến những hành động gây hấn về quân sự thành màn kịch cuộc đảo chính.

Tại Pháp, các tin tức từ Đông Dương chỉ được đưa về qua lăng kính xuyên tạc của kiểm duyệt, những sự kiện xảy ra ở Hải Phòng đã được che đậy biến tướng đến mức không thể nhận được ra sự thật như thế nào nữa, tất cả đều gán cho phía Việt Nam chủ động gây ra và nhất là được phe hữu khai thác. Chính phủ mới, toàn những người của Đảng Xã hội, đứng đầu là Léon Blum được thành lập ngày 17 tháng 12, đúng một tháng tròn nước Pháp không có chính phủ, sau các cuộc bầu cử ngày 10 tháng 11, ngay sau đó phái Marius Moutet đến Đông Dương.

Tại miền Nam, trước những hành vi tái chinh phục thuộc địa một cách có hệ thống của Pháp, cuộc

kháng chiến của quân dân Nam Bộ đã được tổ chức bằng cách cải tổ Ủy ban kháng chiến Nam Bộ, từ nay được giao nhiệm vụ chỉ đạo cuộc kháng chiến về mọi mặt ở miền Nam và các tỉnh Nam Trung Bộ bằng Nghị định ngày 13 tháng 9 năm 1946. Ở Hà Nội, quân Pháp xử sự như trên một nước đã bị họ chinh phục. Việt Minh rút ra bài học kinh nghiệm đã qua và thực hiện "vườn không nhà trống". Người già, phụ nữ và trẻ em đều được lệnh tản cư ra ngoài thủ đô, nơi đây ngày đêm vang dậy tiếng cuốc đào đất, chôn mìn. Sân trời và ban công biến thành những nơi nấp bắn. Các lỗ châu mai, khe bắn được đục trên các bức tường trông ra mặt đường, người ta đục các bức tường chung tạo thành một lối đi bên trong. Mỗi nhà đều trữ sẵn lương thực, nước uống đủ dùng trong ba tháng và sẵn sàng khi thời điểm đến, dựng chiến lũy trên đường phố. Các thân cây đều đục sẵn lỗ để khi cần có thể đưa mìn vào là hạ ngay xuống làm chướng ngại vật.

Những hoạt động chuẩn bị này nhằm đề phòng tái diễn kịch bản như ở Hải Phòng đã gây nên sự phản đối của nhà đương cục Pháp. Họ đã can thiệp nhiều lần, bắt đầu từ giữa tháng 12, cho xe ủi phá các chiến lũy trên đường phố trong các khu phố người Việt và tiến hành kiểm soát các tòa nhà công cộng.

Sau khi nhận được liên tiếp ba tối hậu thư của phía Pháp trong các ngày 18 và 19 tháng 12: đình chỉ mọi hoạt động chuẩn bị kháng chiến, tước vũ khí quân tự vệ Hà Nội, trao cho quân đội Pháp nhiệm vụ duy trì an ninh thành phố, Chính phủ Hồ Chí Minh quyết định không giữ thái độ bị động nữa mà chủ động tiến hành những biện pháp cần thiết. Chiều ngày 19, cùng với Trần Quốc Hoàn, Vương Thừa Vũ, Võ Nguyên Giáp đi thị sát lần cuối cùng công việc chuẩn bị kháng chiến. Đêm hôm sau, các lực lượng vũ trang nhất tề xông lên diệt địch, và Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

Chỉ huy quân đội tiến hành kháng chiến chống Pháp 1946 - 1954

Kháng cự càng lâu càng tốt nhưng không quên điều chủ yếu là bảo toàn lực lượng bằng mọi giá, đó là chỉ thị của Giáp cho lực lượng tự vệ. Đường phố rộng rãi, quân viễn chinh Pháp lại có tính cơ động cao nên trước khi nổ súng, bộ chỉ huy đã dự kiến các khu dân cư của Hà Nội sẽ nhanh chóng rơi vào tay địch. Từ ngày 22 tháng 12 năm 1946, tự vệ bị bao vây trong khu phố cổ, nằm giữa sông Hồng và thành Hà Nội có quân Pháp đóng, nơi đây còn có một bộ phận dân cư bị kẹt lại. Đường phố hẹp ở đây tạo thuận lợi cho một cuộc kháng cự kịch liệt, giành giật từng căn nhà từng dãy phố, cho phép Chính phủ có thời gian sắp xếp lực lượng ở các vùng nông thôn nằm dưới sự kiểm soát của Chính phủ. Hệ thống liên lạc giữa vùng chiến sự trong khu phố cổ với bên ngoài được tiến hành vào ban đêm. Liên lạc viên luồn dưới cây cầu lớn bắc qua sông Hồng, trong lúc các xe xích tuần tra trên mặt cầu, dọi đèn pha quét chung quanh. Trong thành phố bị bao vây, Vương Thừa Vũ thành lập Trung đoàn Thủ đô, sau này là bộ khung của đại đoàn 308 năm 1949.

Chiều ngày 14 tháng 2 năm 1947, sau khi quân Pháp chiếm được chợ Đồng Xuân thì việc quân đã được quyết định. Sau khi kẻ khẩu hiệu trên tường "Chúng tôi sẽ trở về", đơn vị cuối cùng đã rút lui trong đêm ngày 18 tháng 2, băng qua bãi giữa sông Hồng. Sau hai tháng giữ vững cuộc chiến trong lòng thủ đô, Trung đoàn Thủ đô đã rút ra ngoài một cách an toàn, không có thiệt hại gì đáng kể. Trong nhật lệnh, Giáp nói: "Các đồng chí sẽ tiếp tục chiến đấu vì Tổ quốc. Chúng ta sẽ chiến đấu 10 năm hoặc lâu hơn nữa nếu cần thiết".

Hà Nội chỉ còn là đống gạch vụn. Tình hình diễn ra tương tự ở các thành phố, thị xã, thị trấn của miền Trung và miền Nam, tại đây dân chúng triệt để áp dụng chiến thuật "tiêu thổ kháng chiến" do Ban chấp hành Trung ương Đảng và Giáp đề ra để bù lại tình trạng yếu kém về trang bị vũ khí của lực lượng kháng chiến. Thiếu chất nổ, người ta dùng cuốc xẻng phá từng bức tường, từng căn nhà. Các cây cầu bằng bê tông đều bị đánh sập, người ta dùng cưa, búa tạ phá từng khối bê tông, cắt từng đoạn dầm cầu, phá dỡ từng mảng tường. Trong tất cả các thành phố không có doanh trại quân Pháp, thực tế là ở các thành phố, thị xã, trừ Hà Nội và Lạng Sơn ở phía bắc, dân chúng san phẳng các ngôi nhà của mình trước khi tản cư. 36 thành phố, thị xã, trong đó có Thanh Hóa, Vinh, mỗi nơi có mười vạn dân đều biến thành bình địa như lòng bàn tay, ở đó chỉ có chóp tháp nhà thờ hay đền chùa còn sót lại vì các công trình tôn giáo được tôn trọng.

Ban đêm người ta chặt nát đường từ bờ dốc, đào rãnh cắt đến giữa đường, một rãnh bên phải, lại một rãnh bên trái, cách nhau 5 mét, như phím đàn dương cầm. Chỉ trong một thời gian ngắn, 10.700 kilômét đường bộ, 1.540 kilômét đường sắt bị phá hoại không thể sử dụng. Từ Lạng Sơn đến Nha Trang ở Trung Bộ, không còn một cây cầu nào nguyên vẹn.

Trong một loạt các bài báo tạp chí của nhóm trí thức mac-xit đầu năm 1947, sau đó tập hợp lại thành cuốn sách với nhan đề Kháng chiến nhất định thắng lợi, Trường Chinh chỉ rõ đường lối chiến lược phỏng theo "Luận trì cửu chiến" (Luận về đánh lâu dài) của Mao Trạch Đông. Sau giai đoạn thứ nhất - giai đoạn phòng ngự trong đó các trận đánh làm chậm bước tiến của địch - là đến giai đoạn thứ hai,

giai đoạn cầm cự, trong đó bộ đội được phân tán về nông thôn tiến hành chiến tranh du kích một cách rộng khắp. Ở giai đoạn này, hai bên đạt được tình trạng cân bằng lực lượng nhưng có nhiều bước tiến nhảy vọt bất ngờ, quân đội viễn chinh tiến hành càn quét một cách có hệ thống. Du kích chiến và du kích vận động chiến có tầm quan trọng ngang nhau, trận địa chiến chỉ có vai trò phụ trợ. Việc tập trung và tăng cường các lực lượng vũ trang sẽ tạo thuận lợi chuyển sang giai đoạn thứ ba, giai đoạn cuối cùng - tổng phản công - hoạt động chuyển thành du kích vận động chiến rồi thành trận địa chiến. Trong quá trình diễn ra xung đột, theo nhận định của Trường Chinh, các cuộc đàm phán có thể diễn ra, tuy nhiên phong trào giải phóng dân tộc đang lên ở các thuộc địa có thể tạo thuận lợi để chuyển sang phản công, mặc dù vẫn còn yếu kém về phương tiện vật chất. Sự chồng chéo của các lực lượng là một trong những đặc trưng của cuộc chiến tranh này dẫn đến hiện tượng không có mặt trận cố định hoặc mặt trận được xác định rõ ràng do tình hình biến chuyển và luôn thay đổi, hai bên ta, địch bao vây lẫn nhau.

Tháng 7 năm 1947, để tạo thuận lợi cho việc nối lại các cuộc đàm phán, Chính phủ Hồ Chí Minh được mở rộng. Những người mac-xit chỉ còn giữ ba bộ thay vì sáu bộ. Giáp vẫn là Tổng chỉ huy quân đội, nhường cho Tạ Quang Bửu là người không đảng phái giữ chức Bộ trưởng Quốc phòng. Paris ngoan cố bám vào chính sách đà điểu, muốn tìm một "người đối thoại có giá trị" qua vai trò của cựu hoàng Bảo Đại, đồng thời chuẩn bị một kế hoạch tấn công quy mô vào tháng 10 năm 1947.

Ngày 13 tháng 10[1], từng đoàn quân Pháp nhảy dù xuống thị xã Bắc Cạn ở trung tâm căn cứ địa Việt Bắc của Việt Minh. Tại căn cứ này, năm 1941 Mặt trận Việt Minh đã ra đời và cách đây chỉ hơn mười tháng, Chính phủ kháng chiến đã trở lại đây để xây dựng căn cứ địa cho cuộc kháng chiến lâu dài. Nhiều cơ quan trung ương, nhiều bộ đều đặt ở các xóm làng bao quanh khu lòng chảo đã phải vội vã rút sâu vào rừng. Trong vài tuần, về lý thuyết, quân viễn chinh Pháp đã chiếm được quyền kiểm soát các trục đường Cao Bằng đến bờ biển qua thành phố Lạng Sơn, Cao Bằng đi Hà Nội qua Bắc Cạn và Thái Nguyên. Về phía tây, Pháp đã đặt nhiều doanh trại ở Tuyên Quang, Yên Bái, Lào Cai, Hà Giang, Lai Châu.

[1] Đúng ra là ngày 7 tháng 10 năm 1947 (BT).

Trong ngày 13 tháng 10, trong đợt tổng rút lui vào rừng rậm, có một người bé nhỏ đeo kính trắng cùng với công nhân tháo các bộ phận của máy rồi buộc vào hai đầu cái sào tre và gánh trên vai. Ông mang trong túi những cuốn sổ tay ghi các hình vẽ, các công thức tính toán. Đó là Trần Đại Nghĩa, tốt nghiệp kỹ sư năm 1939, từng làm việc trong các nhà máy không quân của Pháp trước khi theo Hồ Chí Minh về nước vào tháng 9 năm 1946 trên con tàu Dumont d'Urville. Sau khi được cử làm Cục trưởng Cục Quân giới, người ta đưa cho ông hai quả đạn cối. Ông có nhiều việc phải làm. Trong lần thử nghiệm đầu tiên, quả đạn nổ làm hai người chết. Công việc bắt đầu lại từ con số không, nhưng chỉ vài tháng sau hai quả đạn do Việt Nam sản xuất gần như là hàng mẫu duy nhất đã bắn cháy một xe tăng Pháp ở Quốc Oai. Bây giờ Trần Đại Nghĩa làm việc với một người thợ tên là Ngô Gia Khảm, khuôn mặt đã bị biến dạng do một vụ nổ khi anh sấy thuốc nổ để nạp vào lựu đạn tự chế. Với những cố gắng phi thường, xưởng quân giới của họ đã thu hồi được trang thiết bị của các xưởng Caron ở Hải Phòng. Tại đây công nhân đã tháo rời máy móc và chuyển bằng đôi vai, xe bò, thuyền buồm, ô tô và thường là đeo trên lưng, vượt hàng trăm kilômét, đi trên những con đường mòn trơn trượt, đến tận giữa vùng rừng núi. Số công nhân lên tới bốn trăm người. Nghĩa được giao nhiệm vụ nghiên cứu sản xuất toàn bộ các bộ phận súng cối. Hôm Pháp nhảy dù ngày 7 tháng 10 năm 1947, Nghĩa đã hoàn thành một nửa công việc. Năm 1948 họ đã cho ra lò các khẩu cối 60 và 81. Sau đó Nghĩa chuyển sang nghiên cứu sản xuất

súng không giật (SKZ). Đầu năm 1950, những khẩu súng không giật đầu tiên đã điều chỉnh sẽ tham gia đánh đồn Phố Lu. Các xưởng vũ khí của kháng chiến đã thành công và làm chủ được kỹ thuật đạn lõm.

Năm 1947, trước cuộc tấn công của quân Pháp, Giáp cùng bộ tham mưu đã thông qua một chiến lược phân tán lực lượng một cách có hệ thống. Quân chính quy được chia thành 30 đại đội và 16 tiểu đoàn độc lập, kết hợp chặt chẽ với du kích các xã. Ngay sau khi chặn đứng cuộc tiến công của quân Pháp lên miền thượng du, Giáp và bộ tham mưu đã họp ngày 16 tháng 3 năm 1948 để thảo luận về chủ trương phân tán lực lượng nói trên. Hai phần ba quân chính quy chia thành đại đội và trung đội trực tiếp được tung vào địch hậu để tăng cường chiến tranh du kích. Giáp viết: "Bằng việc tăng cường du kích chiến, chúng tôi đã chủ trương biến hậu phương địch thành tiền tuyến của chúng tôi. Đây là một cuộc đấu tranh vô cùng gian khổ và mở rộng trên tất cả các mặt quân sự, kinh tế, chính trị. Địch tổ chức càn quét, chúng tôi tiến hành chống càn. Địch tổ chức ngụy binh, lập chính quyền bù nhìn, chúng tôi kiên quyết giữ vững chính quyền nhân dân, tiễu trừ bọn tề ngụy hợp tác với địch và bọn Việt gian phản động... Một cách kiên nhẫn và dần dần từng bước, chúng tôi lập được các căn cứ du kích lớn, nhỏ. Ngoài vùng tự do, các "vùng đỏ" không ngừng được mở rộng và tăng lên gấp bội xuất hiện ngay trong lòng các vùng địch tạm chiếm. Đất đai của Tổ quốc được giải phóng từng tấc đất ngay ở hậu phương địch. Trong cuộc chiến tranh này không có phòng tuyến cố định. Ở đâu có địch là ở đó là tiền tuyến. Chỗ nào cũng có thể là tiền tuyến, mà cũng có thể là hậu phương."

Cuộc tấn công thu đông 1947 của Pháp là đòn mạnh nhưng đánh vào chỗ trống và những người chiến thắng bây giờ còn chịu được gánh nặng hậu cần, được lập ra ở khắp nơi ngay cả trong vùng có địch hay hiểm trở. Từ tháng 10 năm 1947, quân Pháp đã rút khỏi Tuyên Quang và ngay sau khi cuộc tiến công kết thúc, Ban chấp hành Trung ương nhận định cuộc kháng chiến Việt Nam đã qua giai đoạn phòng ngự thuần túy để bước vào giai đoạn thứ hai. Đường số 4 từ Cao Bằng đi Lạng Sơn luồn qua những đường hẻm phủ kín cây cối xanh tươi, đã trở thành "con đường đẫm máu". Đầu tháng 4 năm 1948, một trận phục kích trên đường số 4 đã tiêu diệt một đoàn xe khoảng 50 xe vận tải. Theo nhịp "hai mặt" của cuộc chiến tranh này, cứ ban ngày thuộc về kẻ chiếm đóng, còn ban đêm lực lượng kháng chiến kiểm soát toàn bộ lãnh thổ cho đến vùng phụ cận các đồn bốt. Các cơ sở kháng chiến được gây dựng vững chắc từ khắp các cánh đồng trống trải vùng đồng bằng đến các vùng rừng rậm rạp địa hình hiểm trở, vào cả các thành phố dày đặc đồn bốt binh lính, cảnh sát địch, nhất là ở Sài Gòn. Tại đây có khá nhiều tiệm ăn của Pháp được che chở bằng những tấm biển chống lựu đạn. Những hiệp định ký kết giữa Vincent Auriol và Bảo Đại đã ban cho Bảo Đại ít nhất trên giấy tờ, điều mà trước đây người ta khăng khăng cự tuyệt với Hồ Chí Minh: độc lập và thống nhất tại Việt Nam. Nhưng ai mà lầm được? Nước Pháp vẫn có toàn quyền điều khiển ngoại giao và các lực lượng vũ trang của quốc gia "phao câu" này.

Ba phần tư vùng châu thổ đang tuột khỏi sự kiểm soát của Pháp mặc dù các thành phố lớn đều do Pháp chiếm đóng. Tại miền Trung, trên 600 kilômét, quân viễn chinh không chiếm được thành phố nào và ở những nơi khác ảnh hưởng của Pháp không vượt qua vùng kế cận trực tiếp của các doanh trại.

Ở miền Nam, Pháp có cơ sở bám rễ từ lâu và mạnh mẽ hơn những nơi khác. Song đâu đâu cũng có không khí bất an thường trực và Pháp không thể đi sâu vào vùng Đồng Tháp Mười rộng lớn trải dài đến mũi Cà Mau mà không đi kèm với một số quân được tập trung đông đảo. Việt Minh có mặt khắp nơi trên các cánh đồng, đến tận ngoại ô Sài Gòn.

Tuy nhiên, vùng không hoàn lan rộng hơn ở miền Bắc. Tháng 2 năm 1949, chung quanh Phố Lu gần Lào

Cai, 12 đồn bốt bị tiêu diệt. Tháng 4, lần đầu tiên Việt Minh điều động hai trung đoàn để đánh trả cuộc hành binh Pomone ở vùng Phú Thọ - Tuyên Quang. Tháng 5, Việt Minh còn ghi điểm bằng cách lần đầu tiên hạ đồn Phố Ràng gần Yên Bái do một đại đội chiếm giữ: 25 đồn bốt khác ở các vùng quanh đó đã bị Việt Minh đánh chiếm hoặc bức rút.

Vào thời điểm này, Hồng quân Trung Hoa đã tiến sát cửa ngõ Thượng Hải và Hàng Châu. Sự cô lập của Chính phủ Hồ Chí Minh chẳng bao lâu nữa sẽ chấm dứt. Chuyện gì sẽ xảy ra khi quân đội của Mao đã đến sát biên giới Đông Dương? Tướng Revers đã đi thị sát chiến trường, chủ trương rút tất cả các đồn binh ở phía bắc, tập trung về giữ Lạng Sơn và thu hẹp sự chiếm đóng vùng đồng bằng sông Hồng để rút ngắn phòng tuyến bên trong. Ngay trong các thành phố, tình hình cũng không sáng sủa hơn. Tại Hà Nội, cuộc sống vừa mới ổn định trở lại, du kích biệt động đã làm nổ tung máy bay đậu trên sân bay Bạch Mai (ngày 18 tháng 1 năm 1950), rồi ngày 1 tháng 3 đến lượt sân ga, trạm biến thế và một kho đạn lớn ở Thụy Khuê.

Trong năm học 1949 - 1950, các cuộc bãi khóa liên tiếp xảy ra tại các trường công, tư tại Sài Gòn, nơi đây hàng trăm, hàng nghìn người dự đám tang một học sinh[2] bị cảnh sát giết chết hồi tháng Giêng, trong một cuộc biểu tình chống chính phủ Bảo Đại. Tiếp đó, ngày 19 tháng 3 một cuộc biểu tình khác của thanh niên phản đối chuyến thăm của tướng Mỹ Radford tại Sài Gòn đã biến thành một cuộc khởi nghĩa. Nhiều xe buýt, xe con của người Pháp bị đốt cháy giữa trung tâm thành phố.

[2] Đó là đám tang học sinh Trần Văn Ơn (BT).

Khối chủ lực của Việt Minh cũng tăng nhanh ở miền Bắc từ năm 1947. Đại đoàn đầu tiên, đại đoàn 308 được thành lập ngày 28 tháng 8 năm 1949 tại đồn Đu gần Thái Nguyên và chín tháng sau đến lượt đại đoàn chủ lực thứ hai, đại đoàn 304 ra đời tại khu IV gần Thanh Hóa. Từ tháng 5 năm 1950, một thông tư của Ban chấp hành Trung ương đã ra lệnh sửa chữa gấp lại trục đường bộ quan trọng từ biên giới đến Việt Bắc. Trong lúc địch ra sức phá hoại hệ thống đường giao thông ở đồng bằng, đồng bào miền núi ra sức khôi phục mạng lưới đường bộ chỉ mất một ngày đã tới được Điện Biên Phủ. Ngày 27 tháng 7 năm 1950, Ban chỉ huy chiến dịch biên giới được thành lập do tướng Giáp đứng đầu và sẽ đưa vào trận đại đoàn 308, ba trung đoàn và ba tiểu đoàn cùng sự yểm trợ của các đại đội bộ đội địa phương và du kích.

Ngày 16 tháng 9 năm 1950, Việt Minh đánh chiếm Đông Khê. Con đường số 4 dọc hỏa tuyến bị cắt đứt hẳn.

Với một đơn vị hùng mạnh gồm lính Tabor, lính dù và lính lê dương, đại tá Lepage xuất phát từ Thất Khê để giải vây cho cánh quân Cao Bằng đang bị cô lập hoàn toàn. Ngày 1 tháng 10, trên các ngọn đồi Khau Luông và Nà Pá, cánh quân Lepage bị tiêu diệt. Các cuộc giao tranh ác liệt trong các cánh rừng và đồi núi dốc đứng diễn ra suốt ba ngày, song cánh quân của Charton đã rời Cao Bằng tiến rất chậm. Bộ chỉ huy Pháp mở cuộc hành binh lên Thái Nguyên để đỡ đòn và thu hút lực lượng Việt Minh. Những người tiến công bám sát cánh quân Lepage đang rút chạy về Cốc Xá ngày 30 tháng 10. Ngày hôm sau, Lepage tiến lên phía bắc để đón Charton đã lấp ló trên các mỏm núi Quý Châu. "Đánh quân Lepage", đó là mệnh lệnh của Bộ chỉ huy chiến dịch. Lính Việt Minh đã vượt qua các mỏm núi đá tai mèo rồi dùng súng tự động quét vào cánh quân Lepage đang mất phương hướng. Thế là Lepage bị bắt sống cùng với ban tham mưu. Những người lính Việt Minh thừa thắng tiến lên chặn quân Charton cũng đang cố bắt liên lạc với Lepage. Mệt mỏi, bụng đói, những người chiến thắng lại lên đường. Họ đi

suốt hai ngày ròng. Bữa ăn cuối cùng của họ vào ngày hôm trước chỉ có ngô rang. Họ đã đụng quân Charton ở Quý Châu và đánh tan tác quân Charton ở đây. Đại tá Constant chỉ huy thành Lạng Sơn cho tiểu đoàn dù tiến lên Na Sầm để cứu nguy nhưng dọc đường bọn này nghe tin hai cánh quân Lepage và Charton đã bị tiêu diệt nên hoảng hốt chưa gặp Việt Minh đã tan rã, chạy tản mát vào rừng thoát thân. Ngày 18 đến lượt Constant vội vàng bỏ Lạng Sơn. Các vị trí Hòa Bình trên sông Lô, Lào Cai ở biên giới rút chạy ngày 4 tháng 11. Quân viễn chinh Pháp rút về tập trung ở đồng bằng. 9 tiểu đoàn Pháp bị tiêu diệt, 2 đại tá bị bắt sống, 11 khẩu pháo, 3.000 khẩu súng các loại và 500 tấn đạn dược đã lọt vào tay Việt Minh. Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc đã được mở rộng thành vùng hoàn chỉnh dài 750 kilômét biên giới.

Từ ngày 21 tháng 1 năm 1950, Hội nghị toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam đã ấn định kế hoạch chuyển sang giai đoạn tổng phản công và chủ trương xây dựng "đội quân ngầm" trong các thành phố. Tương lai sẽ ra sao? Sau thảm họa Cao Bằng, Paris cử tướng De Lattre de Tassigny sang Đông Dương thống nhất chỉ đạo về quân sự và dân sự trong tay một người. Kỷ nguyên dao động đã qua rồi. Bây giờ là lúc quân phải có tướng chỉ huy. Ông ta tuyên bố ngay sau khi đến Đông Dương nhậm chức. Những đồn canh rải dọc đường như những cây măng tây để làm gì? Bây giờ đã đến lúc ẩn mình sâu dưới đất. Thế là chung quanh đồng bằng sông Hồng, quân đội đào xới, xây móng, đắp nền cho cả một hệ thống boong-ke nửa chìm nửa nổi, có thể chịu được đạn pháo 105 ly, tạo thành "phòng tuyến De Lattre" nhằm cắt vựa lúa vùng châu thổ ra khỏi vùng núi nhằm khiến tướng Giáp không tìm đâu ra đủ lương thực để nuôi khối chủ lực đang phát triển nhanh chóng. Năm trăm điểm tựa bằng bê tông, là là mặt đất, dùng hỏa lực quét sạch mọi sự qua lại.

Tháng 1 năm 1951, tướng Giáp tiến công Vĩnh Yên mà không phải chọc thủng phòng tuyến De Lattre. Hai tháng sau ông đưa quân đến Mạo Khê cách Vĩnh Yên hơn một trăm cây số về phía đông, rồi sau khi đi vòng quanh châu thổ dài 400 kilômét ông tiến công Ninh Bình vào tháng 6. Không có kết quả lắm. Từ tháng 3, nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng tái xuất hiện công khai với cái tên Đảng Lao động Việt Nam nhấn mạnh một lần nữa cuộc kháng chiến là "lâu dài" và đặc điểm giai đoạn hiện nay là "chuẩn bị" tổng phản công. Tại Paris, người ta đã nói đến "sự phục hưng kỳ diệu". Tướng De Lattre trở thành con người đã thay đổi số phận, là cứu tinh của Đông Dương. Chắc hẳn mặt trận đã trụ vững. Nhưng người ta cố quên đi rằng bằng cách mở liên tục ba chiến dịch quy mô lớn, tướng Giáp chứng tỏ đã có bước nhảy vọt kỳ diệu.

Trong khi De Lattre cố phân tán để bảo vệ vô số các đồn bốt nhỏ là những miếng mồi không quá khó đối với Việt Minh, ông đã loại bỏ những vị trí phụ thuộc không thể giữ được và tập trung lực lượng đã cho thành các GM (Groupments mobiles: "binh đoàn cơ động"). Làm như thế, De Lattre vẫn không thoát khỏi thế tiến thoái lưỡng nan đã được tướng Giáp vạch ra từ lâu: "Việc theo đuổi chiến tranh xâm lược đối với quân đội viễn chinh Pháp là một quá trình liên tục phân tán lực lượng. Lúc đầu là phiên chế theo đội hình sư đoàn, quân đội Pháp đã bị xé nhỏ thành trung đoàn rồi đại đội và cuối cùng là trung đội đóng quân trong hàng nghìn điểm tựa và các đồn bốt phân tán ra tứ phía của chiến trường. Như thế họ đứng trước một mâu thuẫn không thể giải quyết được: không phân tán, xé nhỏ quân đội thì không đủ lực lượng chiếm đóng các vùng đã xâm chiếm nhưng phân tán rồi họ lại gặp khó khăn mới. Những đơn vị bị xé nhỏ là miếng mồi ngon cho quân đội chúng ta. Lực lượng cơ động của họ ngày càng thu nhỏ và tình trạng thiếu hụt quân số càng thêm trầm trọng. Nếu họ tập trung lực lượng bao nhiêu để đủ sức đối đầu với hoạt động của ta và giành lại thế chủ động thì lực lượng chiếm đóng lại giảm đi bấy nhiêu và đối với họ thật khó, thậm khí không thể giữ được các vùng đã chiếm".

Vì Paris không thể cung cấp thêm quân tăng viện nên De Lattre ra sức bào chữa, bênh vực cho quân đội Bảo Đại. Tháng 7 năm 1951, Bảo Đại ký sắc dụ tổng động viên và một lớp thanh niên đã được kêu gọi nhập ngũ. Nhưng đội quân này được tuyển mộ một cách cưỡng bức, bộ khung của quân đội đó xuất thân từ các con em tư sản không có liên hệ gì với quân đội, quan tâm đến lương bổng và buôn bán hơn là các cuộc hành binh. Quân đội đó không bao giờ giữ được địa bàn khi bị tấn công.

Tháng 9 năm 1951, De Lattre đi Washington để "bán cuộc chiến tranh cho người Mỹ". Lầu Năm Góc còn đang theo đuổi cuộc chiến tranh Triều Tiên chống chủ nghĩa cộng sản châu Á nên cam kết sẽ cung cấp với số lượng kha khá về vật chất để trang bị cho các sư đoàn của Bảo Đại. Bằng cách ủng hộ về tài chính, vật chất và một đội ngũ "cố vấn", Hoa Kỳ thực tế ủng hộ quyền kiểm soát cuộc chiến tranh Đông Dương. Washington cung cấp đôla, còn Paris cung cấp "máu". Sau này Giáp viết: "Nếu năm 1950 và 1951 viện trợ Mỹ mới chỉ cung cấp 15% chi phí cho cuộc chiến tranh này, thì đến năm 1952 tỷ lệ đó là 35%, năm 1953 là 45%, đến năm 1954 đã tăng vọt lên 80%".

Hành động của De Lattre thoạt nhìn có vẻ như thành công. Mùa thu năm 1951, quân đội viễn chinh chuyển sang thế tiến công, đưa quân nhảy dù đánh chiếm Chợ Bến rồi Hòa Bình trong thung lũng sông Đà, cách Hà Nội 75 kilômét, phía sau những dãy núi đá vôi đánh dấu bậc thềm của miền trung du. Cuộc hành quân trước hết là một hành động nghi binh nhằm đánh lạc hướng sự chú ý của các sư đoàn chủ lực của tướng Giáp ra khỏi vùng châu thổ luôn luôn bị uy hiếp. De Lattre sẽ phải nhanh chóng xuống nước.

Tháng 11 năm 1951, trên sân bay Cát Bi tại Hải Phòng, De Lattre mặc bộ đồ dân sự nắm chặt tay các sĩ quan cao cấp chỉ huy quân đội Pháp tại Bắc Bộ ra tiễn ông. Ông đeo trên tay tấm băng tang và trên nét mặt hằn dấu ấn của nỗi đau mất con cũng như bệnh tật đang làm hao mòn cơ thể và tâm hồn ông. Trong thâm tâm, ông ý thức được sự thất bại của mọi cố gắng vô ích cũng như toàn bộ uy tín của mình. Lần này ông vĩnh viễn ra đi khỏi xứ Bắc Kỳ - nơi con trai ông vừa ngã xuống. Trong lòng ông đau khổ thấy mình không thể giành lại thế chủ động. "Không chịu", đó là phương châm hành động của ông. Vừa tái chiếm Hòa Bình nhưng ông biết rõ những khó khăn của lực lượng chiếm đóng chẳng bao lâu nữa sẽ phải rút bỏ để tránh một tai họa mới và tình hình Bắc Kỳ còn xấu hơn nữa so với thời kỳ đầu khi ông mới đặt chân đến. Sức ép của tướng Giáp trên mặt trận Hòa Bình lớn đến mức lực lượng chiếm đóng phải rút vội, sau khi phá hủy khí tài không thể đem theo qua những con đường hẻm của dãy núi đá vôi trên đường 6. Chỉ có yếu tố bất ngờ của cuộc rút quân vội vã dưới quyền chỉ huy của tướng Salan mới tránh được điều tệ hại nhất cho quân đội Pháp. Cũng trong thời gian này, khá nhiều đồn bốt mới xây dựng mùa hè năm ngoái đã thất thủ trước những đòn tấn công của Việt Minh. Bởi lẽ chính đồng bằng mới là thực chất của vấn đề.

Người ta nói và nhắc đi nhắc lại rằng đồng bằng ruỗng nát. Mỗi buổi sáng phải giải tỏa 100 kilômét đường bộ và đường sắt Hà Nội - Hải Phòng mà hết thảy mọi việc đều phải phụ thuộc vào trục giao thông huyết mạch này. Quân đội đi trước mở đường với những cỗ xe được trang bị máy dò mìn đi từ đồn này đến bốt khác, sửa chữa những đoạn bị du kích phá hoại đêm trước và khi thông đường xe lửa phải đi gấp về Hà Nội trước khi màn đêm buông xuống.

Trong tam giác châu thổ nơi mật độ dân số tới 1.000 dân trên một kilômét vuông thì thực sự đây là một "rừng người", che chở cho lực lượng kháng chiến. Quân đội viễn chinh thấy mình dính líu vào một công việc "dã tràng xe cát". Các boong-ke và các "vùng trắng" bao quanh chúng, những cuộc càn quét chỉ đạt nhiều nhất là khai thông những dòng chảy của phong trào chung trong nhiều xiphông, như

nguyên tắc bình thông nhau. Khi một tiểu khu bị càn quét, lực lượng địa phương, dân quân du kích lại mở một cuộc kháng cự mới rất quyết liệt, từ làng này sang làng khác. Ban ngày họ ẩn sau các lũy tre, đêm đến họ thực hiện chiến thuật quen thuộc của tướng Giáp. Dùng các đơn vị nhỏ ở khu vực bên cạnh ngoài khu vực đang càn quét hoạt động độc lập để phá vây sau đó lại tập hợp. Còn du kích thì chui xuống hầm bí mật ở lại tại chỗ hoặc phân tán trà trộn với dân. Như vậy, mỗi trận càn chỉ tạm thời phá vỡ các đơn vị chính quy của tướng Văn Tiến Dũng đang hoạt động ở tiểu khu bên cạnh mà thôi.

Thiếu quân số, quân viễn chinh cũng áp dụng nguyên tắc bình thông nhau nhưng theo chiều ngược lại. Mỗi mũi tiến công chỉ là tát cạn hậu phương, tạo nên khoảng trống để sau đó du kích hay quân chủ lực khai thác có lợi cho họ mà thôi. Các làng ở đồng bằng dần dần trở thành làng chiến đấu sau lũy tre mà người ta cố san phẳng thành bình địa. Cách Hà Nội 15 kilômét về phía bắc, xã Nam Hồng với 4.000 dân là nơi tưởng như có thể kiểm soát dễ dàng: tuyến đường sắt Hải Phòng - Lào Cai đi qua xã trên 5 kilômét. Thực tế, người Pháp chưa bao giờ kiểm soát được làng này. Năm 1950, nhiều cuộc càn quét diễn ra tại đây khiến tình hình trở nên gay go. Một cuộc họp ban đêm được triệu tập ngay cạnh bốt gác của địch đã xác định một chiến thuật mới: một mặt đào hầm bí mật để tiếp tục cuộc đấu tranh vũ trang trong khi trên mặt đất dân vẫn sống hợp pháp chống lại chế độ quân dịch của Bảo Đại. Trong hai năm 1953 - 1954, bất chấp khoảng 50 trận càn đốt cháy khoảng 850 ngôi nhà, cả xã vẫn là khu du kích nổi tiếng có 3.500 mét địa đạo và 3.200 mét hào kết nối các điểm trọng yếu. Nam Hồng không phải là trường hợp cá biệt. Những kiểu làng kháng chiến có địa đạo như hang chuột chũi như thế, thường thấy trong vùng châu thổ miền Bắc, sẽ được tái hiện ở gần Sài Gòn về hướng Hóc Môn và Củ Chi.

Cơ quan phụ trách bình định đánh giá trong mùa hè năm 1953 ở vùng châu thổ sông Hồng chỉ 63% số xã bình định được ban ngày và 36% xã bình định được về đêm. Đó là những con số rất lạc quan dưới con mắt của chuyên gia Bernard Fall. Ông tính rằng trong số 5.780 làng bên trong phòng tuyến De Lattre, Việt Minh kiểm soát được 2.140 làng, còn lại 1.840 làng khác tuy được tuần tra luôn nhưng vẫn tuột khỏi sự kiểm soát của Pháp, Pháp chỉ kiểm soát được 1.800 làng, tức 31,2%.

Một cực khác của cuộc chiến tranh này là vùng rừng núi, nơi sinh sống của các dân tộc thiểu số, từng là một trong những bộ phận then chốt của bộ máy chính trị - quân sự thuộc địa từ thời Gallieni. Có kinh nghiệm hoạt động ở Việt Bắc trong những năm 1940 - 1945, nên Giáp đã tiến hành các biện pháp tại các vùng này, làm thay đổi hẳn cục diện chiến trường.

Từ tháng 3 năm 1948, tướng Giáp đã mở một chiến dịch nhỏ ở Nghĩa Lộ tại Tây Bắc (Nghĩa Lộ sau này trở thành một trong những mối quan tâm thường xuyên của ông). Bắt đầu từ lúc cả phần còn lại của miền Bắc được giải phóng trừ vùng châu thổ thì khu vực Thái - Mèo trở thành mục tiêu chủ yếu của ông. Tháng 10 năm 1951, chiến dịch Lý Thường Kiệt đã buộc Pháp rút bỏ 7 đồn về tập trung quân ở Nghĩa Lộ nhưng đồn chính tại đây lại không nhổ được và chỉ một năm sau vị trí Nghĩa Lộ mới bị tiêu diệt trong một chiến dịch lớn hơn. Toàn bộ thế trận bố trí tại đây bị sụp đổ. Tiểu đoàn dù thuộc địa số 6 của thiếu tá Bigeard phải hy sinh vào phút chót để làm nghi binh thu hút lực lượng tiến công, cuối cùng mất hai phần ba quân số trong một cuộc xuất quân liều lĩnh. Từ đó ở Tây Bắc, Pháp chỉ còn đóng quân ở hai nơi: Lai Châu và Nà Sản. Riêng Nà Sản nhanh chóng trở thành tập đoàn cứ điểm có hệ thống phòng thủ kiên cố chỉ sống được nhờ cầu hàng không. Cách bố trí kiểu mới khiến Giáp bị bất ngờ và chưa có cách tiêu diệt vị trí này. Lực lượng của Giáp không đủ trang bị nên đã thiệt hại nặng nề. Về phía Pháp, mẫu cứ điểm phòng thủ sẽ trở thành loại thuốc bách bệnh dẫn thẳng đến Điện Biên Phủ.

Tháng 4 năm 1953, Giáp mở rộng cuộc tiến công về phía nam đánh chiếm thị xã Sầm Nưa ở Thượng Lào và chọc thủng phòng tuyến Luang Prabang, lực lượng Khmers Issaraks mau chóng trưởng thành.

Tại Việt Bắc, từ khi có chỉ thị của Đảng hồi tháng 5 năm 1950 về sửa chữa đường sá, người ta đã khôi phục hệ thống giao thông bị phá hoại nghiêm trọng 3 năm trước. Áp dụng lại chiến thuật có từ thời Lê Lợi trong cuộc kháng chiến chống xâm lược nhà Minh ở thế kỷ XV, người Việt Nam xây dựng một mạng lưới đường mòn trên núi để địch chiếm đóng ở đồng bằng không thể phát hiện. Người ta cố gắng xác định vị trí của các trục đường trên bản đồ cổ nhưng vô ích vì những con đường không tồn tại. Với những cán bộ được đào tạo vội vã, thiếu bài bản, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã mở các đoạn đường cần thiết để nối với với các con đường cũ. Cầu được thay bằng các mảng qua suối hay phà ban ngày được ngụy trang kỹ. Các trạm đỗ xe đều được đặt trong hang hoặc dưới tán rừng. Người ta đã sửa được 3.964 kilômét đường bộ, mở thêm 333 kilômét đường mới để ban đêm những chiếc xe Motolova do Liên Xô chế tạo có thể đi mà không cần bật đèn pha.

Việc động viên toàn dân để đảm bảo giao thông cho phép quân đội vượt qua những trở ngại nặng nề nhất. Không quân Pháp tàn phá mặt đường, rất khó khôi phục nhưng các ảnh chụp từ trên máy bay đăng trong Indochine Sud Est asiatique (Đông Dương - Đông Nam Á) cho thấy những đoạn đường hàng trăm mét bị bom xóa sổ đã được khôi phục trong vòng chưa đầy 15 ngày. Về hướng Nà Sản, 100 kilômét đường bộ đã được mở trong vòng bảy tháng, từ tháng 4 đến tháng 11 năm 1953, trên một vùng núi địa hình hiểm trở, dân cư thưa thớt. Chúng ta có thể đo được sự nỗ lực này nếu nghĩ đến việc xây 356 kilômét đường 41 dưới chế độ thuộc địa phải mất 26 năm.

Cuối tháng 5 năm 1953, khi tướng Navarre đến Sài Gòn, tình thế của quân đội Pháp không hề sáng sủa. Quyền chủ động nằm trong tay tướng Giáp. Đông Dương sẽ được "quần đảo hóa" thành hàng nghìn vị trí đồn bốt lớn nhỏ trơ trọi giữa đại dương Việt Minh chăng?

Sau 18 tháng "án binh bất động", bộ chỉ huy Pháp quyết định giành lại thế chủ động đã bị mất về tay đối phương. Đó là mục đích của kế hoạch mang tên người thảo ra nó: kế hoạch Navarre. Quân đội tập hợp lại thành những binh đoàn cơ động xung kích sẽ làm đối phương phải nhỏ máu, bắt họ phải phân tán giữa châu thổ và thượng du trước khi giáng đòn quyết định trong một chiến dịch tấn công quy mô lớn. Giáp sẽ phải tập trung quân để bảo vệ các căn cứ địa, kho tàng và các vị trí then chốt.

Có ý thức về quy mô các phương tiện hậu cần của lực lượng kháng chiến, đó là kho xăng dầu và đạn dược giấu trong các hang động ở Lạng Sơn, Navarre và Cogny đã nhằm vào đó để đánh đòn phủ đầu. Từ ngày 17 đến ngày 20 tháng 7 năm 1953, hai tiểu đoàn dù được thả xuống thị xã Lạng Sơn rồi vội vã rút theo ngả Tiên Yên sau khi lùng sục vào một số kho vũ khí để phá phách. Để đề phòng bị tiêu diệt và tiết kiệm chi phí cho cầu hàng không quá tốn kém, sáu tiểu đoàn tại Nà Sản đã được rút vào đầu tháng 8. Ngày 15 tháng 10, năm binh đoàn cơ động mở cuộc hành binh Mouette (Chim mòng biển) đánh ra Nho Quan và Thanh Hóa là những căn cứ hậu phương của các đại đoàn chủ lực của Giáp. Tuy nhiên, đây là lần đầu tiên trong chiến tranh, Navarre tiến hành một cuộc đổ bộ đánh vào Liên khu IV. Ông hy vọng sẽ làm tan rã lực lượng kháng chiến, đã được tập hợp thành năm sư đoàn ở các cửa ngõ đồng bằng. Nhưng cuộc tấn công của Pháp ra Thanh Hóa và Nho Quan đã bị bộ đội địa phương chặn đứng và bắt đầu từ ngày 6 tháng 11, tất cả các đơn vị tham gia cuộc hành binh Mouette đã trở về căn cứ xuất phát.

Tại Hà Nội cũng như ở Paris, phong vũ biểu ở vạch khá ổn định báo hiệu "thời tiết tốt".

Tướng Giáp sẽ làm gì đây?

Sau này ông viết: "Vấn đề cụ thể như sau: địch đang ra sức tập trung quân ở đồng bằng và mở các cuộc tiến công đánh ra vùng tự do. Từ đó chúng ta sẽ phải tập trung lực lượng để đối phó hay đưa đi nơi khác để mở những cuộc tiến công trong những khu vực khác mà ta đã lựa chọn. Vấn đề thật sự tế nhị. Trong khi tập hợp lực lượng để đánh địch ở đồng bằng, chúng ta vẫn có thể bảo vệ vùng tự do của chúng ta. Nhưng quân đội viễn chinh tại đây vẫn còn mạnh và các đơn vị của ta có thể chịu tổn thất nặng. Ngược lại, nếu tiến công địch ở những khu vực với phần lớn chủ lực của ta, chúng ta có thể khai thác những điểm yếu của đối phương để giáng cho chúng những đòn chí tử trong lúc vẫn tồn tại uy hiếp của địch đối với vùng tự do của chúng ta".

Vì vậy, Ban chấp hành Trung ương quyết định: "Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công lớn vào những hướng quan trọng mà địch tương đối yếu". Tháng 10 năm 1953, bỏ lại cửa ngõ vùng châu thổ, quân chủ lực tiếp tục hành quân lên Tây Bắc nhằm hướng Lai Châu và Luang Prabang. Paris phải bảo vệ Lào bằng mọi giá vì Lào là nước duy nhất ở bán đảo Đông Dương đã ký với Pháp một hiệp ước theo đúng thể thức. Còn Sihanouk thì đòi Campuchia được hưởng độc lập chân chính trước khi cam kết và cận thần Bảo Đại đi xa đến chỗ chơi sang là thông qua một kiến nghị phản đối Liên hiệp Pháp. Chính vì để đáp ứng sự đòi hỏi chính trị mà ngày 17 tháng 11, Navarre và Cogny quyết định mở cuộc hành quân Castor (Hải ly) nhảy dù xuống Điện Biên Phủ, biến Điện Biên Phủ thành một Nà Sản mới nhằm mục tiêu kép "che chở Lào" và "nắm lúa gạo, nhất là lòng chảo Điện Biên Phủ". Đúng là trong góc ngăn kéo nào đó còn có một phiếu của đại tá Bastiani: "Ở xứ này không thể ngăn chặn mọi hướng tiến quân. Đó là khái niệm châu Âu không có giá trị gì ở đây. Người Việt có thể đi khắp mọi nơi. Người ta đã biết rõ điều đó tại đồng bằng". Nhưng người ta từ chối không đếm xỉa đến điều đó cũng như những lời phản đối của các sĩ quan cao cấp. Vì vậy, người ta cứ đến Điện Biên Phủ để đặt một cái chốt trên một trục hoàn toàn hư cấu. Ngày 20 tháng 12 năm 1953, ba tiểu đoàn dù được thả xuống một nơi hẻo lánh có cái tên không nói được điều gì với ai và gọi là Điện Biên Phủ.

Sự uy hiếp của tướng Giáp đối với lòng chảo nhanh chóng được xác định rõ. Ngày 10 tháng 12, quân chủ lực nổ súng trên mặt trận Lai Châu và bắt đầu thanh toán cái gọi là "du kích" do G.C.M.A (Groupes de Commandos mixtes Aéroportés - Nhóm biệt kích dù hỗn hợp) của đại tá Trinquier thu nhặt từ bọn thổ phỉ ở địa phương, nhất là người của Đào Văn Long.

Tướng Giáp đã thay đổi hoàn toàn lực lượng ban đầu của mình, tiến công trên nhiều hướng làm cho lực lượng dự trữ của quân viễn chinh Pháp mỏi mệt, kiệt sức trước khi giáng một đòn mạnh có tính quyết định vào Điện Biên Phủ.

Trong lúc bao vây Lai Châu, Giáp đã điều lực lượng của khu IV đi về hướng Trung Lào để tiêu diệt vị trí Ban Na Phao ngày 22 tháng 12. Liên quân Việt - Lào đã quét sạch mọi vị trí địch trên đường số 9 cho đến tận Thakhet, khiến quân Pháp đóng ở đây phải rút chạy về Seno gần Savankhet. Ngày 27 tháng 12, bộ đội Việt Nam đã ra sông Mêkông rửa ga-men trong lúc máy bay Pháp vội vã đi tiếp tế cho Pháp đang cố gắng củng cố căn cứ cố thủ Seno. Một tuần sau, ngày 30 và 31 tháng 12, Giáp tiến công Hạ Lào, giải phóng Attopeu và thừa thắng giải phóng toàn bộ cao nguyên Boloven. Navarre phải tăng cường cho căn cứ Pakse.

Việt Minh sẽ đánh ở đâu nữa đây? Ở cực Bắc giáp với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), sau khi giải phóng Lai Châu, tướng Giáp cho một mũi tiến về phía bắc đến Luang Prabang, qua lưu vực sông Nậm Hu, và

tiến về phía bắc, đến tận tỉnh Phong Sa Lỳ. Một minh chứng hiển nhiên: Điện Biên Phủ có chặn đứng được trục tiến quân nào đâu! Miền Nam, miền Trung và miền Bắc Lào đều là những nhọt tụ độc hút quân viễn chinh Pháp vào đấy, cũng như cao nguyên miền Trung và châu thổ sông Hồng, nơi đây tình hình mỗi ngày một xấu.

Chính trong bối cảnh chung đó, ngày 13 tháng 3 năm 1954, trận chiến Điện Biên Phủ mở màn. Trận Điện Biên Phủ được lồng với khung cảnh chính trị có sức nặng tối đa, một chiến lược quân sự trên phạm vi toàn chiến trường Đông Dương. Chúng ta sẽ trở lại chi tiết hơn về trận chiến quyết định này.

Đêm 13 tháng 3 năm 1954, một cuộc tấn công dũng mãnh được những làn đạn hỏa lực pháo dày đặc yểm trợ đã tràn ngập trung tâm đề kháng Béatrice (Him Lam) bảo vệ lối vào lòng chảo Điện Biên Phủ. Thừa thắng, Giáp phá hủy luôn cái chốt cửa thứ hai của tập đoàn cứ điểm: đồi Gabrielle (Độc Lập) bị hạ ngay tối hôm sau. Lính Thái đang giữ Anne Marie (Bản Kéo) tháo chạy trong cơn hoảng loạn ngày 17 tháng 12. Tại Hà Nội và Paris, tất cả mọi người đều sững sờ.

Từ ngày 30 tháng 3 đến giữa tháng 4, một cuộc tiến công thứ hai đã diệt một phần các quả đồi phía đông (cụm cứ điểm Dominique, Eliane) và nhiều điểm tựa ở phía tây (cụm cứ điểm Huguette) nơi diễn ra những cuộc ác chiến giáp lá cà trên nhiều vị trí mà hai bên giành giật nhau một cách quyết liệt. Bị kẹt chặt trong một hệ thống hầm hào cứ đêm đến lại tiến lên để bóp nghẹt dần dần như các vòi của con bạch tuộc, tập đoàn cứ điểm mỗi ngày một co hẹp chỉ được tiếp tế nhỏ giọt bằng những cuộc thả dù liều mạng.

Khoảng tháng 4, Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ Foster MacGovern đã tính đến một cuộc can thiệp ồ ạt của không quân Mỹ được mệnh danh là "chiến dịch Vautour" (Diều hâu) để đập tan hệ thống giao thông tiếp tế của Việt Minh và tuyến đầu tấn công. Tại Bộ Ngoại giao Pháp, ông ta đã đề nghị Bộ trưởng Ngoại giao Pháp Georges Bidault sử dụng hai quả bom nguyên tử để cứu Điện Biên Phủ. Dự án này vấp phải sự chống đối của các nghị sĩ Quốc hội Mỹ và cả Bộ trưởng Ngoại giao Anh Anthony Eden. Tập đoàn cứ điểm không thể giải tỏa, quân Pháp cố thủ ở đây không còn đường nào tháo chạy. Số phận của họ thế là đã được định đoạt. Trận đại bại Điện Biên Phủ chỉ còn tính bằng ngày.

Từ ngày 1 đến ngày 6 tháng 5 năm 1954, một đợt tiến công mới đã diệt nốt những vị trí then chốt cuối cùng trên mấy ngọn đồi phía đông. Và chiều ngày 7, cuộc tổng công kích đã tiến vào sở chỉ huy tập đoàn cứ điểm. Hồi 17 giờ 30 phút cùng ngày, cờ đỏ sao vàng của những người chiến thắng đã tung bay trên nóc hầm của tướng De Castries.

Hội nghị Genève sẽ khai mạc vào ngày hôm sau (đoàn Việt Nam do Phạm Văn Đồng dẫn đầu đã đến từ ngày 24 tháng 4). Tại vùng chiến sự miền Bắc, quân viễn chinh Pháp vừa mất 16.000 quân thuộc những đơn vị thiện chiến nhất của khối chủ lực đội quân viễn chinh Pháp tại Đông Dương. Việc rút toàn bộ quân Pháp về Hải Phòng đã được tính đến một cách nghiêm túc. Từ ngày 23 tháng 6 đến ngày 3 tháng 7, trong cuộc hành quân Auvergne, toàn bộ lực lượng Pháp chiếm giữ phía nam đồng bằng rút về trục Hải Phòng - Hà Nội bỏ lại 150 đồn bốt cùng với

600 làng xã và nhiều thành phố lớn như Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình, Phủ Lý. Cùng lúc ở miền Trung, binh đoàn 100 bị quân đội nhân dân đánh tan tác gần An Khê. An Khê được giải phóng ngày 28 tháng 6 sau một trận giao tranh ác liệt.

Hai sự kiện diễn ra đồng thời Điện Biên Phủ và Genève đã gây ra một làn sóng hòa bình ở Pháp và Laniel phải nhường chức Thủ tướng chính phủ cho Mendès France. Vị thủ tướng mới cam kết giải quyết vấn đề Đông Dương từ nay đến 20 tháng 7 là hạn cuối cùng. Cuộc chạy đua với thời gian trong rừng kết thúc bằng cuộc chạy đua với thời gian xung quanh (và trong hậu trường) những tấm thảm xanh, bên bờ hồ Léman.

Ngày 20 tháng 7, sau một cuộc thảo luận kéo dài suốt đêm không nghỉ, một hiệp định ngừng bắn đã được ký kết giữa Pháp và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, các cường quốc (Liên Xô, Trung Quốc, Anh) tuyên bố tán thành văn bản hiệp định trong một bản tuyên bố cuối cùng của hội nghị thừa nhận độc lập thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Đất nước Việt Nam thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ nhưng từ tháng 9 năm 1954 tạm thời chia cắt thành hai miền, Bắc và Nam tập kết lực lượng của hai bên tham chiến (Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Liên hiệp Pháp). Hai miền về nguyên tắc sẽ thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử vào tháng 7 năm 1956.

Mỹ không muốn công nhận các quyết định này nên đưa ra một tuyên bố đơn phương mang tính nước đôi.

Ngày 10 tháng 10 năm 1954, quân đội của Giáp và Vương Thừa Vũ, súng đeo trên vai tiến vào Hà Nội. Những người lính cuối cùng của đội quân viễn chinh Pháp rầu rĩ rút khỏi các con phố vắng vẻ, cửa sổ đóng kín. Theo chân họ cách vài trăm mét là những anh bộ đội tiếp bước trên những vỉa hè đông nghẹt người dưới những ô cửa sổ mở toang và cờ đỏ phấp phới tung bay.

Nhà chiến lược đối mặt với Hoa Kỳ

1. “Chiến tranh đặc biệt”

Một ngày bình thường như bao ngày khác, ngọn lửa tí tách reo vui dưới đáy nồi kê trên bếp. Dưới sàn nhà tre, tiếng vù vù nặng nề của chiếc cối xay lúa đang quay đều đều theo nhịp chiếc biên gỗ. Từ nhà hàng xóm vang lên tiếng cối giã gạo đinh tai nhức óc. Một tia sáng lóe lên ở chân trời. Lát nữa thôi khi mặt trời nhô lên rọi chiếu khắp các lùm cây, đàn ông trong làng sẽ đi làm đồng hoặc đi săn... Bất chợt tiếng chó sủa râm ran, lính Sài Gòn ùa vào trong thôn. Ba tiếng sau khi chúng ra đi, những thanh gỗ cụt cuối cùng vừa cháy hết, xóm Tân Lập đã bị xóa tên trên bản đồ: 37 xác chết nằm còng queo trên mặt đất, chỉ có hai thanh niên chạy thoát. Cũng đơn vị lính Sài Gòn đó lại xông vào làng Tân Hiệp[1]: 15 phụ nữ bị cắt cổ gục bên rãnh nước. Thống kê cuối cùng: 92 người chết. Ngày tháng? Không phải là năm 1964 cũng không phải là năm 1965 mà là năm 1955. Chính xác là ngày 8 tháng 7. Những kiểu thảm sát như thế đã bắt đầu xảy ra như cơm bữa từ một năm nay trong khuôn khổ “chiến dịch tố cộng” nhằm vào những người kháng chiến cũ còn ở lại, bất chấp những điều khoản ghi rành rành trong hiệp định Genève tuyệt đối cấm mọi hành động tàn sát.

[1] Thôn Tân Hiệp và Tân Lập thuộc xã Hướng Điền (nay là xã Tà Rụt, huyện Đakrông) (BT).

Nhân danh Quân đội nhân dân Việt Nam, từ cuối năm 1954 tướng Giáp không ngừng tố cáo những tội ác đó. Từ ngày 4 tháng 9 quân đội quốc gia đã nổ súng ở chợ Được, 39 người chết. Rồi ngày 7 ở Ngân Sơn - Chí Thạnh: 80 người chết. Ngày 13 ở Mỏ Cày: 17 người chết. Ngày 25 ở Vĩnh Xuân, 40 người chết. Về vụ thảm sát Ngân Sơn, một trong những vụ hiếm hoi được Ủy ban Kiểm soát Quốc tế (CIC) để mắt đến và tiến hành điều tra, kết quả là một bản báo cáo đưa ra nhận xét: “Đây là một vụ việc nghiêm trọng làm khoảng 80 người chết và 46 người bị thương. Để chống lại khoảng 300 người dân, quân đội quốc gia đã triển khai 300 lính của tiểu đoàn 10 được trang bị súng trường và súng tự động...”.

Ủy ban Kiểm soát Quốc tế không bao giờ đến Tân Lập cũng như Tân Hiệp. Thực tế các tổ điều tra lưu động của họ không thể đi đâu được từ tháng 6 năm 1955. Trên 295 vụ việc mà Ủy ban Kiểm soát Quốc tế nắm được, Ủy ban chỉ đưa ra ánh sáng được 30 trường hợp. Tờ Marchés coloniaux (Thị trường thuộc địa) ra ngày 17 tháng 12 nhận định: “Những phương pháp áp dụng ở miền Nam Việt Nam giống chủ nghĩa phát-xít chính thống nhất”. Sắc lệnh ban hành ngày 16 tháng 1 năm 1956 về giam giữ và quản thúc tại nhà vì tội “xâm phạm an ninh quốc gia” xác nhận về phương diện pháp lý thực trạng đó. Vận dụng sắc lệnh này, sáu vị lãnh đạo Phong trào bảo vệ Hòa bình Sài Gòn - Chợ Lớn mà trước đó người ta không thể đưa ra tòa xử được vì thiếu chứng cứ hợp pháp đã bị giam giữ tại một vùng khí hậu độc ở Sơn Hòa miền Trung Việt Nam. Tháng 10 năm 1961, một người trong bọn họ đã vượt ngục, đó là luật sư Nguyễn Hữu Thọ, người cổ động học sinh, sinh viên biểu tình trên đường phố Sài Gòn phản đối chuyến thăm của mấy đơn vị đầu tiên của hải quân Mỹ đến cảng Sài Gòn tháng 3 năm 1950. Sau này ông sẽ làm Chủ tịch Mặt trận dân tộc giải phóng.

Ngày 27 tháng 9 năm 1954, một phái đoàn của Pháp, do tướng Ely dẫn đầu đến Washington, đã xác nhận chính sách của Hoa Kỳ. Nước Pháp chấp nhận chuyển giao trách nhiệm cho Mỹ và ngày 28 tháng

4 năm 1956 người lính Pháp cuối cùng sẽ rời khỏi Việt Nam. Các nhà đương cục Pháp lần lượt chuyển giao mọi thẩm quyền cho Chính phủ Diệm để đổi lại sự đảm bảo về lợi ích kinh tế và thương mại. Từ tháng 2 năm 1956, Sài Gòn đưa tin cho biết tướng O'Daniel chịu trách nhiệm huấn luyện quân đội Nam Việt Nam. Các phù hiệu Pháp sẽ bị đốt và thay thế bằng phù hiệu Mỹ. Ngày 25 tháng 4, phái đoàn viện trợ và cố vấn Mỹ (M.A.A.G - Military Aid and Advisory Group) đặt tại Đông Dương từ năm 1950, đảm nhiệm "mọi trách nhiệm tổ chức và huấn luyện quân đội Nam Việt Nam".

Dưới sự che chở của tấm chắn bảo vệ vĩ tuyến 17, Chính phủ thân Mỹ của Diệm khẳng định một chính quyền ngày càng độc tài. Với sự ủng hộ của các "cố vấn Mỹ", từ mùa đông năm 1954, Diệm nắm quyền chỉ huy quân đội và từ mùa xuân năm 1955, Diệm giáng một đòn mạnh vào phe đối lập thân Pháp bằng mưu toan lập "Mặt trận thống nhất toàn lực quốc gia".

Tung 7 tiểu đoàn để chống lại phe ly khai Bình Xuyên, Diệm cắt đứt mọi quan hệ với lực lượng Bình Xuyên ngày 8 tháng 3 năm 1955. Nhiều trận giao chiến ác liệt xảy ra giữa trung tâm Sài Gòn - nơi lực lượng Bình Xuyên nắm cảnh sát, an ninh cách Dinh Tổng thống 300 mét. Được CIA trợ lực, Diệm lần lượt đè bẹp từng đối thủ một, yếu hơn và không đủ tầm cỡ chống lại quân đội của chính phủ.

Đồng thời Diệm tổ chức trưng cầu dân ý ngày 23 tháng 10 năm 1955 để phế truất Bảo Đại. Tổng thống họ Ngô đến Washington tháng 5 năm 1957 đã có thể tuyên bố: "Biên giới Hoa Kỳ kéo dài đến vĩ tuyến 17". Tại Sài Gòn, tổng tham mưu trưởng Lê Văn Tỵ phát biểu gọn lỏn: "Lấp sông Bến Hải và Bắc tiến".

Từ năm 1954, tướng Giáp đã nhiều lần phản đối những vi phạm hiệp định Genève ở miền Nam. Tại đây những người kháng chiến cũ và các đảng viên cộng sản được lệnh không đánh trả bằng vũ lực đều bị bắt hoặc sát hại. Trong suốt ba năm, Chính phủ Hồ Chí Minh đã hy vọng, bất chấp mọi trở ngại, đi đến việc thực hiện hữu hiệu hiệp định Genève và thống nhất đất nước bằng tổng tuyển cử. Tình hình buộc chính phủ miền Bắc phải xem xét lại quan điểm ấy. Bằng cách đề nghị cả hai miền gia nhập Liên hiệp quốc cuối năm 1956, Matxcơva chấp nhận về thực tế tình trạng chia cắt gần như vĩnh viễn. Trung Quốc lúc này còn chịu chi phối của tinh thần hội nghị Bandoung nên phản đối chủ trương của Liên Xô nhưng sự phản đối này nặng về ngoại giao hơn là dứt khoát. Tại miền Bắc Việt Nam, việc phát hiện sai lầm của cải cách ruộng đất từ cuối năm 1956 đã tạm thời chiếm lĩnh sự chú ý của chính phủ. Lê Duẩn sau năm 1954 vẫn bí mật ở lại miền Nam Việt Nam, sau đó ra Bắc, trở thành Tổng bí thư Đảng Lao động. Ông tiến hành đánh giá lại tình hình. Thay mặt những chiến sĩ miền Nam, ông nhấn mạnh quy mô của những vụ đàn áp và sự cần thiết phải chuyển sang hành động bạo lực. Hội nghị toàn quốc Ban chấp hành Trung ương lần thứ XV đã quyết định đấu tranh để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Tuy nhiên, sự ủng hộ của miền Bắc đối với miền Nam vẫn còn rất khiêm tốn cho đến khi Mỹ leo thang chiến tranh, kém hơn - rất nhiều - so với viện trợ của Washington cho Sài Gòn theo ý kiến của CIA.

Hai tháng trước quyết định của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản, các lực lượng Nam Việt Nam do Mỹ huấn luyện đã phát động một cuộc chiến tranh thật sự chống lại vùng nông thôn. Tại đây đã tự phát hình thành những khu du kích mới. Ngày 18 tháng 3 năm 1959, 10 chiếc máy bay ném bom ấp Tu Lai. Lần đầu tiên máy bay được sử dụng đánh vào dân thường ở miền Nam. Ngày 4 và 22 tháng 4, các cuộc bắn phá bằng máy bay lại tiếp diễn trong khuôn khổ một cuộc hành quân càn quét trong vùng chiến khu D, xưa kia là căn cứ kháng chiến chống Pháp, cách Sài Gòn khoảng 50 kilômét về phía bắc. Chính quyền Sài Gòn điều động lực lượng từ một đại đội đến một tiểu đoàn từ đầu tháng 2 rồi đến cuối tháng 2 đã phải tăng quân số lên tới 10.000 người. Đại tướng Dương Văn Minh có đại tá Mỹ

Leister đi kèm, đã đích thân chỉ huy cuộc hành binh này. Chính Diệm tuyên bố với phóng viên Figaro: "Nam Việt Nam đang trong tình trạng chiến tranh".

Một phong trào kháng chiến tự phát của nhân dân miền Nam đã nổ ra trên toàn lãnh thổ. Đầu năm 1959, các tù nhân chính trị ở nhà tù Phú Lợi đã bị đầu độc. Người ta ghi nhận biểu hiện đầu tiên của một cuộc kháng cự vũ trang. Một đồn binh bị diệt. Những phong trào khác thường do những người thoát nạn của các giáo phái tôn giáo - chính trị chỉ huy đã công khai chống lại quân đội Diệm, nhất là ở phía tây đồng bằng sông Cửu Long, trong các đồn điền cao su. Tại miền Trung Việt Nam cũng hình thành những khu kháng chiến, nhưng không có tiếp xúc gì với miền Bắc. Đặc biệt điển hình là đồng bào dân tộc Kor sinh sống ở vùng cao tỉnh Quảng Ngãi đã có phong trào đấu tranh vũ trang phát triển khá rộng[2].

[2] Cụ thể là đồng bào dân tộc Kor ở huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi (BT).

Trong năm 1960, các phong trào đấu tranh tăng cường liên hệ, móc nối với nhau và đến tháng 12 cùng năm đó, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam ra đời, công bố chương trình 10 điểm nhằm mục tiêu căn bản là lật đổ chế độ thuộc địa trá hình và độc tài Ngô Đình Diệm do đế quốc Mỹ dựng nên, thành lập chính phủ liên hiệp dân tộc dân chủ. Mặt trận khẳng định chính sách mở cửa và cụ thể hóa chính sách đó bằng cách để trống 20 ghế trong Ban chấp hành Trung ương Mặt trận và ba ghế Phó chủ tịch để thu nhận ngay lập tức những cá nhân hay nhóm tham gia Mặt trận sau đó.

Đến thời điểm đó, trong Mặt trận đã có Đảng Dân chủ mà đại diện là ông Huỳnh Tấn Phát sau này sẽ được Đại hội II bầu làm Tổng thư ký, Đảng Xã hội cấp tiến (đại biểu là ông Nguyễn Văn Hiền, lúc đầu là Tổng thư ký Đảng), Đảng Nhân dân Cách mạng (đại biểu là Võ Chí Công, đảng viên cộng sản), Phong trào tự trị của các bộ tộc Tây Nguyên, đại diện của dân tộc thiểu số Khmers Nam Bộ và các hội Phật giáo, Cao Đài, Hòa Hảo và các tổ chức quần chúng (công đoàn, thanh niên, phụ nữ, các nhà văn...).

Đảng Cộng sản không có đại biểu tham dự với danh nghĩa cộng sản, cũng không giữ vị trí chủ chốt vì lý do chiến thuật, thực tế kiểm soát các lực lượng vũ trang khởi nghĩa qua sự có mặt của các quân nhân như Trần Văn Trà và bà Nguyễn Thị Định. Người ta nhận ra phương pháp quen thuộc của Hồ Chí Minh cho con đường đấu tranh vũ trang đã đưa ra từ những năm 1940. Chính trị được đặt lên hàng đầu để mở đường cho đấu tranh vũ trang phát triển, phong trào chống đế quốc giải phóng dân tộc ở miền Nam lúc này phải đặt lên trên hết, đi trước phong trào xã hội. Nhưng bên trong sự tập hợp rộng rãi đó, Đảng Cộng sản không ngừng tự khẳng định.

Ở phe đối diện, Hoa Kỳ đi vào con đường hoàn toàn trái ngược, đi từ quân sự đến chính trị, không kể đến những nhân tố văn hóa dân tộc. Thượng nghị sĩ trẻ tuổi và nổi bật của bang Massachusett là John F. Kennedy năm 1954 tuyên bố trước Thượng viện Mỹ: "Tôi tin rằng viện trợ Mỹ dù to lớn đến đâu cũng không thể đè bẹp đối thủ có mặt ở khắp nơi đồng thời cũng không thấy xuất hiện ở đâu hết, một "kẻ thù hòa mình trong nhân dân" được sự đồng tình và ủng hộ của toàn dân... Đối với Hoa Kỳ, can thiệp đơn phương và gửi quân đội đến một lãnh thổ khó khăn nhất thế giới tạo nên một tình hình còn khó khăn hơn rất nhiều so với tình hình chúng ta đã biết ở Triều Tiên." Trở thành Tổng thống Hoa Kỳ đầu năm 1961, ông đã phải tiếp nhận (Jacques Decornoy, Le Monde, 1973) mớ bòng bong Đông Dương từ các nhiệm kỳ tổng thống trước để lại. Quên bẵng những lời tuyên bố trước đây, dưới sức ép của các cố vấn thân cận, ông quyết định chơi con bài quân sự ở Việt Nam.

Với việc McNamara được cử giữ chức Bộ trưởng Quốc phòng và tướng Taylor làm Tham mưu trưởng liên quân, Hoa Kỳ đã từ bỏ chiến lược trả đũa ồ ạt. Người ta hướng về "trả đũa linh hoạt" với việc trở lại sử dụng vũ khí quy ước và phân chia từng cấp độ các đòn giáng trả đối phương trong khuôn khổ "chiến tranh cục bộ" được Lầu Năm Góc đặt thành mối quan tâm hàng đầu, từ năm 1961. Các máy tính cho phép xếp loại và quy định các bước leo thang, các phương tiện sử dụng mà theo đó đến một lúc nào đấy sẽ đạt đến "ngưỡng hạt nhân". Một công trình lô-gic không thể lay chuyển, nhưng không bao giờ đếm xỉa đến nhân tố con người. Trong hệ thống giá trị về chiến tranh của McNamara, cuộc chiến tranh Việt Nam năm 1961 ở vào cấp dưới "chiến tranh cục bộ". Người ta đặt cho loại chiến tranh "chống nổi loạn" được tiến hành bằng lực lượng vũ trang của chính quyền địa phương, Hoa Kỳ chỉ tự giới hạn vào việc cung cấp vũ khí, hậu cần và chỉ đạo cho đến cấp chiến thuật thông qua hệ thống cố vấn là "chiến tranh đặc biệt". Miền Nam Việt Nam năm 1961 trở thành bãi thử một chiến thuật cần áp dụng ở nước khác, như một nước Mỹ La-tinh chẳng hạn. Miền Nam Việt Nam cũng được Lầu Năm Góc nâng lên là bãi tập bắn cấp quốc tế. Người ta sẽ thấy tất cả các kiểu vũ khí mới ra lò lần lượt được đưa đến Việt Nam để thử công dụng nhằm dập tắt các phong trào giải phóng. Và, trước hết là trực thăng sẽ phải bổ sung một chiều thứ ba vào cuộc chiến tranh chống lại du kích bằng cách thực hiện chiến thuật "bủa vây theo chiều thẳng đứng" được coi như "thuốc bách bệnh" chống các cuộc phục kích từng là "nỗi đau thường trực khôn nguôi" của đội quân viễn chinh Pháp trước đây. Đó là trực thăng H.21 được mệnh danh "quả chuối bay", rồi trực thăng phản lực HU.1A được trang bị mười sáu hỏa tiễn và hai súng liên thanh bắn đạn cỡ lớn, cuối cùng là loại trực thăng có tên là Bell được trang bị hỏa tiễn và súng liên thanh hạng nặng. Ngoài ra còn có các loại xe lội nước M.113 mà người ta hy vọng sẽ làm nên chuyện kỳ diệu ở các xứ bằng phẳng, nhiều đầm lầy, đất đai chỉ gồm hai thành phần tạo nên là bùn và nước.

Trong suốt cả năm 1961, các phái đoàn Mỹ đua nhau đến Sài Gòn. Giữa tháng 4, Phó Tổng thống Johnson, rồi từ tháng 5 đến tháng 7, giáo sư Staley đã để lại tên ông cho một kế hoạch tuyệt vời là "bình định trong 18 tháng", đến tháng 9 là tướng Taylor, Tham mưu trưởng liên quân đem đến một vài bổ sung cho các kế hoạch trước đó. Tất cả các chuyến tới lui của các "quan khâm sai" đó được đúc kết trong việc ký thông báo chung Johnson -

Diệm vào tháng 5, đánh dấu việc phát động chiến tranh không tuyên bố của Hoa Kỳ tại miền Nam Việt Nam và có giá trị như một điều ước quân sự: viện trợ quân sự sẽ được tăng lên cũng như quân số lực lượng ngụy quân Sài Gòn, cố vấn quân sự sẽ được gửi đến để giúp thực hiện các mục tiêu. Máy bay, nhất là trực thăng, sẽ là những vũ khí thần kỳ trong khuôn khổ gọi là chiến lược COIN (Counter Insurgency - Chống nổi loạn). Từ tháng 11 năm 1961, 200 biệt kích của không lực Hoa Kỳ ăn mặc thường phục hạ cánh xuống Biên Hòa với 12 máy bay để tiến hành một phi vụ bí mật. Con số này không ngừng tăng lên, và vào tháng 1 năm 1964 có 16.000 "cố vấn" thuộc loại này (chỉ một phần ba trong số này hoạt động cho không quân) sẽ tham gia trực tiếp các cuộc hành quân. Ngày 8 tháng 2 năm 1962, Mỹ xây dựng xong khu vực chiến lược bao gồm Nam Việt Nam - Thái Lan được thành lập dưới quyền chỉ huy của tướng Paul Harkins nguyên là Tham mưu trưởng tại Tokyo.

Đối mặt với "chiến tranh nhân dân" của các học trò của tướng Giáp, sự thất bại của chính sách đó sẽ nhanh chóng trở thành hiển nhiên. Nam Việt Nam hơn bao giờ hết trở thành việc "rối rắm" của các chuyên gia Lầu Năm Góc và ngay từ ngày 12 tháng 12 năm 1962, Kennedy đã thú nhận: "Cuộc đấu tranh chống chiến tranh du kích là một công việc cực kỳ khó khăn. Chúng ta phải đưa mười hay mười một người mới đánh lại được một du kích..., vì vậy chúng ta chưa nhìn thấy đoạn cuối của đường

hầm". Cũng như tướng Giáp đã không ngừng nhấn mạnh thắng lợi của vũ khí trước hết dựa vào người sử dụng nó. Thế mà người sẽ sử dụng những vũ khí, khí tài hiện đại của Mỹ lại là những người Việt Nam bị cưỡng bức đi lính cho nên họ không muốn đánh nhau. Báo chí Mỹ thường nói đến nhiều trường hợp các "cố vấn" Mỹ bị các "đồng nghiệp" Việt Nam bỏ rơi trên chiến trường. Các cuộc hành quân còn lâu mới dập tắt được chiến tranh du kích, trái lại càng thúc đẩy chiến tranh du kích tiến lên một quy mô rộng lớn hơn. Bộ đội "chính quy" của mặt trận được Lầu Năm Góc ước tính là 20.000 người năm 1962 sẽ vào khoảng 40.000 người năm 1964. Và điều này diễn ra trong lúc quân đội "quốc gia" không còn có thể làm được gì khác hơn là những cuộc đảo chính.

Thất bại của Mỹ trước hết và trên hết là về chính trị. Chế độ gia đình trị của Diệm ưu đãi người Công giáo đã gây nên một làn sóng bất mãn, âm ỉ trong nhân dân thúc đẩy phong trào Phật giáo phát triển. Tháng 11 năm 1963, các tướng tá Sài Gòn với sự thông đồng của Mỹ tiến hành đảo chính và thanh toán anh em Diệm - Nhu và đưa Dương Văn Minh lên cầm quyền. Bắt đầu từ đây, các trung tâm quyền lực cấp cao của chế độ đi vào quá trình tan rã, thể hiện bằng một loạt 13 vụ đảo chính trong vòng 2 năm.

Tình hình ở nông thôn còn tệ hại hơn nữa. Tại đây các chuyên gia tìm ra một toa thuốc chữa bách bệnh để chống du kích bằng cách dồn dân dọc các trục đường lớn vào sống trong các "ấp chiến lược". Họ học kinh nghiệm của người Anh ở Malaysia, tạo ra một khoảng trống để bóp nghẹt phong trào du kích bằng cách lấy mất chỗ dựa trong nhân dân. Đó là nét chủ yếu của kế hoạch Staley-Taylor (tháng 7 năm 1961) với mong muốn bình định Nam Việt Nam trong 18 tháng. Nhiều khoản tiền khổng lồ được ném vào chương trình này nhưng không đem lại kết quả. Tiền bạc tiêu tán vào túi các quan chức ở tất cả các cấp. Đối với các đương sự, ấp chiến lược chỉ là những hàng rào dây thép gai và cọc tre vót nhọn từng quãng có chòi canh và hào sâu bao quanh một trại giam người có hai lối ra vào được kiểm soát nghiêm ngặt và chỉ mở cửa lúc sáng sớm và chiều hôm.

Không bao giờ có thể lập một bản kê chính xác về các con số ấp chiến lược đã được xây dựng: con số tăng lên hay giảm đi ngay trong quá trình xây dựng. Hãng Reuters điện ngày 19 tháng 4 năm 1963: "Chính phủ Diệm khẳng định đã xây dựng xong 5.917 ấp chiến lược. Một số quan chức Mỹ đưa ra con số bằng một phần năm nếu xét đến các tiêu chí đã đề ra".

Song song với việc tạo ra một khoảng trống về con người, bộ tham mưu còn tìm cách thực hiện khoảng trống về thực vật để có thể phát hiện ra chiến sĩ du kích trong rừng. Máy bay Mỹ rải chất diệt cỏ và làm trụi lá, các chất này đã làm dân chúng nhiễm độc. Thứ vũ khí mù quáng này chẳng trị được những cánh rừng nhiệt đới và Goldwater sau này phải ngầm thừa nhận thất bại khi ông đề nghị, với một thái độ nghiêm túc nhất vào ngày 25 tháng 5 năm 1964, "làm trụi lá rừng bằng những trái bom nguyên tử công suất nhỏ!".

Chính trên tấm phông đó mà đầu năm 1963 lực lượng cách mạng miền Nam đã ghi được thắng lợi đầu tiên chống lại chiến thuật "trực thăng vận" tại Ấp Bắc. Kể từ ngày đó, quân đội Sài Gòn đã mất con chủ bài và tiến bước đến thất bại. Ngày 2 tháng 1 năm 1963, vào lúc 8 giờ sáng, ba cánh quân của Diệm bủa vây gọng kìm ngôi làng bé nhỏ thuộc tỉnh Mỹ Tho, nơi đây có 200 du kích kiên quyết bám giữ và sẵn sàng nghênh chiến. Mười "quả chuối bay" H.21 được 5 trực thăng phản lực HU.1A hộ tống sẽ đưa đến đây một đơn vị ứng chiến. Ngay từ những phút đầu tiên, ba trực thăng H.21 đã bị bắn hạ, tiếp theo là một trực thăng phản lực HU.1A. Lính ngụy bỏ mặc một thiếu tá người Mỹ không chịu đến cứu vì họ còn lo chạy thoát thân. Trung tá

Paul Vann, cố vấn của Sư đoàn 7 không còn cách nào hơn là tập hợp 60 lính Mỹ ở bộ chỉ huy sư đoàn kể cả đầu bếp đi cứu viện thiếu tá Mỹ. Một đoàn xe lội nước M.113 lại rơi vào tai họa. Du kích đã để chúng tiến đến chỉ cách 150 mét mới nổ súng. Ba xe đi đầu làm mồi cho ngọn lửa phát ra từ những viên đạn B.40.

200 du kích của Mặt trận dân tộc giải phóng đã đánh bại 2.000 lính được người Mỹ chỉ huy và được các khí tài không có gì hiện đại hơn của Mỹ yểm trợ. Chiến thuật "bủa vây theo chiều thẳng đứng" đã trở nên vô hiệu.

Khi McNamara đến Sài Gòn, ngày 12 tháng 5 năm 1964, tình hình xấu không thể nói gì hơn được nữa. Mặc áo chống đạn, vị Bộ trưởng Quốc phòng rời khỏi sân bay trên một chiếc xe bọc thép để vào thành phố, giữa một đoàn xe hộ tống hùng mạnh trên có trực thăng vũ trang yểm trợ. Nhà báo Geoges Chaffard ghi nhận: "Ngoài chu vi Sài Gòn - Chợ Lớn, chính quyền trung ương ở khắp nơi bị các cơ cấu hành chính của Mặt trận giải phóng quấy rối. Còn về quân đội quốc gia thì họ chỉ chiến đấu khi không thể làm gì khác".

Paul Harkins nhường Westmoreland quyền chỉ huy quân Mỹ tại Sài Gòn. Có đầy đủ thẩm quyền về quân sự và chính trị, tướng Taylor, đại sứ mới của Mỹ tự cho mình như một thứ cao ủy mới, như tướng De Lattre de Tassigny ngày trước. Bằng việc lập bộ chỉ huy hỗn hợp Mỹ - Việt tại Vũng Tàu ngày 15 tháng 8, Hoa Kỳ nắm quyền chỉ huy trực tiếp cuộc chiến tranh.

Thực tế, từ thời điểm này Washington bắt đầu mở rộng chiến tranh. Chỉ chiến dịch tranh cử Tổng thống Hoa Kỳ năm 1964 mới làm chậm thời hạn thực hiện việc mở rộng chiến tranh mà thôi. Kế hoạch đã sẵn sàng. Đó là công trình của Water Rostow, người đã tháp tùng Taylor trong chuyến thăm Nam Việt Nam năm 1961.

Các sự kiện xảy ra dồn dập, bắt đầu từ "sự kiện vịnh Bắc Bộ" đầu tháng 8 năm 1964. Ngày 2 tháng 8, khu trục hạm Maddox xâm phạm lãnh hải Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chỉ cách bờ biển tám hải lí, xả súng vào các tàu tuần tra của Bắc Việt Nam. Ngày 5, 64 máy bay ném bom của Hạm đội 7 tấn công trong suốt năm tiếng vào các địa điểm ven biển của Bắc Việt Nam từ Hồng Gai đến cửa sông Gianh, cách bốn trăm cây số về phía nam. Đó là màn dạo đầu cuộc leo thang - cái mà giới quân sự Hoa Kỳ gọi bằng tiếng lóng là "đòn đánh vào mông".

2. Cuộc leo thang và "Việt Nam hóa chiến tranh"

Cuối năm 1964 tại miền Nam, các lực lượng của Mặt trận dân tộc giải phóng chuyển sang tiến công, trong lúc chính phủ đang bị chia rẽ vì các cuộc đấu đá nội bộ giữa các phe phái.

Ngày 4 tháng 12, lực lượng Mặt trận tràn vào Bình Giã, một vị trí cách Sài Gòn 60 kilômét được coi là bất khả xâm phạm của quân đội Sài Gòn. Quân cứu viện được phái đến nhưng đều rơi vào ổ phục kích. Sau đó đến lượt An Lạc, Vĩnh Thuận, Pleiku, Việt An. Không có điểm nào trên lãnh thổ mà những người yêu nước không mở rộng phạm vi hoạt động của họ. 20 quân nhân Mỹ thiệt mạng dưới đống gạch vụn của một khách sạn phát nổ ngay giữa thanh thiên bạch nhật trong thành phố Quy Nhơn. Một cố vấn của Nhà Trắng thú nhận: "Chúng ta không thể hoãn cuộc giải phẫu lâu hơn nữa, Việt Nam sẽ không giữ được lâu hơn nữa nếu chỉ cho uống aspirin".

Ngày 7 tháng 2 năm 1965, 49 máy bay tiêm kích ném bom đánh vào Đồng Hới chỉ cách vĩ tuyến 17 khoảng 85 kilômét. Người ta chứng kiến chiến dịch ném bom mang tên Rolling Thunder (Sấm rền) đang được thực hiện.

Cách thành phố Đà Nẵng 2 kilômét, những lính thủy đánh bộ Mỹ đầu tiên đi trên bốn tàu chở quân cỡ lớn đã thả neo từ đêm. Những chiếc xe tăng lội nước rập rình lăn bánh trên biển nổi sóng rồi tiến vào bãi đổ bộ trong khi trực thăng và máy bay quan sát gầm rít trên không. Dưới ánh sáng đèn pha cực mạnh, xe tăng, đại bác, xe tải nối đuôi nhau lên bờ. Cuộc chiến tranh Việt Nam theo kiểu Mỹ bắt đầu bằng việc đạo diễn khá hoành tráng một cuộc đổ bộ hoàn toàn theo tác phong Hollywood. Trong lúc các máy bay ném bom tiếp tục bắn phá Bắc Việt Nam, một dãy căn cứ Mỹ lần lượt mọc lên trên bờ biển miền Trung. Chu Lai, phía nam Đà Nẵng, đầu tháng 5 rồi một tháng sau Cam Ranh, một trong những vịnh kín rộng nhất thế giới. Tháng 9, một bước nhảy cóc vào tận An Khê để xây một bãi trực thăng loại lớn nhất thế giới dài 7 kilômét, rộng 5 kilômét. Các xe ủi thi nhau xả khói trong tiếng ầm ì suốt ngày đêm, san phẳng các gò, đống, uốn nắn địa hình, đào hốc để cải tạo thành hầm chứa trực thăng và khí tài hạng nặng của một đơn vị có tính cơ động khét tiếng trên thế giới là sư đoàn kỵ binh không vận số 1, có khả năng chuyên chở bằng đường hàng không toàn bộ quân số 15.000 người và một khối lượng lớn vũ khí, khí tài với 484 trực thăng.

Lầu Năm Góc, cũng như trong năm 1961, không tính đến những điều tuyệt vời bằng những vật lạ mắt. Ngày 18 tháng 6, máy bay ném bom B.52, cất cánh từ Guam, bắn phá một số nơi ở miền Nam Việt Nam. Bom rải trên hàng kilômét vuông theo dây chuyền dự kiến từ trước theo mật độ mười mét một quả. Và để tăng sức hủy diệt, không gì thoát được, đầu tiên thả bom nổ cách mặt đất sáu mét để diệt mọi thứ trên bề mặt rồi bom khoan sẽ chui sâu năm mét trong lòng đất rồi mới nổ. Quân số Mỹ không ngừng tăng từng tháng từng năm: 23.000 người vào tháng 1 năm 1965, 75.000 người vào tháng 7 và 181.000 người vào cuối năm rồi 549.000 người vào ngày 19 tháng 4 năm 1968. Đó là chỉ tính riêng quân Mỹ không kể các đơn vị người Hàn Quốc, Thái Lan, Philippines, Australia và New Zealand cùng quân số lính ngụy cũng vào khoảng một triệu người (vừa chính quy, vừa dân vệ, bảo an...) bất chấp các vụ đào ngũ không ngừng. Ngày 9 tháng 6 năm 1965, tướng Westmoreland, Tổng tư lệnh quân Mỹ vùng Nam Việt Nam - Thái Lan được phép đưa quân đội vào các cuộc hành quân tiến công. Bị rơi vào tổ ong vò vẽ, người Mỹ định đem đại bác để diệt ong.

Mục tiêu của Lầu Năm Góc là gì? Tướng Giáp đặt câu hỏi. Tạo ra một cuộc "chiến tranh hạn chế về quy mô và sự mở rộng" bằng một chiến thuật chớp nhoáng không làm tổn hại đến vị thế quốc tế của Hoa Kỳ và không làm rối loạn nội bộ nước Mỹ. Đường lối đó đi ngược với những mục tiêu của chính Mỹ. Đến tăng cường cho chính quyền Sài Gòn, người Mỹ đã làm chính quyền Sài Gòn mất uy tín về sự có mặt của họ. Chỉ nói về quân sự, việc kéo dài chiến tranh và việc tăng quân số sẽ đi ngược lại với chiến lược toàn cầu trên phạm vi thế giới. Do đó, Mỹ không thể ném hết lực lượng của mình vào cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Nếu chiến tranh cục bộ đòi hỏi phải leo thang có thể gây ra chiến tranh thế giới thì cuộc chiến tranh đó lại tự phủ định mình vì nó làm tổn hại đến thế cân bằng của khủng bố hạt nhân mà cuộc chiến tranh đó nhằm duy trì.

Không như trong cuộc chiến tranh Pháp - Việt, sự mâu thuẫn chỉ thể hiện giữa mục tiêu quá lớn và phương tiện hạn chế mà bây giờ là mâu thuẫn giữa phương tiện vô hạn độ với mục tiêu hạn chế.

Tuy nhiên, sự can thiệp ồ ạt của Mỹ không phải là không đặt ra một loạt câu hỏi cho các nhà hoạch định chiến lược chiến tranh nhân dân của Việt Nam. Ở họ có hai thái độ khác nhau nhưng cũng bổ sung

cho nhau. Tướng Nguyễn Chí Thanh, mất tại Hà Nội vào mùa hè năm 1967, sau khi đi thăm miền Nam về và đã đến tận cửa ngõ Sài Gòn, nhấn mạnh sự cần thiết phải có sự phản công bằng cách dựa vào các yếu tố chính trị như tư tưởng và tinh thần được xem xét dưới góc độ rất khái quát. Nhưng Võ Nguyên Giáp nghiêng về thực tế chiến đấu trực tiếp. Theo ông, tinh thần chiến đấu dựa vào sự quyết tâm tự nhiên, hành động chiến đấu do tinh thần con người quyết định nhưng cũng phải dựa trên cải tiến kỹ thuật chiến đấu. Đối với tướng Giáp, hướng tiến công, điểm chạm đích và khả năng tăng cường lực lượng mà cuộc tiến công đó đem lại còn quan trọng hơn bản thân cuộc tiến công. Dù hai quan điểm đó cách xa nhau, nhưng hình như nó không gây ra sự cố nghiêm trọng nào trong việc điều hành tác chiến. Năm 1965, người Việt Nam không có ưu thế gì hơn ngoài tinh thần so với quân Mỹ. Bằng cách động viên toàn dân, họ đã ngăn chặn được cuộc leo thang chiến tranh. Cách "đánh gần" cho phép đương đầu với quân Mỹ ở miền Nam. Các điểm bất đồng dung hòa với nhau và bổ sung cho nhau trong thực tế chiến đấu. Các lực lượng cách mạng miền Nam vẫn được triển khai trên địa bàn của họ và tiếp tục cuộc tiến công.

Các chiến dịch đã làm nổi bật những nhân tố mới: hỏa lực của Mỹ trên một địa bàn quá hẹp, các vấn đề hậu cần lớn nảy sinh trong phe cách mạng, tương tác giữa thành thị và nông thôn (đô thị hóa giả tạo được đẩy mạnh với sự có mặt của quân Mỹ ở miền Nam, ném bom vùng hậu phương đang công nghiệp hóa ở miền Bắc và phân tán các cơ sở công nghiệp), khả năng hiện đại hóa quân đội nhờ sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa.

Lãnh thổ không rộng, các nguồn lực hạn chế, những yếu tố đó đã quyết định đường lối của Võ Nguyên Giáp đòi hỏi phải phát huy mọi khả năng của toàn dân trong mọi lĩnh vực, trên mọi miền đất và phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa và ngoại giao, quân sự. Sức mạnh tổng hợp của mọi phương tiện cách mạng, chiến tranh toàn dân, quân sự và chính trị, chiến tranh du kích và khởi nghĩa kết hợp để có thể đi tới phát động tổng khởi nghĩa. Không nói ra công khai nhưng tướng Giáp đề nghị một công thức mới về chiến tranh lâu dài trước sự triển khai của bộ máy quân sự chính trị trong một nước có phương tiện hạn chế. Công tác hậu phương trở thành ưu tiên số một. Theo một nghĩa nào đó, hậu phương trở thành mặt trận chính. Mặc dù nông thôn, đồng bằng và miền núi là chỗ dựa chủ yếu nhưng không phải vì thế mà nông thôn, đồng bằng và miền núi là trọng tâm công tác. Tùy theo từng hoàn cảnh, trọng tâm công tác có thể đặt ở vùng nông thôn hay thành phố. Thực tế, đâu đâu cũng là tiền tuyến, điều đó được tóm tắt trong công thức: ba vùng chiến lược, miền núi, nông thôn (đồng bằng và miền châu thổ) và đô thị, cả ba đều quan trọng ngang nhau.

Hơn bao giờ hết, việc củng cố hậu phương có tầm quan trọng chiến lược. Có ba mức: hậu phương miền núi ở miền Nam, hậu phương xã hội chủ nghĩa miền Bắc và hậu phương do toàn bộ các nước xã hội chủ nghĩa tạo nên. Thông qua hậu phương, nhân tố kỹ thuật hiện đại hóa được đưa vào, rằng tướng Giáp không quên có thể "giành thắng lợi trong một thời gian tương đối ngắn bằng cách tận dụng những điều kiện thuận lợi". Công tác tổ chức khoa học cuộc chiến tranh nhân dân phù hợp với việc chuyển từ thủ công sang cơ khí hóa trong chiến đấu. Người dân quân từ thời đại tre nứa sang thời đại máy thu bán dẫn và "hỏa tiễn xách tay". Đối với ông, yếu tố tinh thần là quyết định nhưng với điều kiện "trung gian hóa" kỹ thuật vào lúc thích hợp. Hoạt động quân sự được biểu hiện cụ thể bằng sức mạnh của hỏa lực, đòi hỏi phải có "những đội quân ưu tú, hùng mạnh, cơ cấu và trang bị hợp lý, hoàn toàn đáp ứng những đòi hỏi của các phương pháp tác chiến". Bởi vì, nếu con người quyết định thắng lợi thì "vũ khí và trang bị là cơ sở vật chất, là sức mạnh chiến đấu của quân đội và là nhân tố cơ bản của họ". Một hành động tác chiến chỉ có nghĩa khi nó được thể hiện bằng sự củng cố hàng ngũ cách mạng. Nguyên

tắc cũ của chiến tranh du kích. Hiệu lực chiến đấu tăng lên không ngừng cho phép tiến công với quân số ít chống lại một kẻ thù đông hơn và tập trung chủ lực đủ để đánh bại các binh đoàn cơ động của địch. Đó là phương châm lấy ít địch nhiều đã được minh họa trong lịch sử Việt Nam.

Đối với những trận đánh mang tính kỹ thuật rất cao trong chiến tranh nhân dân kiểu mới này, tướng Giáp cho thành lập những đội biệt động hoạt động độc lập. Đó là những đơn vị nhỏ, được tổ chức gọn nhẹ bao gồm những chiến sĩ giỏi về công binh và pháo binh, liên tục đánh căn cứ địch với hình thức vũ trang tài tình. Những đơn vị ưu tú này đã có từ khá lâu mà cách đánh được chính thức nói đến lần đầu tiên vào tháng 9 năm 1967. Đó sẽ là những mũi nhọn trong cuộc tiến công Tết Mậu Thân 1968.

Chiến tranh nhân dân theo quan niệm của tướng Giáp, phân tích đến cùng là một cuộc chiến tranh lâu dài, tiết kiệm tối đa lực lượng. Tiến hành cuộc chiến tranh này người ta nhằm tranh thủ thời gian và mỗi trận đánh đòi hỏi phải tăng cường sức chiến đấu. Theo cách đánh này, các trận đánh đều diễn ra nhanh gọn, quân số tham gia không đông, đánh vào những mục tiêu chọn lọc, có tầm quan trọng then chốt trong hệ thống bố phòng của địch. Chiến tranh toàn diện này đòi hỏi không ngừng được cải tiến nhưng vẫn là chiến tranh toàn dân. Sự tham gia dưới nhiều hình thức của toàn thể nhân dân là điều kiện cần nhưng không phải là điều kiện đủ.

Các cuộc ném bom bắn phá miền Bắc không làm tướng Giáp bị bất ngờ. Ngay từ trước đòn cảnh cáo của Mỹ vào tháng 8 năm 1964, miền Bắc đã đề phòng. Bên cạnh các cỗ pháo cao xạ, dân quân tự vệ (toàn thể dân chúng đến tuổi quân dịch đều được trang bị vũ khí) đã ở tư thế sẵn sàng bắn trả máy bay địch với các vũ khí có trong tay, đại liên, trung liên và cả súng trường. Nói thế có nhầm không? Chính những khẩu súng trường đã làm cuộc chiến tranh leo thang nếm đòn thất bại đầu tiên và cuối cùng làm chiến lược leo thang bị phá sản. Lầu Năm Góc trông chờ dân chúng miền Bắc sẽ khiếp sợ sau những đợt ném bom bắn phá đầu tiên. Đó là mục tiêu số một còn hơn đánh phá đường giao thông mà các cơ quan tình báo Hoa Kỳ là những người đầu tiên tỏ ra ít quan tâm. Chính dân quân tự vệ đã làm thất bại mọi tính toán đó. Không chạy trốn vì khiếp sợ, những người Bắc Việt Nam đã chạy ngay đến các vị trí bắn máy bay để sẵn sàng nhả đạn. Đây là sự phản ứng hoàn toàn bất ngờ đối với người Mỹ.

Trong ngày đổ bộ lên Đà Nẵng vào mùa xuân năm 1965, lính thủy đánh bộ Mỹ tưởng họ sẽ đặt chân lên một lục địa. Họ vừa chạm vào một mảnh đất mà mỗi tấc đất là một hòn đảo trơ trọi tách rời mọi thứ. Quần đảo đang hình thành mang tên Việt Nam sẽ làm cho họ chìm sâu trong biển cả, đầy ác mộng mà mỗi làn sóng trào lên là lần lượt từng người lính chính quy Việt Cộng đứng lên chiến đấu, sau đó là bùn, đất, rừng rậm, sơn lam chướng khí và muỗi. Một đồng nghiệp của tướng Giáp từng nói:

“Ở đồng bằng Cửu Long có đủ bùn để làm sa lầy toàn bộ quân đội Mỹ”.

Người Mỹ không phải đợi lâu để tự hỏi việc triển khai một khối lượng vật chất đồ sộ như thế đem lại hiệu quả gì? Báo US News and World Report (Tin tức Hoa Kỳ và Thế giới) ra ngày 13 tháng 3 năm 1967 có bài nhan đề “Thất bại của một chiến lược” phân tích một loại vũ khí thô sơ mà lính Mỹ gọi là booby traps (bẫy dành cho những chàng ngốc). Những bức tranh minh họa tả những mẫu vũ khí thô sơ thường dùng ở miền Nam Việt Nam được làm bằng một viên đạn súng trường, một trái lựu đạn hay một cọc nhọn hình móc câu. Đơn giản nhất là một viên đạn súng musqueton được chôn dưới đường đi, được kẹp chặt trong một túi bằng nan tre, nối với một cái đinh đặt dưới một cái mồi. Chỉ chờ một người lính Mỹ to lớn đi qua dẫm chân lên cái mồi đó, trọng lượng cơ thể anh ta đủ để ấn cái đinh chạm vào hạt nổ của viên đạn. Cái kiểu bẫy thô sơ như thế được người Mỹ coi là không thể phát hiện

được. Bài báo kể tiếp các tình huống khác: chỉ có những sợi dây chéo góc nối liền các cọc mềm, trực thăng Mỹ sà xuống đổ quân, gió từ cánh quạt roto của trực thăng đủ để làm võng các sợi dây nối các cọc, gây nổ các trái lựu đạn gài vào đó. Đây là một đặc trưng của cuộc chiến tranh theo kiểu Việt Nam. Con số thương vong do mìn và bẫy đạt 21% trong khi tỷ lệ này chỉ là 3,1% trong Chiến tranh Thế giới thứ hai và 4% trong chiến tranh Triều Tiên.

Ở Điện Biên Phủ, tướng Giáp đã phát minh một chiến thuật mới là các hầm hào vươn dài ra mỗi ngày như vòi bạch tuộc để bao vây các vị trí đối diện, kẹp chặt và cuối cùng là bóp cho chết ngạt. Ở miền Nam Việt Nam, từ sau 1965 những người kháng chiến áp dụng phương pháp tương tự ở quy mô toàn miền. Tướng Giáp viết: "Việc xây dựng làng và ấp chiến đấu là một sáng tạo có tính độc đáo sâu sắc, tại đây các làng và ấp chiến đấu nối liền với nhau tạo nên thế liên hoàn". Các địa đạo hầm ngầm xuất hiện khắp nơi ở miền Nam theo kiểu tổ mối không đơn thuần chỉ là những phòng tuyến bị động. Chúng có cả hai vai trò, vừa tiến công vừa phòng thủ. Sau khi giúp cho đội xung kích làm chỗ giấu quân, chúng còn giúp cho các đơn vị tiến công vận động dễ dàng để tiếp cận địch, phối hợp tác chiến hoặc làm đường rút lui khi cần tránh một cuộc phản công theo gọng kìm của đối phương hoặc là đánh tập hậu vào sau lưng địch theo chiến thuật "độn thổ". Kinh nghiệm của làng chiến đấu Nam Hồng[3], được áp dụng phổ biến trên phạm vi rộng lớn, bao gồm nhiều khu như trong vùng chiến khu C, nơi đây lính Mỹ đặt cho cái tên cực hay là "mạng ngầm New York của Việt Cộng". Ở miền Bắc, tướng Giáp đã xây dựng nhiều hệ thống tương tự chỉ còn chờ lính Mỹ đổ bộ.

[3] Một làng chiến đấu ở vùng kế cận Hà Nội trong kháng chiến chống Pháp (BT).

Với chiến lược này, một số thủ đoạn tác chiến trong chiến tranh cổ điển không còn tác dụng. Như "cái nhọt bọc" nhằm kìm giữ chủ lực đối phương để dễ bề tiêu diệt ở một nơi khác có lợi thế hơn, đã trở nên vô nghĩa. Tương tự như vậy, "phòng tuyến ngăn chặn" cũng trở nên không có hiệu lực. Năm 1967, Phòng tuyến McNamara lập ở vĩ tuyến 17, tạo ra một vành đai ngăn cách hai miền Nam - Bắc. Để nó thật sự đóng được vai trò này, có lẽ phải kéo dài vành đai đến bờ sông Mêkông và như thế sẽ thu hút toàn bộ quân số của Mỹ.

Bản đồ đóng quân của Mỹ ở miền Nam Việt Nam một năm sau cuộc đổ quân vào Đà Nẵng khiến người ta nghĩ đến bản đồ các hải cảng ngày xưa. Người ta thấy đường vẽ các bờ biển rồi đây đó một số thành phố, thị xã trong tình trạng không trọng lực giữa các vùng rộng lớn được ghi là "vùng lạ chưa biết đến" hay "đất có hổ". Đó là những nơi mà tướng Giáp gọi là chiến khu, tức là những vùng du kích làm chủ, đặc biệt vững chắc, tại đây trong rừng rậm có những bệnh xá, nhà xưởng, nhà kho, sở chỉ huy, trại huấn luyện. Những vùng gây nhiều khó khăn, rắc rối nhất và làm cho quân Mỹ đau đầu nhất là vùng Tam giác sắt, các vùng chiến khu C, D ở tây bắc Sài Gòn.

Con người và tinh thần xét đến cùng là những nhân tố quyết định, nhưng tướng Giáp hiểu rằng chỉ riêng hai nhân tố sẽ không đủ. Hiện đại hóa vũ khí và chiến thuật dưới con mắt ông cũng là vấn đề then chốt. Ông muốn tiến hành một cuộc chiến tranh nhân dân, nhưng là chiến tranh nhân dân hiện đại, hay nói chính xác hơn là đang trên con đường hiện đại hóa, ở đó người lính và nhân dân đang dần dần làm chủ kỹ thuật mới. Những booby traps và các cọc tre gài lựu đạn không thể quyết định cục diện chiến trường. Lực lượng cách mạng sẽ từng bước giành lấy những ưu thế về mặt kỹ thuật của Mỹ để sử dụng lại trong một bối cảnh khác, đem lại cho họ một hiệu lực chiến đấu khác hẳn. Lính Mỹ đều mang súng tự động M.16? Lính Việt Cộng phải nhanh chóng có AK.47 do Liên Xô sản xuất (hoặc những phiên bản của Trung Quốc) tương đối nhẹ (5 kilôgam) nhưng khỏe hơn, với tính năng hơn hẳn M.16

bắn được 37 phát trong 3 giây. Ở miền Bắc, từ năm 1965 máy bay Mig đã xuất hiện và sau đó là tên lửa đất đối không SAM mà người ta đã thấy từng bước đưa vào miền Nam. Tháng 2 năm 1968, lính Mỹ ở Khe Sanh đã thấy xe tăng nhẹ PT.76 rồi xe tăng T.34 do Liên Xô sản xuất lấp ló ở chân trời. Cùng lúc, đã xuất hiện loại hỏa tiễn xách tay 109, 122 và 140 (cũng của Liên Xô và Trung Quốc) có tầm bắn xa 9 đến 14 kilômét và độ chính xác đủ diệt máy bay và trực thăng đang đỗ trong căn cứ. Ngày 11 tháng 5 năm 1967, Việt Cộng dùng rốc-két 140 để bắn vào sân bay Biên Hòa làm thiệt hại 27 máy bay, thực tế làm bay cả chu vi phòng thủ bao quanh căn cứ dài 3 kilômét. Việc mở rộng tầm bắn của rốc-két lên 10 kilômét đã đặt ra một vấn đề nan giải về quân số.

Trong năm 1966, quân Mỹ muốn giáng đòn mạnh: tìm và diệt đó là phương châm hành động của họ. Vào đầu mùa khô năm 1966, bộ chỉ huy Tây Sài Gòn của quân đội Mỹ đưa ra một kế hoạch mới: quét và giữ, nội dung chủ yếu là nhấn mạnh giữ đất trong khi trước đó vẫn nhấn mạnh tính cơ động. Những trận càn lớn nối tiếp nhau đánh vào chiến khu C sau khi siêu pháo đài bay B.52 ném bom rải thảm là Attleboro, Cedar Falls và Gadsen. Đến tháng 2 năm sau, đó là chiến dịch Junction City trong đó 40.000 lính Mỹ xuất trận.

Trong khi vừa đánh trả tại chỗ với trận càn Junction City, các lực lượng kháng chiến vừa đánh những đòn không kém phần ác liệt ở nơi khác. Tháng 4 năm 1967, đó là Quảng Trị ngay phía nam vĩ tuyến 17 bị quân cách mạng đánh chiếm và làm chủ trong một đêm. Tình hình chiến trường ở đây xấu đi đến mức trận bao vây Khe Sanh mới bắt đầu nhưng Mỹ đã phải rút ở trận càn Junction City ra 11.000 quân để cứu nguy cho mặt trận Khe Sanh.

Đầu năm 1968, trong lúc mặt trận Khe Sanh gần vĩ tuyến 17 thu hút hết tâm trí của tướng Westmoreland khiến ông lo sợ một trận Điện Biên Phủ có thể lặp lại tại miền Nam, thì ngày 1 tháng 2, Mặt trận dân tộc giải phóng tấn công tất cả các thành phố trên toàn miền Nam, không trừ một nơi nào. Tại Sài Gòn, ba đội biệt động đã đột nhập Sứ quán Mỹ sau khi dùng bazoka chọc thủng tường bao bên ngoài. Để giành lại quyền kiểm soát các thành phố, lính Mỹ không ngần ngại thi hành chính sách đốt sạch phá sạch. Tại Huế, lính Mỹ mất 25 ngày mới lấy lại quyền kiểm soát hoàng cung.

Đứng về mặt chiến thuật mà nói, các lực lượng của mặt trận đã thất bại trong trận đánh vào các thành phố. Mặc dù đến tháng 5 lại có một đợt tiến công mới nhưng tất cả các thành phố lớn đã trở lại dưới quyền kiểm soát của lính Mỹ. Nhưng nếu Hoa Kỳ nhấn mạnh đến thắng lợi đáng hoài nghi đó thì người ta không che giấu được sự thất bại chiến lược của sự can thiệp ồ ạt của Mỹ ở Việt Nam. Từ cuối năm 1967, các nhà quân sự chóp bu của Nhà Trắng đều tin rằng tiếp tục cuộc chiến tranh dưới hình thức hiện nay là vô ích và cần phải hướng mọi cố gắng vào cái mà tướng Giáp gọi là "cách giải thích vá víu" cuộc chiến tranh đặc biệt, có nghĩa là: rút quân Mỹ về nước đi đôi với tăng cường quân đội Sài Gòn để quân đội này thay thế dần người Mỹ trong việc điều khiển cuộc chiến với sự yểm trợ hỏa lực của quân đội và pháo binh Hoa Kỳ. Cố gắng chủ yếu hướng về việc "bình định" bằng các biện pháp an ninh được tăng cường. Chiến tranh đối với người Mỹ chỉ còn khía cạnh kỹ thuật nhờ sử dụng các phương tiện điện tử hiện đại cho phép giảm dần rồi xóa hẳn sự tổn thất về sinh mạng của Mỹ. Song song với đó là việc tiến hành thương lượng để tìm ra một lối thoát có thể chấp nhận được. Từ cuối năm 1967, trong khuôn khổ Viện Hudson, một hội nghị tập hợp các chuyên gia cao cấp nhất trong đó có Herman Kahn và Giám đốc Viện nghiên cứu về chiến tranh du kích Frank Armbruster đã đi đến kết luận trên. Trong suốt năm 1967, một làn gió bi quan ngày càng mạnh tràn vào hàng ngũ cố vấn thân cận của McNamara, trong đó ý kiến của George Ball nhận được nhiều sự tán thành. Từ tháng 10 năm

1964, trong một bản báo cáo dài, ông ta đã nhấn mạnh rằng sự can thiệp trực tiếp của Mỹ trên chiến trường Việt Nam là vô bổ. McNamara kết thúc cuộc họp, rút ra kết luận và gián tiếp thông báo ông sẽ đi khỏi Bộ Quốc phòng vào tháng 11 năm 1967.

Cuộc tiến công Tết 1968 đánh dấu bước ngoặt quyết định của cuộc chiến tranh Việt Nam vì những lý do chắc chắn mang tính chính trị hơn quân sự. Ba tháng sau, ngày 13 tháng 5, chính quyền Mỹ tiến hành những cuộc thương lượng chính thức với những người cách mạng Việt Nam ở Paris.

Tháng 4 năm 1968, Westmoreland nhường quyền chỉ huy cho tướng Abrams, người đã lập chiến công lừng danh trong quân đoàn Patton trong chiến dịch Normandie và Bastogne trong Thế chiến thứ hai. Viên Tổng chỉ huy mới nghĩ rằng có thể tiến hành phòng thủ vừa vững chắc lại vừa mềm dẻo hơn, bằng cách sử dụng tối đa bộ binh cơ giới, tổ chức thành những đội hình cơ động và đôi khi để một bộ phận đóng chốt trong những lô cốt nửa chìm nửa nổi. Cuối tháng 8 đầu tháng 9, Abrams mất 835 xe bọc thép bị phá hủy hoặc hư hỏng nặng. Tờ Courrier du Vietnam (Tin Việt Nam) xuất bản ở Hà Nội ngày 18 tháng 11 năm 1968 viết: "Abrams bị đánh bại ngay trong chuyên ngành của mình". Các chiến sĩ của Mặt trận dân tộc giải phóng đã thọc sâu vào trung tâm đồn địch rồi đánh tập hậu những ổ đề kháng và diệt gọn địch.

Năm 1969, Nixon lên nắm quyền ở Mỹ, đường lối tiếp tục chiến tranh bây giờ là "Việt Nam hóa" và chấm dứt dính líu của Mỹ ở Việt Nam. Thật vậy, không thể tiếp tục chiến tranh ở Việt Nam với những người lính Mỹ được nữa. Ở Việt Nam, tinh thần quân đội Mỹ đã xuống đến mức thấp nhất. Bóng ma của một cuộc phản chiến đã xuất hiện. Muốn giết cơn sầu và trong khi chờ đợi giải ngũ, lính Mỹ bắt đầu lao vào ma túy. Trong lớp quân dịch năm 1969, 30% nghiện ma túy, năm 1971 con số đó là 50% đến 60%. Từ năm 1968, Mặt trận dân tộc giải phóng cho biết đã có những vụ đào ngũ và phản chiến trong quân đội Mỹ. Năm 1969 - 1970, những hành vi không nghe lệnh trên ngày càng nhiều đến mức không thể im hơi lặng tiếng trước công luận và ngày 7 tháng 6 năm 1971, đại tá lính thủy đánh bộ R. Heinl cất tiếng kêu báo động trong Armed Forces Journal (Báo Quân đội): "Cái còn lại trong quân đội chúng ta ở Việt Nam là chúng ta sắp rơi vào tình trạng sụp đổ. Nhiều đơn vị tránh né hoặc từ chối chiến đấu, ám sát sĩ quan và hạ sĩ quan; khi họ không ở tầm phản chiến, họ sẽ nản chí và không tránh khỏi được nạn nghiện ma túy". Viên sĩ quan đó nói ít nhất 140 tờ báo bí mật được xuất bản hoặc phát hành trong các căn cứ và cho biết thêm có 14 tổ chức yêu chuộng hòa bình (trong đó có hai tổ chức chỉ bao gồm sĩ quan) đang hoạt động ít nhiều công khai. Toàn bộ nước Mỹ bị ốm vì Việt Nam.

Trong khi rút dần những người lính Mỹ tỏ ra không sinh lợi trong mối quan hệ phi hiệu quả, Nixon lấy một phần ngân sách của quân đội Mỹ chuyển cho quân đội Sài Gòn sử dụng. Chi phí cho một người lính da vàng chỉ bằng một phần năm mươi so với một người lính Mỹ và nếu phải bắn cho chết thì cũng chẳng có vấn đề gì đặt ra. Miền Nam Việt Nam trở thành một nơi thử nghiệm các loại vũ khí, khí tài hiện đại nhất của Mỹ.

Ý tưởng về việc lập một hàng rào điện tử do Viện Phân tích quốc phòng (Institute for Defence Analysis) đề ra khoảng năm 1956 đã được đem ra thực hiện năm 1969, khi dự án phòng tuyến McNamara bị bỏ dở, các chuyên gia vắt óc suy nghĩ và đã đưa ra một phiên bản mới cho phép không kể đến việc rải quân trên mặt đất, chiến trường tự động hóa, cái ô cơ động có thể tùy ý di chuyển đến bất kỳ vùng nào. Một chương trình gọi là "Igloo White" được thiết lập để giám sát và bắn phá vùng có đường mòn Hồ Chí Minh đi qua. Bằng cách rải từ trên máy bay xuống, những khu vực này chứa đầy mìn và các máy dò đủ loại nhằm phát hiện mùi, tiếng động và thay đổi nhiệt độ, độ rung các xe qua lại

gây ra. Những số liệu tập hợp được đều được tự động chuyển lên máy bay trinh sát điện tử EC.121R ngày đêm bay bên trên. Những máy bay robot YQU.22B sẽ nhanh chóng tiếp sức cho máy bay trinh sát điện tử. Chúng sẽ tự động truyền các số liệu đến căn cứ Nakhom Phanom ở Thái Lan. Tại đây có hai máy tính điện tử và các chuyên gia về mục tiêu sẽ phân tích tín hiệu rồi quyết định các đối sách, nói chung là những cuộc ném bom rải thảm xuống khu vực tình nghi. Thiết bị này nhằm thu hút địch vào một cái bẫy khổng lồ để tiêu diệt đối phương không thương xót mà không ai biết vì sao mục tiêu bị lộ. Trong bảy năm rưỡi, 7.550.800 tấn bom được thả xuống ba nước Đông Dương, nhiều gấp hơn hai lần số bom đạn Mỹ sử dụng trên tất cả mặt trận trong Chiến tranh Thế giới thứ hai (3.517.171 tấn) và hơn 11 lần số bom đạn Mỹ dùng trong chiến tranh Triều Tiên (698.000 tấn). 13 triệu tấn chất nổ cày xới đất đai miền Nam Việt Nam, tạo ra 26 triệu hố bom (riêng ở miền Nam Việt Nam 21 triệu hố bom). Các nhà nghiên cứu Mỹ đã đặt một từ mới để chỉ hiện tượng đã biến vùng rộng lớn ở Việt Nam thành phong cảnh trên mặt trăng, đó là từ "tạo ra miệng núi lửa".

Tuy nhiên, hệ thống đó không phải là không có nhược điểm. Bằng trăm nghìn cách, những chiến sĩ cách mạng Việt Nam đã đánh lừa những "máy dò tự động" nói trên. Chiến trường tự động hóa đã chuẩn bị những nỗi thất vọng cay đắng mà cuộc tiến công tháng 4 năm 1972 sẽ đưa ra ánh sáng. Điện tử không thể chặn nổi việc đi lại trên đường mòn Hồ Chí Minh, đã không phát hiện được việc chuẩn bị cho cuộc tiến công đồ sộ đó.

Trong suốt mùa hè năm 1969, vụ đại tá Rheault chỉ huy lính mũ nồi xanh ở Nha Trang cho thấy lực lượng đặc biệt đã tra tấn và xử tử nhiều vụ không qua thủ tục xét xử. Cuối năm đó, tất cả các báo đăng ảnh về vụ thảm sát Mỹ Lai - Sơn Mỹ, tại đây 567 người già, phụ nữ và trẻ em đã bị giết sau khi một đơn vị lính Mỹ do trung úy Calley đến can thiệp vào tháng 3 năm 1968. Sự thật về vụ này đã được che đậy một cách kỹ càng ở tất cả các cấp.

Bị kết án 10 năm tù vào tháng 3 năm 1971, Calley sẽ được Nixon ân xá vào ngày 2 tháng 4 năm sau. Một quyết định hợp lô-gic bởi lẽ nếu người ta lần ngược lên trên cho đến những người chịu trách nhiệm thật sự thì chính toàn bộ Chính phủ Mỹ đáng lẽ phải đưa ra tòa xét xử theo một trình tự như tòa án Nuremberg xét xử tội phạm phát-xít Hitler hay như tòa án Roussel đòi hỏi. Ba tháng sau, việc báo chí công bố "hồ sơ mật" của Lầu Năm Góc đã gây chấn động. Dư luận và quốc hội đòi phải được thông tin. Cuộc hành quân chống lại Campuchia mùa xuân 1970 đã phải ngừng lại ngày 30 tháng 6 vì vấp phải một phong trào phản đối mạnh mẽ. Tuy vậy, những cuộc can thiệp bí mật vẫn tiếp tục (ở Lào, CIA nuôi dưỡng đội quân bí mật của Vàng Pao). Một loạt các vụ tai tiếng nói trên đã gây nên sự phản đối chính quyền Nixon, kết thúc bằng vụ Watergate và Nixon từ chức giữa nhiệm kỳ Tổng thống vào mùa hè năm 1974, phơi bày trước dư luận những mưu mô bẩn thỉu của Tổng thống và CIA.

Đối với Lầu Năm Góc, với việc buộc phải rút quân khỏi Nam Việt Nam, cuộc chiến tranh Việt Nam đã trở thành một cuộc chạy trốn lên trước, vô lý. Không thể tìm ra giải pháp ở Sài Gòn, ở vùng đồng bằng và vùng cao nguyên, Lầu Năm Góc ngoan cố đi tìm một lối thoát không thể tìm ra trong việc phá hủy "đất thánh" của Việt Cộng trên lãnh thổ Campuchia và Lào. Mùa thu năm 1970, Washington đưa Campuchia vào vòng chiến bằng cách ủng hộ cuộc đảo chính của tướng Lon Nol chống lại Thái tử Sihanouk. Quân đội Sài Gòn mà người ta không ngớt khoe khoang công trạng đã vượt biên giới, theo sau là những người lính Mỹ đi cứu nguy. Việc mở rộng cuộc xung đột không những không tạo thuận lợi cho tình hình mà còn nhanh chóng tạo ra một tình thế quân sự hết sức nguy hiểm. Chính phủ Lon Nol bị vây chặt trong các thành phố và chỉ giữ được nhờ sự can thiệp của không quân Mỹ. Cuộc hành quân

lớn của quân đội Sài Gòn hướng về Tchépone ở Hạ Lào ngày 8 tháng 2 năm 1971 để chứng tỏ quân đội của tướng Nguyễn Văn Thiệu và việc cắt đứt con đường mòn Hồ Chí Minh đã thất bại. Cuối tháng 3, các vị trí tiền tiêu trên đường hành quân đều rút bỏ làm cho tình hình càng thảm hại.

Như một sàn gỗ bị mọt, miền Nam Việt Nam suy sụp dưới sức nặng của chàng khổng lồ Hoa Kỳ đè nát tất cả trong lúc lớn tiếng muốn "giúp đỡ". Dòng đôla chảy ồ ạt vào do một triệu lính Mỹ lương cao ngất ngưởng tiêu xài ở Nam Việt Nam gây nên sự phá sản của các ngành nghề thủ công, sự mất giá của đồng bạc miền Nam và sự xuất hiện một tầng lớp "tinh hoa" của những kẻ trục lợi chiến tranh trong cái xứ sở mà những nhà học thức thanh liêm sống nghèo túng là những nhân vật lý tưởng. Nạn gái điếm, bạo lực, ma túy đảo lộn hoàn toàn lối sống của người dân. Những cuộc ném bom ồ ạt làm nông thôn trống trơn, gây nên hiện tượng đô thị hóa cưỡng bức. Cư dân thành phố, các ổ chuột, các trại tị nạn tăng từ 15% dân số toàn miền Nam đến 40% hoặc 60% theo ước tính. Trên bốn triệu người chen chúc ở Sài Gòn trong khi cơ sở hạ tầng công nghiệp chẳng khác trước bao nhiêu. Toàn bộ khối dân di tản này đều bị đặt dưới sự kiểm soát ngặt nghèo của cảnh sát. Họ sử dụng kết hợp các biện pháp đặc thù của tất cả các chế độ độc tài cổ xưa và các phương pháp tinh vi của kỹ thuật điện tử. Tại các vùng nông thôn, tràn ngập những kẻ sát nhân của "kế hoạch Phượng Hoàng" được giao trách nhiệm đánh đập, tra tấn Việt Cộng, căn cứ vào cách cho điểm phức tạp, được lập trình sẵn trong máy tính, các xóm ấp được xếp thành năm loại và được xử lý một cách thích đáng. Mức độ ác liệt của các cuộc ném bom cho phép thực hiện một thành phố liên hiệp vô chính phủ mà người ta tin rằng nạn tham nhũng và tinh thần của một xã hội tiêu thụ đang làm thay đổi tâm tính của người dân thành phố.

Vậy có gì đáng ngạc nhiên khi thấy rằng trong các điều kiện ấy, chế độ độc tài của tướng Nguyễn Văn Thiệu vấp phải sự chống đối nội bộ ngày càng tăng. Quân Mỹ rút về nước tạo ra một cơn khủng hoảng thật sự trong một bộ phận quan trọng cư dân thành phố trước đây chuyên kiếm sống nhờ cung cấp dịch vụ cho quân đội Mỹ bằng vô số nghề. Chế độ quân dịch bắt buộc gây tâm trạng bất mãn gay gắt trong dân chúng và phong trào đào ngũ thường xuyên xảy ra. Phần lớn các khoản viện trợ dân sự đều bỏ vào túi bọn tham nhũng.

Muốn ra khỏi ngõ cụt, Nixon triệt để chơi con bài ngoại giao, tìm cách chia rẽ Việt Nam và bạn đồng minh Trung Quốc, Liên Xô trong khi hai nước chống đối nhau kịch liệt trên trường quốc tế. Kissinger đi Bắc Kinh tháng 7 năm 1971, sau đó Nixon đến Bắc Kinh và Matxcơva trong sáu tháng đầu năm 1972. Hà Nội cố gắng phi thường để giữ hòa khí với cả hai người đồng minh xã hội chủ nghĩa. Chính trong bối cảnh quốc tế đầy đe dọa và những quan hệ nhập nhằng đó mà ngày 30 tháng 3 năm 1972, những người cách mạng Việt Nam đã mở cuộc tiến công quy mô lớn khiến toàn bộ sự bố trí lực lượng của quân đội Sài Gòn phải chịu thử thách gay go. Lầu Năm Góc phải yểm trợ tối đa. Trong hơn một tháng, ba cánh quân hùng mạnh, có xe bọc thép yểm trợ đã tấn công Huế, Kontum, Lộc Ninh, An Lộc phía tây bắc Sài Gòn. Sau đòn phủ đầu, các tuyến phòng thủ của Sài Gòn vỡ tung và "vùng bình định" tan vỡ thành nhiều mảng. Không lực Hoa Kỳ ném bom miền Bắc cũng như miền Nam và cuối cùng nhờ bom lade đã cứu vãn được tình thế. Ngày 8 tháng 5, Nixon phong tỏa các cảng của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cuộc can thiệp ồ ạt bằng không quân đã chặn được cuộc tấn công và cứu chế độ Sài Gòn, nhưng không đảo ngược được tình thế, làm tổn hại đến sự bố trí lực lượng của những người cách mạng.

Cuộc bầu cử Tổng thống Hoa Kỳ đến gần đã làm tình hình dịu xuống. Chính quyền Nixon bỗng phát hiện ra những điểm mới trong những đề nghị thương lượng của Hà Nội và Mặt trận dân tộc giải phóng.

Các cuộc đàm phán lâu nay vẫn dẫm chân tại chỗ. Trên cơ sở những đề nghị mới đó, Kissinger chỉnh lý một bản hiệp định với Lê Đức Thọ. Ngày 20 tháng 10, trong một thông điệp gửi thủ tướng Phạm Văn Đồng, Nixon thừa nhận văn bản hiệp định có thể coi như hoàn thành.

Ngày 26 tháng 10, Kissinger tuyên bố: "Hòa bình trong tầm tay". Nixon cần thời gian để đánh bại MacGovern, ứng cử viên tổng thống duy nhất đã không đặt điều kiện nào cho việc chấm dứt chiến tranh, giọng điệu phát biểu đã thay đổi tất cả. Một vài sửa đổi nhỏ vào cuối tháng 10 trở thành 146 điều sửa đổi đề cập đến những vấn đề cơ bản. Cuộc thương lượng quay sang tối hậu thư và máy bay B.52 một lần nữa lại có tiếng nói của mình.

Trong tuần lễ Giáng sinh năm 1972, phi đội chiến lược của Hoa Kỳ tấn công Hà Nội. W. Manchester viết: "Đó là chương tàn ác nhất trong lịch sử cuộc dính líu của Mỹ ở Việt Nam. Chỉ riêng trong tuần đầu, mỗi một máy bay khổng lồ B.52 sơn màu xanh nâu mỗi ngày tiến hành hai phi vụ ném bom. Dư luận Mỹ sững sờ. Mấy ngày trước, mọi người đã tưởng sắp chấm dứt đến nơi sự dính líu của Mỹ ở Đông Dương... Bây giờ họ đang đối mặt với sự đảo ngược làm mọi người ngơ ngác, còn Tổng thống Hoa Kỳ thì không đưa ra một lời giải thích nào... Trong bảy năm trước khi tiến hành cuộc ném bom bão hòa đó, máy bay B.52 đã xuất kích 100.000 lần và chỉ một chiếc bị pháo cao xạ bắn hạ. Bây giờ Hà Nội đã có lực lượng phòng không mạnh nhất thế giới và trong hai tuần cuối năm 1972, các họng pháo phòng không và tên lửa đã diệt 16 máy bay B.52 trị giá 15 triệu đôla một chiếc. Nghiêm trọng hơn là Nixon đã đánh giá thấp sự phẫn nộ của công chúng". Từ đầu tháng 8, Bộ Tổng Tư lệnh Việt Nam đã dự tính B.52 có thể đánh miền Bắc và đã tiến hành những biện pháp thích đáng. Theo thông cáo của Bộ Tổng Tư lệnh Việt Nam, 34 máy bay B.52 đã bị bắn hạ. Một quân nhân Mỹ đã tuyên bố với báo US News and World Report (Tin tức Hoa Kỳ và Thế giới) ngày 8 tháng 1 năm 1973 như sau: "Nếu Hà Nội có thể tiếp tục bắn hạ mỗi ngày một hay hai máy bay B.52, cộng sản sẽ đánh bại được ưu thế của không lực Hoa Kỳ". Thất bại nặng nề của những cuộc ném bom khủng bố và làn sóng phản đối dâng cao đã khiến Thủ tướng Thụy Điển Olaf Palme so sánh chiến dịch ném bom như việc phát-xít Đức hủy diệt người Do Thái, đã dẫn đến việc nối lại các cuộc thương lượng. Chỉ trong mấy tiếng đồng hồ, hai bên đạt được thỏa thuận trên cơ sở những lập trường tương tự như các lập trường đã nêu trong tháng 10. Ngày 27 tháng 1 năm 1973, Hiệp định đình chiến đã được ký kết tại Paris.

Theo các điều khoản trong Hiệp định, việc rút quân Mỹ phải tiến hành xong từ nay đến 27 tháng 3 (không một điều khoản nào nói đến các lực lượng vũ trang của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa) sẽ mở đường cho một giải pháp chính trị ở miền Nam, ngầm công nhận ở miền Nam có hai chính quyền (Chính quyền Sài Gòn và Chính phủ Cách mạng lâm thời), hai quân đội và ba lực lượng chính trị. Tuy vậy, các điều khoản về phóng thích tù nhân đã không được ghi rõ ràng rằng Chính quyền Sài Gòn phải trả tự do cho toàn bộ những người đối lập hiện đang bị giam giữ trong các nhà tù và trại giam. Tiếp đó "thành phần thứ ba" thuộc phái trung lập sẽ không đóng một vai trò nào đáng phải có trong việc thành lập một chính phủ liên hiệp lâm thời có trách nhiệm chuẩn bị các cuộc bầu cử. Từ cuối năm 1972, Lầu Năm Góc đã đẩy nhanh việc tăng cường sức mạnh quân sự cho chế độ Sài Gòn, với trên 2.000 máy bay, là nước đứng thứ ba trên thế giới về không quân. Các sĩ quan Mỹ rũ bỏ quân phục, được tuyển dụng như những chuyên gia dân sự.

3. Chiến dịch Hồ Chí Minh

Sáng ngày 5 tháng 2 năm 1975, đoàn A.75 bí mật rời Hà Nội. Dưới sự chỉ huy của Văn Tiến Dũng, đoàn có nhiệm vụ chỉ đạo một chiến dịch mới dự kiến diễn ra vào tháng 3 ở miền Nam. Để không lọt

tin ra ngoài, người ta đã tiến hành nghi binh một cách tỉ mỉ. Tướng Dũng đã soạn trước thiệp chúc Tết. Ông ký trước những điện gửi các Tổng tham mưu trưởng Liên Xô và Cộng hòa Dân chủ Đức vào tháng 2, Mông Cổ vào tháng 3, nhân ngày thành lập quân đội. Sau khi ông lên đường, báo chí tiếp tục có những bài gây cảm tưởng rằng ông đang ở Hà Nội và hàng ngày chiếc xe Volga vẫn đi từ nhà riêng đến nơi ông làm việc như thường lệ. Mỗi buổi chiều như trước đây, anh em ở đơn vị bảo vệ vẫn đến chơi bóng chuyền ở nhà ông bởi lẽ đó là một trong những thói quen của tướng Dũng. Không ai trong đoàn được gói ghém hành lý tại nhà mình. Tất cả đều tiến hành trong văn phòng Bộ Tổng tham mưu để gia đình các thành viên trong đoàn không biết người nhà mình đi đâu và không lộ bí mật chuyến đi.

Văn Tiến Dũng, quân phục chỉnh tề, chính thức lên máy bay đi kiểm tra các đơn vị đóng ở Đồng Hới. Mấy ngày sau, ông đã đến B.1, bí số của bộ chỉ huy mặt trận Tây Nguyên. Từ đây các bức điện trao đổi giữa Hà Nội và đoàn A.75 đều ký tên Chiến (Giáp) gửi cho Tuấn (Văn Tiến Dũng). Chính nhờ những biện pháp đề phòng đó mà bí mật đã được giữ đến phút chót.

Cho đến giờ phút lên đường hôm đó, việc tiến vào B.2 vẫn còn là một bất trắc.

Từ năm 1973, Đảng Cộng sản Việt Nam đã hiểu rằng Hiệp định Paris vẫn là những từ trống rỗng nếu người ta chỉ bằng lòng với những đòi hỏi suông và những lời phản đối ngoại giao cuối cùng cũng vứt vào sọt giấy. Cả Washington và Sài Gòn đều không muốn tôn trọng chữ ký của họ. Tiểu ban điều tra của thượng nghị sĩ Edward Kennedy tiết lộ 71,4% ngân sách của Sài Gòn dành cho quân sự, cảnh sát và "bình định". Vậy tại sao những người cách mạng Việt Nam lại ngồi im, súng để dưới chân? Miền Nam vẫn sống trong cảnh chiến tranh mà không ai muốn nói rõ ra. Trong các thành phố do chính phủ Nguyễn Văn Thiệu kiểm soát không có một biện pháp nào được thi hành để khôi phục các quyền tự do. "Thành phần thứ ba" luôn luôn bị khóa miệng, vai trò của họ ngày càng bị lu mờ. Ở nông thôn, các cuộc càn quét liên tục đã lấy đi của Chính phủ Cách mạng lâm thời nhiều khu vực do họ kiểm soát lúc ngừng bắn. Từ tháng 2, quân đội Sài Gòn đã lấn chiếm cảng Sa Huỳnh ở Quảng Ngãi, nơi đây có thể trở thành lá phổi cho vùng kiểm soát của Chính phủ Cách mạng lâm thời. Người ta chỉ nói về ngừng bắn chăng? Thực tế, chưa lúc nào im tiếng súng.

Vào cuối năm đó, quyết định đánh trả đã được thông qua.

30.000 thanh niên miền Bắc đã được phái vào miền Nam để mở một tuyến mới, ở phía đông của đường Trường Sơn đồng thời để giảm bớt sức ép đối với vùng tự do Liên khu V mà sau đó từ đây có thể làm bàn đạp tiến công xuống phía nam. Sau một buổi họp vào tháng 3 năm 1974 của Đảng ủy Quân sự Trung ương đưa ra khẩu hiệu "phản kích rồi tấn công", tình hình đã nhanh chóng đảo ngược. Suốt mùa hè, các căn cứ Chư Nghé và Dak Pet trên cao nguyên đã được xóa bỏ khỏi bản đồ chiến sự, lực lượng giải phóng đã chứng tỏ họ có khả năng giữ vững vùng giải phóng không những ở miền núi mà còn ở đồng bằng và đôi khi ở các đô thị khá quan trọng. Tháng 10, Hà Nội quyết định thành lập ở cấp quân đoàn những binh đoàn hợp đồng binh chủng được trang bị khí tài hiện đại đúng tiêu chuẩn. Đường Trường Sơn Đông, gần bờ biển được kéo dài. Đầu năm 1975, tuyến đường hoàn thành đã đưa tổng chiều dài đường mòn Hồ Chí Minh lên tới 20.000 kilômét, không kể 5.000 kilômét đường ống dẫn xăng dầu. Các xe bọc thép và pháo binh cơ giới hạng nặng đã đến được các rừng cao su miền Đông Nam Bộ.

Tại Mỹ, vụ bê bối Watergate làm xói mòn Nhà Trắng, cuối cùng khiến Nixon phải từ chức Tổng thống, kéo theo sự thất bại của phái diều hâu đã không đề nghị được Quốc hội thông qua các ngân khoản cần

thiết để theo đuổi sự can thiệp vào miền Nam Việt Nam. Viện trợ Mỹ cho Sài Gòn đã giảm từ 1.026 triệu đôla năm 1972 - 1973 xuống còn 700 triệu đôla cho năm tài chính 1974 - 1975. Với tính cơ động giảm sút và hỏa lực bị cắt xén 60% do các khoản viện trợ của Washington bị cắt giảm, quân đội Sài Gòn chỉ còn đủ sức giữ được các vị trí đã là cố gắng lớn lắm. Các đơn vị sừng sỏ đóng ở Huế và quanh Sài Gòn đã mất đi rất nhiều khả năng ứng chiến. Nhận rõ nguy cơ của một chế độ thối nát đến tận xương tủy mà cho đến nay Giáo hội Việt Nam rất ủng hộ, năm 1974 Roma đã có bước ngoặt trong chính sách đối với chế độ Sài Gòn. Các linh mục lâu nay vẫn bám vào các cơ quan viện trợ Mỹ giờ đã chuyển sang đi với các cha tuyên úy của JOC (Thanh niên Lao Động Công giáo) chống đối mạnh mẽ nạn tham nhũng phổ biến trong giới quan chức Sài Gòn.

Trong hoàn cảnh mới đó, tháng 10 năm 1974, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đã quyết định trong năm tới đánh đòn quyết định trên cao nguyên miền Trung, một bàn đạp chiến lược để triển khai lực lượng xuống phía nam bằng con đường 14 và ở phía đông theo các con đường 19, 7 và 21 đi tới vùng ven biển miền Trung. Thế bố trí của quân Sài Gòn là "nặng ở hai đầu", chung quanh vùng Huế - Đà Nẵng (vùng chiến thuật I) và Sài Gòn (vùng chiến thuật III), vậy đòn điểm huyệt sẽ là đánh vào "cái bụng mềm" của nó là vùng chiến thuật II, tại đây chỉ có hai sư đoàn được lính thủy đánh bộ yểm trợ, kiểm soát một vùng rộng lớn.

Ngày 18 tháng 12, các nhà lãnh đạo quân sự và chính trị của mặt trận cách mạng miền Nam đã họp hội nghị mở rộng tại Hà Nội, một hội nghị mà sau này đã chứng tỏ có giá trị quyết định cục diện chiến tranh. Trong khi đang họp, họ được tin quân giải phóng đã đánh chiếm thị trấn Phước Long ở miền Nam. Lần đầu tiên một thị trấn bị đánh chiếm đã dẫn đến giải phóng cả một tỉnh mà không gây ra sự phản ứng mạnh mẽ và có hiệu quả của Sài Gòn. Đúng là Washington đã phái tàu sân bay hạt nhân Enterprise từ Philippines đến, được một đội đặc nhiệm của Hạm đội 7 yểm hộ, ra lệnh báo động sư đoàn lính thủy đánh bộ ở Okinawa nhưng sự việc cũng chỉ dừng lại tại đó. Hội nghị tiếp tục làm việc đến ngày 8 tháng 1, tức là suốt ba tuần lễ. Sau những cuộc thảo luận dài chứng tỏ tầm quan trọng và tính phức tạp của những vấn đề được nêu lên, mặc dù có nhiều quan điểm khác nhau, song hội nghị đã đi đến một quyết định nhất trí: Tiến hành giải phóng miền Nam trong hai năm tiếp theo. Từ năm 1975 bằng một đòn đánh vào Buôn Ma Thuột và Tuy Hòa, các lực lượng cách mạng sẽ đánh chiếm Tây Nguyên và đồng bằng miền Trung, bắt đầu từ Bình Định cho đến Đà Nẵng và Huế trước mùa mưa vào cuối tháng 5. Trong năm 1976, từ bàn đạp lý tưởng này sẽ mở cuộc tiến công lần thứ hai, chấm dứt sự sụp đổ của chế độ Sài Gòn, đồng thời khai thác tối đa những khả năng hoạt động quân sự, chính trị và ngoại giao.

Kết thúc công việc, hội nghị đã tính đến khả năng đẩy nhanh quá trình này nhưng không đặt nó lên hàng đầu kế hoạch. Khả năng Mỹ quay trở lại can thiệp mặc dù được đánh giá là khó xảy ra nhưng vẫn là một ẩn số.

Sau hội nghị, Bộ Chính trị đã thông qua quyết định mở cuộc tấn công chiến lược bằng một mũi tiến công vào thị xã Buôn Ma Thuột mà các thể thức tiến công sẽ được ấn định tại chỗ sau khi nghiên cứu thực địa. Sau khi phác qua các nhiệm vụ tác chiến, tướng Giáp, Bí thư Đảng ủy Quân sự Trung ương đã thảo ra những nguyên tắc chỉ đạo chiến dịch: dũng cảm, táo bạo, bất ngờ bằng cách giữ bí mật các cuộc di chuyển, điều động; các đơn vị phải luôn luôn nghi binh để địch chú ý đến bắc Tây Nguyên trong khi thực hiện đánh vào nam Tây Nguyên.

Bộ chỉ huy chiến dịch sắp mở, ngoài Văn Tiến Dũng có Đinh Đức Thiện, Cục trưởng hậu cần mặt trận,

Trưởng đoàn 559, từ tháng 5 năm 1959 đã thành lập mạng lưới đường rộng lớn được phương Tây biết đến với tên gọi "đường mòn Hồ Chí Minh"[4]. Người chiến sĩ già khoảng 60 tuổi này, vừa xông xáo vừa kiên trì, sẽ đóng vai trò quyết định bằng cách đảm bảo hậu cần cho một lực lượng xung kích bằng cơ giới vượt rất xa những gì đã thực hiện được trong hai cuộc kháng chiến cho đến lúc đó. Ngoài ra còn có Lê Ngọc Hiền - Tham mưu trưởng mặt trận, người bạn chiến đấu lâu năm của tướng Dũng, hai người luôn luôn sát cánh bên nhau từ ngày Tổng khởi nghĩa năm 1945. Ông biết rõ địa hình cao nguyên.

[4] Trong chiến tranh thường gọi là đường Trường Sơn, tên gọi dãy núi ngăn cách Việt Nam và Lào (BT).

Trên chiến trường, lực lượng cách mạng có ba sư đoàn đã bám trụ ở Tây Nguyên từ lâu, đó là các sư đoàn 320, 10 và 968 vừa mới được tăng cường, thêm sư đoàn 316 mới hành quân vào từ tháng 12 năm 1974. Phía đối phương có sư đoàn 23, bảy lữ đoàn lính thủy đánh bộ (tương đương 10 trung đoàn), bốn lữ đoàn cơ giới đóng rải trên năm tỉnh miền núi. Tình trạng thiếu hụt quân số càng trầm trọng thêm khi Sài Gòn phán đoán nhầm hoàn toàn về ý đồ của đối phương. Trong một hội nghị quân sự họp tháng 12 năm 1974, tướng Nguyễn Văn Thiệu đã đánh giá rằng Việt Cộng chưa đủ sức đánh vào các thành phố lớn, nếu không chỉ là các thị trấn cô lập như Phước Long hay Gia Nghĩa, hướng tấn công chủ yếu của Việt Cộng sẽ là trong vùng Tây Ninh. Thiệu còn phán đoán, nếu Việt Cộng đánh chiếm được một thành phố lớn thì chắc chắn không thể giữ được trước các cuộc phản công. Phán đoán sai lầm về hướng tấn công, đánh giá sai về tiềm lực và ý đồ của đối phương, Sài Gòn vẫn ở tình trạng như dịp Tết 1968.

Trên nền bối cảnh đó phải kể đến những sai lầm trong nhận định của tướng Phạm Văn Phú, chỉ huy vùng chiến thuật III của quân đội Sài Gòn. Phú tin rằng Việt Cộng sẽ tấn công từ phía bắc xuống nên tập trung lực lượng phòng thủ Pleiku và Kontum. Trong lúc đó, bộ tham mưu đối phương lại hướng về Buôn Ma Thuột, một thị xã có 150.000 dân, phía nam Tây Nguyên, nơi đặt chỉ huy sở sư đoàn 23. Lực lượng phòng thủ ở đây tương đối yếu, phần lớn rải mành mành để bảo vệ các cơ sở đóng ở ngoại vi, trong khuôn khổ một thế bố trí lực lượng đã bộc lộ nhược điểm khi tiến vào trung tâm thị xã.

Chính trên sự mất cân đối về chiến lược và chiến thuật đó, hai tướng Giáp và Dũng sẽ khai thác triệt để phép biện chứng phương Đông xưa về "đầy-vơi", "đặc-rỗng". Trên toàn bộ các vùng đất cao nguyên, quân đội cách mạng đã không giành được thắng lợi một cách dứt điểm vì quân số không đông và phương tiện không đủ. Nhưng tập trung đánh vào một điểm yếu như Buôn Ma Thuột thì ưu thế quân cách mạng trở nên áp đảo. 5,5 chọi 1 đối với bộ binh, 1,2 chọi 1 đối với xe bọc thép, 2,1 chọi 1 đối với pháo binh hạng nặng.

Đặt chân tới Tây Nguyên, Văn Tiến Dũng đã đặt sở chỉ huy của ông tại phía tây Buôn Ma Thuột, giữa một cánh rừng già, xum xuê cành lá, không xa rừng Khooc rất dễ bén lửa.

Tối ngày 25 tháng 2, trong khi pháo binh đối phương bắn cầm canh vào góc rừng nơi đặt chỉ huy sở được ngụy trang kỹ, tướng Dũng đã ký quyết định thông qua kế hoạch tấn công thị xã Buôn Ma Thuột. Tướng Dũng tuyên bố: "Ở Buôn Ma Thuột, ta mạnh hơn địch. Chúng ta có gần ba sư đoàn trong khi địch chỉ có một trung đoàn chính quy thuộc sư đoàn 23 bộ binh và ba binh đoàn vệ binh. Chúng ta đánh thẳng vào trung tâm và sau khi đánh chiếm được hai sân bay và đánh sập bộ tư lệnh sư đoàn 23, chúng ta sẽ tỏa ra tiến công các vị trí bên trong thị xã. Nếu tất cả đều hiệp đồng chặt chẽ và giữ được

bí mật thì địch sẽ sụp đổ rất nhanh chứ không phải từ 7 đến 10 ngày như các đồng chí dự kiến lúc đầu. Chúng ta sẽ chạy đua với thời gian".

Ban chỉ huy địch có đánh hơi thấy nguy cơ đang rình rập không? Qua nghe đài người ta biết Phạm Văn Phú ra lệnh cho các thám báo của ông ta phải tìm cho được các vị trí ém quân của các sư đoàn Việt Cộng nhưng không sao làm được. Chỉ huy sở mặt trận Tây Nguyên sẽ giúp y điều đó bằng cách phao tin về lực lượng giải phóng sẽ đánh Kontum và Pleiku. Dân chúng quanh hai thị xã này được động viên ồ ạt để mở đường mới hay sửa đường và được yêu cầu tổ chức các cuộc mít tinh để hoan nghênh những người sắp "giải phóng" Kontum và Pleiku. Ngày 1 tháng 3, hai đồn ở phía tây Pleiku bị sư đoàn 928 tấn công đã thể hiện mối đe dọa này. Một đợt pháo bổ sung giúp sư đoàn đổ pháo binh hạng nặng lên sân bay Cù Hanh. Ngày 4 tháng 3, từ đồng bằng ven biển đến Pleiku, xung quanh An Khê, một loạt đồn bốt thất thủ. Càng ngày càng tin chắc mối nguy hiểm nằm ở phía bắc, tướng Phạm Văn Phú đưa đến đây quân biệt kích và điều lữ đoàn kỵ binh số 2 đến An Khê.

Trong khi đó, sư đoàn 320 bí mật giấu kín tung tích đồng thời đẩy mạnh hoạt động nghi binh lừa địch. Một trong các tiểu đoàn của sư đoàn 320 được biệt phái đi hoạt động độc lập về phía tây, luồn rừng vòng quanh phòng tuyến địch nhưng không để địch phát hiện rồi vào lúc thích hợp sẽ đóng một chốt trên đường 14. (Trong cuộc tháo chạy khỏi Pleiku, chính tiểu đoàn này đã đến đầu tiên để khóa chặt con đường đi ra biển). Ngày 10, tiểu đoàn này đã tập trung cách Buôn Ma Thuột 50 kilômét về phía tây nam quanh Đức Lập.

Vào ngày 5 tháng 3, tất cả các con đường nối miền núi với đồng bằng đều bị cắt đứt, trong khi trên cao nguyên, xe cộ vẫn đi lại bình thường. Mỗi ngày từ 60 đến 80 xe dân sự và quân sự lăn bánh trên đường 14 nối liền các thành phố, thị xã, thị trấn trong vùng như thường lệ.

Tránh né quân biệt kích đang lần mò chỗ đóng quân của mình bằng những đội tuần tra hay những cuộc hành quân nhỏ bằng trực thăng và chống trả các đợt pháo kích thăm dò của địch, sư đoàn 320 vẫn ẩn kín trong rừng, sẵn sàng chốt chặn trên những con đường xung yếu.

Ngày 5 tháng 3, trong một lần đi trinh sát địa hình quanh Buôn Ma Thuột, một pháo thủ Việt Cộng bị thương và bị địch bắt. Trên người anh có cuốn nhật ký đi đường. Ngay hôm sau, ngày 6 tháng 3, hai tiểu đoàn và một đại đội thiết giáp quân đội Sài Gòn đến tăng cường cho một vị trí nằm cách thị xã Buôn Ma Thuột 11 kilômét về phía tây bắc và ngay lập tức bắt đầu lùng sục xung quanh. Những đơn vị đang chuẩn bị địa điểm xuất phát tấn công phải rút lui để tránh địch phát hiện. Để tạo thuận lợi bố trí lực lượng bao vây, bộ chỉ huy mặt trận Tây Nguyên lệnh cho sư đoàn 320 phải đánh chiếm Chư Xé trên đường 14 từ ngày 7 tháng 3 để thu hút một bộ phận địch đóng trong thị xã và giải tỏa vùng đang bị càn quét. Ngày 7 tháng 3, địch bị diệt gọn sau ba mươi phút nhưng vẫn tiếp tục càn quét. Sáng ngày 8 tháng 3, sư đoàn 320 tiến vào quận lỵ Thuần Mẫn và cắt đứt hoàn toàn đường 14. Đến gần trưa, quân đội Sài Gòn đang luẩn quẩn trong rừng vội rút ngay về thị xã.

Trong ngày 9, trong lúc ở phía bắc sự uy hiếp đối với Pleiku ngày càng rõ nét, một loạt các cuộc hành quân đã làm xong việc cô lập Buôn Ma Thuột. Chỉ trong một đêm không có một trở ngại vụn vặt nào, 12 trung đoàn bộ binh hợp đồng binh chủng đều đã vào vị trí. Lực lượng xung kích đã áp sát ngoại vi trong khi đại bộ phận lực lượng cơ giới đã đến sát các vị trí được chuẩn bị bên cạnh các trục tiến công. Trong rừng ở khá xa, nhiều nơi đến bốn chục cây số các xe tăng nổ máy chờ lệnh đằng sau các cây to đã cưa được bốn phần năm thân cây, đợi đến giờ G mới hạ để che kín đường xuất kích của xe

tăng.

Vùng cao nguyên vốn đã bị cô lập với phần còn lại của miền Nam nay lại bị cắt làm đôi. Tướng Phạm Văn Phú chỉ có một ý nghĩ trong đầu, trước hết và trên hết, là bảo vệ Pleiku. Dù Phú có muốn thay đổi thế bố trí lực lượng cũng không kịp nữa. Bị chốt chặn khắp các hướng, các đơn vị của ông ta rơi vào một mạng nhện bằng dây thép sẽ bị xiết chặt không thương tiếc.

Thật vậy, tướng Văn Tiến Dũng sẽ lặp lại trên quy mô lớn hơn cách đánh được ông áp dụng năm 1952 ở Phát Diệm và quân lính của ông gọi là chiến thuật "hoa sen nở". Lực lượng xung kích xông thẳng vào trung tâm thành phố và chỉ sau khi đánh chiếm hai sân bay và đánh sập Bộ tư lệnh sư đoàn 23, quân của ông mới tỏa rộng ra dần đánh chiếm nốt những vị trí còn lại của địch.

2 giờ sáng ngày 10 tháng 3, trận đánh ác liệt hơn khi lực lượng đặc công tiến vào trung tâm thành phố tấn công hai sân bay và một số vị trí khác, còn trọng pháo và hỏa tiễn nã vào chỉ huy sở sư đoàn 23. Giữa tiếng nổ của bộc phá, trọng pháo và hỏa tiễn, các xe bọc thép chở bộ binh tiến vào trung tâm thị xã. Tiếp đó là các pháo cơ giới tự hành, các giàn hỏa tiễn từ các vị trí tập kết, đi theo các hướng tiến công, ầm ầm tiến vào thị xã. Pháo binh cơ giới vượt sông Srepok trên các cầu phà được lắp nhanh chóng. Xe tăng chà nát các vị trí ngoại vi. Từ 7 giờ 15 phút, hai tiểu đoàn bộ binh đi đầu đã kiểm soát các ngã ba trong thị xã. Khi bóng đêm buông xuống, tối ngày 10 tháng 3, những người tấn công bất chấp 80 phi vụ của không quân địch vẫn giữ vững các vị trí trong trung tâm thị xã, trừ chỉ huy sở sư đoàn 23, tại đây một số tàn quân rút về cố thủ tiếp tục chống cự đến hôm sau, lúc 8 giờ 30 phút mới chịu buông súng. Vào lúc đó, trong toàn tỉnh Đắk Lắk, như tướng Dũng viết: "địch chỉ còn như một con rắn không đầu".

Tại Sài Gòn, người ta bỗng nhiên như rơi từ trên mây xuống, nhưng còn bán tín bán nghi tin rằng một cuộc phản kích có không quân trợ lực sẽ nhanh chóng lập lại tình hình như hồi Tết 1968.

Tuy nhiên, đối với những người cách mạng, đây vẫn còn là một ẩn số đáng lo ngại: liệu Mỹ có quay lại can thiệp không? Trong khi các đơn vị đang lần lượt tiêu diệt hết vị trí này đến căn cứ khác còn lại trong tỉnh Đắk Lắk thì Tổng hành dinh ở Hà Nội chắt lọc từng mẩu tin của các đài phát thanh, các hãng thông tấn... Tin tức những sân bay tại Thái Lan có hoạt động khác thường, như một đám mây đen đã có lúc làm u ám bầu trời song lại tan đi rất nhanh. Không lực Hoa Kỳ không có động tĩnh gì.

Ngày 12 tháng 3, tướng Giáp gửi đến Bộ Chỉ huy mặt trận Tây Nguyên nhận định của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương: Điều lực lượng bao vây Pleiku, khóa chặt mọi con đường và phong tỏa sân bay, phán đoán địch có thể sẽ rút lui chiến lược khỏi Tây Nguyên. Tiếp tục tiến quân. Chưa cần đưa tin gì ngay về trận Buôn Ma Thuột trên báo đài của ta, cứ để cho địch ba hoa rồi sau chúng sẽ càng chết đứng.

Điện từ Hà Nội vào giữa lúc đang diễn ra cuộc phản kích của Sài Gòn. Một đội trực thăng hùng hậu đổ quân xuống Phước An, phía tây Buôn Ma Thuột, tại đây pháo cao xạ của lực lượng cách mạng đã chờ sẵn. Từng loạt đạn rất đanh, nã vào đội hình quân cứu viện. Những tên lính có may mắn tiếp đất được thì không còn thì giờ tập hợp thành đơn vị.

Chiến thắng đến quá nhanh khiến một số đơn vị quân cách mạng không biết khai thác. Quá nhiều cuộc họp bàn cãi dài dòng, Văn Tiến Dũng phàn nàn: "Có máy vô tuyến điện mà không dùng, cứ lách cách

kéo đường dây điện thoại; có xe lấy được của địch, có tù binh biết lái xe cũng không dám dùng để cơ động bộ đội mà vẫn cứ lẽo đẽo đi bộ. Địch đang rối loạn, tan rã không như địch đã có tổ chức, chuẩn bị sẵn phòng ngự đợi ta, nhưng khi đánh vẫn đòi đủ bài bản... Vấn đề vỡ ra to quá, nhanh quá, thời cơ để giành thắng lợi mới xuất hiện ngày càng nhiều". Tất cả những ai trước đây lần chần tránh né, thì nay cũng phải nghiêm chỉnh nghĩ lại. Khai thác tình hình thuận lợi một cách táo bạo là chỉ thị cấp bách lúc này.

Ngày 13 tháng 3, Nguyễn Văn Thiệu một lần nữa còn ra lệnh cố thủ Buôn Ma Thuột, trong khi toàn bộ lực lượng phòng thủ tháo chạy từ gần 48 tiếng rồi. Nhưng ngay từ hôm sau, 14 tháng 3, Thiệu đã đến Nha Trang họp với tướng Phạm Văn Phú và toàn bộ bộ tham mưu tại đây, bàn bạc tay đôi, giọng điệu đã xuống nước. Toàn bộ lực lượng phòng thủ Tây Nguyên sẽ rút về. Cuộc họp chưa kết thúc, sẽ không báo cho chính quyền tỉnh để tránh hốt hoảng. Rút bằng đường nào? Chỉ còn đường số 7 xuống Tuy Hòa. Con đường này không bị đối phương cắt đứt và từ nhiều năm nay gần như không ai đi lại.

Tướng Văn Tiến Dũng vẫn đang chăm chú hướng về bản đồ Buôn Ma Thuột thì ngày 16 tháng 3 từ Hà Nội, tướng Giáp cho biết Bộ Tư lệnh quân đoàn II của Sài Gòn vừa di tản về Nha Trang. Thành công chiến thuật đang trở thành một thắng lợi có tính chiến lược? Mọi cặp mắt đều hướng về bản đồ vùng Pleiku mà người ta báo tin mười giờ sau đó có một đoàn xe khởi hành đi về hướng Phú Bổn. Chuẩn bị phản kích chăng? Hay là tổng rút lui? Một cuộc thảo luận náo nhiệt tại sở chỉ huy mặt trận Tây Nguyên diễn ra vào đêm 16 rạng 17 tháng 3. Địch đang hốt hoảng rút lui chăng? Những ý kiến trái chiều nhau kéo dài cho đến 21 giờ thì tin địch rút chạy toàn bộ khỏi Tây Nguyên đã được xác nhận. Địch cho nổ kho đạn, nhiều đám cháy bùng lên trong thị xã và đoàn xe vừa lăn bánh đi vào đường 7 theo hướng đồng bằng. Lần đầu tiên trong 30 năm chiến tranh, cả một quân đoàn tháo chạy. Dưới ánh sáng của những chiếc đèn pin bỏ túi, bộ tham mưu xem xét kỹ lưỡng tấm bản đồ để phát hiện các chỗ nút cổ chai nhằm bố trí phục kích được thuận lợi, đạt kết quả tối đa. Văn Tiến Dũng không nói gì thêm nữa. Sao lại có thể thế được nhỉ? Không lẽ địch rút chạy theo một con đường đã bị bỏ quên không thăm dò và bảo vệ? Tuy nhiên, anh em đã kiên trì khẳng định rằng con đường này từ lâu lắm không có cầu phà gì hết. Tướng Dũng, nguyên tư lệnh sư đoàn 320, tự tay nhấc máy điện thoại. Ông lệnh cho sư đoàn phải xuất quân ngay trong đêm.

Sáng sớm ngày 17, các đơn vị mũi nhọn của sư đoàn đã khóa chặt đường 7 ở phía đông Phú Bổn, tạo ra một nút cổ chai khổng lồ kéo dài hàng kilômét đến tận phía tây thị xã Phú Bổn hoàn toàn ách tắc. Trong đoàn quân bị chặn lại, không khí tán loạn. Nhìn thấy các sĩ quan trong bộ chỉ huy vội vã lên máy bay tháo chạy, các gia đình hốt hoảng rút lui với quân đội nhưng họ đã làm vướng chân cuộc hành quân. Trên đường phố nhỏ hẹp trong thị xã Phú Bổn, xe tải đỗ chật cả đường đi, làm giao thông tê liệt. Lộn xộn khắp mọi nơi, xô đẩy, chửi bới, đánh đấm và bắn nhau nữa. Những lời than vãn rên rỉ và cướp bóc đã xảy ra. Được bộ đội địa phương giúp đỡ, sư đoàn 320 chuyển sang hành động từ sáng ngày 17. Và 48 giờ sau, toàn bộ quân đoàn II của Sài Gòn bị xóa sổ. Núi rừng lúc nhúc những kẻ chạy trốn. Sau cơn sốc ban đầu là sự kinh hoàng chiếm lĩnh tất cả các cấp từ cấp sư đoàn đến bộ chỉ huy tối cao. Nền tảng chiến lược của miền Nam sụp đổ.

Trên tất cả các mặt trận, từ ngày 10 tháng 3 đến nay, cuộc tiến công với một quy mô không ngờ nhằm chọc thủng phòng tuyến địch diễn ra khắp nơi. Thế bố trí lực lượng quân đội Sài Gòn vỡ vụn và co lại với nhịp độ chưa từng có ở miền Trung cũng như ở cực nam của miền Nam, nơi phong trào du kích lan nhanh như vết dầu loang. Chỉ cần chút cố gắng nữa là miền Nam sẽ thất thủ hoàn toàn. Ngày 18, đèo

Hải Vân giữa Huế và Đà Nẵng bị phong tỏa. Ngày hôm sau, Huế bị các đơn vị vừa vượt vĩ tuyến 17 tấn công bằng một cú điếng người. Hai ngày sau, quân phòng thủ cố đô Huế, hoàn toàn bị bao vây chạy ngược ra cửa biển Thuận An, nơi từng chứng kiến cuộc đổ bộ của tướng De Courcy của Pháp 90 năm trước. Bị lừa gạt ra biển sẽ có tàu Mỹ đón, sư đoàn 1 dồn ứ lại trên bãi biển Thuận An, chỉ một số chen chúc xô đẩy nhau kịp nhảy xuống xà lan, xuồng, còn đại bộ phận tan rã bỏ chạy tán loạn hoặc đầu hàng. Sư đoàn 1 coi như bị xóa sổ, Huế được giải phóng ngày 25 tháng 3.

Ở khu V, từ Bình Định đến Quảng Ngãi, dưới sức ép của bộ đội địa phương do Chu Huy Mân và Võ Chí Công chỉ huy, toàn bộ hệ thống bình định tan ra từng mảnh. Đà Nẵng như một mảng da khô mỗi lúc một co lại trong khi các đơn vị tan rã dồn về thành phố cùng với gia đình binh sĩ càng làm không khí hoảng loạn tăng lên.

Từ chiều ngày 11 tháng 3, Tổng Bí thư Lê Duẩn đã hỏi một số cán bộ cơ quan Bộ Tổng tham mưu: "Các đồng chí hãy suy nghĩ xem trận Buôn Ma Thuột có phải là trận mở đầu cuộc Tổng tiến công lớn của ta không?"

Tối ngày 18 tháng 3, câu trả lời ngày càng rõ. Ngày 20 tháng 3, Bộ Chính trị chính thức nắm bắt bước ngoặt của chiến cuộc, điện cho mặt trận phía nam thực hiện kế hoạch giải phóng Sài Gòn sớm hơn dự kiến. Một tuần sau, Lê Đức Thọ đáp máy bay đi Đồng Hới, triệu tập tại Bộ chỉ huy mặt trận Tây Nguyên tất cả những người phụ trách chủ chốt các quân khu phía nam: Phạm Hùng, Trần Văn Trà thay mặt Nam Bộ, Chu Huy Mân, Võ Chí Công thay mặt Liên khu V để thảo luận và thông qua kế hoạch mới.

Thắng lợi dồn dập. Ngày 21 tháng 3, căn cứ Tuần Dưỡng thất thủ càng làm tăng áp lực đối với Đà Nẵng. Ngay hôm sau tướng Giáp nhận định đối phương phải tính đến việc di tản khỏi Đà Nẵng. Hai ngày sau, căn cứ khổng lồ Chu Lai phía nam thành phố bị tiêu diệt càng làm cho Đà Nẵng bị cô lập. Ngày 25, Hà Nội điện cho tướng Lê Trọng Tấn cùng với Chu Huy Mân thành lập Bộ Tư lệnh Mặt trận Quảng Đà. Dân số thành phố tăng gấp đôi vì binh lính chạy trốn các nơi dồn về và dân di tản. Lộn xộn nhất là ở sân bay Đà Nẵng, diễn ra cảnh chạy loạn, tướng tá, sĩ quan binh lính, dân thường chen nhau kiếm chỗ bằng mọi giá trên máy bay Boeing 727 hay tàu, xuồng, xà lan ra tàu hải quân đang chờ ngoài khơi.

Bị đầu độc bởi những luận điệu tuyên truyền của chính họ, lại thêm tình cảnh "mạnh ai nấy chạy" làm trầm trọng hơn, toàn bộ miền Nam Việt Nam made in USA bị cắt cụt hết chi này đến chi khác như đang lên cơn sốt điên cuồng, bỗng nhiên nổi hết lên mặt cái chướng khí của chế độ.

Ở mặt trận B.2 (miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ), Trần Văn Trà vừa nhận thêm xe bọc thép, đã tung sư đoàn 7 chiếm lĩnh đường 20 tiến về Lâm Đồng và Bảo Lộc. Hai nơi này bị đánh chiếm nhanh gọn hầu như không phải giao chiến.

Toàn bộ quân đội vừa chiến thắng ở cao nguyên nay được giao thêm nhiều nhiệm vụ mới. Bộ đội địa phương được lệnh đánh chiếm các đồn lẻ trong khu vực, Văn Tiến Dũng điều động ngay sư đoàn 368 theo các đường 19, 7 và 21 tiến về Bình Định, sư đoàn 320 theo đường 7 và 21 tiến về Phú Yên và Nha Trang. Tại Nha Trang, cảnh hỗn loạn diễn ra rất đáng sợ, lính thủy đánh bộ cướp phá, gây ẩu đả đến mức hãm hiếp cả vợ con của lính các đơn vị khác. Dân chúng bức xúc quá phải cử người đến gặp quân cách mạng yêu cầu đến ngay để giải phóng họ. Các đơn vị mũi nhọn tiến vào thành phố còn thấy

cơm canh còn nóng của tướng Phạm Văn Phú chưa kịp ăn, phải chạy vội về Phan Thiết. Trung đoàn 198 đặc công, sau khi giải phóng Đà Lạt, được lệnh tiến ngay về Phan Rang. Nguyễn Văn Thiệu phải thừa nhận thất bại mới này bằng cách sáp nhập hai tỉnh cuối cùng còn kiểm soát được ở miền Trung (nhưng được bao lâu?) với Sài Gòn để lập phòng tuyến phòng thủ vòng ngoài cho Sài Gòn.

Tình hình diễn ra quá nhanh khiến Lê Đức Thọ trên đường đi đã phải điều chỉnh nhiều lần kế hoạch của mình để đẩy nhanh cuộc tiến quân "thần tốc" hơn nữa, nhất thiết phải giải phóng Sài Gòn trong vòng hai tháng. Cuối tháng 5, gió mùa bắt đầu thổi, báo hiệu mùa mưa ập đến sẽ là trở ngại lớn cho quân cách mạng, vốn chủ yếu được tiếp tế bằng những con đường đất mà những cơn mưa đầu mùa chẳng mấy chốc sẽ khiến chúng biến thành lầy lội nước và bùn không thể đi lại được.

Ngày 31 tháng 3, Lê Duẩn điện vào chỉ thị hoãn cuộc họp dự kiến ở Tây Nguyên. Mọi người sẽ họp tại Nam Bộ, nơi Bộ chỉ huy của tướng Dũng sẽ nhanh chóng thành lập. Trước mắt, điều chủ yếu là tranh thủ thời cơ thuận lợi, thay đổi biên chế các đơn vị, thành lập ngay các binh đoàn cơ động hợp đồng binh chủng mạnh cấp quân đoàn và sẽ tập trung các hướng đánh vào Sài Gòn. Có cần gọi ba sư đoàn đang tiến về Cam Ranh và Nha Trang không? Theo đề nghị của tướng Dũng, những đơn vị đó trước khi rời khỏi Tây Nguyên để chấn chỉnh lại biên chế, nay vẫn tiếp tục tiến quân xuống miền đồng bằng miền Trung để tiến vào Nam Bộ bằng nhiều ngả.

Tham mưu trưởng hải quân Mỹ, tướng Weyand đến Sài Gòn cuối tháng 3, đánh giá Việt Cộng chỉ có thể điều động một quân đoàn vào miền Nam và trong trường hợp thuận lợi nhất cũng phải mất hai tháng mới vào đến Nam Bộ.

Thực tế, trong vòng ba tuần số quân tham gia giải phóng tăng gấp bốn lần so với ước tính của Weyand. Ngày 25 tháng 3, quân đoàn 1 đang đắp đê sông Hồng ở Ninh Bình được lệnh đi gấp vào miền Nam qua Pleiku và Phú Bổn. Trong thời gian từ hai đến ba tuần, các đơn vị quân đoàn 1 đã vượt 1.900 kilômét vào vị trí qui định. Ngày 14 tháng 4, toàn bộ quân đã tập kết đầy đủ. Quân đoàn 2 lấy từ các đơn vị chiến thắng ở Huế, Đà Nẵng theo đường ven biển tiến vào Nam Bộ. Sau 18 ngày hành quân vượt 900 kilômét, qua nhiều đoạn sông suối, không có cầu vì phần lớn cầu đã bị đánh sập khi địch rút chạy, quân đoàn 2 cũng đã vào tới Bà Rịa và Biên Hòa.

Cánh quân thứ 4 đi theo sườn phía tây của dãy Trường Sơn tiến về Tây Ninh, Bến Cát, Lai Khê và Xuân Lộc sau khi ngoặt sang phía đông để giải phóng Di Linh.

Trên cao nguyên, tướng Phùng Thế Tài, người được phân công kiểm tra đôn đốc việc chi viện mà các chiến sĩ gọi vui là "ông thần tốc", "ông đốc hành quân" đã đảm bảo phân bổ và vận chuyển toàn bộ hàng hóa và khí tài bằng đường mòn trên núi.

Ngày 2 tháng 4, tướng Văn Tiến Dũng chuyển sở chỉ huy tiền phương vào Nam Bộ. Trên đường đi tới Lộc Ninh chỉ mất gần một ngày, ông đau xót nhớ lại những cuộc hành quân tìm và diệt của Mỹ trước đây đã biến vùng này thành một địa ngục. Ngày hôm sau, ông gặp lại Phạm Hùng ở tây Lộc Ninh tại Bộ chỉ huy quân sự Miền (B.2), trong một căn nhà tre lợp lá mới được dựng vội để đón những người chủ mới. Người ta đã dựng cả lều bạt dưới các gốc cây to mới kịp thời gian bố trí chỗ làm việc, ăn ngủ cho Bộ chỉ huy mặt trận. Các xe thông tin thường hoạt động vào ban đêm nhưng đã ở khoảng cách thích hợp để tránh các con mắt xoi mói bằng điện tử của không quân đối phương. Các chiến sĩ liên lạc đều dùng xe gắn máy Honda - một phương tiện giao thông độc đáo của mặt trận Nam Bộ - đi lại suốt

đêm như mắc cửi để truyền đạt mệnh lệnh, tập hợp báo cáo. Đêm sau, Trần Văn Trà cũng có mặt. Toàn bộ đội ngũ mới gồm cả Bắc, Trung, Nam đã tập hợp về đây trên mảnh đất Nam Bộ. Cũng có người đã bám trụ ở đây khá lâu như Nguyễn Văn Linh. Hôm sau, cuộc họp bắt đầu để xem xét lại toàn bộ công việc chuẩn bị, trong không khí thoải mái. Nhà "ngoại giao" Lê Đức Thọ, người dong dỏng cao, mặc áo sơ mi màu xanh da trời, quần kaki, đầu đội mũ cứng bộ đội, vai đeo chiếc xà cột to bằng da màu đen, đến bằng xe gắn máy vào cuối buổi chiều, nét mặt rạng rỡ. Phạm Hùng hỏi về tình hình đạn dược chuẩn bị đến đâu. Đinh Đức Thiện kết thúc bản báo cáo bằng câu: "Đạn đủ bắn để nó sợ đến ba đời".

Mỗi lần bàn đến từng thứ cần thiết chuẩn bị cho chiến dịch, có cái đã gần đủ, có cái còn thiếu nhiều, thì Phạm Hùng lại chỉ thị biện pháp khắc phục, thỉnh thoảng lại nhắc câu nói của Đinh Đức Thiện: làm sao cho có, cho đủ và cho nhanh "để đánh cho nó sợ đến ba đời" khiến mọi người trong cuộc họp cười rộ lên. Kết thúc cuộc họp là việc thành lập Bộ chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn: Văn Tiến Dũng là Tư lệnh chiến dịch, Phạm Hùng Chính ủy, Trần Văn Trà, Lê Đức Anh, Đinh Đức Thiện và Bùi Phùng là Phó Tư lệnh.

Lần đầu tiên đặt chân lên đất Nam Bộ, nên cũng như nhiều cán bộ khác, tướng Dũng quan tâm đầu tiên làm sao có được các bản đồ quân đồn trú ở Buôn Ma Thuột và nhất là ở kho bản đồ thuộc Nha địa dư Đà Lạt. Nhiều bản được in gấp ở Hà Nội đã được chuyển vào bằng máy bay. Từ khi rời khỏi Tây Nguyên, vấn đề địa hình Sài Gòn luôn hiện lên trong đầu óc ông và ông thường hỏi các đồng chí của mình để in dần vào trí nhớ vùng đất và tên của các viên chỉ huy địch mà ông sẽ đối mặt. Con sông này sâu bao nhiêu, ở chính xác vị trí nào? Sư đoàn 25 ngụy do tên tướng nào chỉ huy?... "Sau khoảng 15 ngày "nghe nhiều, nhìn nhiều và sau nhiều ngày "dán mắt" vào các tấm bản đồ Sài Gòn - Gia Định, trong đó có cả những tấm in để bán cho khách du lịch, chúng tôi đã thuộc được tên nhiều đường phố, tên các cầu, các khu nhà nhiều tầng, kho tàng, bến cảng, tuy chưa biết được cảnh trí, màu sắc, đường nét, kiến trúc cụ thể, nhưng lại nhớ được cự ly, chiều rộng, diện tích, v.v... của những nơi đó. Chúng tôi đã có thể nói chuyện và làm việc với nhau về tình hình Sài Gòn mà không phải trải bản đồ như lúc mới đến B.2 nữa", tướng Dũng viết.

Nguyễn Văn Linh và các cơ sở đảng thành phố Sài Gòn đã chiến đấu tại chỗ từ ba mươi năm nay, trong những ngày này là một yếu tố then chốt. Lực lượng chiến đấu anh hùng đó mặc dù đã chịu nhiều tổn thất đau thương vì bàn tay khủng bố của bọn ác ôn trong kế hoạch Phượng Hoàng, vẫn là một lực lượng quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đưa vào những binh đoàn cơ giới thọc sâu của chủ lực vào Sài Gòn. Trong các khu phố sang trọng và khu trung tâm dân cư của nội thành, cơ sở còn nhỏ yếu nếu không nói là cực nhỏ, nhưng ở ngoại ô, nhất là Hóc Môn thì lại rất mạnh. Một mạng lưới 60 cơ sở đảng và ba trăm dân quân vũ trang đã tiến hành xây dựng cơ sở ngầm trong thành phố. Bốn tiểu đoàn và nhiều đội biệt động đã bám chắc vào dân chúng ở vùng ven đô. Nhờ có họ, các đơn vị đặc công mới có thể đột nhập không mấy khó khăn đến gần các điểm xung yếu dẫn vào nội thành và cho phép đánh tỏa ra như bông sen nở.

Ngược lại với Buôn Ma Thuột, nơi vùng ngoại vi chỉ do lực lượng địa phương ít ngoan cố hơn của địch phòng giữ, vùng ven Sài Gòn lại là điểm mạnh trong thế bố trí lực lượng phòng thủ của địch bảo vệ trung tâm thực tế là rỗng. Những đơn vị sừng sỏ nhất đều được bố trí trên các đường vành đai cách xa trung tâm từ 30 đến 50 kilômét. Hơn nữa, tất cả đều đang triển khai và trong hoàn cảnh này không còn yếu tố bất ngờ nữa. Nếu chỉ dùng một mũi thọc sâu, làm sao cản được lực lượng địch từ vành đai rút về trung tâm và giao chiến ngay trên đường phố?

Con đường trường chinh vạn dặm của Việt Nam sẽ kết thúc bằng một chiến dịch kiểu Pétrograd mà có lẽ Lênin lẫn Trotski cũng không chối bỏ. Phải tránh các cuộc giao chiến đường phố để giảm thiểu máu chảy, tránh thiệt hại cho nhân dân thành phố mà phần lớn là nạn nhân của chế độ do Mỹ lập nên và chịu ảnh hưởng nặng nề của Mỹ, đó là những phương châm chỉ đạo chiến dịch, tướng Dũng viết: "Chúng tôi muốn mở một lối thoát cho đông đảo binh sĩ và không muốn phải đổ nhiều máu".

Bằng cách cô lập các vị trí và chọc thủng phòng tuyến đã bị rò nhiều chỗ của địch, các cánh quân sẽ chia nhau đồng thời tiến công vào năm mục tiêu then chốt: Bộ tổng tham mưu, Dinh Độc lập, Biệt khu thủ đô, Tổng nha cảnh sát và sân bay Tân Sơn Nhất.

Sau khi Phan Rang thất thủ, Xuân Lộc trở thành vị trí trọng yếu trong hệ thống phòng thủ Sài Gòn, cánh cửa thép che chở con đường đi vào Sài Gòn.

Từ ngày 9 tháng 4, quân đoàn 4 (gồm sư đoàn 7, sư đoàn 341 và sư đoàn 6) được bộ đội quân khu 7 trợ lực đã tiến công làm nhiều đợt nhưng vẫn chưa dứt điểm được. Địch kháng cự rất quyết liệt. Nguyễn Văn Thiệu chơi con bài cuối cùng đã đưa sư đoàn 18 phòng giữ Xuân Lộc và được tăng cường bằng lữ đoàn dù số 1 cùng tất cả các đơn vị sẵn có. Lực lượng không quân còn lại tại Biên Hòa và Tân Sơn Nhất sẽ yểm trợ tối đa để phòng thủ Xuân Lộc. Sau nhiều đợt tấn công, quân cách mạng tiến vào trung tâm thị xã thì vấp phải sức kháng cự của tướng Lê Minh Đảo. Lực lượng tiến công phải thêm cơ số đạn pháo để mong dứt điểm. Thấy cuộc tiến công Xuân Lộc không thành công, Bộ chỉ huy chiến dịch đã cử tướng Trần Văn Trà đến xem xét tình hình và quyết định thay đổi hướng tiến công. Tướng Dũng viết: "Khi địch đã dồn quân vào để cố cứu thị xã Xuân Lộc thì ta không cần tập trung lực lượng tiếp tục đánh thẳng vào đấy nữa, mà chuyển lực lượng đánh các đơn vị địch đến phản kích đứng chân chưa vững ở vòng ngoài đang thiếu công sự, và thiếu sự hiệp đồng chặt chẽ với nhau". Một mũi tiến công hướng về quốc lộ 1 cắt đứt con đường nối Sài Gòn với Xuân Lộc. Sau khi giải phóng Phan Thiết, ngày 19, các bộ phận đi đầu của cánh quân phía đông hôm sau đã đến cửa ngõ thị xã Xuân Lộc. Đêm sau nữa, toàn bộ lực lượng phòng thủ Xuân Lộc phải rút chạy theo đường số 2 về Bà Rịa để ra bờ biển. Dọc đường bị chặn đánh, chúng phải bỏ lại nhiều quân trang, quân dụng chạy thoát thân. Cánh cửa phía đông Sài Gòn đã mở, quân đoàn 1 và quân đoàn 2 tiếp tục tiến quân theo đường ven biển, theo sau có sư đoàn 3 của Liên khu V và lữ đoàn 52 từ Quy Nhơn hành quân bằng xe buýt nhãn hiệu Pullman mới thu được.

Phnompenh thất thủ ngày 17 đã không thuyết phục được Quốc hội Mỹ thông qua khoản viện trợ bổ sung 722 triệu đôla mà Nguyễn Văn Thiệu kêu gào ỏm tỏi. Từ ngày 20, sứ quán quá dư thừa nhân viên (2.000 người) của Mỹ tại Sài Gòn bắt đầu đốt hết giấy tờ, trong khi hai tàu chở trực thăng của Hạm đội 7 là Okinawa và Hancock và tàu sân bay Midway đã đến cửa sông Sài Gòn, hội quân với tàu sân bay Enterprise và Coral Sea đã đậu sẵn ở đây để yểm trợ một kế hoạch vận chuyển khổng lồ bằng máy bay lên thẳng để giải vây cho những người Mỹ "thầm lặng" bị kẹt trong thành phố. Những con chim ưng khổng lồ có tiếng động cơ đinh tai nhức óc liên tục bay đến, bay đi để bốc bằng hết những người Mỹ đang đứng chờ trên 13 nóc nhà được Mỹ chọn làm sân đỗ máy bay.

Bị Washington bỏ rơi, vấp phải những lời chỉ trích ngày càng gay gắt của những người thân cận, Nguyễn Văn Thiệu phải náu mình suốt ngày 20 trong căn hầm cá nhân dưới tầng hầm trong Dinh Tổng thống để hôm sau, ngày 21 tháng 4 chuyển giao quyền hành cho ông bạn già Trần Văn Hương, ông này chủ trương tiếp tục chính sách như cũ trong khi chờ đợi một điều thần diệu. Một số người cực đoan cố lên dây cót tinh thần ngày càng sa sút bằng cách khoe khoang hiệu lực của loại bom CBS, theo họ chỉ

riêng một quả có thể xóa sổ một sư đoàn đối phương. Một số người khác chủ trương rút về đồng bằng sông Cửu Long để cố thủ chung quanh Cần Thơ và sân bay thành phố. Nhưng không ai còn tin nữa. Tất cả những cuộc đấu đá gay gắt giữa các phe phái ganh đua nhau, mắng vào mặt nhau để quy trách nhiệm về những thất bại vừa qua. Việc các tướng lĩnh và sĩ quan cao cấp bỏ nhiệm sở về nhà chuẩn bị hành lý để ra Hạm đội 7 đã kết thúc quá trình sụp đổ của những nhà cầm quyền Sài Gòn. Tại Phan Thiết, những người lính bị bỏ rơi đã bới tung mồ mả của gia đình Nguyễn Văn Thiệu biểu thị thái độ phẫn nộ điên cuồng, bất lực. Còn mất năm ngày thảo luận dài dòng để làm sáng tỏ vấn đề với nhau, Trần Văn Hương cuối cùng mới chịu rút lui khỏi chính trường để giao quyền cho Dương Văn Minh. Lại thêm hai ngày nữa thảo luận vô bổ trong hai viện quốc hội để vị Tổng thống mới nhậm chức vào ngày 28.

Trong khi đó, sau khi nhận được điện của Lê Duẩn cho phép chuyển sang tiến công ngay không để chậm, Văn Tiến Dũng và Phạm Hùng thông qua kế hoạch chiến dịch cuối cùng giải phóng Sài Gòn, mang tên chiến dịch Hồ Chí Minh. Bắt đầu từ ngày 28 tháng 4, năm cánh quân như năm gọng kìm đều nhất loạt đánh vào trung tâm thành phố với sự giúp đỡ của các đơn vị đặc công-biệt động đã có mặt trong thành phố. Có hai cánh phải chật vật mới qua được vòng ngoài. Cánh quân phía tây bắc phải vượt qua hai con sông rộng là sông Bé và sông Vàm Cỏ rồi tiến quân qua một vùng đầm lầy để cắt quốc lộ 4 nối liền Sài Gòn với đồng bằng sông Cửu Long. Cánh quân phía đông diệt căn cứ Nước Trong để đặt pháo tầm xa 130 ly tại Nhơn Trạch, từ đây bắn vào sân bay Tân Sơn Nhất. Ở phía tây, một bộ phận sẽ phải cô lập sư đoàn 25, không cho co cụm về Sài Gòn bằng cách chặn quanh Tây Ninh. Mũi nhọn chính sẽ từ phía bắc và tây bắc qua ngả Biên Hòa và Thủ Dầu Một.

Cuộc bao vây thành phố bắt đầu trong ngày 27 tháng 4. Ở phía đông, quân đoàn 2 vượt qua các đồn điền cao su đánh chiếm trường huấn luyện thiết giáp và một phần căn cứ Nước Trong. Tại đây quân đoàn 2 vấp phải sự kháng cự khá quyết liệt của lính đóng giữ Nước Trong và học sinh Trường sĩ quan Thủ Đức. Ở phía bắc, quân đoàn 3, sau khi đánh chiếm Trảng Bom vấp phải các tuyến hào chống tăng - lần đầu tiên được sử dụng trong chiến tranh Đông Dương - quanh Biên Hòa. Nhưng bọn chỉ huy căn cứ không quân Biên Hòa không chịu nổi các đợt pháo kích của quân giải phóng đã phải rút chạy bằng máy bay còn nán lại đến phút chót. Một mũi của cánh quân này đến cách Thủ Đức 7 kilômét. Về phía nam, việc khóa chặt quốc lộ 4 đã cắt đứt mọi liên lạc từ Sài Gòn về đồng bằng sông Cửu Long.

Bộ đội "đặc công" được lệnh đẩy mạnh hoạt động trong vùng sau lưng địch, đã đánh chiếm nhiều cầu đi vào thành phố, đặc biệt là cầu xa lộ. Họ đã kiểm soát một phần đường vành đai và mở đột phá khẩu chọc thẳng vào sân bay Tân Sơn Nhất. Cơ bản nhiệm vụ đều được hoàn thành trừ phía nam, nơi việc đưa cơ giới nặng bị chậm trễ so với thời gian qui định, và nhất là ở phía đông, nơi quân đội Sài Gòn ở Nước Trong và Hố Nai kháng cự khá quyết liệt ngăn cản việc đưa pháo tầm xa vào trận địa. Đường liên lạc giữa Tây Ninh và Sài Gòn vẫn chưa hoàn toàn bị cắt đứt, phần lớn các căn cứ địch đều bị bao vây hoặc bị tiêu diệt.

Ngày 28, căn cứ Nước Trong thất thủ, pháo tầm xa bắt đầu nã đạn vào đường băng Tân Sơn Nhất. Vũng Tàu (Cap Saint- Jacques) án ngữ cửa sông, đã được giải phóng một phần. Cũng trong ngày, bộ đội hải quân đã giải phóng quần đảo Trường Sa.

Nhiều cuộc giao tranh ác liệt diễn ra tại Biên Hòa, mặc dù ban chỉ huy căn cứ đã tan rã và bỏ chạy tán loạn. Trong đồn điền cao su Dầu Giây, một binh đoàn của quân đoàn 3 đã xuất phát tiến về trung tâm Sài Gòn, lúc 15 giờ.

Bộ đội "đặc công" đã mở đường bằng cách đánh chiếm hai cầu trong đêm 28 rạng ngày 29, binh đoàn thọc sâu của quân đoàn 3 bộ binh nhanh chóng vượt Hóc Môn, trên đường đi đã tiếp nhận sự đầu hàng của trại huấn luyện Quang Trung và tiến đến Bà Quẹo, cửa ngõ thành phố. Phía tây nam, binh đoàn cơ giới hạng nặng đã chiếm cứ các vị trí được giao. Quân đoàn 1 và quân đoàn 2 đều đã tiến đến Lái Thiêu và cầu xa lộ trên sông Đồng Nai. Tất cả các đơn vị cơ giới đi đầu đã đến cách trung tâm Sài Gòn từ 10 đến 20 kilômét, tại đây chỉ còn hai tiểu đoàn dù của ngụy còn nguyên vẹn. Tổng tham mưu trưởng Cao Văn Viên đã cùng đại bộ phận Bộ chỉ huy quân đội Sài Gòn cao chạy xa bay ra ngoài khơi trên tàu chiến Mỹ sau khi đã tuyên bố "cương quyết tử thủ". Đây đó, ở vùng ngoại vi, một vài đơn vị hoàn toàn bị cô lập như những hòn đảo còn tìm cách kháng cự lẻ tẻ.

Ngày 28 tháng 4 vào lúc 13 giờ 40 phút, đường băng Tân Sơn Nhất bị ném bom bởi một phi đội gồm 7 máy bay Mỹ A.37 do một phi công của không quân Sài Gòn là Nguyễn Thành Trung dẫn đường, người đã ném bom Dinh Tổng thống đầu tháng, rồi hạ cánh trong vùng giải phóng. Tại đây, anh đã huấn luyện các phi công Mig. Văn Tiến Dũng viết: "Một trận phối hợp tuyệt đẹp, một trận đánh hiệp đồng quân chủng, binh chủng đầy đủ nhất từ trước đến nay của quân đội ta". Đối với ông, cuộc ném bom hôm ấy chỉ có giá trị tượng trưng.

Trong giới chính trị Sài Gòn, người ta tự hỏi: Phải chăng đó là Việt Cộng? Hay là thêm một cuộc đảo chính nữa, hay một hành động chạy sang hàng ngũ đối phương? Trận ném bom đã gây hoang mang đến đỉnh điểm. Cũng trong ngày hôm đó, Trần Văn Hương cuối cùng đã thoái thác nhiệm vụ và đề nghị giao quyền cho Dương Văn Minh. Chế độ chỉ còn một hy vọng duy nhất: vớt vát được những gì còn lại đồng thời chấp nhận ngừng bắn.

Trong không khí đảo lộn long trời lở đất đó, ba đại biểu của chính quyền mới đến thăm dò đoàn đại biểu quân sự của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Ủy ban liên hợp đình chiến. Ủy ban đã đào hào chiến đấu ở ngay trong trụ sở tại sân bay Tân Sơn Nhất nơi người ta đã cô lập họ từ khi đến đây, sau khi ký Hiệp định Paris tháng 1 năm 1973. Được chủ nhà giữ lại để bảo đảm an toàn, các đại biểu của Dinh Tổng thống đã chấp nhận ngủ qua đêm tại đây. Sau đó, họ gặp bốn phái viên nữa đến sau nhưng đã bị kẹt lại tại căn cứ vì những đợt pháo kích. Những lời đề nghị ngoại giao của đại sứ Hoa Kỳ, Graham Martin, ngược lại bị cự tuyệt hoàn toàn. Từ ba năm nay, trong cái góc khuất của căn cứ không quân bị vây kín chung quanh, các đại biểu quân sự miền Bắc chưa bao giờ được xin xỏ và tán tỉnh ngọt ngào đến thế. Nếu đưa ra sớm hơn, những đề nghị đó có thể có hồi âm. Nhưng vào lúc này? Về mặt quân sự, từ tháng 4, các ngón đòn đã làm hết cả rồi, bây giờ không còn gì có thể đi xa hơn được nữa. Những người cách mạng thấy trước mặt họ, đối phương trước đây không chịu chìa tay ra với họ, nay còn gì để đưa ra nữa, nếu không phải là để tước đi của họ một chiến thắng mà họ đã có trong tầm tay sau khi đã phải tốn bao nhiêu xương máu. Từ đêm 26, đài phát thanh của Chính phủ Cách mạng lâm thời đòi phải giải tán toàn bộ chính quyền Sài Gòn, phá hủy bộ máy chiến tranh xem như một điều kiện ngừng bắn, nói một cách khác là các lực lượng đối phương phải đầu hàng hoàn toàn.

Từ đêm 29, các xe bọc thép và cơ giới của cách mạng tiến vào thành phố như vũ bão, đập tan các ổ đề kháng cuối cùng của quân đội Sài Gòn. Vào lúc 9 giờ 25 phút, trời bỗng đổ mưa phùn, các vị bộ trưởng tập hợp tại Dinh Tổng thống được tin những đơn vị quân đội cuối cùng của họ đã tan rã. Ngay lập tức, họ đưa ra lời kêu gọi các chiến sĩ của hai phe ngừng bắn, nhưng lời kêu gọi này được truyền đi chậm vì tướng Vanuxem đã tự ý đến không đúng lúc và đề nghị một kế hoạch cứu vãn thần diệu. Chỉ ít phút sau, vào buổi trưa, lực lượng cách mạng đã tiến vào Dinh Tổng thống làm chủ tất cả các điểm

then chốt trong dinh. Khước từ việc bàn giao chính quyền, mà theo họ, không còn ý nghĩa gì, lực lượng cách mạng ra lệnh cho tướng Dương Văn Minh đi theo họ. Mấy ngày sau, tướng Minh được trả tự do.

Trong toàn bộ vùng Sài Gòn, nơi vừa diễn ra màn "thoát y" quân sự lớn nhất thời đại: mặt đường đầy rẫy các thứ từ quần áo, giày cao cổ, đồ dùng được tháo ra vội vã (quân phục, phù hiệu và vũ khí các cỡ...). Trên đường phố Sài Gòn - vừa được đổi tên thành Thành phố Hồ Chí Minh - dần dần lại náo nhiệt trở lại. Sau những ngày cướp bóc theo kiểu luật rừng, một bầu không khí thoải mái hồ hởi bao trùm khắp thành phố làm mọi người ngạc nhiên.

Mấy hôm sau, Lê Duẩn và Võ Nguyên Giáp cùng nhau chỉ đạo toàn bộ chiến dịch từ Hà Nội, đã đáp máy bay hạ cánh xuống Thành phố Hồ Chí Minh.

Cuộc chiến tranh dài nhất thế kỷ và cũng là cuộc chiến bại đầu tiên của nước Mỹ vừa kết thúc. Một trang sử đẫm máu đã được lật sang trang khác. Nhưng những hậu quả của cuộc xung đột, do thiếu thiện chí và sự ngoan cố mù quáng của phương Tây gây ra từ đầu đến cuối, sẽ rất lâu mới có thể khắc phục được.

Từ vài năm nay, tướng Giáp cũng đã quan tâm đến những vấn đề khác. Những vấn đề quân sự không còn là mối quan tâm hàng đầu trong hoạt động của ông. Được giao phụ trách công tác nghiên cứu khoa học và kỹ thuật, hiện nay ông đóng vai trò hàng đầu trong lĩnh vực được coi như mấu chốt của ba cuộc các mạng mà Đảng đang tiến hành đồng thời trên lĩnh vực quan hệ sản xuất, khoa học và kỹ thuật, tư tưởng và văn hóa. Người sáng lập quân đội nhân dân đã bàn đến những vấn đề mới này tại Đại hội IV Đảng Cộng sản Việt Nam, họp tháng 12 năm 1976. Một cuộc cách mạng rộng lớn đã được thực hiện trong quân đội, tại đây đã xuất hiện những kỹ thuật hiện đại (điện tử, tự động hóa, điều khiển từ xa, cơ khí chính xác) song song với việc phát triển sáng tạo một chiến lược quân sự độc đáo trong một thời gian tương đối ngắn... Cuộc chiến cho nền độc lập và thống nhất về mặt chính trị đã thắng lợi, ngày hôm nay tướng Giáp lại đi tiếp đến một thách thức mới: trong khoảng hai chục năm, nước Việt Nam phải khắc phục tình trạng lạc hậu hai trăm năm trong lĩnh vực kinh tế và kỹ thuật...

Điện Biên Phủ

Không nghi ngờ gì nữa, người Việt Nam là những nhà phát minh ra cái mà người ta gọi là... nếu hai từ này có thể hòa hợp với nhau là "công sự sinh thái" (fortification écologique), nói một cách khác là những công trình phòng thủ kiên cố hoàn toàn phù hợp với môi trường xung quanh đến mức nó có thể trở nên vô hình và không thể xác định được vị trí ở đâu để tiến công.

Năm 1886 quân đội viễn chinh Pháp đã vấp phải một tòa thành kiên cố được xây dựng trên đất ba làng gọi là Ba Đình[1]. Du kích quân đã bạt một con đê để xây dựng chiến lũy toàn bằng ba hàng giậu tre ken dày không thể xâm nhập được, từ xa nhìn vào như một đảo nhỏ. Bên ngoài là những thửa ruộng bẫy chông, bên trong lũy tre là các dãy hầm hào được nghiên cứu một cách đáng khâm phục, tuyệt đối vô hình đến mức suốt hai tháng đã khiến một đạo quân trên 2.000 người do một sĩ quan, về sau là Thống chế Joffre, đánh trận mở đầu cuộc đời binh nghiệp của mình. Sau này Gallen cũng phải ngạc nhiên trước những công sự phòng thủ của chỉ huy du kích Hoàng Hoa Thám, tức Đề Thám, vì ông đã dựng nên những đồn lũy kiên cố được rừng cây che phủ kín. Người ta chỉ phát hiện được những đồn lũy này khi những tiếng súng nổ vang của những người giữ đồn ở bên trong bắn ra.

[1] Là căn cứ của nghĩa quân Đinh Công Tráng cách huyện lỵ Nga Sơn tỉnh Thanh Hóa 4 kilômét dựng trên đất ba làng Thượng Thọ, Mậu Thịnh và Mỹ Khê (ND).

Có lẽ người ta phải biết Điện Biên Phủ chính là tinh thần truyền thống xa xưa mà từ năm 1947 đã trỗi dậy qua cuộc chiến ở đồng bằng Bắc Bộ với các làng phòng thủ. Bởi lẽ ở mặt trận Điện Biên Phủ có hai loại hình tập đoàn cứ điểm giao tranh nhau. Một mặt, đó là các cứ điểm của người Pháp bị bao vây đã thay đổi toàn bộ mặt ruộng những ngọn đồi xung quanh lòng chảo Mường Thanh bằng những đụn đất màu nâu vàng. Phía bên kia là Việt Minh nấp kín trong rừng rậm từ ngày 1 tháng Giêng năm 1954 bao vây đối thủ bằng một hệ thống hầm hào kiên cố và hiệu lực cao.

Sau này đại tá Langlais trong bộ chỉ huy tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đã viết: "Những vị trí của họ được ngụy trang một cách đáng khâm phục trong các cánh rừng bao quanh Điện Biên Phủ. Kẻ địch bao giờ cũng chủ động nổ súng gần như liên tục phát ra từ những công sự vô hình, không thể nào phát hiện vì không có một dấu hiệu chứng tỏ đối phương đào rãnh làm công sự. Những viên đạn cùng với lựu đạn được ném ra thấp sát mặt đất".

Người ta không thể nắm được ý nghĩa của trận chiến Điện Biên Phủ nếu không đặt nó trong bối cảnh chung của năm 1953. Vào tháng Giêng, Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam [đúng ra là Đảng Lao động Việt Nam - ND] đã đề ra những chủ trương quan trọng về chính trị và quân sự. Luật cải cách ruộng đất đã được Quốc hội Việt Nam thông qua, nhờ đó đã động viên sức người sức của cho kháng chiến của đông đảo quần chúng nông dân, lực lượng chủ bài có tính quyết định trong vai trò hậu cần cho các chiến dịch. "Tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu của địch". Đó là khẩu hiệu do Hồ Chí Minh đưa ra. Khóa họp của Ban chấp hành Trung ương đã thông qua phương hướng chiến lược này và còn quyết định đẩy mạnh công tác tham mưu, hậu cần và pháo binh. Muốn tạo thuận lợi cho việc giải phóng hoàn toàn miền Bắc, quân đội nhân dân Việt Nam ở miền núi cũng như ở đồng bằng phải sẵn sàng đánh các tập đoàn cứ điểm ngày càng mạnh của địch. Hai khóa huấn luyện chính trị và quân sự được tổ

chức tại khắp các đơn vị để tăng cường khả năng tiến hành trận địa chiến... và vận động chiến và có thể chuyển sang đánh cả ban ngày và ban đêm chống lại một kẻ địch cố thủ trong công sự kiên cố được không quân và pháo binh yểm hộ. Từng đoàn sơn pháo dã chiến 75 mm được tổ chức lại, một binh đoàn pháo 105 đã qua một khóa huấn luyện và một tiểu đoàn cao xạ 37 mm đầu tiên được hình thành. Binh chủng thông tin liên lạc được tăng cường. Văn Tiến Dũng được bổ nhiệm Tổng tham mưu trưởng và Hoàng Văn Thái làm Phó Tổng tham mưu trưởng.

Chương trình đang được tiến hành thì kế hoạch Navarre được thông qua vào tháng 7 năm 1953 với mục tiêu là giành lại quyền chủ động bằng cách củng cố các binh đoàn cơ động ở đồng bằng sông Hồng. Tháng 9 năm 1953, Võ Nguyên Giáp và Bộ Chính trị đứng trước hai sự lựa chọn[2], tập trung khối chủ lực ở đồng bằng trong một hành động tương đối phân tán, hoặc ngược lại, cho rằng chiến trường đồng bằng đặc biệt thuận lợi cho quân viễn chinh Pháp tiến quân lên Tây Bắc và Lào, như vậy tạo thuận lợi cho việc giải phóng đồng bằng Bắc Bộ. Trong sự lựa chọn thứ hai này, Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam đã quyết định mở ba hướng tiến công: 1) tiến về Phong Sa Lỳ và Lào, 2) tiến xuống Trung và Hạ Lào sát biên giới Campuchia, uy hiếp hậu phương vùng Sài Gòn và mở ra một mũi tiến công chiến lược từ Bắc xuống Nam Đông Dương, 3) đẩy mạnh chiến tranh du kích trên mặt trận sau lưng địch bằng cách phát triển công dụng tối đa các loại súng không giật SKZ. Trong trường hợp Pháp liều lĩnh tiến công lên Việt Bắc hoặc các vùng tự do Liên khu V, sẽ sử dụng binh lực thích hợp tiến vào vùng để phối hợp với quân dân địa phương tiêu diệt địch nhưng không vì thế mà đi chệch mục tiêu tiến công.

[2] Đúng ra là đầu tháng 10/1953 họp tại Tỉn Keo (xem Võ Nguyên Giáp, Điện Biên Phủ, điểm hẹn lịch sử. Nxb. Quân đội nhân dân, 2000, tr. 26).

Trong lúc cuộc hành binh Mouette (Hải âu) vào Thanh Hóa bị bộ đội địa phương[3] đánh bại thì đại đoàn 316 từ tháng 10 năm 1953 tiếp tục tiến lên Lai Châu theo hướng Tây Bắc và một số đơn vị đại đoàn 325 và đại đoàn 304 chuẩn bị lên đường theo hướng Trung và Hạ Lào, nhằm vào các mục tiêu Luang Prabang, Thakket và Savanakhet. Phát hiện thấy những dấu hiệu của mũi tiến công này, Bộ chỉ huy Pháp quyết định giành lại việc kiểm soát vùng lòng chảo Điện Biên Phủ. Thực ra, hành động này không nằm trong kế hoạch Navarre nhưng cuối cùng Điện Biên Phủ lại trở thành điểm quyết chiến chiến lược giữa Việt Nam và Pháp. Ngày 20 và 21 tháng 11, 5.000 quân dù Pháp được ném xuống Mường Thanh do tướng Gilles và các trung tá Bigeard, Langlais và Bréchignac chỉ huy. Họ không mất nhiều công sức lắm để chiếm được Điện Biên Phủ trong lúc tại đây có một đơn vị của Trung đoàn 48 đang luyện tập[4].

[3] Đúng ra là có một bộ phận của Đại đoàn 304 và 320 đang ém quân tại vùng Nho Quan phối hợp với bộ đội địa phương. Xem thêm Võ Nguyên Giáp, Điện Biên Phủ, điểm hẹn lịch sử, sđd.

[4] Xem thêm Võ Nguyên Giáp, Điện Biên Phủ, điểm hẹn lịch sử, sđd, tr.41.

Cuộc hành binh không có trong dự kiến mang lại cho Giáp cơ hội đang mong đợi: giam chân Pháp tại Điện Biên Phủ để tiêu diệt, đồng thời vẫn theo đuổi các mục tiêu đã đề ra. Chính Bộ chỉ huy Pháp lại tạo thuận lợi cho phía Việt Nam thực hiện ý đồ này: ngày 3 tháng 12 năm 1953 chấp nhận cuộc chiến bằng cách biến Điện Biên Phủ thành một căn cứ lục quân và phải giữ bằng mọi giá.

Ba ngày sau khi Pháp nhảy dù xuống Điện Biên Phủ, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định

tung vào mặt trận này 9 trung đoàn bộ binh, toàn bộ lực lượng pháo binh, công binh và pháo cao xạ, tổng cộng 35.000 người và dự định sẽ đánh tiêu diệt trong khoảng 45 ngày. Đại đoàn 316 được lệnh hành quân gấp lên Lai Châu trong lúc đại đoàn 308 cũng từ Thái Nguyên tiến lên Tây Bắc tiếp sức cho đại đoàn 316, sau đó cùng đại đoàn 312 và đại đoàn công pháo 351 tiến lên Điện Biên Phủ. Trong lúc chưa nắm được ý đồ của Bộ chỉ huy Pháp, đại đoàn 316 được lệnh tiến về Lai Châu, Phong Sa Lỳ, Luang Prabang theo kế hoạch cũ, đồng thời theo dõi sát động thái của địch để nghiên cứu khả năng bao vây tiêu diệt địch ở Điện Biên Phủ vốn được mệnh danh là "con nhím" thay thế vai trò của căn cứ Nà Sản rút từ tháng 8 năm 1953.

Khi tiến đánh Lai Châu ngày 10 tháng 12 dưới sự chỉ huy của Lê Quảng Ba và Chu Huy Mân, đại đoàn 316 đóng vai trò tiên phong. Tại Lai Châu, các đơn vị chủ chốt cùng Bộ chỉ huy địch đã chạy thoát bằng máy bay. Mọi lực lượng người Việt ở Lai Châu theo đường bộ rút về Điện Biên Phủ đã bị tiêu diệt tại Mường Pồn ngày 12 tháng 12 năm 1953. Các đơn vị Pháp được tiếp tục chở bằng máy bay lên tăng cường cho Điện Biên Phủ theo lý thuyết phải ngăn chặn Việt Minh, bảo vệ kinh đô Lào và tăng cường cho các lực lượng "biệt kích" của đại tá Tringuier đang gặp khó khăn.

Việc bổ nhiệm một lính kỵ binh, đại tá De Castries, làm chỉ huy căn cứ bộ binh - không quân, vào ngày 7 tháng 12 năm 1953, minh chứng cho ý định ban đầu này. De Castries đưa theo đại tá Langlais, người cũng muốn tiến hành cuộc hành quân nhưng nhanh chóng nhận ra đó chỉ là ảo tưởng. Từ ngày 14 tháng 12, hai tiểu đoàn dù của Pháp bị tiêu diệt cách sở chỉ huy 15 kilômét càng cho thấy tính đúng đắn và những khích lệ ngày càng mạnh đối với các vùng xung quanh lòng chảo. Đại tá Langlais cho rằng "từ ngày 1 tháng 1, mọi sự rút lui về cứ điểm Điện Biên Phủ bằng đường bộ đều không thể thực hiện được". Vậy là tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ "không thể công phá" được thành lập để đè bẹp quân đoàn tác chiến của Giáp. Trong khi quân đồn trú đang tự chôn mình thì các quan chức Pháp và Mỹ lần lượt đến viếng thăm và thể hiện thái độ lạc quan. Họ chờ đợi một trận tấn công để "tiêu diệt" Việt Minh. Điện Biên Phủ sẽ là Verdun trong chiến tranh Đông Dương[5].

[5] Verdun là nơi xảy ra trận quyết chiến chiến lược giữa Pháp và Đức trong Chiến tranh Thế giới I (ND).

Nhưng lúc này tướng Giáp tỏ ra quan tâm đến các chiến trường khác hơn. Ngày 21 tháng 12, dưới sự chỉ huy của Hoàng Sâm (tư lệnh đại đoàn 304) và Trần Quý Hai (tư lệnh đại đoàn 325), bộ đội Việt Minh hợp sức với Pathet Lào ở Trung Lào mở rộng hoạt động ở Trung Lào và họ đã tiến sát đến bờ sông Mêkông. Ngày 25 tháng 12, Thaket được giải phóng và tiếp đó vùng ngoại vi Savanakhet. Bộ chỉ huy Pháp vội tăng cường cho căn cứ Séno tại Hạ Lào. Tiểu đoàn 436 của trung đoàn 101, đại đoàn 325 tiến gấp xuống phía nam len lỏi qua các đường mòn rất khó phát hiện trong rừng rậm.

LỰC LƯỢNG HAI

Lực lượng Pháp
(khoảng 16.000 người)

	Pháo binh (Chỉ huy: Đại tá Piroth, sau là Đại tá Vaillant)	4 đại pháo 155 ly; 6 đội pháo 105 ly (gồm 24 khẩu), 4 đại liên hạng nặng 12,7 ly 3 đại đội súng cối hạng nặng gồm 16 khẩu
	Không quân mặt trận	9 máy bay Bearcat, 2 phi đội trinh sát pháo binh đối phương
	Xe bọc thép (Chỉ huy: Đại úy Yves Hervouet)	2 tiểu đội xe tăng gồm 10 xe
	Anne-Marie (Bản Kéo) (Chỉ huy: Thiếu tá Léopold Thimonnier)	1 tiểu đoàn Thái
	Béatrice (Him Lam) (Chỉ huy: Trung tá Gaucher)	Tiểu đoàn 3, bán lữ đoàn lê dương số 13 (1/13 D.B.L.E)
Binh đoàn tác chiến Tây Bắc (Le Groupement Opérationnel du Nord-Ouest - G.O.N.O) Chỉ huy trưởng: Đại tá **Christian de Castries** Chỉ huy phó: Đại tá **Langlais** (Phân khu phòng thủ trung tâm) Thiếu tá: **Bigeard** (Lực lượng ứng chiến)	Claudine (Dự bị: Trung tá Vadot)	Tiểu đoàn 3, bán lữ đoàn lê dương số 13 (1/13 D.B.L.E)
	Dominique	Tiểu đoàn 3 trung đoàn Algerie số 3 (3/3 R.T.A), sau này được tăng cường thêm Tiểu đoàn dù ngụy số 5 (5e PB.V.N) do thiếu tá Botella chỉ huy và tiểu đoàn dù xung kích số 8 (8e B.PC) do thiếu tá Tourret chỉ huy.
	Eliance	Tiểu đoàn 1 trung đoàn Maroc số 4 (1/4 R.T.M); 1 tiểu đoàn Thái; 2 tiểu đoàn dù lê dương số 1 (1er B.E.P), sau đó được tăng cường tiểu đoàn dù thuộc địa số 6 (6er B.PC) do Bigeard chỉ huy (sau Thomas thay thế), tiểu đoàn dù ngụy số 5 (5e B.P.V.N) do Botella chỉ huy, và tiểu đoàn 2 trung đoàn dù tiềm kích số 1 (2/1 R.C.P) do Brechignac chỉ huy.
	Gabrielle (Độc Lập) (Chỉ huy: Thiếu tá Roland de Mecquenem)	Tiểu đoàn 5 trung đoàn Algerie số 7 (5/7 R.T.A)
	Huguette: (Chỉ huy: Thiếu tá Clemncon)	Tiểu đoàn 1 trung đoàn lê dương số 2 (1/2 R.E.I)
	Isabelle (Hồng Cúm) (Chỉ huy: Trung tá Lalande)	Tiểu đoàn 3 trung đoàn lê dương số 3 (3/3 R.E.I), tiểu đoàn 2 trung đoàn Algerie số 1 (2/1 R.T.A), 2 đội pháo 105 ly
	Lực lượng dự bị ban đầu (Lực lượng ứng chiến)	2 tiểu đoàn dù (tiểu đoàn dù lê dương số 1 (1er B.E.F) và tiểu đoàn dù xung kích số 8 (8er B.PC)) do thiếu tá Guiraud và Tourret chỉ huy.
	Lực lượng tiếp viện sau ngày 13/3/1954	5 tiểu đoàn dù khoảng 700 lính (các đơn vị tình nguyện lần đầu nhảy dù), tổng quân số được tăng viện là 4.277 lính.

HẬU CẦN VÀ YỂM TRỢ BẰNG KHÔNG QUÂN
- 101 máy bay Dakotas, 25 máy bay vận tải Packet C119
- 12 máy bay vận tải Packet C119 trong phi đoàn CopBay (Civil Air Transport-Taiwan) của tướng Mỹ Claire Chennault.
- Máy bay Mỹ Globe Masters dùng để thả dù.

TỔN THẤT KỂ TỪ NGÀY 20 tháng 11 năm 1953
- Thiệt mạng và mất tích: 4.787 (kể cả 1.800 quân sĩ của lực lượng địa phương Lai Châu)
- Bị thương: 5.234
- Toàn bộ quân đồn trú tại Điện Biên Phủ bị bắt trừ 125 người trong đó có 16 người Âu
- 62 máy bay bị bắn rơi hoặc bị phá hủy trên mặt đất.

BÊN THAM CHIẾN

Lực lượng Việt Nam
(khoảng 50.000 người)

Bộ chỉ huy chiến dịch
Tư lệnh kiêm Bí thư Đảng ủy:
Đại tướng **Võ Nguyên Giáp**
Tham mưu trưởng:
Thiếu tướng **Hoàng Văn Thái**

- Đại đoàn 308 — Chỉ huy: Vương Thừa Vũ — 3 trung đoàn
- Đại đoàn 312 — Chỉ huy: Lê Trọng Tấn — 3 trung đoàn bộ binh, 1 trung đoàn pháo binh
- Đại đoàn 316 — Chỉ huy: Lê Quảng Ba — 3 trung đoàn
- Đại đoàn 304 — Chỉ huy: Hoàng Minh Thảo — 1 trung đoàn bộ binh và 1 trung đoàn pháo binh
- Trung đoàn độc lập 148 — 3 tiểu đoàn (trong đó có một tiểu đoàn thiếu), 1 đại đội thông tin liên lạc và 1 đại đội chiến đấu
- Đại đoàn công pháo 351 — Chỉ huy: Vũ Hiến — Trung đoàn pháo binh 237, Tiểu đoàn súng cối 83, Trung đoàn cao xạ 367, Trung đoàn công binh 151

QUÂN SỐ

	Ngoài mặt trận	*Tại hậu cứ*
Đại đoàn 304	4.500	2.500
Đại đoàn 308	12.000	
Đại đoàn 312	12.000	
Đại đoàn 316	9.000	
Đại đoàn 351	12.000	
2 tiểu đoàn công binh Thanh Hóa	1.500	
Tiểu đoàn pháo phòng không của Đại đoàn 304		500
2 đại đội 367		300
Tổng cộng	51.000	3.300

HẬU CẦN VÀ SỐ DÂN CÔNG PHỤC VỤ TẠI MẶT TRẬN

- 628 xe camion các loại
- 11.800 tàu thuyền các loại
- 20.000 xe đạp thồ
- 260.000 dân công mang vác và làm đường, sửa chữa đường sá, trong đó có 33.500 dân công phục vụ hỏa tuyến.

TỔN THẤT SAU NGÀY 13 THÁNG 3 NĂM 1954

- Thiệt mạng: 7.890
- Bị thương: 15.000

Sau khi hành quân vượt trên 300 kilômét trong rừng, lực lượng của tiểu đoàn 436 đã bất ngờ tiến công Attopeu. Một tháng sau đó, họ lại cho một mũi tiến xuống phía nam uy hiếp Xaravan và giải phóng toàn bộ cao nguyên Boloven. Đại đoàn 325 đã tiến vào lãnh thổ Campuchia và phối hợp với bộ đội Itxarắc bất ngờ hạ đồn Vuon Sai và Xiemphang uy hiếp Stungtreng và bắt liên lạc ngay với các căn cứ tại Kongpongcham.

Gần như cùng một lúc, 7 ngày sau khi Pháp mở cuộc hành binh Atlante nhằm vào Tuy Hòa thuộc Trung Bộ Việt Nam, các lực lượng Liên khu V đã dũng cảm tiến lên Tây Nguyên và họ đã chiếm Kontum vào ngày 5 tháng 2 năm 1954, uy hiếp Pleiku và An Khê. Đại đoàn 320 xâm nhập đồng bằng Bắc Bộ đã tiến công tiêu diệt hàng loạt đồn bốt và mở rộng các khu du kích. 14 tiểu đoàn có nhiệm vụ bảo vệ trục Hà Nội - Hải Phòng đã gặp khó khăn để đảm bảo cho các đoàn quân qua lại trên con đường huyết mạch này. Tháng 3 năm 1954, các đơn vị biệt động dũng cảm tiến công căn cứ không quân ở Gia Lâm

và Cát Bi ngoại ô Hà Nội và Hải Phòng.

Trong lúc Bộ chỉ huy Pháp dốc toàn bộ quân dự bị để tăng cường cho các căn cứ của mình ở Lào và miền Trung Việt Nam, thì tướng Giáp đang khép chặt vòng vây xung quanh Điện Biên Phủ. Tại đây toàn bộ lực lượng của ông đã được chuẩn bị để tiến công Điện Biên Phủ từ ngày 25 tháng 1 năm 1954. Bằng sự nỗ lực chưa từng có, một trục đường bộ dài 100 kilômét đã được mở trong vài tuần giữa Tuần Giáo và Điện Biên Phủ để đưa Pháo vào trận địa. Chung quanh tập đoàn cứ điểm, sau chín đêm kéo pháo vào trận địa theo 12 kilômét đường mòn xuyên qua rừng rậm đến tận đỉnh núi, các cỗ pháo đã sẵn sàng nhả đạn thì được lệnh kéo pháo xuống núi rút về vị trí an toàn. Tướng Giáp và Bộ Chính trị quyết định hoãn lệnh tiến công để chuyển sang phương châm "đánh chắc"[6] bằng một loạt trận tiến công từng bước, chậm hơn nhưng liên tục, chắc thắng hơn một cuộc tiến công nhanh và ồ ạt. Trong lúc lực lượng pháo binh mở năm tuyến mới để đặt pháo ở những vị trí khác, đại đoàn 308 được lệnh thọc sâu 200 kilômét qua những cánh rừng bạt ngàn dày đặc đến sát Luang Prabang, giải phóng Phong Sa Lỳ, rồi trở về Điện Biên Phủ, sau khi buộc Bộ chỉ huy Pháp phải tăng thêm lực lượng dự bị.

[6] Xem Võ Nguyên Giáp, Điện Biên Phủ, điểm hẹn lịch sử, Nxb. Quân đội nhân dân, 2000, tr. 111.

Tập đoàn cứ điểm lúc này có 10.871 quân và quân số bảo vệ cứ điểm sẽ được tăng thêm tới 16.000 người, chủ yếu bằng quân dù trong quá trình bị bao vây. Toàn bộ quân Pháp ở Điện Biên Phủ được phân chia trên 49 cứ điểm, hình thành 7 trung tâm đề kháng được đặt tên bằng những tên phụ nữ theo thứ tự từ A đến H. Bộ chỉ huy tập đoàn cứ điểm đặt ngay sát sân bay được coi như dây rốn tiếp tế cho toàn bộ lực lượng chiếm đóng Điện Biên Phủ. Hai trung tâm đề kháng biệt lập và một cứ điểm mỗi nơi có một tiểu đoàn bảo vệ. Đó là Gabrielle (Đồi Độc Lập), Béatrice (Him Lam) và Dominique 2 (D1) ở phía bắc và phía đông, kiểm soát đường mòn Pavie và con đường đi từ Tuần Giáo, Điện Biên tới đồng bằng. Đi sâu hơn nữa về phía nam 5 kilômét là căn cứ Isabelle (Hồng Cúm), một vị trí biệt lập có hai tiểu đoàn bảo vệ. Isabelle có nhiệm vụ bắn pháo tầm ngắn để ngăn chặn các cuộc tiến công của bộ đội Việt Minh. Lực lượng pháo binh đặt tại Issabelle gồm ba khẩu đội 105 và một sân bay dự phòng. Với 24 khẩu 105, 4 khẩu 155, 32 súng cối 120, 2 đại liên 4 nòng 12,7 ly đã thử lửa ở Triều Tiên, thêm 10 xe tăng Chaffee 18 tấn (trang bị một pháo 75 và 2 đại liên), tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ có sức mạnh hỏa lực đáng gờm mà các tướng Pháp đến thăm đều nhất trí cho rằng Việt Minh không thể đánh thắng được. Đó là không kể có một lực lượng không quân yểm trợ khiến Việt Minh hoàn toàn bị bất ngờ.

Tin rằng mình có thế và lực hơn hẳn đối phương, Bộ chỉ huy Pháp đã không làm gì để ngụy trang các vị trí của mình đang hiện rõ như ban ngày; không có một đường hào nào nối liền các điểm tựa với nhau và các hầm trú ẩn của quân Pháp không thể trụ vững với các cỡ đạn pháo 105 bởi lẽ không ai tin đối phương có hỏa lực mạnh đến thế. Phản pháo và không lực của Pháp sẽ tiêu diệt ngay lập tức các cỡ pháo của Việt Minh. Đối với hệ thống phòng ngự kiểu "con nhím" mạnh hơn nhiều so với Nà Sản trước đây, trong vòng vài tháng tướng Giáp đã đưa đến đây các đại đoàn 308, 312, 316 và 304 (tức 11 trung đoàn), đại đoàn công pháo 351 (bao gồm 24 khẩu 105, 20 khẩu sơn pháo 75, 16 súng cối cỡ 120 ly), một tiểu đoàn pháo cao xạ (12 pháo cao xạ 37 ly) và 2 tiểu đoàn trọng liên cao xạ 12,7 ly. Việc tiếp tế cho mặt trận do 628 xe vận tải chạy thâu đêm trên những con đường mòn dù thường xuyên bị máy bay Pháp oanh tạc nhưng không để địch phát hiện. Ngoài ra còn có 11.000 thuyền bè và hơn 20.000 xe đạp cung cấp gạo cho mặt trận, tổng cộng 27.400 tấn gạo đã được 260.000 dân công chuyên chở từ khắp nơi lên mặt trận Điện Biên Phủ. Trên những chiếc xe đạp, người ta đã tháo yên và thay

vào đó một khúc tre ngắn làm tay vịn, tay lái được nối dài bằng một khúc tre để điều khiển dễ dàng. Những chiếc xe đạp thồ này chở từ 160 đến 250 kilôgam gạo. Ở các quãng đường đèo, dốc thẳng đứng, cần phải có 6 người cùng đẩy chiếc xe thồ kỳ lạ không thể tin được này. Từ giữa tháng 4 năm 1954, một phần ba số dù chở hàng tiếp tế cho quân Pháp tại tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ rơi xuống trận địa của Việt Minh, trở thành nguồn tiếp tế tăng cường cho lực lượng của tướng Giáp, có thể nói là chưa từng có đối với hệ thống tiếp tế của Trần Đăng Ninh[7].

[7] Người phụ trách làm đường giao thông tiếp tế cho mặt trận (ND).

Điều cơ quan tình báo Pháp biết khá rõ và các mật báo cũng nói rõ từ lâu, nhưng vốn có tâm lý hoài nghi, tinh thần chểnh mảng, lại thêm tính chủ quan, coi thường, luôn cho mình hơn hẳn đối phương nên quân Pháp từ chối không tin vào những tin tình báo thu thập được và bỗng nhiên bị bất ngờ. Ngày 13 tháng 3, vào 17 giờ 30 phút, địa ngục bắt đầu mở cửa. Sau một loạt pháo khai hỏa rất mạnh, các hầm trú ẩn bị bật tung, trong đó có cả các chỉ huy sở cứ điểm, ngay cả các máy bay đang đậu trên đường băng cũng không thể cất cánh được và cả nhiều khẩu pháo cũng phải im lặng không kịp phản pháo, các đơn vị của đại đoàn 312 Việt Minh đã tấn công cứ điểm Béatrice (Him Lam) do một tiểu đoàn lê dương chiếm giữ chỉ cách Sở chỉ huy của De Castries có 2,5 kilômét. Vào 23 giờ 30 phút, Pháp mất Béatrice. Phản pháo tỏ ra hoàn toàn vô hiệu. Sáng sớm hôm sau đại tá Piroth, chỉ huy pháo binh Điện Biên Phủ, tự tử. Bằng những phương pháp linh hoạt, không giống ai, pháo thủ của tướng Giáp tỏ ra có sức mạnh vô song. Họ chẳng vận dụng bất cứ cách nào theo những quy tắc đã dạy và học trong những trường huấn luyện chuyên pháo binh. Ngay cả cách giấu pháo, cách bố trí hỏa lực và cả chiến thuật bắn pháo của họ cũng không giống với những bài giảng. Sau này trong Hồi ký, đại tá Langlais viết: "Các đạn pháo của Việt Minh được rải chính xác và hợp lý đến mức những binh sĩ Pháp ở cứ điểm nào cũng có cảm giác mình sẽ bị tiêu diệt đến nơi, tập trung vào một mục tiêu tấn công, quấy rối các sở chỉ huy ở các cứ điểm xung quanh, ngăn chặn các trục tiếp tế và thay quân của chúng ta, chặn đứng phản pháo". Mặc dù trời mưa đã làm chậm bước di chuyển, song pháo binh của tướng Giáp vẫn di chuyển ngay trong ngày hôm sau và đến 3 giờ 30 phút sáng ngày 15 tháng 3, trung tâm Gabrielle (Độc Lập) chỉ cách sở chỉ huy trung tâm 700 mét đã bị tấn công, dù có một tiểu đoàn lính Algerie nắm giữ. Gabrielle thất thủ ngay trong đêm.

Trong những ngày sau, lính Thái của cứ điểm Anne Marie (Bản Kéo) đào ngũ hàng loạt để trở về gia đình hoặc tiếp tục chiến đấu trong hàng ngũ Việt Minh. Trong khoảng thời gian từ ngày 13 đến 17 tháng 3, ba trung tâm đề kháng lớn đã bị xóa sổ trên bản đồ. Toàn bộ hệ thống phòng ngự phía bắc tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đều lọt vào tay Việt Minh và từ lúc này tướng Giáp bắt đầu cho quân đào hệ thống hầm hào như những vòi bạch tuộc tiến vào những vị trí trung tâm và cô lập Isabelle (Hồng Cúm). Những đường hào tiến từ trên núi cao bao quanh xuống chia cắt lòng chảo Mường Thanh, tạo nên những vùng song song đều đặn như những luống cày. Những hầm hào này tỏa ra rồi chụm lại, tạo nên vòng vây nghiệt ngã Sở chỉ huy trung tâm chẳng khác nào chiếc kìm thứ hai cơ động hơn ở thế tiến công đang bóp nghẹt chiếc thứ nhất. Đường hào "trục" như tướng Giáp sau này viết trong Hồi ký và vô vàn đường nhánh tiến dần xuống thung lũng, tách khu trung tâm khỏi khu nam (Isabelle). Lính Pháp ra sức chống trả nhưng vô ích. Họ bịt kín các đường hào ban ngày thì đêm bộ đội Việt Minh lại đào, và cứ thế trận địa chiến hào của bộ đội Việt Minh giống như cái dây thòng lọng mỗi ngày lại thít chặt vào cổ quân Pháp đồn trú ở Điện Biên Phủ. Cho tới ngày 27 tháng 3, một vài máy bay còn cố hạ cánh xuống đường băng mang theo đồ tiếp tế gồm thực phẩm, thuốc men, và không loại trừ cả đạn dược. Nhưng từ ngày này, nguồn tiếp tế đường không bị chặt đứt hoàn toàn. Một vài chiếc dù thả ở tầm thấp

đã rơi vào trận địa của Việt Minh.

Trong tập đoàn cứ điểm, người ta đã tính đến việc mở con đường rút chạy khỏi Điện Biên Phủ bằng một hệ thống giao thông hào nhưng không có nắp che, không có rãnh thoát nên sau những trận mưa, quân đồn trú lội bì bõm trong nước và bùn loãng. Ngày 14 tháng 3, tiểu đoàn dù do Bigeard chỉ huy nhảy xuống Mường Thanh tăng cường cho lực lượng đồn trú và bắt đầu tổ chức các trận phản công và góp phần lên dây cót tinh thần cho họ đang tụt xuống mức thấp nhất. Nay chỉ còn lính Pháp và lính lê dương là còn tinh thần chiến đấu. Những đơn vị lính Thái và Maroc đã mất hết nhuệ khí. Một tiểu đoàn đã đào ngũ ngay trong tập đoàn cứ điểm và sống chui lủi trong các hầm ếch đào vội vàng trên những vạt dốc ven sông Nậm Rốm. Trong tổng số 13 vị trí điểm tựa bị mất từ ngày 13 tháng 3 đến ngày 1 tháng 5, có đến 8 vị trí mất vào tay đối phương vì lý do "đào ngũ của lực lượng phụ trợ người Thái mà Việt Minh không phải mất một người nào" như Langlais sau này đã viết trong Hồi ký của ông.

17 giờ ngày 30 tháng 3, tướng Giáp chuyển sang đợt 2 của trận chiến Điện Biên Phủ nhằm vào các ngọn đồi phía đông và những cứ điểm ở phía tây. Tiếng súng mở màn đợt tiến công vừa nổ, Pháp mất ngay Dominique 1 (E) và Dominique 2 (D1). Tại đây quân đồn trú người Algerie và Maroc tháo chạy tán loạn. Tiếp đó đến lượt Dominique 6 (D2) và một nửa phần đông của Eliane 2 (A1). Căn cứ Eliane 2 được xây dựng trên ngọn đồi duy nhất bằng đất lẫn đá trong lòng chảo Mường Thanh. Trên các sườn dốc gần như không thể nào đánh chiếm được, quân Pháp xây dựng nhiều lô cốt và hầm ngầm, đây là dinh thự cũ của viên chủ sự người Pháp ở Điện Biên Phủ. Trong nhiều ngày, nhiều trận giáp lá cà đã diễn ra trên ngọn đồi Eliane 2 (A1). Hai bên lần lượt tiến công và phản công rất ác liệt. Vào đầu tháng 4, tiểu đoàn trưởng Nguyễn Quốc Trị được lệnh mở một đường hào có nhiệm vụ "cắt dạ dày" của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, tức là khu vực sân bay Mường Thanh. Di chuyển theo các đường hào mới đào, các đơn vị của tiểu đoàn Nguyễn Quốc Trị luồn qua các vị trí của Pháp xung quanh và đã đến sát đường băng lúc 11 giờ đêm. Vào khoảng 4 giờ sáng, một trung đội đã tiến sâu vào sân bay dưới làn đạn dày đặc của pháo binh. Rạng đông, trong khi ba điểm tựa nhả đạn thì những người lính của Trị mở một cuộc phản công với sự hỗ trợ của xe tăng. Trên vị trí xung kích do một trung đội chiếm giữ, những trận giao tranh ác liệt diễn ra suốt cả ngày. Khi đêm đến, quân Việt Minh lại chiến đấu, đến ngày 15, Trị điện báo: "Con đường đã bị cắt đứt".

Giữa lúc đó, được tăng viện một tiểu đoàn dù trong ngày 10 tháng 4, Bigeard dùng hỏa lực tấn công và chiếm lại Eliane 1 (C1). Đây là thắng lợi duy nhất của Pháp. Với những cố gắng không mệt mỏi, quân Việt Minh khép chặt vòng vây ở phía tây và phía đông. Ở phía đông, họ đã chiếm 4 trên 5 đồi, và nã pháo thẳng vào các điểm tựa của trung tâm, nhưng vẫn không chiếm được các đồi Eliane. Sau này, trong Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam có viết: "Do thiếu kinh nghiệm và thiết bị, và sau nỗ lực kéo dài, sự mệt mỏi bắt đầu xuất hiện, các công việc đào hầm hào chậm lại". Những người lính phải cầm xẻng từ 14 đến 18 tiếng một ngày. Tính ác liệt của những đợt phản công khiến một số cán bộ bất ngờ, những cơn mưa khiến cuộc sống nơi chiến hào trở nên vô cùng khó khăn, lương thực khó tiếp tế và một số sai lầm về chiến thuật gây ra những thiệt hại vô ích. Giáp cho rằng những trận đánh kéo dài, nhất là sau giai đoạn hai của chiến dịch, khi những trận đánh chiếm chốt ác liệt hơn, đã làm nảy sinh tư tưởng hữu khuynh tiêu cực, ngại hy sinh gian khổ.

Từ ngày 19 tháng 4, một chiến dịch tư tưởng được mở trên cùng một mặt trận, đây là "một trong những thành công lớn của công tác chính trị trong lịch sử chiến đấu của quân đội ta". Nhiều chỉ thị được đưa ra để "bình thường hóa" đời sống chiến hào, cải thiện hầm trú ẩn cá nhân, cung cấp nước sạch và rau

xanh. Tại các đơn vị nổi lên phong trào "săn Tây, bắn tỉa" để giam chân địch trong công sự. Chiến thuật đánh lấn của trung đoàn 36 rất thành công và được phổ biến rộng trên toàn mặt trận. Mỗi khi đường hào tới gần, đó là dấu hiệu của cái chết đã tới. Quân đội viễn chinh hết quân dự bị đã sa vào tình cảnh phải tung ra những binh lính mới tinh.

Lún sâu vào chiến tranh Đông Dương, chính phủ Mỹ nhận thấy thất bại sắp tới là một thất bại về chính sách của Mỹ. Kế hoạch Navarre được Mỹ giúp đỡ rất nhiều. Hồi đầu năm, tướng O'Daniel đã ca ngợi Điện Biên Phủ là một pháo đài không thể công phá, và đến tận ngày 13 tháng 3, ba sĩ quan Mỹ vẫn còn ở trong cứ điểm để quan sát việc chuẩn bị. Việc tiếp tế một lượng hàng khổng lồ bằng thả dù (mất 60.000 chiếc dù) chỉ được thực hiện nhờ một cầu hàng không "Globe Masters" đưa đến từ Nhật Bản và Mỹ. Cuối cùng, việc chở đồ tiếp tế do lính đánh thuê của đội "Cọp bay" do Claire Chennault đảm nhiệm. Họ đã thực hiện hơn 500 nhiệm vụ ở vùng thượng du, với khoảng 20 chiếc C119 có khả năng vận chuyển nhiều gấp đôi so với máy bay Dakota của Pháp. Từ ngày 20 tháng 3, Foster Dulles và đô đốc Radford dự định mở một cuộc ném bom ồ ạt xuống các tuyến đường của Việt Nam, với một phi đội 98 siêu pháo đài bay B.29. Kế hoạch này mang tên "Vautour" (Chim kền kền) được trình bày cho tướng Ely tại Washington vào ngày 18, song vấp phải sự phản đối của người Mỹ và Anthony Eden. Trong một cuộc trao đổi với Georges Bidault, Dulles thậm chí còn đề nghị tặng hai quả bom nguyên tử để thổi bay Điện Biên Phủ. Nhưng thứ vũ khí này không phân biệt được người phòng ngự cũng như người tiến công. Vì thế, kế hoạch Vautour không thể thực hiện được. Ai cũng biết mọi ý định rút lui theo đường bộ về phía Lào đều sẽ thất bại.

Vài ngày trước khi khai mạc Hội nghị Genève bàn về chiến tranh Đông Dương, ngày 1 tháng 5, Giáp mở đợt tấn công cuối cùng. Chỉ trong mấy tiếng, Eliane 1 (C1) và Dominique 3 (các cứ điểm 505 và 505A) bị tiêu diệt, Huguette 5 (cứ điểm 811A) thất thủ lúc bình minh, rồi Huguette 4 (311B) thất thủ vào ngày 5 tháng 5. Bộ đội Việt Nam chỉ còn cách Sở chỉ huy chưa đầy 300 mét. Ngày mùng 6, hồi 21 giờ, tiếng nổ của khối bộc phá trên đồi Eliane 2 (A1) được chọn làm hiệu lệnh tổng tấn công. Trong tập đoàn cứ điểm, khắp nơi bị tấn công, bốn sở chỉ huy thất thủ trong đêm. Vào lúc rạng đông ngày 7 tháng 5, quân Pháp còn tiếp tục kháng cự nhưng đến khoảng 14 giờ, những lá cờ trắng đầu tiên xuất hiện và đến 17 giờ 30 phút, lá cờ đỏ sao vàng đã phấp phới trên nóc Sở chỉ huy của tướng De Castries và tiếp đó De Castries cùng toàn bộ ban tham mưu của ông bị bắt làm tù binh. Căn cứ Isabelle (Hồng Cúm) ở phía nam còn tiếp tục kháng cự và cố tìm đường chạy sang Lào nhưng tất cả ban chỉ huy đã bị bắt sống. Quân đội nhân dân Việt Nam vừa giành được một chiến thắng như tiếng chuông báo tử của đế quốc Pháp và toàn bộ hệ thống thuộc địa.

Trong phần kết luận về trận chiến Điện Biên Phủ, người ta nói nhiều về việc Liên Xô, Trung Quốc viện trợ cho tướng Giáp.

Đại tá Langlais đã viết trong Hồi ký: "Trong bảy năm, kẻ thù của chúng ta đã đổi từ bộ quần áo rách của nông dân lấy bộ quân phục dã chiến, từ những trái lựu đạn tự chế đổi lấy vũ khí Nga hay Tiệp Khắc đến mức có thể ngang ngửa với vũ khí Mỹ của chúng ta. Những vị tông đồ của chủ nghĩa thực dân cũng phải phẫn nộ đối những luận điểm trên. Viện trợ của Trung Quốc ư? Người ta đã quá ồn ào về chuyện này. Chẳng lẽ cứ mong giao chiến với nông dân cầm gậy gộc hay sao? Thật đáng buồn cười. Giữa các đồng minh với nhau, sự giúp đỡ cũng là chuyện đương nhiên. Hãy nhìn thẳng vào sự vật trước mắt! Sự giúp đỡ của Trung Quốc cho Việt Minh chỉ là giọt nước bên cạnh khối lượng khổng lồ về vật liệu chiến tranh của Mỹ đổ như thác cho quân đội chúng ta".

Những người chịu trách nhiệm về thất bại của Điện Biên Phủ đã làm tốn khá nhiều giấy mực để lý giải nguyên nhân thất bại, tạo nên một cuộc bút chiến căng thẳng giữa các tướng Navarre và Cogny là những người đã chủ trương ngay từ đầu mở cuộc hành quân không vận lên thung lũng Điện Biên Phủ. Còn tướng Giáp nghĩ sao về cuộc hành quân này? Trả lời Ban biên tập Etudes Vietnamiennes (Tạp chí

Nghiên cứu Việt Nam), ông nói: "Về thực chất, cũng như tất cả các tướng lĩnh Pháp, tướng Navarre đã phạm sai lầm lớn về chiến lược đi đôi với sai lầm về nhận định tình hình, hoàn toàn không hiểu đối thủ. Navarre không hiểu được rằng trước mặt ông ta là cả một dân tộc, một quân đội nhân dân đang tiến hành một cuộc chiến tranh toàn dân. Nói đúng ra, Navarre cũng như các tướng lĩnh tư sản khác không hiểu gì về nhân dân và quân đội chúng tôi. Trước hết, họ tin tưởng vào vũ khí của họ, vào các phương tiện chiến tranh của họ. Sai lầm của Navarre cũng như của tất cả các tướng lĩnh đế quốc là không tin vào những người nông dân nghèo, thường không biết chữ lại có thể trở thành những pháo thủ, rằng những cán bộ của chúng tôi không bao giờ được học ở trường võ bị Saint-Cyr hay West Point lại có thể đi đến giải quyết các vấn đề chiến lược, chiến thuật tác chiến, hậu cần, tưởng như đó là độc quyền của quân nhân tư sản".

Với việc sai lầm Điện Biên Phủ có thể tránh được không, tướng Giáp nói: "Chuyện xảy ra rồi mới nhận định bao giờ chẳng dễ. Nếu những "chuyên gia" quân sự khác phải chỉ huy quân đội viễn chinh năm 1953 - 1954 thì chắc họ đã không đi tìm một giải pháp chiến lược ở Điện Biên Phủ. Dù sao, nếu họ đưa quân đánh chúng tôi ở nơi khác và dù kế hoạch chiến lược của họ như thế nào thì có lẽ họ cũng không có giải pháp nào khác. Chúng tôi cũng sẽ có cách đối phó thích hợp. Những kẻ đã phung phí xe tăng, máy bay và những cỗ pháo khó mà tưởng tượng rằng những người nông dân được trang bị sơ sài có thể chống lại được họ. Leclerc khi đổ bộ ở Sài Gòn muốn "bình định" Nam Bộ trong ba tuần. De Lattre de Tassigny nghĩ rằng có thể lật ngược thế cờ và biến chúng tôi thành tro bụi. Bảy tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp kế tiếp nhau, hết thảy đều phạm sai lầm về nhận định tình hình, đánh giá đối thủ. Chứng cứ tốt nhất là nếu các tướng lĩnh tư sản tự đặt mình trong hoàn cảnh của Navarre thì họ cũng sẽ phạm những sai lầm tương tự. Đó là việc bọn thực dân đế quốc đã phát động chiến tranh Algerie ngay sau khi chấm dứt chiến sự ở Đông Dương và bọn đế quốc Mỹ đã kế tục thực dân Pháp ở miền Nam Việt Nam để làm lại những việc hoàn toàn giống như thế".

Đó là câu trả lời của tướng Giáp năm 1965. Những sự kiện xảy ra từ đó đến nay đã xác nhận rõ ràng những luận điểm của ông, đó là "mọi cuộc chiến tranh xâm chiếm hay tái chiếm thuộc địa đều sẽ thất bại".

Những công sự kiểu Việt Nam

Ba Đình (1886 - 1887)

Ngày 21 tháng Giêng năm 1887, một đạo quân Pháp gồm 2.250 lính được trang bị 25 đại bác, 4 pháo hạm và 5.000 "dân phu" yểm hộ đã chiếm được căn cứ Ba Đình sau 2 tháng bao vây cực kỳ ngặt nghèo. Chất lượng các công trình phòng thủ khiến phe tiến công phải ngạc nhiên.

Thám sát bên trong căn cứ Ba Đình, chúng tôi thật sự ngạc nhiên trước kỹ thuật xây dựng công sự phòng ngự của người Việt Nam. Công trình phòng ngự gồm ba làng nổi lên mặt nước ruộng như ba hòn đảo nhỏ. Độ sâu của ruộng nước đến vài mét do con người có cách dẫn nước vào ruộng. Chung quanh mỗi "đảo nhỏ" là những đường hào sâu 3 mét, rộng 4 mét, đào lên đắp phía trong tạo thành tường lũy, củng cố các ụ nấp bắn của quân phòng thủ. Các ụ nấp bắn này đều đắp bằng đất có sẵn trong vùng, dày từ 8 đến 9 mét. Trong các ụ nấp lại trồng tre có gốc lớn, có khoảng cách vừa đủ giống như những lỗ châu mai ở các pháo đài, quân phòng thủ có thể nấp bắn khá chính xác mỗi khi phát hiện từ xa những kẻ đến tấn công vào.

Làm thế nào để bảo vệ cánh sườn? Mỗi làng trong ba làng nói trên đều được bố trí hợp lý để có thể yểm trợ lẫn nhau khi một làng bên cạnh bị tấn công và được xây dựng công sự kiên cố để trở thành những vị trí cố thủ nếu hai làng kia bị đánh chiếm. Trên nóc các bờ lũy của ụ nấp bắn trồng nhiều lớp cọc vót nhọn để ngăn chặn kẻ tiến công đột nhập và trèo vào bên trong công sự. Chân tường thành dày 50 mét là cả một bãi cọc tre chôn ngang mặt nước khiến bên tiến công không thể nào vượt hào tiến vào được. Rồi trước hàng cọc lại có một giậu tre được trồng chéo cánh sẻ khá vững chắc. Cuối cùng, cách 50 mét ở phía trước còn bố trí những cây bị đốn trơ lại gốc và dãy cọc nhỏ có gai nhọn và sắc như mũi tên. Tất cả tạo nên lớp hỗn độn những lũy tre phủ kín thành lũy. Chính vì vậy, khi mới bắt đầu tiến hành bao vây căn cứ, lũy tre còn mang màu xanh tươi. Chúng tôi cứ đơn giản tưởng rằng chỉ là đụng phải một thôn làng kiên cố theo kiểu An Nam.

Chúng tôi cũng rất ngạc nhiên thấy những khẩu pháo của chúng tôi hầu như không gây được thiệt hại vật chất nào cho đối phương do những người bị bao vây đã đề phòng cẩn thận, che chắn những vật liệu dễ cháy cũng như tự bảo vệ mình bằng con đường ngầm, trong đó họ đã đào những kho quân nhu đạn dược và chỗ trú ẩn.

Đại úy J. Masson

Ký ức về Trung Kỳ và Bắc Kỳ, 1903, tr. 223 và 224

Nam Hồng (1950 - 1954)

Sau năm 1950, xã Nam Hồng biến thành một hang chuột chũi: 460 hầm bí mật, 2.700 mét hầm hào, 3.200 mét hào giao thông, 3.470 mét đường ngầm, 800 mét tường đất.

Những căn hầm bí mật dần dần trở thành nơi ẩn náu thật sự. Cuối cùng người ta nghĩ ra cách làm cửa để khóa lối vào trong hầm. Hầm bí mật được đào ở những chỗ khó lọt như đào ở dưới nước, muốn vào

phải lặn xuống nước mới tìm được lối vào. Có một số hầm bí mật khá rộng, người ta có thể nằm

ngủ bên trong, có ống thông hơi. Các hầm cá nhân đều nối với nhau bằng những đường hầm nhỏ hẹp, từng quãng một lại có lỗ thông hơi và có cả cống ngầm tiêu nước. Nằm bên dưới các cánh đồng, hầm bí mật ăn thông với các làng xung quanh. Khi đối phương vượt qua hàng rào để vào bên trong căn cứ, các chiến sĩ du kích của chúng ta sẽ giành thế chủ động nhờ những hệ thống địa đạo để chống lại kẻ địch.

Theo Phạm Cường Báo Quân đội, tháng 6-8 năm 1969, tr. 17-18

Vĩnh Mốc, năm 1970

Ông Hồ Giới tay cầm đèn bão hướng dẫn chúng tôi đi tham quan địa đạo Vĩnh Mốc và khi bắt đầu bước xuống địa đạo, một công trình thật sự khổng lồ hiện ra. Tôi nghĩ đến câu chuyện của Jules Verne với nhan đề Cuộc du hành vào lòng đất. Người ta có thể đi vào hầm trú ẩn tập thể khổng lồ này bằng nhiều lối cách xa nhau, mỗi lối xuống địa đạo đều có mái che mưa và dĩ nhiên được ngụy trang khá kỹ. Trục chính của địa đạo nằm sẵn trong lòng đất. Đường trục chính kéo dài tới nhiều cây số dưới một trần hình vòm khá cao được chống đỡ khá chắc chắn. Những người có tầm cao trung bình đi theo hàng dọc có thể di chuyển dễ dàng ngay cả khi họ cáng thương binh. Từ chỗ xuống chính, có những nhánh như vảy cá, mỗi nhánh dẫn đến một hầm trú ẩn cho gia đình có ba, thậm chí năm, bảy thành viên. Có nhiều "hầm" làm chỗ họp chứa được đến 120 người. Có cả nhà trẻ, một trạm xá-hộ sinh và bên cạnh giếng nước là một dãy nhà tắm. Người ta không quên làm cả những hố xí. Một hệ thống thông hơi thô sơ nhưng hiệu quả có thể làm thay đổi không khí và chống ẩm.

Theo Vũ Cận *Cuộc sống kháng chiến hàng ngày*[1] (Résistance quotidienne), tr. 15-16

[1] Tác giả Boudarel trước đây làm việc tại tạp chí Etudes Vietnamiennes của Nhà xuất bản Ngoại văn nay là Nhà xuất bản Thế giới, đã dịch hai bài miêu tả về địa đạo Nam Hồng và Vĩnh Mốc của hai tác giả Phạm Cường và Vũ Cận sang tiếng Pháp. Đoạn trích dẫn trên đây được dịch lại từ tiếng Pháp, có thể không chính xác hoàn toàn như nguyên văn bản tiếng Việt của hai tác giả Việt Nam (ND).

Gia đình, đồng chí và những người ảnh hưởng đến Võ Nguyên Giáp

Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Mình (1890 - 1969)

Người thành lập Đảng Cộng sản và Quân đội Việt Nam

Mặc dù ông có vai trò quyết định nhưng khi phải xử lý các vấn đề liên quan đến quân đội cách mạng Việt Nam, người ta không nghĩ đến Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, khi tới Quảng Châu cùng với Borodine (năm 1924), một trong những điều quan tâm của ông Hồ là, song song với việc lập ra một tổ chức chính trị, phải đào tạo một số cán bộ quân sự có thể sau này đảm nhiệm các nhiệm vụ riêng biệt khi tiến hành khởi nghĩa vũ trang. Ông Hồ gửi một số anh em có khả năng nhất đi học trường võ bị Hoàng Phố.

Năm 1928 ông viết cho Quốc tế Cộng sản một bài báo nhan đề Công tác quân sự của Đảng trong nông dân. Một bài báo mác-xit của Việt Nam về chiến tranh du kích ở nông thôn và khởi nghĩa đăng trong tuyển tập của tạp chí Komintern (Togliatti, Bucher- Gallen và Toukhatchevski đã tham gia biên tập bài báo nói trên), được lưu hành với bút danh tập thể Neuberg, có nhan đề Insurrection armée (Khởi nghĩa vũ trang). Trong toàn bộ các bài nghiên cứu đề cập tới khởi nghĩa đô thị, Hồ Chí Minh là người duy nhất chủ trương khởi nghĩa vũ trang ở nông thôn nhưng không phải vì thế mà từ bỏ cuộc đấu tranh ở đô thị. Từ đó đường lối của Hồ Chí Minh được xem như bản tổng hợp của điều sau này gọi là chủ nghĩa Mao và các phương pháp khởi nghĩa của Marx, Engels và Lênin. Ông viết: cuộc cách mạng vô sản không thể thắng lợi ở các nước nông nghiệp và nửa nông nghiệp nếu không chú ý đến công tác tuyên truyền chính trị, tổ chức và quân sự trong nông dân, đặc biệt là công tác quân sự của Đảng trong nông dân. Để ủng hộ luận điểm của mình, ông nói lên những khả năng đã được khai thác trong cuộc khởi nghĩa nông thôn của Bungari năm 1923 và cuộc khởi nghĩa của nông dân Trung Hoa tại Hồ Nam năm 1926. Đối với ông Hồ cũng như đối với Quốc tế III, phong trào nông dân phải có "trung tâm" tại một hay nhiều tỉnh. Quan niệm về thời cơ, ông không nhấn mạnh đến "trường kỳ" như Mao Trạch Đông mà nhấn mạnh đến thời cơ thuận lợi của cuộc khởi nghĩa. Ông Hồ nhấn mạnh cuộc tiến công tiến hành trong một thời gian rất ngắn nhờ "hành động kết hợp", sự phối hợp và tính bất ngờ vào thời điểm thuận lợi và "sự lựa chọn đúng đắn thời cơ phát động khởi nghĩa" của ban lãnh đạo.

[1] Cuốn sách được xuất bản năm 1977, nên thông tin về các nhân vật lịch sử trong phần này chỉ giới hạn đến thời điểm đó (BT).

Sau này, ông Hồ luôn quan tâm đến vấn đề hoạt động vũ trang cách mạng. Trong các khóa huấn luyện tổ chức ở biên giới Quảng Tây và tiếp đó ở Cao Bằng trong các năm 1940 - 1941, ông Hồ đều nhấn mạnh hai mặt chính trị và quân sự trong công tác cách mạng. Trong những năm 40, ông biên soạn một tài liệu ngắn Cách đánh du kích, Kinh nghiệm du kích Tàu (Trung Hoa ngày nay). Ông còn dịch một phần các bài viết của Tôn Tử, một chiến lược gia đại tài thời cổ đại và tập hợp trong một tài liệu nhan đề Cách đào tạo cán bộ quân sự. Trong những năm chiến tranh 1947 - 1954, ông Hồ còn dịch tóm tắt

cuốn Tỉnh ủy bí mật của Fedorov, nói về những kinh nghiệm của du kích Nga ở Ukraina sau năm 1941.

Nhưng hơn cả các tác phẩm chuyên môn đã viết, bằng sự nghiệp của mình, Hồ Chí Minh đã góp phần quyết định vào sự hình thành tư tưởng chiến lược của các nhà cách mạng Việt Nam. Ông ít chú ý đến lý thuyết và là nhà hoạt động thực tiễn thiên tài, ông cố gắng suốt đời để biến những tư tưởng của Clausewitz (nhà lý luận quân sự kinh điển người Đức) rất gần với quan điểm của Lênin: "Chiến tranh là sự tiếp nối các quan hệ chính trị bằng những phương tiện khác, chiến tranh là một công cụ của chính trị". Phương châm chính trị trọng hơn quân sự là kim chỉ nam trong toàn bộ hoạt động của Hồ Chí Minh từ năm 1940 đến năm 1945. Bằng cách đi sâu, đi sát cơ sở của phong trào trong vùng thượng du Bắc Kỳ, ông đã xây dựng được cơ sở bí mật, sau đó thành những tổ chức công khai của cách mạng. Bằng hoạt động ngoại giao với Trung Hoa Quốc dân Đảng và những phần tử quốc gia đang sống lưu vong ở Trung Quốc, tiếp đó là với O.S.S ở Côn Minh, ông Hồ đã tạo điều kiện thuận lợi để tranh thủ thời cơ ngay sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh với một sức mạnh quân sự không đáng kể. Dù lực lượng còn kém xa lực lượng quốc gia có thể được Trung Hoa Quốc dân Đảng ủng hộ, ông Hồ vẫn dựa vào đó. Dưới nhiều hình thức khác nhau, Hồ Chí Minh cũng xử sự một cách tương tự như vậy đối với quân đội viễn chinh Pháp trong những năm 1947 - 1954 và sau đó chống lại sự can thiệp của Mỹ. Trong mỗi trường hợp, ông đều khéo léo sử dụng tối đa những nhân tố kỹ thuật đặc thù trong bối cảnh chính trị quốc gia và quốc tế. Không câu nệ hay cố chấp, ông đã tạo nên một êkíp biết xử lý các vấn đề phù hợp với tình thế chiến lược trước mắt trong quá trình tiến hành chiến tranh lâu dài. Nhờ Hồ Chí Minh, trong thực tiễn cách mạng Việt Nam, các công thức giáo điều xơ cứng như gỗ cũng biết, khi cần, tỏ ra mềm dẻo như tre. Chính nhờ sự mềm dẻo đó và đầu óc thực tế trong việc phân tích tình hình, cuối cùng đã khiến Lầu Năm Góc và Nhà Trắng phải bỏ cuộc.

Võ Nguyên Giáp viết: Đối với Hồ Chí Minh, chân lý cách mạng là cụ thể. Rõ ràng tư tưởng Hồ Chí Minh cũng là quan điểm của Lênin. "Cái phong phú nhất là cái cụ thể và khách quan nhất".

Hoàng Văn Thụ (1908 - 1944)

- Dân tộc Tày - người chắp mối liên lạc giữa Quảng Tây (Trung Quốc) và đồng bằng Việt Nam

- Phụ trách công tác binh vận

- Bị Pháp xử bắn năm 1944

Sinh trưởng trong một gia đình khá giả ở Lạng Sơn, Hoàng Văn Thụ theo học tại Trường Trung học tỉnh Lạng Sơn. Tại đây ông đã thành lập một nhóm cách mạng vào dịp để tang Phan Chu Trinh. Năm 1929, Hoàng Văn Thụ sang Quảng Châu (Trung Quốc) theo lớp học của tổ chức Thanh niên cách mạng đồng chí hội. Đọc và nói thạo tiếng Trung, ông chịu trách nhiệm tổ chức đường dây liên lạc từ Trung Quốc về nước, do ông thành thạo thổ ngữ ở quê hương mình. Ông có vai trò then chốt khi Lê Hồng Phong từ Liên Xô về nước năm 1932 - thời điểm cách mạng đang thoái trào.

Năm 1934, Lê Hồng Phong cử Hoàng Văn Thụ lên Bắc Sơn, Vũ Nhai. Tại đây, ông gây dựng cơ sở cách mạng, đặt nền tảng cho chiến tranh du kích Việt Nam vào tháng 9 năm 1940.

Năm 1935, ông dự Hội nghị Ma Cao[2], sau đó được điều động về hoạt động tại Cao Bằng. Sau một thời gian ngắn ẩn náu tại Hồng Kông vào tháng 6 năm 1937, Hoàng Văn Thụ trở về nước năm 1938,

được bầu là Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ. Sau một thời gian ngắn, ông được điều về Hà Nội hoạt động. Năm 1939, ông rút vào hoạt động bí mật. Chính ông là người chọn địa điểm cho các cuộc họp của Trung ương và chọn các gia đình cơ sở để che giấu các nhà lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.

[2] Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng Cộng sản Đông Dương, từ ngày 27 đến ngày 31 tháng 3 năm 1935 tại Ma Cao (BT).

Đầu năm 1940, Hoàng Văn Thụ cử người đi gặp Nguyễn Ái Quốc ở Hoa Nam để tổ chức cho Người trở về nước bằng xe lửa tuyến Vân Nam - Hải Phòng nhưng không thành. Sau đó ông tổ chức chuyến đi bí mật sang Trung Quốc cho Võ Nguyên Giáp và Phạm Văn Đồng. Tháng 11 năm 1940, ông tổ chức cuộc họp thứ VII của Ban chấp hành Trung ương Đảng tại Yên Viên (ngoại thành Hà Nội) và được bầu vào Ban thường vụ. Tháng 12 năm đó, ông đi Tĩnh Tây (Trung Quốc) dẫn đầu đoàn đại biểu của Mặt trận phản đế. Tại đây Hoàng Văn Thụ đã gặp Nguyễn Ái Quốc rồi trở về nước tiếp tục hoạt động ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. Khoảng tháng 4 năm 1941, ông dẫn đầu đoàn đại biểu đồng bằng Bắc Bộ tham dự Hội nghị Trung ương VIII họp tại Pắc Pó (Cao Bằng). Tại hội nghị này, Mặt trận phản đế đổi tên thành Việt Nam độc lập đồng minh hội, gọi tắt là Việt Minh.

Ít lâu sau, Hoàng Văn Thụ đặt cơ quan Thường vụ Trung ương Đảng tại vùng ngoại vi Hà Nội (xã Phú Thượng - nay thuộc quận Tây Hồ), tại đây ông sống và hoạt động bí mật cùng với Trường Chinh.

Được phân công phụ trách binh vận, Hoàng Văn Thụ có nhiều nhân mối trong các đơn vị lính lê dương của quân đội thuộc địa. Các nhân mối đó phần đông là người Đức chống phát- xít, sau khi bị bắt làm tù binh ở mặt trận phía bắc Pháp bị xung vào đơn vị lê dương và đẩy sang Đông Dương. Ngoài những người lính lê dương, ông còn gây được cơ sở trong một số binh sĩ người Việt (lính khố đỏ). Có thể căn cứ vào lời cung khai của Hoàng Văn Thụ, sở mật thám Pháp thấy đây là một nhân vật quan trọng nên ông bị tra tấn hết sức dã man. Bị tuyên án tử hình, ông bị xử bắn tại trường bắn Bạch Mai vào sáng ngày 24 tháng 5 năm 1944.

Nguyễn Thị Minh Khai (1910 - 1941)

- Xứ ủy viên Nam Kỳ Đảng Cộng sản Đông Dương. Bị xử bắn năm 1941, sau khởi nghĩa Nam Kỳ

- Chị vợ Võ Nguyên Giáp

Nguyễn Thị Minh Khai và người em Nguyễn Thị Quang Thái đều là con gái của một viên chức làm việc tại nhà ga Vinh. Tháng 3 năm 1926, mới 16 tuổi, Minh Khai trở thành chiến sĩ cách mạng khi tham gia lễ tang chí sĩ Phan Chu Trinh. Khi còn là nữ sinh Trường Trung học Cao Xuân Dục ở thị xã Vinh, cô là học trò của Trần Phú, người sau này là Tổng bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương.

Được giác ngộ lý tưởng cách mạng, Nguyễn Thị Minh Khai tham gia đảng Tân Việt và nhanh chóng được bầu vào Ban chấp hành tỉnh ủy Nghệ An của Đảng này, sau đó bà trở thành một trong số những sáng lập viên của nhóm mac-xit trong Đảng. Năm 1929, Minh Khai thoát ly gia đình rút vào hoạt động bí mật và hoàn toàn cống hiến cho cách mạng. Mùa hè năm 1930, Minh Khai đáp tàu thủy đi Hồng Kông và tại đây bà làm việc cho Văn phòng Bộ Phương Đông của Quốc tế Cộng sản.

Chơi các môn thể thao, nhất là học võ, học bơi, Minh Khai là một người đặc biệt trong số các thiếu nữ

Việt Nam thời bấy giờ. Bị cảnh sát Hồng Kông bắt giữ, bà bị nhà đương cục Anh trao cho chính quyền Quảng Châu cầm tù đến năm 1934 thì được tha do sự can thiệp của Quốc tế Cứu tế Đỏ (bằng cách thuê tiền lính gác).

Sau khi ra khỏi nhà tù Quảng Châu, Nguyễn Thị Minh Khai được cử đi Liên Xô học Trường Đại học Phương Đông. Tháng 7 năm 1935, bà tham gia đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương tham dự Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản họp tại Matxcơva. Tại đây, Nguyễn Thị Minh Khai gặp Lê Hồng Phong và sau Đại hội hai người làm lễ thành hôn[3]. Năm 1937 cả hai vợ chồng cùng trở về nước hoạt động và sống tại Sài Gòn. Mùa hè 1938, Lê Hồng Phong bị bắt. Năm 1939 Minh Khai sinh con gái đặt tên Lê Thị Hồng Minh. Cùng với em gái là Nguyễn Thị Quang Thái (vợ đầu của Võ Nguyên Giáp), Minh Khai đảm bảo đường dây liên lạc với miền Bắc. Năm 1939 bà rút vào hoạt động bí mật.

[3] Xem Đồng chí Hồ Chí Minh, E. Côbêlep, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, tr. 190.

Tháng 7 năm 1940, Nguyễn Thị Minh Khai bị bắt sau khi tham dự Hội nghị Xứ ủy Nam Kỳ quyết định chớp thời cơ Pháp bị Đức xâm lược và chiếm đóng để phát động khởi nghĩa. Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ nổ ra tháng 11 năm 1940. Minh Khai bị tra tấn dã man và bị đưa ra tòa đối chất với Lê Hồng Phong, nhưng bà đã không nhận là vợ của ông trước mặt kẻ thù. Mùa xuân 1941, Minh Khai bị kết án tử hình trong một phiên xử kín. Ngày 25 tháng 4, bà bị đưa ra trường bắn. Không chịu để bịt mắt, Minh Khai còn hô lớn: "Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm! Cách mạng Việt Nam thắng lợi muôn năm!"

Cùng năm đó, người em Nguyễn Thị Quang Thái cũng mất trong nhà tù Hỏa Lò, Hà Nội.

Phùng Chí Kiên (1905 - 1941)

Gia nhập Đảng Cộng sản từ rất sớm. Tham gia du kích Trung Hoa. Chỉ huy Cứu quốc quân. Hy sinh trong một trận phục kích năm 1941.

Phùng Chí Kiên tên thật là Nguyễn Vỹ, sinh trưởng trong một gia đình nông dân ở huyện Diễn Châu (Nghệ An). Năm 1920, ông vượt dãy Trường Sơn để liên lạc với các chí sĩ cách mạng Việt Nam đang ẩn náu tại Phichit của Thái Lan. Ông được cử đi dự lớp huấn luyện của Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội do Nguyễn Ái Quốc mở tại Quảng Châu, sau đó được giới thiệu học tại Trường võ bị Hoàng Phố cùng lúc với việc gia nhập Thanh niên cách mạng đồng chí hội và tiểu tổ cộng sản trong Đoàn thanh niên. Năm 1927 Phùng Chí Kiên cùng một số thanh niên Việt Nam khác ở Quảng Châu tham gia Công xã Quảng Châu. Bị Tưởng Giới Thạch đàn áp, Công xã Quảng Châu tan rã, ông rút lui về căn cứ Hải Lục Phong ở phía bắc tỉnh Quảng Đông và chỉ huy một đơn vị Hồng quân Trung Hoa. Sau khi căn cứ này bị Trung Hoa Quốc dân Đảng chiếm, Phùng Chí Kiên rút vào hoạt động bí mật rồi đi Matxcơva học quân sự tại Đại học Phương Đông.

Năm 1934, Quốc tế Cộng sản cử ông về củng cố Ban hải ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương thành lập ở Hồng Kông và trong lúc Lê Hồng Phong đi Liên Xô, Phùng Chí Kiên cùng với Hà Huy Tập chuẩn bị Đại hội lần thứ I Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Ma Cao từ 27 đến 31 tháng 3 năm 1935. Sau hội nghị, Ban chấp hành Trung ương Đảng trở về Đông Dương, còn Phùng Chí Kiên ở lại Ma Cao để liên lạc với Quốc tế Cộng sản.

Từ năm 1936 đến 1938, ông hoạt động như con thoi tại Hồng Kông và Quảng Châu, tổ chức các lớp huấn luyện chính trị và quân sự. Cuối năm 1938, ông cử một số học viên, trong đó có Cao Hồng Lãnh[4] đi học tại cơ sở của Đảng Cộng sản ở Trung Quốc.

Bị cảnh sát Anh tại Hồng Kông truy lùng, Phùng Chí Kiên đặt quan hệ với Đảng Cộng sản Trung Quốc vùng Sán Đầu, được giao công tác huấn luyện quân sự cho các đảng viên cộng sản Trung Quốc tại địa phương.

[4] Về sau Cao Hồng Lãnh hoạt động trong phong trào cách mạng tại Việt Bắc, sau đó tại miền Nam, Thái Lan rồi cuối cùng trở về Hà Nội làm Phó ban liên lạc đối ngoại Trung ương Đảng. Ông mất năm 2004 (ND).

Giữa năm 1939, ông được giao trách nhiệm chuẩn bị cho Nguyễn Ái Quốc trở về nước lãnh đạo cách mạng. Lúc này Nguyễn Ái Quốc đang ở Diên An. Phùng Chí Kiên đi khắp Quảng Đông, Quảng Tây và Hồ Nam mà không bắt được liên lạc với Đảng Cộng sản Đông Dương. Cuối cùng ông về Côn Minh - thủ phủ tỉnh Vân Nam và cùng với Hoàng Văn Hoan lập ban liên lạc ngoài nước của Đảng Cộng sản Đông Dương và ra báo. Năm 1940, sau khi một phái viên của Hoàng Văn Thụ từ trong nước ra đến Côn Minh, Phùng Chí Kiên định trở về nước cùng Nguyễn Ái Quốc và Hoàng Văn Hoan, nhưng đường dây liên lạc bị chặt đứt vì phát-xít Nhật ném bom, cả nhóm quay về Côn Minh.

Tháng 11 năm 1940, Phùng Chí Kiên cùng Nguyễn Ái Quốc về Liễu Châu, từ đây Nguyễn Ái Quốc đổi tên là Hồ Chí Minh[5]. Theo chỉ thị của Người, Phùng Chí Kiên tổ chức một cuộc họp để cho ra đời một "ban ngoài nước" của Việt Nam Độc lập Đồng minh gọi là Biện sự xứ. Cuộc họp này được triệu tập tại Quế Lâm - nơi đây trở thành thủ phủ tỉnh Quảng Tây sau khi Nhật Bản chiếm đóng Nam Ninh. Trong cuộc họp này, Hồ Học Lãm, trước đây hoạt động trong phong trào Đông Du năm 1908 lúc này là sĩ quan cao cấp của quân đội Tưởng Giới Thạch được bầu làm Chủ nhiệm cơ quan, còn Lâm Bá Kiệt (tức Phạm Văn Đồng) làm Phó chủ nhiệm.

[5] Boudarel nhầm, đến tháng 8/1942 Nguyễn Ái Quốc mới lấy tên là Hồ Chí Minh để sang Trung Quốc(BT)

Tháng 11 năm 1940, Phùng Chí Kiên và một nhóm đảng viên hoạt động ở nước ngoài cùng Hồ Chí Minh về Tĩnh Tây.

Tại đây nhóm gặp Hoàng Văn Thụ, dẫn đầu đoàn đại biểu Mặt trận Đông Dương Phản đế từ trong nước ra để thành lập Mặt trận Việt Minh. Cùng với Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp, Phùng Chí Kiên dưới sự chỉ đạo của Hồ Chí Minh tổ chức một khóa huấn luyện chính trị và quân sự cho 40 thanh niên Cao Bằng.

Ngày 28 tháng 2 năm 1941, Phùng Chí Kiên đi cùng với Hồ Chí Minh và một số thanh niên yêu nước vượt biên giới về nước ở cột mốc 108 và lập căn cứ tại hang Cốc Pó, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng[6]. Được giao trách nhiệm huấn luyện quân sự cho Việt Minh, ông viết cuốn Con đường cách mạng cứu nước.

Tháng 5 năm 1941, Phùng Chí Kiên tham dự Hội nghị lần thứ VIII Ban chấp hành Trung ương Đảng họp tại Pắc Bó (lán Nà Lừa). Tại hội nghị này, Mặt trận Việt Minh được quyết định thành lập thay thế

cho Mặt trận Đông Dương phản đế. Được giao phụ trách quân sự, Phùng Chí Kiên được phái về Bắc Sơn tổ chức phong trào du kích ở vùng Bắc Sơn, sau một cuộc khởi nghĩa tự phát vào tháng 9 năm 1940, khi quân Nhật tiến vào Lạng Sơn.

[6] Xem thêm Nguyễn Ái Quốc trên đường về nước, Hoàng Thanh Đạm, Nxb. Lý luận và Chính trị, 2005. Xem Tiểu sử Hồ Chí Minh, Bảo tàng Hồ Chí Minh xuất bản, sđd, và Từ nhân dân mà ra, Hồi ký Võ Nguyên Giáp, sđd.

Sau một tháng băng rừng lội suối, ông trở lại Bắc Sơn cùng các ủy viên thường trực Ban chấp hành Trung ương. Trước khi về xuôi, Ban chấp hành Trung ương quyết định công nhận Trung đội Cứu quốc quân I do Phùng Chí Kiên chỉ huy cùng với hai phó là Lương Văn Chi (tức Huy còm) và Chu Văn Tấn.

Pháp tăng cường đàn áp phong trào, du kích Bắc Sơn, Vũ Nhai gặp khó khăn. Trung đội Cứu quốc quân I phải chia thành ba tiểu đội, mỗi tiểu đội trên dưới 10 người. Một tiểu đội do Chu Văn Tấn chỉ huy bảo vệ các đồng chí trong Ban Thường vụ Trung ương trở về xuôi qua ngả Bắc Sơn. Một tiểu đội khác lên phía Bắc đi Tĩnh Tây, một làng giáp biên giới Việt - Trung. Tiểu đội thứ ba do Lương Văn Chi và Phùng Chí Kiên chỉ huy tiến về Ngân Sơn tỉnh Bắc Cạn để đi về Nguyên Bình, thuộc tỉnh Cao Bằng. Cuối tháng 7 năm 1941, trên đường hành quân, Phùng Chí Kiên vừa về làng xin tiếp tế lương thực thì không may rơi vào ổ phục kích của địch. Trong những phút giao chiến đầu tiên, ông không may trúng đạn và hy sinh. Tiếp đó Lương Văn Chi, phó chỉ huy cũng bị bắt và chết trong nhà tù Cao Bằng.

Văn Tiến Dũng

Là người tổ chức chiến khu Hà- Ninh-Thanh (giáp giới ba tỉnh Ninh Bình, Hà Nam và Thanh Hóa) năm 1945. Đại đoàn trưởng đại đoàn 320, chiến đấu ở vùng địch hậu đồng bằng Bắc Bộ từ năm 1950, Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Sinh năm 1907, là công nhân dệt tại vùng ngoại ô Hà Nội, Văn Tiến Dũng tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1936. Năm sau ông gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương. Chỉ sau một thời gian ngắn, ông được bầu vào Thành ủy Hà Nội.

Năm 1939 ông bị địch bắt hai lần và kết án hai năm tù khổ sai, ông vượt ngục trên đường bị giải lên Sơn La và hoạt động trong vùng châu thổ. Sau khi Hoàng Văn Thụ bị bắt, tháng 8 năm 1944 Văn Tiến Dũng cũng bị bắt và lần này lại vượt ngục trốn thoát. Mùa hè năm 1945, ông tham gia lập chiến khu Hà-Ninh-Thanh và lãnh đạo khởi nghĩa tại địa phương trong những ngày hạ tuần tháng 8 năm 1945. Tiếp đó, Văn

Tiến Dũng được đề bạt làm Cục trưởng Cục Chính trị và từ đầu năm 1950 chỉ huy đại đoàn 320 hoạt động vùng sau lưng địch tại đồng bằng Bắc Bộ. Năm 1952 ông chỉ huy cuộc tấn công bất ngờ vào Phát Diệm đánh sập Sở chỉ huy khu Phát Diệm. Kiểu chiến thuật này được đặt tên là "nhảy dù" hoặc "hoa sen nở". Năm 1951 ông được đề bạt làm Tổng tham mưu trưởng và năm 1953 trở thành cánh tay phải của tướng Giáp.

Sau khi chỉ huy nhiều chiến dịch tại chỗ ở miền Nam, Văn Tiến Dũng lại vận dụng chiến thuật "hoa sen nở" trong Chiến dịch Hồ Chí Minh. Ông đã chỉ huy trận tấn công Buôn Ma Thuột tháng 3 năm 1975 và sau đó giải phóng Sài Gòn ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Là Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị từ năm 1960, tại Đại hội Đảng lần thứ IV năm 1976, Văn Tiến Dũng được bầu vào Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Thường vụ Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (sau đổi tên là Đảng Lao động Việt Nam từ năm 1951).

Ghi nhanh vè Tướng Giáp và chiến thuật của ông

Tại Việt Nam một đội quân được trang bị vũ khí tối tân đã không thể đánh bại một dân tộc nhỏ chỉ di chuyển bằng tốc độ xe đạp. Ivan Illich, "Năng lượng, tốc độ và công bằng xã hội", Báo Le Monde, ngày 7 tháng 7 năm 1963.

Các quân nhân Hoa Kỳ có đọc tác phẩm của Võ Nguyên Giáp không?

Bình luận của tướng Giáp về thất bại của Pháp tại Điện Biên Phủ đã khẳng định chiến thuật tác chiến này (áp dụng trong tiến công Tết Mậu Thân 1968).

Địch gặp mâu thuẫn không giải quyết được. Nếu không phân tán lực lượng thì không thể chiếm đóng vùng đất đã chiếm, nhưng nếu phân tán, chúng sẽ gặp những khó khăn nghiêm trọng và sẽ bị tiêu diệt.

Có thể các tướng lĩnh Hoa Kỳ không ai đọc tác phẩm của Võ Nguyên Giáp. Điều chắc chắn hơn là ý chí rõ rệt của Bộ tổng chỉ huy quân đội Mỹ đã không để ý đến các báo cáo của các nhân viên tình báo nằm vùng phản ánh một tình trạng xưa nay vẫn thế: không tin vào các thông tin do những người không đáng tin cung cấp. Ở thời đại chúng ta, máy móc phát triển ghê gớm nên nhà chỉ huy quân sự thấy tin hơn vào những tin tình báo thu lượm được bằng các phương tiện điện tử, tức là do các "công cụ siêu cải tiến" cung cấp.

Andrew Tully, Les super espions (Siêu gián điệp), Tạp chí *Stock*, 1969.

Nước Mỹ có lẽ bị lừa chăng?

Một tháng sau khi bản báo cáo của Taylor về tình hình miền Nam Việt Nam được công bố, Joseph Zasloff, một nghiên cứu viên của RAND báo cáo lên Lầu Năm Góc kết quả của dự án về "động cơ và tinh thần chiến đấu của Việt Cộng". Sau sáu tháng nghiên cứu dựa trên những cuộc trao đổi bàn luận với tù binh Việt Cộng trong khuôn khổ một cuộc phỏng vấn dài và cởi mở, những phát hiện của Zasloff giải thích sâu sắc tinh thần "cao" của Việt Cộng khiến Eisenhower, White và Taylor rất lúng túng. Tôi nhớ rõ bản báo cáo của anh ta đưa ra cuối buổi chiều một ngày tháng Chạp năm 1964 và trình bày với thủ trưởng của tôi là Thứ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ McNaughton. Khi nghe xong, ông ấy nói: "Nếu những điều anh nói là đúng sự thật thì có nghĩa là chúng ta đã đánh không đúng đối thủ rồi".

Daniel Ellsberg, *Paper on the War* (Hồ sơ chiến tranh), Simon and Schuster, New York, 1972.

Hồ sơ về tướng Giáp của Westmoreland

Tướng Westmoreland mang theo mình một bản ghi, trong đó ông nêu ra bảy nguyên nhân khiến cuối cùng Hoa Kỳ không thể thắng được trong cuộc chiến tranh này như tướng Bắc Việt Võ Nguyên Giáp đã kể ra. Viên tướng Mỹ tin rằng những lý do đó đã khắc phục được hai nguyên nhân: dư luận Mỹ và dư luận thế giới. Ông ta trở về Mỹ để thuyết phục những phần tử hoài nghi và củng cố tinh thần những ai

đã ủng hộ chính quyền Mỹ. Ông ta tuyên bố khi nói trước công chúng: ý đồ của tôi là giải thích tình hình và làm người Mỹ hiểu rõ tình hình hơn.

Nhưng kết quả trái lại, đáng lẽ phải tạo nên sự đồng thuận thì lời phát biểu của ông ta chỉ làm tăng thêm những ý kiến bất đồng về cuộc chiến, khiến phái Bồ Câu càng đưa ra những tiên đoán bi quan nhất. Khẳng định của tướng Westmoreland là nước Mỹ đang tiến đến thắng lợi với điều kiện mặt trận bên trong, tức nội tình nước Mỹ phải vững vàng. Đối phương của chúng ta tin rằng gót chân Achille của chúng ta là quyết tâm của nhân dân Mỹ. Nói như ông Westmoreland là không trả lời vào những thắc mắc cơ bản làm mọi người quan tâm nhất? Ném bom thì Hà Nội sẽ ngồi vào bàn thương lượng với chúng ta? Vậy tuyệt đối không có khả năng nào ra khỏi cái vòng khủng khiếp của việc leo thang.

Newsweek (Tin hàng tuần), ngày 8 tháng 5 năm 1967.

Con người của "mục tiêu"

Hôm Chủ nhật, một chuyên gia Mỹ nhận xét: Tướng Giáp là người khách quan. Cách đây hai năm ông đòi Mỹ phải rút quân khỏi miền Nam. Nay quân Mỹ đã rút. Từ 18 năm nay mục đích của ông là bảo vệ căn cứ "đất thánh" và những tuyến đường giao thông của cộng sản. Điều đó giải thích tính bền bỉ của người Bắc Việt trên đường mòn

Hồ Chí Minh. Bây giờ chúng ta rút khỏi Lào và sẽ không trở lại ngay. Nếu tướng Giáp một lần nữa đạt mục tiêu đã đề ra, thì cần phải xem ông ta sẽ còn đề ra mục tiêu nào cho lần lựa chọn tiếp, nghĩa là cho tới năm 1972 và năm 1973, khi phần lớn quân đội Mỹ đã rời khỏi miền Nam Việt Nam.

Jean Claude Pomonti, *Les Sud-vietnamiens quittent le Bas Laos plus rapidement que prévu* (Quân Nam Việt Nam rút khỏi Hạ Lào trước thời hạn), Báo Le Monde (Thế giới), ngày 23 tháng 3 năm 1971.

Sự hợp nhất của hai lĩnh vực khác nhau trong quân đội các nước phương Tây

Mùa hè năm 1945, tướng Giáp được xem như một sĩ quan cao cấp, với trình độ đại úy, có nghĩa vụ thực hiện công việc của một đại tướng. Cùng lúc ấy trình độ chính trị và trọng trách của ông vượt khá xa trình độ chính trị và trách nhiệm của một đại tướng. Như vậy, những năng lực của ông đối với kiểu chiến tranh mà ông đang tiến hành đã đạt tới trình độ cao hơn hẳn công việc mà người ta ngầm hiểu thường được ông nhắc đi nhắc lại rằng ông đã từng là một cựu giáo viên...

Trong tất cả các bài học có thể rút ra về cuộc đời của con người ấy, bài học có ý nghĩa nhất hẳn là sự hợp nhất hai lĩnh vực khác nhau trong lúc xã hội thường tách biệt chúng ra. Sự tách biệt chính trị với quân sự là đặc điểm chủ yếu của một hệ thống chính phủ tự do, nhưng khi có một chính quyền như vậy phái các quân nhân của mình đi đánh một đối thủ như tướng Giáp thì rõ ràng những người lính ấy sẽ chuyển sang hành động với trở ngại ban đầu đến mức có ít kẻ sống sót lâu dài.

Robert O'Neil, *General Giap: Politican and strategist* (Tướng Giáp: nhà chính trị và nhà chiến lược), Cassell Melbourne, 1969.

Những bức chân dung sống động

Cuộc gặp gỡ giữa Võ Nguyên Giáp và Pontich tại Chợ Rã tháng 3 năm 1945

Ngay sau khi Nhật đảo chính Pháp vào ngày 9 tháng 3 năm 1945, Pierre de Pontich - Giám binh Khố xanh tỉnh Bắc Kạn, người chỉ huy những cuộc hành quân cảnh sát chống lại Việt Minh tại vùng thượng du Bắc Kỳ trong bốn năm gần đây - đã quyết định tổ chức đánh du kích chống Nhật. Vì vậy, ông ta đã bắt liên lạc với Võ Nguyên Giáp.

Ngày 21 tháng 3, hai phái viên của Võ Nguyên Giáp đến gặp Pontich, mang theo một thông báo gửi đến các nhà chức trách Pháp với mục đích kêu gọi cộng tác "chống Nhật để bảo vệ uy tín và quyền lợi của Pháp ở Đông Dương".

Hai ngày sau, đồng chí Văn đến Chợ Rã. Ông tự giới thiệu là đại biểu của Việt Minh tại năm tỉnh vùng thượng du[1], đến gặp để bàn chuyện liên minh với Pháp cùng nhau chống Nhật.

[1] Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Bắc Cạn và Thái Nguyên (TG).

Sau khi giới thiệu với đoàn tùy tùng khoảng 40 nam nữ[2] du kích được trang bị vũ khí không thống nhất, đáng kể chỉ có một tiểu liên Thomson và ba khẩu súng ngắn giống vũ khí của Mỹ, người sĩ quan Pháp quê ở tỉnh Catalogne (Tây Ban Nha) hội đàm tay đôi với Giáp.

[2] Chia thành 7 nhóm, chuyên thủ tiêu các chức dịch phản động ở địa phương (TG).

Ngay từ đầu, người đàn ông nhỏ bé với cái nhìn sắc nét chỉ bàn đến cuộc kháng chiến chống Nhật, tránh không đề cập đến các vấn đề chính trị. Bàn đến việc trao đổi vũ khí, hai bên nhất trí đổi 165 khẩu súng trường Remington và 40 khẩu súng musqueton và chấm dứt việc đàn áp phong trào, không tập trung cải tạo những người yêu nước chống Nhật. Võ Nguyên Giáp cam kết cung cấp quân trinh sát và thông tin cho Pontich. Ông Giáp còn tuyên bố không yêu cầu phía Pháp viện trợ về tiền bạc. Quả thật đó là một sự vô tư gây hoang mang cho giới quân sự... Nhưng Võ Nguyên Giáp yêu cầu cung cấp súng lục và lựu đạn. Buổi làm việc không thành công, Võ Nguyên

Giáp quyết định soạn một lá thư dài yêu cầu được gặp đại tá Seguin[3] để bàn việc ký kết một thỏa ước về liên minh quân sự.

[3] Đại tá Seguin, người chỉ huy cánh quân sông Lô (TG).

Ra ngoài, Võ Nguyên Giáp và viên đội khố xanh người Pháp đi tản bộ trên con đường chính của thị trấn và đi ra chợ...

- Thật vui khi tôi có thể công khai nói về sự nghiệp giải phóng của đất nước chúng tôi - ông Giáp, cười rạng rỡ, nói tiếp - và vấn đề này đã giành được sự thông cảm của một người vốn là kẻ thù cũ. Từ lâu ông đi theo chúng tôi rồi phải không? Thật là vui...

Và ông cười. Bỗng nhiên, ông sa sầm nét mặt...

- Ông đã bắt Tan, cựu chức dịch trong làng... một quan lại cũ phải không?

- Rồi. Hắn đang tìm cách tập hợp những phần tử thân Nhật để chống lại chúng tôi...

- Tôi biết. Ông đã làm gì chúng?...

- Bắn bỏ. Việc này sẽ đánh dấu sự thỏa thuận của chúng ta trong hành động chung chống Nhật, để ai cũng nhìn thấy...

Một lúc sau, trong đội thi hành lệnh xử bắn có sáu người: ba lính khố xanh của Pontich và ba nữ du kích trong đội đi cùng với đồng chí Văn - đã được tập hợp trên một bãi cỏ rộng trong làng. Viên quan ngã xuống, bị bắn vào người...

- Từ nay chúng ta gọi nhau một cách thân mật nhé2[4], đồng chí Văn nói với Pontich, dù vẫn còn 48 giờ để chuyển sang vấn đề khác...

[4] Nguyên văn gọi nhau bằng mày tao: tutoyons-nous (ND).

Dù vẫn còn 48 tiếng để thảo luận và đi đi lại lại trong làng, nhưng thực tế Văn chỉ nóng lòng chờ đợi việc thay thế sự chấp thuận lời nói bằng một văn bản chính thức được đại tá ký.

- Tôi có mối liên kết chặt chẽ với những người Hoa Kỳ tại Trung Quốc... - ông nói. Bất chấp các mạng lưới của Pháp và Nhật Bản nhưng tôi đã đưa được nhiều phi công quân Đồng minh bị bắn rơi vượt biên giới.

Ông ta tin chắc chắn vào cuộc đổ bộ của Hoa Kỳ sắp xảy ra đến nơi rồi - và rõ ràng là ông lo ngại mình bị vượt mặt. Chiến thắng của phe Đồng minh diễn ra quá nhanh không cho ông chút thời gian nào để củng cố sự du nhập chính trị của mình một cách vững chắc. Và có thể ông muốn đề cao một sự chấp thuận với Pháp. Và đó là cuộc chiến đấu chống Nhật...

- Ông có biết trung úy Tudy Bernier và ba hạ sĩ quan Pháp của Nguyễn Bình đã thoát khỏi cuộc tàn sát và đang lôi kéo một trong những lực lượng đặc nhiệm của tôi...

- Tôi biết.

- Họ chỉ mong trả thù, "cãi cọ đấm đá nhau" - như ông, - nhưng nên thận trọng. Và tôi sẽ ngăn cản họ... Tôi không muốn họ rời khỏi hàng ngũ chúng tôi...

Viên sĩ quan Pháp quê xứ Catalogne hiểu điều này. Hiện có một sự thỏa thuận ngầm giữa Việt Minh và Nhật. Một mặt Việt Minh không có những đội quân du kích có khả năng gây nên một cao trào chống Nhật và vẫn phải chịu sự trả thù tàn khốc của Nhật. Mặt khác, không có những hành động dự phòng để chống lại một đối thủ quá ư thận trọng và chỉ biết nói suông.

Vì thế, chỉ những hoạt động chính trị mới làm cho đồng chí Văn hứng thú. Pontich trách ông đã thiêu hủy những tài liệu lưu trữ, con dấu của những người có địa vị, văn bằng của Pháp, những chức vụ,

những cấp bậc, huân, huy chương... Tuy nhiên, ông không quá nhấn mạnh bởi vì người khác biết rằng ông cung cấp, trong mọi trường hợp, những bản sao hợp pháp của những văn bản đã bị thiêu hủy.

Cuối cùng, hai người đàn ông chia tay nhau, cả hai đều làm hài lòng lẫn nhau, đó là minh chứng của một tình bạn bền chặt mãi mãi.

Tướng J. J. Fonde, *"Giáp và vùng du kích Chợ Rã"*, Tạp chí *Lịch sử quân sự* - 1976, số 2

Nhà chính khách (tháng 2 năm 1946)

Tôi đã thoáng thấy ông ngày hôm trước khi ông kêu gọi 20.000 đồng bào của mình, bằng những lời lẽ đầy nhiệt huyết, phải chấp nhận chiến đấu hi sinh.

Và đây, ông thong thả bước vào phòng, người mảnh khảnh, hơi gù. Một nụ cười gần như rụt rè trên khuôn mặt sáng sủa tròn trĩnh với gò má cao và cặp môi dày. Vầng trán rộng hơi hớt ra phía sau, mái tóc cũng hất về phía sau, đôi mắt cương quyết nhưng dịu dàng, giọng nói gần như hát; những câu nói có âm sắc đem đến một khía cạnh mới, dằn từng tiếng một thể hiện một tư duy rõ ràng, dứt khoát...

Ông còn trẻ, lịch sự, lập luận chính xác. Nhưng cặp mắt tỏ ra chăm chú nghe tôi nêu những câu hỏi, người ta thấy ông có một ước mơ cháy bỏng và luôn theo đuổi ước mơ ấy.

Ngay lập tức tôi chợt nảy ra ý muốn hỏi ông về cuộc hội kiến mới đây giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và ông Jean Sainteny: "Có phải nhân danh chính phủ Việt Nam mà Hồ Chủ tịch đã tiếp phái viên của Chính phủ Pháp?"

Khuôn mặt ông rất nhạy cảm, tỏ ra tiếp nhận những câu hỏi đó, đôi mắt lim dim... như của một chuyên gia về rượu vang đang nếm thử rượu...

"Chủ tịch của chúng tôi tiếp tất cả những ai đến thăm. Tôi nghĩ có thể nói với ông rằng trong trường hợp ấy chính "Ông (Monsieur) Hồ Chí Minh đã tiếp ông Sainteny."" Chữ "s" trong từ "Monsieur" được nhấn rất mạnh. Nhưng giọng thì khá tinh tế và ngọt ngào dường như đang muốn chờ đợi điều gì đó.

"Ông có tin rằng việc nước Pháp quay trở lại Bắc Kỳ mà tôi không dám hỏi - liệu ông có chấp thuận việc đó không, sẽ được tiến hành mà không đổ máu?"

Đôi mắt khép lại một lần nữa. Và bỗng nhiên: "Hãy tin rằng chúng tôi sẽ làm tất cả để tránh khỏi thảm họa này."

Thời gian trôi đi... Ông nhìn về cõi xa xăm, nhìn bức tranh thủy mạc treo trên tường trước mắt ông. "Nhưng nếu chúng ta không thể thỏa hiệp những điều kiện mà tôi có thể tóm tắt trong hai từ: độc lập và liên minh, không được chấp nhận, nếu nước Pháp khá là... cho phép tôi được nói từ này chứ?" "Xin mời ông...". Nụ cười nở trên khuôn mặt ông. Tôi nghĩ đó là một mũi tên tẩm thuốc độc... "Nếu nước Pháp có hơi... thiển cận để gây xung đột, các ông nên biết rằng chúng tôi sẽ chiến đấu cho đến người cuối cùng." Và tôi biết rất rõ đến một ngày nào đấy, giọng nói nhỏ nhẹ này có thể đưa đến những quyết định thay đổi số phận cả một dân tộc.

“Thưa ngài Bộ trưởng, Ngài có tính đến việc tham gia vào một chính phủ muốn hợp tác với chính phủ Pháp?”

Ông ta liếc nhìn tôi, và có chút gì đó ngạc nhiên...

“Sự có mặt của tôi chẳng quan trọng gì lắm đối với chính phủ. Chỉ đơn giản là cuộc trò chuyện của chúng ta về đường lối chính trị và đối với điều này tôi có một niềm tin sâu sắc vào Chủ tịch của chúng tôi. Vả lại, những người tham gia chính phủ chỉ quan trọng ở chỗ họ thể hiện ý chí của nhân dân và ông biết đấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh của chúng tôi đã được tuyệt đại đa số nhân dân tín nhiệm như thế nào. Riêng tôi - ông ngừng nói trong giây lát - bản thân tôi - ông tạm nghỉ: ngập ngừng nhớ lại một thành công của cá nhân hay ao ước để tận hưởng nó tốt hơn?... Bản thân tôi đã giành được 97% số phiếu...” Ông nhìn tôi, và có thể bản thân ông cũng cảm thấy một số tiền lệ đã giảm tầm quan trọng của lý lẽ này.

Lúc này, chúng tôi không nhấn mạnh, mà chỉ nói về chủ nghĩa Mác và chế độ dân chủ, chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa quốc gia; ông ấy trả lời tôi một cách khéo léo rằng cái này là con đường của cái kia. Ông không tỏ ra khó chịu vì có thể trong đó có điều gì trái lệ thường.

Và chúng tôi nói về lịch sử, về vận mệnh của nước Pháp.

“Nước Pháp vĩ đại vì có một lịch sử vĩ đại - ông nói - và tôi không tin rằng vai trò và ảnh hưởng của nước Pháp trên thế giới lại có thể bị thu hẹp trong tương lai. Vị trí của nó luôn luôn vững mạnh...” Im lặng. Đôi mắt nhè nhẹ khép lại, người đàn ông nhỏ bé với chiếc veston màu xanh da trời đang tìm những từ thích hợp để trả lòi.

“Nhưng nước Pháp vĩ đại còn tồn tại mãi, nhưng từ bây giờ nước Pháp phải duy trì những nguyên tắc vĩ đại mà nước Pháp đã gieo rắc khắp nơi trên thế giới.”

Nước trà trong chén đang nguội dần. Trong tất cả những câu nói của ông, đâu là sự mỉa mai chua chát, đâu là niềm tin?

Ông Giáp luôn mỉm cười. Ông không muốn bộc lộ những mối oán thù nào hay muốn có liên minh nào?

Jean Lacouture, *Paris-Saigon*, số 6 - 27 tháng 2 năm 1946

In lại trong *Tradition et révolution au Viet Nam* (Truyền thống và cách mạng ở Việt Nam), công trình tập thể do J. Chesneaux và G. Boudarel, D. Hemery chủ biên, Anthropos, 1971.

Một sáng ở Sở chỉ huy Chiến dịch Điện Biên Phủ

Cục phó Cục Tác chiến nhẹ chân bước lên những bậc đánh bằng cuốc đã mòn vẹt trên sườn đồi Sở chỉ huy của Mặt trận. Người cán bộ đưa mắt nhìn về ngôi nhà tranh, đúng hơn là một túp lều mái và vách đều kết bằng cỏ gianh, của đồng chí Tổng tư lệnh. Đêm hôm qua, anh đã hai lần cho người đến báo cáo với Đại tướng tin tức về chiến trường đồng bằng và Liên khu V. Anh rất không muốn làm cái việc đánh thức đồng chí trong đêm khuya. Có lần, nhận được tin tới ban đêm, anh ra lệnh cho người chuyển đạt để nán lại hôm sau. Khi người chuyển đạt đến đưa tin, đồng chí hỏi ngay tin tới vào lúc nào, và lần đó anh bị phê bình.

Đại tướng đã quy định rất nghiêm ngặt, phải báo cáo mọi tin tức mới có liên quan đến việc chiến đấu ngay sau khi nhận được. Nhiều đêm, người cán bộ chuyển đạt đứng ngập ngừng bên chiếc màn tuyn cũ, không biết có nên đánh thức đồng chí vì một cái tin mà anh cho là không lấy gì làm quan trọng hay không... Cuối cùng anh vẫn phải đánh thức. Nhiều lần anh thấy đồng chí choàng thức dậy, nghe anh báo cáo xong không hỏi lại, chỉ nói nhẹ nhàng: "Được rồi". Rõ ràng, điều anh mang đến không làm đồng chí phải quan tâm. Anh biết khi mình đi khỏi, đồng chí khó mà tìm lại ngay được giấc ngủ ngon đã bị mất. Nhưng chẳng bao giờ anh thấy đồng chí tỏ vẻ khó chịu vì bị thức giấc bởi cái tin không quan trọng của mình.

Cục phó đoán sớm nay chắc đồng chí ngủ muộn. Trời còn rất sớm. Anh định tiếp tục nhè nhẹ lê đôi dép cao su đến đầu hồi nhà, rồi rẽ vào căn hầm tác chiến. Nhưng từ trong căn lều cỏ vẳng ra những tiếng nói miền Trung âm ấm:

- Đồng chí Thịnh, vào đây đã!

Đại tướng đã ngồi trước chiếc bàn tre, trên cái ghế dài làm bằng những thanh vầu bổ đôi ghép lại. Thoáng nhìn, người cán bộ nhận ra ngay đồng chí đang tính toán, suy nghĩ điều gì đó. Bao công việc anh đang sắp xếp để làm khi vào phòng tác chiến vụt biến đi nhường chỗ cho một câu hỏi lớn: "Không biết đồng chí sẽ hỏi mình vấn đề gì?".

Anh nhẹ nhàng lách mình vào cạnh chiếc bàn, ngồi xuống ghế chờ đợi.

Đại tướng hỏi:

- Đồng chí hẹn đồng chí Đông mấy giờ lên gặp tôi?

- Báo cáo anh, tám giờ sáng nay.

- Tối hôm qua, đã kiểm tra lại bọn tù binh về cái hầm ngầm chưa? Cục phó bắt đầu yên tâm hơn. Anh đã biết đồng chí cần hỏi mình vấn đề gì. Và chuyện này anh đã nắm được.

- Tôi đã lần lượt hỏi lại từng đứa, chúng đều khai như vậy.

- Chúng nó nói cái hầm này không phải là một hầm tổ chức để chiến đấu à?

- Vâng.

- Về kích thước chúng nó có nói giống như bác thợ nề không?

- Chúng nói tương tự như vậy.

- Tương tự là thế nào? Chúng nói tường xây mấy hàng gạch?

Cục phó hơi lúng túng. Sau trận đánh A1, Đại tướng rất quan tâm đến cái hầm ngầm khiến cho đơn vị đánh quả đồi này không hoàn thành nhiệm vụ. Cơ quan quân báo đã bắt tù binh ở đồn này lên khai thác. Chúng đều nói: Đây là hai căn hầm xây bằng gạch khá dày dặn giống như những căn hầm để rượu, trên có đổ đất cao đủ sức chịu đựng loại pháo 155 ly. Những căn hầm này chỉ là một loại công sự để trú ẩn

khi bị đại bác bắn, chứ không phải là loại hầm ngầm cấu trúc để chiến đấu. Lời khai của chúng khớp với lời nói của nhân dân địa phương. Trước cách mạng, tụi Pháp xây trên đỉnh quả đồi này những căn hầm để giam giữ những người hoạt động chính trị. Hồi Nhật ở đây, chúng củng cố thêm để chống máy bay Mỹ. Ngày nay, Pháp trở lại đã tiếp tục lợi dụng những căn hầm này. Nhưng Đại tướng vẫn chưa tin hẳn, vì căn cứ vào những người đã chiến đấu ở A1, thì đó là một chiếc hầm ngầm kiên cố, có tổ chức chiến đấu hẳn hoi. Đồng chí bắt đi tìm bằng được những người thợ nề ở địa phương chính tay đặt những viên gạch xây những căn hầm. Người thợ nề đã dựng hẳn mô hình của chiếc hầm cho đồng chí xem. Hôm qua, tư lệnh đại đoàn Trường Sơn đề nghị đào một con đường hầm vào chân hầm ngầm, đưa thuốc bộc phá đặt bên dưới để bóc cả nó đi... Đại tướng lại bảo Cục phó Cục Tác chiến đi kiểm tra thêm một số tù binh nữa về kích thước căn hầm, chiều dày của các bức tường cùng cách tổ chức chiến đấu của nó.

Đồng chí mỉm cười. Cái cười của đồng chí rất tươi và hồn nhiên, cởi mở, khác hẳn với vừng trán rộng chứa đựng nhiều suy nghĩ.

- Như vậy có thể tạm coi hầm này không phải loại hầm cấu trúc theo kiểu chiến đấu?

- Vâng.

- Nhưng trong chiến đấu thì nó cũng nguy hiểm... nếu địch cứ tiếp tục tụt vào hầm, dùng pháo bắn lên mặt đồi để tiêu hao bộ binh ta khi xung phong, xong lại từ trong đó xông ra phản kích.

- Báo cáo anh, lần trước đánh chưa xong, theo ý kiến tôi, không phải hoàn toàn là vì chiếc hầm này, mà còn vì một số khó khăn khác nữa... Nếu lần này ta khắc phục được những khó khăn đó, thì với một căn hầm như thế, không phải bộ đội ta không có khả năng tiêu diệt.

- Ý kiến của công binh thế nào? Anh em nói có thể đào đường hầm vào đúng dưới căn hầm hay không?

- Báo cáo anh, tôi đã hỏi công binh, anh em nói cũng khó.

Đại tướng lộ vẻ suy nghĩ. Cục phó không nói gì thêm. Anh biết khi làm việc với đồng chí không nên vội vàng.

Hai người im lặng. Rồi Đại tướng lại hỏi:

- Ý kiến đồng chí như thế nào?

Chừng thấy người cán bộ còn phân vân, đồng chí nói ý kiến của mình trước:

- Như vậy thì... đúng là bộ đội ta có khả năng tiêu diệt cái hầm này. Nó không ghê gớm lắm. Lần trước, chưa hoàn thành nhiệm vụ vì còn gặp những khó khăn khác. Nhưng ta cần chú trọng đến đề nghị của những người trực tiếp chiến đấu ở đấy. Nên đồng ý với đề nghị của đơn vị và tìm mọi cách giúp đỡ họ thực hiện. Các đồng chí công binh không tin là có thể đào được đúng đến châm hầm phải không?

- Báo cáo anh, anh em nói như vậy.

- Cần giao nhiệm vụ cho công binh là phải tiến hành việc đào đường hầm. Phải động viên công binh

của Bộ xuống cùng công binh đại đoàn cố gắng khắc phục khó khăn để đào cho đúng đến chân hầm.

Im lặng một lát, đồng chí nói tiếp:

- Vạn nhất nếu không trúng hẳn, khi nổ có bị chệch đi đôi chút thì cũng vẫn có tác dụng giúp đơn vị hoàn thành nhiệm vụ. Trong khi đó, phải làm tốt mọi công tác chuẩn bị chiến đấu khác, đặc biệt là việc đào trận địa cho đúng tiêu chuẩn kích thước. Phải cắt rời nó ra khỏi trung tâm mà tiêu diệt.

Cục phó cảm thấy đầu óc mình nhẹ nhàng hẳn đi. Anh nói:

- Vâng. Chúng tôi sẽ trực tiếp động viên các cán bộ công binh.

- Đúng! Trước khi họ đi xuống đơn vị, bảo họ lên gặp tôi.

Người cần vụ mang lên một ca cháo nóng còn đang bốc hơi. Cục phó định đứng dậy, Đại tướng nói:

- Hãy ngồi lại đây đã.

Đồng chí quay đầu ra ngoài, bảo người cần vụ:

- Đồng chí cho mượn thêm cái bát nữa!

Người cần vụ đi vào, nhấc chiếc bát sắt cài trên vách liếp đưa lại.

Đồng chí sẻ ca cháo làm đôi.

- Ngồi đây, ăn cháo đã.

Cục phó định từ chối để ra về thì đồng chí nói tiếp:

- Đồng chí hẹn đồng chí Đông tám giờ phải không? Còn có thời gian, ta trao đổi thêm vài chuyện.

Cục phó ngồi lại, tay cầm chiếc thìa nhưng anh hầu như quên cả bát cháo để trước mặt. Anh đã làm việc nhiều năm gần Đại tướng nên anh thuộc cách làm việc của đồng chí. Bộ óc của đồng chí không khi nào chịu ngừng suy nghĩ. Nhiều việc đã thành mệnh lệnh, chỉ thị, kế hoạch gửi xuống dưới rồi, chừng nào việc chưa xong, đồng chí vẫn tiếp tục tính toán, cân nhắc. Cách suy nghĩ của đồng chí là luôn luôn lật đi lật lại vấn đề, tìm ra những mâu thuẫn, những mắc míu, những tình huống khó khăn nhất không nhất thiết sẽ xảy ra..., và tính cách giải quyết. Một thói quen của đồng chí là làm cho những người ở chung quanh cùng suy nghĩ với mình. Những cán bộ ở gần đồng chí hay nhận được những câu hỏi bất chợt. Đại tướng rất chú ý nghe ý kiến của họ, nhất là khi họ nói những điều trái ngược với mình. Đồng chí thích nghe cả những thắc mắc, những câu hỏi của họ, vì hình như đồng chí muốn lấy việc giải đáp những điều đó để hoàn chỉnh thêm ý kiến của mình. Đồng chí thích làm việc theo cách thảo luận. Đồng chí không bằng lòng trong trường hợp nhận thấy cán bộ của mình ít suy nghĩ. Cán bộ thích gần đồng chí, vì với cách làm việc của đồng chí, họ luôn luôn được bồi dưỡng. Nhưng mặt khác, cách làm việc này đôi lúc cũng khiến họ ngại, vì nó bắt họ phải luôn luôn động não, và thường thường là một sự động não rất kịch liệt.

Đại tướng húp một thìa cháo xong, ngước mắt nhìn người cán bộ và giục anh:

- Ăn đi cho nóng!

Cục phó chạm nhẹ cái thìa vào chiếc bát sắt, xúc một thìa cháo. Bộ mặt của anh lúc này có những nét giống như bộ mặt của một người trinh sát tập trung nghe tiếng động trong đêm khuya.

- Gần đây các đồng chí khai thác bọn tù binh có nhận thấy chúng có thái độ gì đáng chú ý không? Đại tướng lại hỏi.

Cục phó cảm thấy mình chưa nắm chắc được câu hỏi của cấp trên...

Đại tướng gác chiếc thìa trên ca cháo, rồi nói tiếp:

- Có một viên tướng... khi đánh nhau hắn có một thói quen là luôn luôn đặt một chiếc ảnh mới nhất của viên chỉ huy quân đội đối phương ở trước mặt. Có lẽ đây không phải là một thích thú riêng hay một trò chơi vô ích. Hắn muốn qua chiếc ảnh đó phán đoán một phần tâm trạng địch thủ của mình để định chủ trương tác chiến... Ta không nên chỉ tìm hiểu tâm lý kẻ địch qua những tấm ảnh. Trong chiến đấu, cần phải theo dõi thật sát, thật tỉ mỉ những diễn biến tư tưởng của kẻ địch. Có một cách tốt là nên chú ý đến bọn tù binh. Tìm hiểu chúng qua một tên thì khó thấy, nhưng qua nhiều tên, chắc sẽ rút ra được một vấn đề, một đặc điểm gì của địch trong từng thời kỳ... Ý tôi định hỏi là như vậy.

- Xin phép anh suy nghĩ một chút đã.

- Tôi nói cho rõ thêm. Đồng chí thử xem ở đây hiện nay, thằng địch còn có thể làm gì...? Đã tính khá nhiều chuyện rồi. Nó sẽ tăng cường thêm quân để cố thủ. Điều đó tính rồi. Nó có thể ném thêm quân xuống Điện Biên, nhưng không thể là nhiều lắm. Navare còn bao nhiêu tiểu đoàn dự trữ trong tay, ta nắm được rồi. Nó sẽ nhảy dù ở phía sau để đánh vào lưng ta, cắt rời chúng ta ở đây với hậu phương. Điều đó cũng có thể. Nhưng làm việc này, địch lại vấp phải khó khăn về quân số. Nó có thể rút sang Lào...? Điều này cũng tính rồi. Địch ra khỏi công sự, ta sẽ có điều kiện tiêu diệt chúng dễ dàng hơn và sớm hơn. Vậy thì còn điều gì nữa?... Các đồng chí có đem vấn đề này ra hỏi bọn tù binh xem chúng nói sao không? Các đồng chí thử đặt mình vào địa vị của chúng xem chúng có thể làm gì nữa?

Đại tướng ngừng nói, thong thả tiếp tục ăn cháo. Đồng chí đã nhìn thấy sự tập trung suy nghĩ cao độ qua cặp mắt linh lợi của người cán bộ. Đồng chí vốn rất coi trọng những giờ phút suy nghĩ đó.

Một loạt những tên tù binh, những lời khai của chúng, sắc thái của chúng lần lượt hiện ra rất nhanh trong óc đồng chí Cục phó... Anh đã nhận thấy có một điều nên nói.

- Báo cáo anh, gần đây, đôi lần tôi nghe bọn chúng nói chuyện sẽ có một cuộc ném bom lớn vào chung quanh Điện Biên Phủ. Không biết chúng có định làm gì khác nữa không... chứ còn ném bom thì ngày nào chúng chả làm. Chúng có từ thứ bom nào chúng hiện có mà không đem trút xuống đây đâu?

Đại tướng ngồi nghe chăm chú. Rồi đồng chí hỏi:

- Có nhiều đứa nói đến chuyện đó không? Khi các đồng chí hỏi chúng thì chúng nói hay tự nhiên chúng nói ra?

- Một hai đứa tự ý nói ra. Một hai đứa khác thì ta hỏi biết chuyện đó không, chúng trả lời có nghe nói một chuyện như vậy.

Đại tướng gật gù rồi lẩm bẩm: "Chuyến này có liên quan đến âm mưu của Mỹ đây...". Hình như đồng chí định nói gì nữa nhưng lại thôi.

Đồng chí quay đầu lơ đãng nhìn ra cửa sổ. Sau những hàng cây cao vút của quả đồi này là một sườn núi, dải sương trắng buổi sớm đang vén dần lên để lộ dần ra rừng cây rậm rịt.

Hữu Mai, trích *Cao điểm cuối cùng*

"Tướng chính trị" đối mặt với Hoa Kỳ

Ông người mập, tròn, tươi cười, nhã nhặn, tự tin. Tại Hà Nội, trong phòng làm việc của mình, ông theo dõi các trận đánh ở miền Nam như đang chỉ đạo từ một hầm ngầm trong rừng rậm. Ông đã "làm nên" một Điện Biên Phủ chấn động địa cầu. Ông luôn luôn tin chắc sẽ chiến thắng đế quốc Mỹ (Hung nô của thế kỷ XX như ông nói). Ông dằn giọng tỏ vẻ giận dữ khi nói lên nhận định của mình về kẻ thù. Ông nói thạo tiếng Pháp và mỗi một từ ông thốt ra như một viên đạn. Ông là Võ Nguyên Giáp, Ủy viên Bộ Chính trị của Đảng Lao động Việt Nam, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Quốc phòng, Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam. Giữa hai câu nói của Phạm Văn Đồng (Thủ tướng), khách đến thăm được uống trà hay ăn bánh ngọt. Với ông Giáp, "ăn uống" không là vấn đề quan trọng. Giống như ông phải vừa chạy trên đường đua vừa ghi chép những vấn đề đưa ra hội nghị. Khi tôi gặp ông cuối năm 1966, tôi vừa gặp Westmoreland tại Sài Gòn; hai vị tướng, hai ý thức hệ và nhất là một bên là một người nước ngoài, ít hiểu biết về Việt Nam và bên kia là một người Việt Nam ở nhà mình.

Tướng Giáp nói như mọi người Việt Nam đã nói, nhưng có điểm khác là ông lại là một nhà sử học, hơn nữa ông đã dạy môn Lịch sử.

Vị tướng quân sự nổi tiếng này, có thể mọi người chưa tin, còn là một nhà chính trị lão luyện. Cách mạng tháng Tám 1945 đã đào tạo ông trở thành Bộ trưởng Nội vụ.

Trong các cuộc thương lượng của Hồ Chí Minh với người Pháp - kết thúc bằng cuộc chiến tranh như mọi người đã biết - ông luôn đặt lên hàng đầu tinh thần hòa giải. Paris đã từ chối nhượng bộ. Với tư cách là Bộ trưởng Quốc phòng, Tổng chỉ huy, tướng Giáp đã chỉ huy cuộc kháng chiến. Hồi đó, ông biết những nguyên tắc chiến thuật của Mao nhưng ông đã hoàn chỉnh cuộc chiến tranh toàn dân của mình, đã biết phối hợp trong đông đảo quần chúng nông dân những hoạt động chính trị, hoạt động du kích của bộ đội địa phương, bộ đội chủ lực của từng khu và liên khu với chủ lực của Bộ. Cũng như các đồng chí của ông (Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng và nhiều người khác nữa), ông biết trong cuộc chiến tranh lâu dài cần động viên mọi lực lượng của dân tộc "trong một quá trình liên tục, giáo dục và tổ chức đông đảo quần chúng". Ông cũng biết rằng dù những hố chông thô sơ đào trong rừng sâu đều hữu hiệu, nhưng cũng phải học tập để biết sử dụng những phương tiện chiến đấu hiện đại. Điện Biên Phủ là một minh họa của sự kết hợp hiện đại với thô sơ có sự tham gia của binh sĩ và quần chúng nông dân. Cũng phải kể đến chiến thắng của Nhật Bản ở cảng Lữ Thuận đối với hạm đội Nga năm 1905, thất bại đầu tiên của thế giới phương Tây tại chiến trường châu Á.

Cuối những năm 1950, Võ Nguyên Giáp trở lại vị trí chỉ huy quân đội khi cuộc chiến ở miền Nam bắt

đầu. Là tướng miền Bắc, nhưng cũng là người Việt Nam, năm 1964 tướng Giáp công bố một công trình nghiên cứu nhan đề "Nhân dân Nam Việt Nam sẽ thắng lợi". Mười năm sau Hiệp nghị Genève và trước khi Mỹ tiến hành leo thang ném bom và đánh phá miền Bắc, ông khẳng định: "Không một thế lực phản động nào trên thế giới ngày nay có thể ngăn cản 30 triệu người Việt Nam thực hiện nguyện vọng thiêng liêng của họ: xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh". Tướng Giáp cũng như các nhà lãnh đạo cộng sản khác trong nước luôn luôn dự kiến cho những tình huống xấu nhất, tích trữ vật tư chiến tranh nhiều hơn, chuẩn bị đối phó với sự xâm lược của phương Tây, việc phá hoại hoàn toàn đê điều, sử dụng bom nguyên tử. Trong những điều kiện ấy, những quyết định của Mỹ như phong tỏa đã được dự tính trước và những đòn giáng trả đã được đề ra. Chúng ta đã thấy, năm 1966, dân quân địa phương đã "bảo vệ" từng khu nhà ở Hải Phòng chống lại một kẻ thù, một ngày kia, có thể đổ bộ...

Để tiến hành kháng chiến, tướng Giáp đã nhận được sự viện trợ khổng lồ từ bên ngoài: xăng dầu, xe vận tải, đại bác, trọng pháo, tên lửa rốc ket, súng AK 47, hệ thống thông tin liên lạc. Ông đã biết vận dụng những kỹ thuật hiện đại đó thích hợp với cuộc đấu tranh do nông dân tiến hành, ít hiểu biết về điện tử, về máy bay. Chắc chắn ông đã phải tìm tòi, biết thích nghi, biết ứng biến, nhưng trước hết ông đã tham khảo truyền thống kinh nghiệm Việt Nam, không có gì là bí mật. Giữa cuộc chiến tranh đang diễn ra, những luận điểm của ông đã được trình bày, được giải thích hàng nghìn lần: tận dụng thời cơ, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang. Nếu quên rằng vị tướng lĩnh quân sự cũng là tướng lĩnh chính trị thì ta sẽ không hiểu gì về chiến lược của ông. Tướng Giáp không phải là chỉ huy một đội quân lớn phục tùng chính quyền mà là một người chịu trách nhiệm như bao nhiêu người khác ở cấp bậc của mình, tham gia mọi quyết định.

Ông cũng như những người khác và là một trong số họ, phục vụ một lý tưởng, một sự nghiệp.

Jacques Decorroy, Báo *Le Mond*e, 25 tháng 1 năm 1973
Chia sẽ ebook : http://downloadsachmienphi.com/
Tham gia cộng đồng chia sẽ sách : Fanpage : https://www.facebook.com/downloadsachfree
Cộng đồng Google :http://bit.ly/downloadsach

BẢNG TRA CỨU

Abrams (tướng Creighton) 145

Argenlieu (đô đốc Thierry d') 69, 62

Armbruster (Frank) 144

Auriol (Vincent) 88

Ấp Bắc 124

Ba Đình 187, 214

Ball (George) 144

Bảo Đại (Vĩnh Thụy) 61, 63, 71, 84, 88, 89, 96, 99, 104, 114

Bastiani (đại tá) 104, 188

Ba Tơ (khởi nghĩa) 57

Battet (đô đốc) 79

Bắc Sơn 38, 39, 41, 42 , 46, 48, 49, 220, 225, 226

Bidault (Georges) 106, 210

Bigeard (chỉ huy) 100, 190, 196, 207, 209

Bình Giã 128

Bình Xuyên 114

Blucher Gallen 191, 217

Blum (Léon) 80

Borodine 29, 217

Botella (chỉ huy) 196

Bréchignac (chỉ huy) 193

Bùi Phùng 173

Calley (trung úy) 148

Canac (André) 74

Cao Hồng Lãnh 223

Cao Văn Viên 180

Castries (đại tá) 106, 112, 186, 194, 196, 205, 211

Castro (Fidel) 45

Chaffard (Georges) 125

Charton (đại tá) 91, 93

Che Guevara 45

Chennault (tướng Claire) 59, 196, 210

Chu Ân Lai 37

Chu Đức 47

Chu Huy Mân 168, 169, 194

Chu Văn Tấn 48, 58, 226

Cogny (tướng) 103, 104, 186, 212

Constant (đại tá) 93

Courcy (tướng) 168

Crépin (đại tá) 78, 79

Dèbes (đại tá) 79

Decornoy (Jacques) 118

Decoux (đô đốc) 38, 40, 54

Devillers (Philippe) 73

Dulles (Foster) 106, 210

Dương Văn Minh 117, 123, 178, 180, 183

Đại Việt (đảng) 39, 53, 76

Đào Duy Từ 25

Đề Thám (Hoàng Hoa Thám) 49, 191

Điện Biên Phủ 33, 69, 91, 100, 104-106, 108, 138, 143, 191- 195, 203-213, 228, 242-244

Đinh Đức Thiện 159, 173

Đồng minh (hội) 53, 59, 68, 70, 71, 72, 75, 76

Đức Lập 161

Đường Hồ Chí Minh 146, 148, 149, 157, 159, 231

Eden (Anthony) 106, 115, 210

Eisenhower (Dwight) 228

Ellsberg (Daniel) 230

Ely (tướng Paul) 111, 210

Fall (Bernard) 100

Fedorov 218

Ford (Gerald) 147

Gallieni 100

Gandhi 43, 65

Garnier (Francis) 61

Gaucher (trung tá) 196

Gaulle (tướng Charles de) 69

G.C.M.A 105

Gilles (tướng) 193

Goldwater (Barry) 123

Guiraud (chỉ huy) 196

Hà Huy Tập 223

Hải Lục Phong 223

Hàm Nghi 26

Harkins (tướng Paul) 122, 125

Heinl (R.) 146

Hervouet (đại úy) 196

Hoàng Hoa Thám (xem mục Đề Thám)

Hoàng Minh Giám 31, 36

Hoàng Minh Thảo 197

Hoàng Quốc Việt 42

Hoàng Phố 36, 43, 217, 223

Hoàng Văn Hoan 41, 46, 224

Hoàng Văn Thái 23, 42, 54, 192, 197

Hoàng Văn Thụ 34, 219, 220, 221, 224, 225, 226

Hồ Chí Minh (Nguyễn Ái Quốc) 24, 27, 29, 33, 34, 36-49, 52-54, 59-61, 65, 66, 68, 70, 72-75, 79, 81, 86, 88, 118, 192, 217- 222, 224, 225, 235, 236, 244, Hudson (viện) 144

Huỳnh Tất Phát 117

Huỳnh Thúc Kháng 29, 66, 75

Hữu Mai 243

Illich (Ivan) 228

Joffre 191

Johnson (Lyndon B.) 147

Kahn (Herman) 144

Kennedy (Edward) 155

Kennedy (John F.) 122, 147, 148

Khải Định 27

Khe Sanh 141, 143

Khmers Issaraks 101

Kissinger (Henry) 150, 151, 175

Komintern 217

Lacouture (Jean) 236

Lalande (trung tá) 196

Langlais (đại tá) 190, 192-195, 206, 208, 211

Laniel (Joseph) 108

Lao Bảo (nhà tù) 30, 31

Lao Động (đảng) 95, 146, 192, 227, 243

Lattre de Tassigny (tướng) 82, 93, 95, 96, 125, 213

Leclerc (tướng) 55, 62, 69, 73, 74, 213

Leister (đại tá) 117

Lepage (đại tá) 91, 93

Lê Đức Anh 173

Lê Đức Thọ 32, 151, 168, 170, 173

Lê Hồng Phong 33, 34, 220, 222, 223

Lê Lợi 33, 49, 101

Lê Minh Đảo 176

Lê Ngọc Hiền 159

Lênin 175, 218, 219

Lê Duẩn 116, 168, 171, 178, 183

Lê Quang Đạo 32

Lê Quảng Ba 39, 41, 46, 194, 197

Lê Thanh Nghị 58

Lê Trọng Tấn 169, 197

Lê Thiết Hùng 48

Lê Văn Tỵ 116

Long (Maurice) 27

Lon Nol 149

Lư Hán 69, 70

M.A.A.G 111

MacGovern (George) 45, 106, 151

Malraux (André) 28

Manchester (William) 151

Mao Trạch Đông 37, 83, 218

Martin (Graham) 181

Marty (Louis) 31

Masson (đội trưởng Joseph) 215

Massu (tướng) 69

McNamara (Robert) 120, 125, 140, 144, 145, 146

McNaughton (John) 230

Mecquenem (chỉ huy) 196

Mendès-France (Pierre) 108, 115

Merlin (Martial) 27, 28

Morlière (tướng) 79

Moutet (Marius) 79, 80

Mỹ Lai - Sơn Mỹ 148

Nam Hồng 99, 139, 215, 216

Navarre (Tướng Henri) 101, 103, 104, 105, 186, 198, 212, 213

Nà Sản 100, 101, 103, 104, 194, 204

Neuberg 217

Nghệ Tĩnh (Xô viết) 26

Ngô Đình Diệm 117, 124, 126, 127

Ngô Đình Nhu 124

Ngô Gia Khảm 86

Nguyên Hồng 66

Nguyễn Ái Quốc (xem mục

Hồ Chí Minh) Nguyễn An Ninh 28

Nguyễn Cao Kỳ 153

Nguyễn Chí Thanh 58, 130

Nguyễn Hải Thần 46, 53, 72

Nguyễn Hữu Thọ 111

Nguyễn Lam 32

Nguyễn Quốc Trị 208

Nguyễn Sĩ Sách 31

Nguyễn Tất Thành (xem mục

Hồ Chí Minh)

Nguyễn Thành Trung 108

Nguyễn Thị Định 118

Nguyễn Thị Minh Khai 34, 221, 222

Nguyễn Thị Quang Thái 34, 221-223

Nguyễn Tường Tam 72, 74

Nguyễn Văn Cừ 42

Nguyễn Văn Linh 173, 174

Nguyễn Văn Thiệu 149, 150, 156, 160, 165, 169, 176-178

Nguyễn Văn Tố 65

Nguyễn Vỹ (xem mục

Phùng Chí Kiên)

Nixon (Richard) 145, 146, 148-152, 155, 157

O'Daniel (tướng John W.) 111, 209

O'Neil (Robert) 231

O.S.S 59, 219

Palme (Olof) 152

Pathet Lào 195

Patti 64

Phạm Cường 216

Phạm Hồng Thái 28

Phạm Hùng 168, 172, 173, 178

Phạm Ngọc Thạch 28, 54

Phạm Văn Đồng 33, 34, 41, 46, 47, 53, 67, 74, 106, 115, 151, 220, 225, 243, 244

Phạm Văn Phú 160, 161, 164, 166, 169

Phan Bội Châu 29

Phan Chu Trinh 29, 220, 221

Phan Đình Phùng 26, 49

Phan Kế Toại 61, 63

Phan Văn Trường 28

Phượng Hoàng (kế hoạch) 150, 174

Phú Lợi (nhà tù) 117

Phùng Chí Kiên (Nguyễn Vỹ) 36, 37, 39, 42, 43, 46, 48, 223-226

Phùng Thế Tài 172

Piroth (đại tá) 196, 206

Pirou (Gaetan) 32

Pleven (René) 112

Pomonti (Jean Claude) 231

Pontich (Pierre de) 55, 232, 233, 234

Radford (đô đốc Arthur) 89, 210

Reul (chỉ huy) 57

Revers (tướng) 89

Rheault (đại tá Robert) 148

Rivière (Henri) 61

Rolling Thunder (Sấm rền)128

Rostow (Water) 125

Sainteny (Jean) 72, 235

Sarraut (Albert) 27, 31

Seguin (đại tá) 57, 233

Shaw (trung úy) 59

Sihanouk 104, 149, 172

Sơn La (nhà tù) 57, 61, 226

Staley 121

Tạ Quang Bửu 84

Tân Trào 59, 60, 65

Tân Việt (đảng) 29, 30, 221

Tiêu Văn 53, 70

Thanh niên (đảng) 29, 30, 220, 223

Thích Quảng Đức 144

Thiện Thuật 21, 45, 49

Thimonnier (chỉ huy) 196

Thomas (chỉ huy) 196

Thu Sơn 17, 20, 21

Togliatti (Palmiro) 217

Toukhatchevski 217

Tourret (chỉ huy) 196

Tố Hữu 58

Tôn Tử 9, 218

Tôn Dật Tiên 30

Trân Châu Cảng 46

Trần Đại Nghĩa 86

Trần Đăng Ninh 33, 58, 205

Trần Hưng Đạo 49

Trần Phú 221

Trần Quốc Hoàn 81

Trần Quý Hai 195

Trần Trọng Kim 61

Trần Văn Hương 178, 180

Trần Văn Trà 118, 168, 169, 173, 176

Trinquier (đại tá Roger) 105

Trotski 175

Trương Bội Công 39

Trương Phát Khuê 38, 53, 54, 70

Trường Chinh 33, 42, 47, 58, 64, 68, 83, 84, 175, 221, 244

Tudy Bernier (trung tá) 234

Tully (Anderew) 228

Vadot (trung tá) 196

Vaillant (trung tá) 196

Vann (John Paul) 125

Vanuxem (tướng) 181

Varenne (Alexandre) 29

Vautour (hành quân) 106, 210

Vàng Pao 149

Văn Tiến Dũng 58, 60, 99, 154, 159, 160, 164-167, 169, 172, 173, 178, 180, 192

Việt Minh (mặt trận) 17, 21, 23, 24, 39, 42, 46, 47, 49, 51-53, 55, 57-59, 61-64, 69, 70, 77, 80, 84, 89, 91, 93, 95, 97, 100, 101, 105, 106, 191, 194, 195, 204-209, 212, 221, 225, 232, 234

Việt Nam Quốc dân Đảng (đảng) 30, 37, 53, 68, 70-72, 75, 76

Vĩnh Thụy (xem mục Bảo Đại) Võ Chí Công 118, 168

Vũ Cận 216

Vũ Hiển 197

Vũ Hồng Khanh 53, 72, 73

Vũng Tàu 125, 179

Vương Thừa Vũ 61, 64, 81, 108, 197

Watergate 149, 157

Westmoreland (tướng William) 125, 129, 143, 145, 220, 230, 243

Weyand (tướng) 171

Whampoa

White (Theodore) 228

Xuân Lộc 171, 176

Yên Bái (khởi nghĩa) 30

Zasloff (Josehp) 228